NAM PHONG
VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

# CÔNG NƯỚC PHÁP TRONG LỊCH-SỬ KHOA-HỌC

*Ông giáo* F. CHALLAYE *dạy khoa triết-học ở trường Trung-học* Charlemagne *thành Paris, hồi chiến-tranh có sang du-lịch bên Nhật-bản. Nhân các ông giáo Nhật ở trường Đại-Học thành Tokyo (Đông-kinh) có mời ông diễn-thuyết, ông giảng một bài về « Công nước Pháp trong lịch-sử khoa-học », bài ấy vắn-tắt mà sức-tích, lời ít mà ý nhiều, đủ tóm-lược cái công-nghiệp của các bậc danh-nhân nước Pháp trong các khoa-học cận-đại : triết-học, y-học, lý-hóa-học, xã-hội-học, v. v. Xin dịch-thuật ra quốc-văn như sau này để cống-hiến các bạn đọc báo.*

* *

Tôi là người nước Pháp, có lòng yêu-mến nước Nhật-bản đã lâu, lại là một chân giáo-viên ở bên Pháp, nay tới kinh-đô quí-quốc đây, ở giữa trường Đại-Học Đông-kinh này, được giãi-bày mấy cái ý-kiến về nước Pháp tôi đối với khoa-học thế nào, về cái công của nước Pháp tôi đã giúp cho sự học trong nhân-loại thế nào, thật lấy làm vinh-hạnh cho tôi lắm. Vậy tôi xin cảm-ơn các quí-quan trường Đại-Học đã cho tôi được cái dịp diễn-thuyết ở đây.

Cái đầu-bài tôi định bàn-giải với các ngài đây là nhân tôi đọc thấy mấy bài trong tân-văn tạp-chí của quí-quốc mà nghĩ ra. Tôi thấy nhiều nhà trước-thuật quí-quốc muốn lấy bụng công-bằng mà biết công cho nước Đức, — bụng công-bằng ấy là đáng quí lắm, dù vì bụng ấy mà xét-đoán sai-lầm cũng không phải là không đáng quí, — nên thường thấy viết trong các báo rằng nước Nhật-bản tuy có giao-chiến với Đức-Áo thật, nhưng cũng không nên vì đó mà không công-nhận những sự tài-giỏi của người Đức ; trong những sự tài-giỏi ấy thời có cái giỏi hơn người về đường khoa-học. Có người nói rằng : « Phải chịu rằng khoa-học là công của người Đức ». Người khác thời không nói chung như thế, mà nói riêng về một khoa-học nào hay là một nghệ-thuật nào, như nói rằng : « Nghề học thuốc là công của người Đức », v. v.

Những lời quyết-đoán như thế, giá-trị thế nào ?

Tôi cho những lời quyết-đoán ấy là sai-lầm, không đúng, nhưng mà muốn phản-đối những lời ấy mà lại nói ngược lại rằng tư-tưởng học-thuật của nước Đức không ra gì cả, thời cũng là không phải. Các ngài cho phép tôi kể một việc riêng như sau này. Hồi tôi đã tốt-nghiệp ở trường Cao-đẳng Sư-phạm Paris và ở trường Đại-Học Sorbonne ra, tôi có sang du-học bên Đức, làm bằng-thính-học-sinh ở trường Đại-Học Berlin (là kinh-đô nước Đức). Những cái hay cái giỏi của người Đức tôi đã biết và trước sau tôi vẫn sẵn lòng công-nhận. Mới

rồi, tôi có đi tòng-quân, tiểu-đội của tôi đóng ở hàng hầm-hố bên này, cách giẫy hầm-hố bên kia của Đức có vài mươi thước; có khi cao-hứng tôi thường ngâm mấy điệu trong bài đàn *Walkyrie* hay bài *Siegfried* của nhà danh-nhạc RICHARD WAGNER; lại cũng có khi cao-đàm, cùng với bọn chiến-tù Đức, nghị-luận về văn-chương ông GŒTHE hay thi-ca ông HEINE. Tôi dám quyết rằng những khi cao-đàm cao-hứng ấy là tự-nhiên, chớ không phải kiểu-sức gì.

Dù đối với một dân đã phạm nhiều điều ác, ta xét-đoán cũng phải cho công-bằng. Ta phải công-nhận rằng nước Đức đã sản được mấy tay đại-triết-học, mấy tay triết-học thật là cao-siêu vĩ-đại, như bọn ông LEIBNITZ, ông KANT, ông SCHOPENHAUER, ông NIETZSCHE. Nước Đức lại được nhiều tay khoa-học đại-tài, từ ông KÉPLER đời trước cho đến ông HELMHOLTZ gần đây. Ta phải công-nhận rằng nước Đức nhiều khi khéo biết cải-lương biến-bảo những phép thí-nghiệm nghiên-cứu của các nước khác chế-tạo ra, lại biết khéo ứng-dụng những sự phát-minh của các nhà khoa-học trong thế-giới. Nhưng mà thành-thực mà công-nhận như thế, với cả-quyết mà nói rằng cả khoa-học hay là một khoa-học nào là công riêng của nước Đức dựng nên, thời hai đàng cách nhau bằng cái vực sâu, vực ấy không nên quá chân bước vội.

Không, khoa-học không phải là công riêng của nước Đức. Mà người Đức thường lại hay phát-siển những ý-tưởng của người khác, hơn là tự mình nghĩ ra những ý-tưởng mới. Những cái nguyên-lý lớn sinh-sản được nhiều điều hay, những cái lý-tưởng mới kết-quả được nhiều sự lạ, không phải là tự nước Đức đã có công phát-minh ra, Không có mấy khoa-học là phát-khởi ra tự nước Đức. Tuy « nhân-tài » (*les talents*) của Đức thời nhiều, mà những bậc « thiên-tài » (*les génies*), thật có trí sáng tạo về khoa-học, thời ít lắm. Còn như những sự phát-minh chế-tạo có ích cho thực-tế, là những sự người ta thường có ý muốn gán cho người Đức cả, chỉ vì người Đức biết khéo đem ra ứng-dụng về công-nghệ mà thôi, — thời lạ rằng không thấy mấy thứ là xuất-hiện ra tự nước Đức. Không phải người Đức đã chế-tạo ra cái máy hơi nước, cũng là tàu ngầm, ba-lông, tàu bay, nghề ảnh, điện-tín, điện-tín không giây, v.v.; cho đến các thứ thuốc súng mạnh cũng không phải tự Đức chế ra. Thế mà nói rằng khoa-học là công của nước Đức thời thật nói ngoa vậy. Câu đó thật là một câu vô-bằng-cứ, một câu thiên-lệch quá-đáng, do người Đức dùng những cách rất khôn-khéo mà truyền-bá ra khắp mọi nơi, cố để lung-lạc tinh-thần người ta trước, rồi sau mới ra tay nô-lệ các dân-tộc, bắt phải chịu bá-quyền của nước Đại-Đức là nước Thiên-chúa sai xuống để giáo-hóa cho loài người! Học-thuật Đức tất phải cao hơn hết cả, vì dân-tộc Đức là cao hơn hết cả! « Thiên thượng thiên hạ, duy Đức độc tôn » (*Deutschland uber alles!*), là một câu người Đức thường tự ca-tụng cho mình.

Khoa-học không phải là công riêng một nước Đức. Khoa-học là công chung cả vạn-quốc, công chung cả loài người. Chân-lý chỉ có một, dẫu đời nào cũng vậy. Một cái phép về số-học, một cái luật về lý-học, nếu chỉ có giá-trị riêng về một thời hay một xứ nào, thời không phải là những chân-lý nữa. Thế-giới, vũ-trụ, có một mà thôi, cái chân-tưởng cũng có một mà thôi, Thần-trí người ta, nếu trừ bỏ những sự mâu-thuẫn thô-thiển bởi chủng-tộc, bởi thời-đại khác nhau mà sinh ra, rút lại cái bản-thể nó cũng có một mà thôi: người ta có một cái lý-tính độc-nhất vô-nhị. Chân-lý có một, vì rằng chân-lý là cái sản-vật của thần-trí

người ta tư - niệm quan-sát về chân-tướng, khác nào như cái kết-quả của lý-tính với vũ-trụ cùng nhau hiệp-lực cộng-tác vậy.

Vậy thời các ngài thử nghĩ, muốn phát-minh ra một cái chân-lý đối với đời nào xứ nào cũng vẫn là chân-lý cả, tất rằng hết-thảy những học-giả đời xưa đời nay, nước này nước khác, đều phải hiệp-lực cộng-tác mới nên. Cốt-yếu là cái công học-vấn của loài người cho thành, là các cái chân-lý phát-minh ra được, còn thời thành ra ở đâu, phát ra chốn nào, có hề chi. Rồi sau có muốn suy-tầm cho biết rõ sự phát-minh này hay sự phát-minh nọ là khởi ra tự nước này hay tự nước kia, thời đó là nghiên - cứu riêng về phương-diện lịch - sử, phương - diện địa - lý, theo như lời ông đại - bác-sĩ Pasteur nước Pháp chúng tôi đã nói rằng : « Sự học không có xứ-sở, mà người học phải có quê - hương » (*La science n'a pas de patrie, le savant en a une*). Nghiên - cứu như thế thời có thể so-sánh nước này với nước nọ sinh-sản được bao nhiêu người bác-sĩ, bao nhiêu sự phát - minh, hơn kém nhau thế nào, nhưng mà trong sự so-sánh ấy không nên đem cái lòng tây - riêng thiên - vị hay là hẹp - hòi không-công một chút nào.

Tôi làm bài diễn-thuyết này là chủ-ý giúp cho các ngài làm sự so sánh đó, và nhắc để các ngài nhớ cái công-nghiệp của nước Pháp trong lịch - sử khoa - học loài người thế nào. Ý tôi không phải là kê cái mục-lục những sách-vở có giá-trị về khoa-học ở nước tôi ; việc đó đã có người làm rồi, mà làm thành hai quyển sách to, mỗi khoa - học làm riêng hẳn một bài chuyên-khảo(1). Đây tôi chỉ nói qua về mấy tên người đã có công hoặc sáng-tạo ra những khoa-học mới, hoặc phát - minh ra những nguyên - lý mới, đã có ảnh-hưởng sâu-xa trong khoa-học-giới, tư-tưởng-giới của cả loài người, sâu-xa cho đến nỗi nhất-dân biến-cách hết cả và kết-quả về sau vô-cùng.

* *

Tôi xin phép các ngài nói về triết-học trước, vì khoa-học này — gọi triết-học là một khoa-học cũng được — là một khoa tổng-quát hơn cả. Tôi lại muốn nói tường hơn các khoa khác một chút, vì khoa triết - học là khoa chuyên-môn của tôi. Tôi thiết-tưởng ông Descartes nước tôi có thể cho là tị-tổ triết-học cận-đại được.

Sách « Phương-pháp-luận » (*Discours de la Méthode*) của ông thật đã sáng-lập ra một cái phương-pháp mà các nhà tư-tưởng trong khắp các nước, dù mỗi nhà giải-quyết riêng về mỗi vấn-đề thế nào mặc lòng, cũng đều phải theo hết cả. Trước ông thời người ta hay thiên trọng quyền trên. Phàm tiên-hiền là ông Aristote đời xưa đã phán-đoán điều gì, hay là trong thánh-kinh thần-truyện đã nói đến sự gì, thời lấy làm bất-di bất-dịch, không dám nghị-luận phê-phán đến nữa. Ông Descartes thời hễ sự gì chưa hiểu rõ, ông không nhận vội ; không có sách thánh truyện thần nào, không có kinh-điển cũ nào, không có câu sáo sẵn nào làm cho ông phải uốn trí mà phục theo. Cái gì trí ông có thừa-nhận là *sác-nhiên* thời ông mới chịu cho làm phải. Phàm ý-tưởng gì cũng phải có cái tính sác - nhiên (*évidence*) ấy, mới có thể công-nhận được. Sác-nhiên nghĩa là rõ-tỏ như « một cái ánh sáng to chiếu-diệu trong trí-giác người ta » (*une grande clarté qui illumine l'entendement*). Thí-dụ như về số-học, 2

(1) *La Science française*, Paris, Larousse, 1915.

với 2 là 4, thật là sác-nhiên, không còn ai cãi được nữa ; đối với một sự gì đã có cái tính-cách đích-sác (*certitude*) như thế thời không có cái ý-kiến thiên-lệch nào che lấp đi được nữa. Cái chân-lý không phải là đã sẵn-sàng ở trong sách, cứ giở ra là tìm thấy ; chân-lý là ở trong người ta, phải suy nghĩ mới biết được : chân-lý lại là ở trong cái « pho sách lớn của tạo-vật » (*le grand livre du monde*), phải quan-sát mới tìm thấy. Ấy đó, tự thế-kỷ thứ 17, ông DESCARTES nước Pháp tôi đã có cái thiên-tài khởi-xướng ra một cái phương-pháp mà hết-thảy các nhà tư-tưởng về sau không thể không theo ông được.

Chính ông ứng-dụng cái phương-pháp của ông trước, và phàm cái gì lẽ-phải ông chưa cho làm sác-nhiên thời ông tạm-thời hoài-nghi hết cả. Như ông hoài-nghi cái thế-giới bên ngoài : thế-giới bên ngoài có lẽ chỉ là một giấc mộng, chỉ là một mớ những cái ảo-tượng hư-không vun-vụt liên-tiếp nhau mà thôi. Vì rằng trong mộng, ta cảm-giác những sự vốn không có bản-tướng gì, vậy thời trước khi mộng, những sự cảm-giác của ta đã chắc đâu rằng có căn-cứ gì trong chân-cảnh. Thế-giới bên ngoài sác-nhiên là có hay không, thật là một sự đáng ngờ, . . . nhưng mà ông DESCARTES lại nói rằng trong khi ta ngờ ấy là ta tư-tưởng, giữa lúc ta tư-tưởng ấy là ta có ta. « Ta tư-tưởng, vậy thời ta có ta » (*Cogito ergo sum = Je pense, donc je suis*). Đó là lẽ sác-nhiên, không còn ai bài-bác được nữa. Ở trong chỗ hoài-nghi mà ra sự quyết-đoán, quyết-đoán rằng có sự tư-tưởng (*la pensée*), có người tư-tưởng (*le moi pensant*). Trong các lẽ sác-nhiên, sác-nhiên thứ nhất, rõ-tỏ hơn nhất, duy có sự tư-tưởng.

Đó thật là một cái quan-niệm tuyệt-luân, bao nhiêu những học-thuyết lớn về sau, dù khác nhau thế nào, cũng là do đó mà ra, như những cành trà-trạnh đều là mọc ở một cỗi mà ra vậy. Thuyết « duy-tâm chủ-nghĩa » (*idéalisme*), và nhất là phái duy-tâm của nước Đức về thế kỷ thứ 19, chính là khởi-điểm tự đó. Xem trong học-thuyết ông LEIBNITZ (người Đức), có ảnh-hưởng ông DESCARTES, thật là dễ nhận lắm. Chính ông LEIBNITZ thứ nhất cũng thành-thực mà công-nhận như thế. Ông LEIBNITZ là học-trò ông DESCARTES, muốn điều-hòa cái học của thày mình với cái học của tiền-triết ARISTOTE. Đối với ông KANT thời người ta thường quên rằng ông KANT cũng chịu ảnh-hưởng của ông DESCARTES nhiều, và cứ cho ông KANT là nhất-thiết tự mình sáng-tạo hết. Kỳ-thực thời sự « phê-phán để kiểm điểm » (*criticisme*) của ông chính là sản-nhi của sự « hoài-nghi theo phương-pháp » (*doute méthodique*) của ông DESCARTES. Ông KANT tự nhận rằng chính ông đã gây ra một sự cách-mệnh trong tư-tưởng-giới, sự cách-mệnh ấy là bắt nhất-thiết sự-vật phải châu-tuần chung-quanh trí-tuệ người ta, như trái-đất quay chung-quanh mặt trời, chớ không phải trí tuệ người ta phải châu-tuần chung-quanh sự-vật như trong các học-thuyết trước. Nhưng sự cách-mệnh ấy chính thủ-xướng ra là ông DESCARTES, vì ông ngờ cái thế-giới bề ngoài, ông chỉ cho sự tư-tưởng là sác-nhiên, là chân thực mà thôi.

Ông KANT sau khi đã phá-hoại theo cái sáng-ý của ông DESCARTES, bấy giờ mới kiến-thiết lại ; trong sự kiến-thiết ấy ông lại theo cái sáng-ý của một nhà tư-tưởng thiên-tài khác, tuy sinh ở Thụy-sĩ (Suisse) ngay giáp-giới nước Pháp, nhưng trước-thuật bằng chữ Pháp cả, là ông JEAN JACQUES ROUSSEAU (sự này chính ông KANT đã từng công-nhận, nhưng học-trò ông có một vài người chưa chịu nhận hẳn). Như ông KANT gọi là « nghĩa-vụ » (*le devoir*), gọi là « tuyệt-đích mệnh-lệnh » (*impératif catégorique*), chính ông ROUSSEAU

gọi là « lương-tâm » (*la conscience*) đó. Ông giải nghĩa lương-tâm là « cái bản-năng của Trời phú-dữ cho loài người, là con đường thiên-đạo, vĩnh-viễn bất-diệt. » Nghĩa-vụ của ông KANT là tự mình tuyên ra pháp-luật, rồi chỉ mình bắt-buộc phải theo ; ông KANT chẳng qua là chuẩn-dụng cho cá-nhân cái lý-thuyết mà ông ROUSSEAU đã ứng-dụng cho xã-hội : xã-hội phải tự quyền độc-lập đặt lấy pháp-luật ; pháp-luật đã tuyên rồi, phải thành-thực mà tuân theo. Ông KANT coi cái ý-chí của cá-nhân cũng như ông ROUSSEAU coi cái ý-nguyện của công-chúng : vừa là nơi làm ra luật mà lại vừa là kẻ phải theo luật ; lại ông KANT nhân cái quan-niệm về nghĩa-vụ mà suy-diễn ra, cũng giống như ông ROUSSEAU nhân cái quan-niệm về lương-tâm mà suy-diễn ra những tư-tưởng về linh-hồn, về đấng Tuyệt-đích (Thiên-chúa). Nói tóm lại thời ông KANT là một người học-trò ông DESCARTES mà lại có tham-bác cái tư-tưởng của ông JEAN-JACQUES ROUSSEAU vậy.

Nay tôi không nói đến cái ảnh-hưởng rất to rộng của ông ROUSSEAU về luân-lý, về chính-trị, về giáo-dục, v. v., tôi chỉ nghiệm rằng cái tư-tưởng của ông DESCARTES hiện vẫn còn sinh-hoạt, tuy hình-thức có sai-biệt mà tinh-thần cũng là một, cho đến các nhà triết-học ở nước Pháp đời nay vẫn còn chịu ảnh-hưởng của ông nhiều. Nhà triết-học có tiếng nhất ở nước tôi bây giờ chắc là ông BERGSON. Sách « Sáng-tạo đích tiến-hóa luận » (*L'Evolution créatrice*) của ông, ông KANEKO TCHIKOUSOUI đã từng dịch ra tiếng Nhật-bản, và xét ra cái ảnh-hưởng ông trong bọn thanh-niên tri-thức Nhật-bản sâu-xa lắm. Về phần tôi thời tôi cho cái « tân linh-tính-luận » (*nouveau spiritualisme*) và cái « cụ-tượng duy-tâm-luận » (*idéalisme concret*) của ông BERGSON là một môn triết-lý mới rất đặc-sắc sâu-xa. Nhưng mà cái nguyên-lý nó cũng lại là ở trong triết-học của ông DESCARTES cho sự sác-nhiên là ở linh-tính người ta, chớ không phải ở sự-vật bề ngoài.

Nếu bây giờ ta xét đến các khoa-học khác thời cũng lại thấy tên ông DESCARTES đứng đầu. Như thấy tên ông trong số-học : trước kia thời hai môn kỷ-hà-học (*géométrie*) và đại-số-học (*algèbre*) cách-biệt nhau, tự ông mới dung-hợp làm một và sáng-tạo ra môn « phân - tích - kỷ - hà - học » (*la géométrie analytique*). Phàm các khoa-học chuyên về cái thế-giới bên ngoài, đều gốc ở cái tư-tưởng ông DESCARTES cả. Như cái lý - tưởng rằng vũ - trụ là một bộ máy lớn vận-động theo những phép-tắc có thể diễn-giải ra phép số-học được, là một lý-tưởng tự ông xướng ra trước ; nhờ có cái lý-tưởng ấy mà các nhà bác-học mới phát-minh được nhiều những lẽ mới về lý - học cùng hóa-học.

Cái lý-tưởng ấy lại làm gốc cho khoa lý-luận-thiên-văn-học (*astronomie théorique*), khoa này dạy rằng các tinh-tú vận-động trên bầu trời là theo những phép-tắc như máy-móc thường cả ; khoa-học này cũng có nhiều người Pháp đã trước-danh : ông D'ALEMBERT, LAGRANGE, LAPLACE, POISSON, CAUCHY, LE VERRIER, HENRI POINCARÉ. Lại cũng cái lý-tưởng ấy khiến cho những việc mới kinh-nghiệm được mà chưa giải ra làm sao, có thể cho là bởi những phép-tắc chưa tìm thấy, và nhân đó xuất - hiện ra những khoa-học mới. Như ông BECQUEREL nghiệm được những hiện-tượng thuộc về quang-lực (*radio - activité*), ông bà CURIE muốn giải lý-do những hiện-tượng ấy, nhân đó mà phát-minh ra chất « quang » (*radium*) ; sự phát-minh ấy làm khởi-điểm cho nhiều sự phát-minh khác nữa và gây ra một môn học mới.

Nếu vũ-trụ là một cái máy lớn, như ông DESCARTES đã ức-đoán, thời trong

gầm trời không có cái gì mất đi mà cũng không có cái gì tân-tạo, hết-thảy đều chỉ biến-hóa mà thôi. Đó là cái nguyên-lý làm gốc cho môn hóa-học đời nay, môn này cũng là tự ông LAVOISIER nước chúng tôi sáng-lập ra, khác với khoa luyện-kim (*alchimie*) đời trước. Hóa-học mỗi ngày một tấn-tới, sau này còn mở-mang ra nhiều nữa. Ông LAVOISIER vừa sáng-lập ra môn hóa-học, lại vừa mở đường cho một môn học mới thành-lập, gọi là lý-hóa-học (*physico-chimie*), nghĩa là hóa-học mà lại tham-bác với vật-lý-học, dùng những đồ dụng-cụ của vật-lý-học để đo-lường nghiên-cứu các chất. Ông lại còn mở đường cho một khoa-học mới nữa, là khoa sinh-vật-hóa-học (*chimie biologique*); ông mới bắt đầu nghiên-cứu về sự hô-hấp và cho sự hô-hấp là một sự đốt cháy (*combustion*), nghiên-cứu chưa xong thời bị Chính-phủ Cách-mệnh đời bấy giờ vì lẽ chính-trị làm án ông phải xử-tử. Thế là cái máy đoạn-đầu oan-nghiệt làm thiệt mất một tay đại-sáng-tạo trong khoa-học-giới.

Sánh cùng với ông LAVOISIER cũng có thể đặt tên ông BERTHELOT, là người sáng-tạo ra phép « hóa-học-tổng-hợp » (*synthèse chimique*) cùng những « chất hữu-cơ » (*produits organiques*).

* * *

Học về các vật-chất thời cái cơ-giới-chủ-nghĩa (coi vũ-trụ là máy-móc) đã ảnh-hưởng như thế; học về sự sinh-hoạt thời lại có một cái chủ-nghĩa khác là chủ-nghĩa tiến-hóa (*théorie de l'évolution*), ảnh-hưởng cũng chẳng kém gì. Thiên-hạ chỉ biết có ông DARWIN là người khởi-xướng ra chủ-nghĩa ấy. Danh-giá ông DARWIN vẫn là to lớn thật, những cái thuyết tiến-hóa thực là tự một người Pháp phát-khởi ra trước, tên là LAMARCK. Ông LAMARCK trước nhất xướng lên rằng các giống sinh-vật là giống nọ do giống kia mà ra, bởi sự biến-hóa lần-lần. Ông nghiên-cứu hình-thể các giống vật hiện bây giờ, rồi so-sánh với hình-thể các giống đời xưa còn di-tích hóa-thạch ở trong đất, thời ông hiểu rằng hình-thể các giống bây giờ là bởi sự hành-động tác-dụng của các giống ấy từ đời xưa dần dần thay-đổi mà thành ra. Con sinh-vật trong khi sinh-hoạt là tự biến-hóa, tự tổ-chức thân-thể luôn luôn, cái hình-thể hiện bây giờ là do cách sinh-hoạt từ trước mà sinh ra. Cái lý-thuyết ấy hồi ông LAMARCK mới xướng ra về đầu thế-kỷ thứ 19, không mấy người hiểu, đến sau mới có người khởi-phục thành ra một cái lý-thuyết rất phong-phú đời nay. Những nhà bác-học không có cái lòng thiên-vị về quốc-gia, như các nhà bác-học nước Mĩ như ông COPE, vẫn thường công-nhận rằng ông LAMARCK thật là người thủ-xướng ra thuyết sinh-vật-tiến-hóa (*évolution biologique*). Thuyết này đối với giống thực-vật cũng như là đối với giống động-vật, vậy ông LAMARCK có thể cho là ông tị-tổ của khoa « tổng-sinh-vật-học » (*biologie générale*), nghĩa là học về sự sinh hoạt theo những trạng-thái rất phổ-thông, chung cho cả giống động-vật và giống thực-vật.

Trong sinh-vật-học có một phần gọi là sinh-lý-học (*physiologie*), nghĩa là học những chức-vụ sinh-hoạt của các giống vật, cũng từ ông CLAUDE BERNARD nước Pháp mới thành khoa-học, và chính ông cũng lại là khoáng-trương cái tư-tưởng của hai ông BICHAT và MAGENDIE trước. Ông CLAUDE BERNARD làm ra sách «Thực-nghiệm y-học tổng-luận» (*Introduction à l'étude de la médecine expérimentale*) đã bày rõ phương-pháp thích-cho sự nghiên-cứu những hiện-tượng dụng về sinh-hoạt. Ông dạy rằng phải coi những hiện-tượng ấy cũng như những hiện-tượng về lý-hóa, nhưng mà là những hiện-tượng về lý-hóa có tính-chất riêng,

xuất-hiện theo một cái trình-tự riêng. Sự hành-động của các cơ-thể sinh-hoạt tựa-hồ như theo một cái chủ-ý, chủ-ý ấy là muốn bảo-tồn cho cái thân-thể cùng nòi-giống của mỗi con vật. Nhà sinh-vật-học muốn nghiên-cứu về sự sinh-hoạt phải dùng những phương-pháp đích-sác như trong lý-học hóa-học, nhưng lại phải hiểu rằng sự sinh-hoạt là một cái hiện-tượng đặc-biệt. Chính ông CLAUDE BERNARD đã thực-nghiệm để minh-chứng cái phương-pháp của ông bày ra, như thực-nghiệm về lá gan, về các thần-kinh vận-động.

Đồng hàng với ông LAMARCK và ông CLAUDE BERNARD, lại còn một bậc thiên-tài nữa là ông PASTEUR. Trước ông, người ta vẫn tưởng rằng các giống là tự-nhiên sinh-sản (*génération spontanée*), bệnh-tật là tự-nhiên xuất-hiện. Bệnh-tật coi như một sự u-âm thần-bí, bởi thần-thánh ma-quỉ nào làm ra để hành-phạt người ta. Đối với cái sự thần-bí ấy lại phải dùng những thuốc mầu-nhiệm, như thuốc tiên thuốc thánh, giống như những câu thần-trú của các dân mọi-rợ dùng để trừ tà trị bệnh. Ông PASTEUR sáng-lập ra khoa vi-trùng-học (*microbiologie*) tức là định cho nghề chữa bệnh một cái cơ-sở vững-vàng hợp-lý, đem cái tinh-thần khoa-học thâu-nhập vào trong nghề chữa bệnh, thật là từ cổ-lai chưa ai từng làm bao giờ. Trước nhất ông PASTEUR chứng rằng sự sinh-sản tự-nhiên là không có : các chất sinh-vật mà hóa đi, mọc men mọc mốc hay là thối-nát ra, không phải là tự-nhiên, chính là bởi những giống vật nhỏ ở ngoài vào, giống ấy gọi là giống vi-trùng ; con vi-trùng nó rơi vào chỗ nào sinh-trưởng được thời nó sinh-sản rất mau mà biến-hóa cũng dữ. Chính những con vi-trùng ấy nó làm thành ra men-mốc, lại cũng chính nó làm biến chất cơ-thể các giống vật mà sinh các bệnh-tật. Thế là lập thành ra môn vi-trùng-học, môn này đã từng thấy mấy người Nhật-bản phát-minh được nhiều sự lạ như ông KITAZATO, ông SHIGA, ông NOGOUCHI, ông HATA, và mới đây ông FOUTAKI.

Đã biết nguyên-nhân bệnh-tất là thế, có thể nghĩ cách trị bệnh được công hiệu hơn. Ông JENNER trước kia đã kinh-nghiệm mà tìm ra phép chủng-đậu, phép này lúc đầu tuy biết vậy, nhưng chưa giải lẽ làm sao : tự cái học-thuyết của ông PASTEUR phát-hành ra, bấy giờ mới giải rõ cái lý-do, và nhân đó phát-minh ra nhiều cách châm-trích để phòng-bị các bệnh-tật. Từ đó nghề chữa bệnh mới thành cơ-sở một khoa-học, khoa-học này càng tấn-tới thời có thể mong rằng sẽ có ngày nhân-loại thoát-khỏi cái tai-hại tật-bệnh. Ấy là công ông PASTEUR của chúng tôi khiến cho loài người ta hi-vọng được như thế. Tôi ước-ao rằng các nhà y-học trong các nước, đừng ham-mê quá những sự phát-minh nhỏ-nhặt ở các nơi học-viện nước Đức, mà biết cho rõ cái công, cái ơn của ông PASTEUR ; tôi lại ước-ao rằng những nhà bác-học ở nước Nhật-bản này nên sang tập-luyện ở Học-viện Pasteur thành Paris cho nhiều, ở đấy vừa có phòng thí-nghiệm, vừa có nhà bệnh-viện, sắp-đặt chỉnh-đốn, lại có những phương-pháp rất khéo rất tinh để khảo-nghiệm nghiên-cứu về các môn vi-trùng-học, sinh-lý-học, ký-sinh-trùng-học (*parasitologie*), sinh-vật-hóa-học, thực-nghiệm y-học, v. v. Tôi dám chắc rằng người quí-quốc sang tòng-học ở học-viện Pasteur sẽ được hoan-nghênh lắm.

Về giữa thế-kỷ thứ 19, trong học-giới còn một cõi học nữa phải dùng phép khoa-học để khám-phá, tức là cõi học những hiện-tượng về xã-hội. Những cái lý-tưởng về khoa-học, về luật-pháp của khoa-học, về khoa-học-tiến-

định-chủ-nghĩa (*déterminisme scientifique*), trước phải ban-bố khắp trong các cõi học về sự-vật, về sinh-hoạt đã, phải làm chủ-trương trong các cõi học ấy trước đã, thành ra phổ-thông, thành ra thông-dụng, rồi mới dám đem ứng-dụng về sự nghiên-cứu các xã-hội. Ông AUGUSTE COMTE phát-siển mấy cái tư-tưởng của ông SAINT-SIMON trước, bèn xướng-lập ra trước nhất một khoa-học về xã-hội và gọi tên là xã-hội-học (*sociologie*). Xã-hội cũng là một cái hiện-trạng như các hiện-trạng khác, vậy cũng có thể dùng phép khoa-học mà nghiên-cứu như các hiện-trạng khác được. Học về xã-hội có thể học xã-hội khi bình-tĩnh, thế gọi là « tĩnh-đích xã-hội-học » (*la statique sociale*), có thể học xã-hội khi biến-hóa, thế gọi là « động-đích xã-hội-học » (*la dynamique sociale*). Xã-hội-học là khoa-học mới xuất-hiện ra sau cùng, làm cho ta biết rõ sự sinh-hoạt trong xã-hội, tất cũng bày cho ta rõ những bệnh-tật của xã-hội, và chỉ cho ta biết những phương-kế liệu-trị thế nào, tức là giúp cho nhân-quần tiến-hóa vậy. Khoa-học này là học về cái mục đích, cái cứu-cánh của các nhân-quần xã-hội, như thế thời phải làm nguồn-gốc cho phép chính-trị, vì đó mà phép chính-trị ngày nay cũng thành ra một môn học thực-nghiệm, một phương-thuật hợp-lý vậy.

Ở nước Pháp chúng tôi bây giờ có một phái học thịnh lắm, suy-tôn ông bác-sĩ DURKHEIM làm thày, cái ảnh-hưởng của ông nhiều người cũng cho là sâu-xa to-rộng như cái ảnh-hưởng của ông triết-học BERGSON. Phái học này đương ra công điều-tra về các hiện-tượng trong xã-hội, thuộc về tôn-giáo, về pháp-luật, về kinh-tế, như sự thờ-cúng lễ-bái, như phép ma-quỉ yêu-thuật, như sự tự-tử, sự loạn-luân, như các giá-tiền công của thợ-thuyền, v. v. Tôi không biết cái công điều-tra học-vấn của phái này ở Nhật-bản có nhiều người biết bằng những học-thuyết thuần-lý của ông BERGSON không. Vậy tôi xin giới-thiệu cho những nhà học-giả qui-quốc có cái chí muốn nghiên-cứu những sự mới lạ. Nói tóm lại thời khoa xã-hội-học của ông AUGUSTE COMTE sáng-lập ra ngày nay ở nước chúng tôi thịnh-hành lắm.

. . .

DESCARTES, LAVOISIER, LAMARCK, CLAUDE BERNARD, PASTEUR, AUGUSTE COMTE; đó là sáu bậc học-vấn đại-tài, đã sáng-tạo ra những tư-tưởng mới lạ về khoa-học.

Các ông ấy sở-dĩ đặc-biệt hơn các học-giả khác, là bởi có cái trí-tuệ phá-thiên-hoang, nẩy-nở ra những tư-tưởng rất là phong-phú; lại bởi có cái phương-pháp chỉnh-bị, cái trình-tự sáng-suốt; trong khi phô-tự thời rõ-ràng, những lúc diễn-giải thời văn-vẻ. Xem gương các ông ấy thời hiểu rằng nhà tư-tưởng học-vấn có tài có thể quan niệm vừa sâu-sắc và vừa rõ-ràng, không tất-nhiên phải mập-mờ tối-tăm mới là thâm-trầm uyên-áo, như nhiều người thô-thiển thường hay tưởng lầm.

Mấy bậc thiên-tài đó là phác-họa ra cái mào, rồi trăm-nghìn những nhân-tài khác mới ra công nghiên-cứu, phát-minh chế-tạo ra được nhiều điều hay sự lạ. Nhưng mà đây tôi chỉ kể mấy tên vào những bậc đại-danh mà thôi. Tôi tưởng thế cũng là đủ chứng cho cái câu luận-điệu tôi muốn trình-bày các ngài đây.

Câu luận-điệu ấy là thế này: là khoa-học không phải là công riêng của một nước Pháp, hay là công riêng của một nước Đức, như nhiều người tưởng thế, khoa-học là công chung của cả vạn-quốc, nhưng trong cái công chung ấy, nước Pháp thật có một phần vẻ-

vang to-lớn. Tôi ước-ao các ngài ngồi nghe tôi đây hiểu rõ cho điều đó, thời thực là một sự hay cho nước Pháp, và có lẽ cũng là một sự hay cho nước Nhật nữa. Vì hai nước ta càng biết nhau, càng hiểu nhau, càng xét - đoán nhau được công-bằng, và yêu-mến nhau như anh em, chẳng là hay lắm ru

Thượng-Chi *dịch*

# THẾ-GIỚI TIẾN-BỘ SỬ (1)

## II

### 3. — Sự tiến-bộ về đường trí-thức

1. *Nói về tiếng nói.*

Người ta nhận ra các giống cao-đẳng-động - vật kêu thành tiếng, có thể nghe hiểu nhau được. Một nhà bác-học nước Mĩ đã nghiên-cứu về thứ tiếng của giống hầu. Có lẽ giống « người vượn » đời thượng - cổ đã biết dùng giăm ba tiếng nói để diễn cái tư-tưởng đơn - sơ. Người ta ở giống ấy mà ra thời đã biết nói, càng ngày trí khôn càng mở - mang thời lời nói lại càng rõ - ràng gẫy - gọn, và trước chỉ biết dùng những tiếng chỉ các vật hữu-hình, sau dần-dần đã biết nói đến những sự-vật thuộc về hình - nhi-thượng. Ấy lịch-sử ngôn-ngữ của loài-người phát-nguyên và tiến-hóa đại-khái như thế.

Ngôn-ngữ khởi-thủy thế nào, đó là một vấn-đề các học-giả xưa nay vẫn gia-tâm khảo - cứu. Trong các học-giả về cổ-đại đã từng nghiên-cứu vấn-đề ấy, có ông EPICURE giải - nghĩa hơi giống như khoa-học đời nay. Ông nói rằng tiếng nói là một cái năng-lực tự-nhiên của người ta, vì sự cần-dùng về đường sinh-hoạt mà mỗi ngày một phát-đạt ra, tiến-hóa lên.

Theo mấy nhà triết-học đời xưa đời nay thời tiếng nói là một sự người ta ước-đặt ra để lợi-dụng với nhau, hoặc là một sự Thiên-chúa mặc-truyền cho loài người.

Muốn giải cái vấn-đề ngữ-ngôn một cách thỏa - đáng, các nhà bác-học đời nay thường xét về cỗi-rễ các thứ tiếng đã biết từ xưa đến nay, rồi suy ngược mãi lên cho đến một thứ tiếng tổ sinh ra cả các thứ tiếng ấy, nghĩa là cho đến thứ tiếng cổ nhất của mỗi giống người. Song những thứ tiếng đã có viết ra thành chữ, thời ngày nay họa may còn tìm được ít nhiều cái di-tích, đến những thứ tiếng cổ quá, chỉ nói không mà chưa có viết, thời không còn thể nào biết được lối-lăng nó thế nào. Vì nguồn-gốc tiếng nói với nguồn - gốc chữ viết không giống nhau. Chữ viết chắc là có sau khi tiếng nói đã thành rồi, và trong lịch - sử loài người hai thời-kỳ ấy cách nhau đến mấy trăm mấy chục thế - kỷ, không thể ước lượng được.

Cứ so-sánh những sự kết-quả của khoa ngữ-ngôn-học (*linguistique*) nghiên-cứu về các thứ tiếng đời xưa đời nay, và nhất là tiếng của các dân mọi-rợ ở trung-bộ châu Phi, với cách học nói của đứa con trẻ từ lúc bập-bẹ cho đến lúc biết nói thành câu, thời có thể suy-loại mà ức-đoán được cách nói-năng của người thượng-cổ thế nào.

Phép ngôn - ngữ đời xưa với

(1) Xem *Nam-Phong* số 51, trang 215-224.

đời nay đại-khái cũng tương-tự nhau mà thôi. Tiếng nói của người ta chắc lúc mới đầu cũng là một thứ tiếng kêu làm hiệu (*cri-signal*), như giống vật ngày nay. Trước còn là tiếng kêu tự-nhiên, sau thành ra tiếng kêu có ý, kêu để chỉ một sự gì, một vật gì. Rồi tùy các cơ-hội mà biến-hóa các tiếng kêu đi cho thích - hợp. Thế là đã bắt đầu có một mớ những tiếng khác nhau, lại bắt-chước những thanh-âm tự - nhiên mà thêm ra được nhiều tiếng mới nữa; như trong tiếng nói của người Ai-cập đời thượng-cổ phần nhiều tên các giống vật chính là bắt-chước tiếng kêu của các giống ấy : như con lừa gọi là *iô* ; con sư-tử là *mouï* ; con bò là *êhê* ; con ếch là *crour* ; con mèo gọi là *chaou*. Muốn chỉ những cái ý cao-xa huyền-viễn hơn, thời đặt ra những tiếng có nhiều vần để gồm một sự so-sánh. Như trong tiếng Ai-cập, một tiếng *hèt* (là tâm, lòng người ta), làm thành ra tiếng *hètchèm* (tiểu-tâm) để chỉ cái ý hèn-hạ, xấu-xa, dút-dát v. v. ; lại làm thành ra tiếng *harchihèt* (bụng nặng), nghĩa là ý nhẫn-nại, chịu khó ; tiếng *hèt-maou* (nhị-tâm, hai lòng), nghĩa là ý do-dự, không quả-quyết. Tiếng tàu tiếng ta ngày nay cũng có nhiều tiếng như thế.

Ngoài cách so-sánh ấy lại có cách nói bóng, nghĩa là nhân một tiếng cũ mà dùng ra nghĩa bóng, cũng thêm ra được nhiều tiếng mới. Mỗi đời thêm ra được ít nhiều như thế, sau thành một thứ tiếng cũng đã tiềm-tiệm đủ dùng, như tiếng của các dân mọi-rợ bây giờ.

Những thứ tiếng đơn-sơ thô-thiển ấy sinh-tồn được trong bao lâu, và rồi sau biến-hóa thế nào mà trở thành nên những tiếng hoàn-toàn văn-vẻ như bây giờ ? Cái đó không thể nào dò-xét cho được, và có lẽ cũng không bao giờ khám-phá cho ra. Hồi các thứ chữ viết xuất-hiện ra, thời ở Cựu-Thế-giới các thứ tiếng nói thành đã lâu rồi. Người ta ngờ rằng không biết đồng-thời với những thứ tiếng đó, có một vài tiếng gốc cũ hơn mà các thứ tiếng kia là duyên-do tự đó mà ra không ? Bốn-mươi năm nay, hồi ông Bác-sĩ Burnouf nước Pháp đương nghiên-cứu về tiếng « phạn-ngữ » (*le sanscrit*) của Ấn-độ, có nhiều nhà học-giả ở Âu-châu xướng lên rằng tiếng phạn-ngữ đó chính là tiếng gốc, tiếng « mẹ » của cả các thứ tiếng khác ở Ấn-độ và ở Âu-châu từ xưa đến nay. Nhưng mà so-sánh kỹ các tiếng Ấn-độ Âu-châu với tiếng phạn-ngữ thời biết rằng cái ý-kiến ấy không đúng, và tiếng phạn-ngữ cũng như các tiếng Ấn-độ Âu-châu kia, cũng là duyên-do ở một thứ tiếng cổ hơn nữa mà hiện nay ta chưa biết.

Xem như cái biểu sau này thời biết các thứ tiếng Ấn-độ Âu-châu (kể cả phạn-ngữ), cũng là do một nguồn chung mà ra :

| Tiếng Phạn (sanscrit) | Tiếng Hi-lạp (grec) | Tiếng La-mã (latin) | Tiếng Ba-tư (persan) | Tiếng Pháp (français) | Tiếng cổ Ba-tư (zend) | Tiếng Celte một thứ tiếng cổ ở Âu-châu | Tiếng Thuỵ-điển (suédois) | Tiếng Đức (allemand | Tiếng Anh (anglais) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Pitar | Patêr | Pater | Peder | Père (cha) | Fedrio | Athair | Far | Vater | Father |
| Mâtar | Mêter | Mater | Mader | Mère (mẹ) | Meté | Mathaïr | Mor | Mutter | Mather |
| Yavan | Néos | Juvenis | Adjuvan | Jeune (trẻ) | . . . . | Yonank | . . . . . | Jung | Young |
| Saptan | Epta | Septem | Heft | Sept (bảy) | Hapte | Seachd | Setatt | Siebeu | Sevan |
| Nava | Ennéa | Novêm | Nouh | Neuf (chín) | Néoué | Naoidh | Nind | Neun | Nine |

Cứ như các lẽ trên kia đã nói, thời đủ biết rằng khoa-học đời nay không thể tìm được ra những tiếng nào là tiếng gốc của các giống người. Chẳng qua là chỉ ghi lấy những sự biến-đổi trong các thứ tiếng mà hiện nay còn di-tích lại, như bi-ký hay là sách-vở tự-tích. Nghiên-cứu như thế cũng hay lắm, vì xét ra được nhiều nguyên-nhân làm cho các thứ tiếng biến-đổi đi, như có nhiều thứ tiếng hay không kém gì tiếng la-mã mà dần-dần mất đi không ai nói đến nữa, lại có nhiều tiếng trước phổ-thông mà nay thành ra tiếng riêng một địa-phương mà thôi.

Từ ngày dựng thành các quốc-gia lớn, có quyền thống-nhất trong dân-gian, lại nhờ sự phổ-thông-giáo-dục, những tiếng riêng của các địa-phương mỗi ngày một tiêu mất đi, và người suốt trong một nước đều nói một thứ tiếng chung, thành ra những « quốc-ngữ » rất phổ-thông thịnh-hành, không những trong bờ-cõi một nước mà có khi bành-trướng ra cả thế-giới. Hiện nay những tiếng phổ-thông có nhiều người nói là những tiếng sau này :

| | | |
|---|---|---|
| Tiếng Anh. . . . . | 116 triệu | người nói |
| Tiếng Nga. . . . . | 85 | » |
| Tiếng Đức. . . . . | 80 | » |
| Tiếng Pháp. . . . . | 60 | » |
| Tiếng Tây-ban-nha | 45 | » |
| Tiếng Ý-đại-lợi . . | 35 | » |

Nước Tàu có 400 triệu người, nếu bốn trăm triệu ấy cùng nói một thứ tiếng thời tiếng tàu là tiếng nhiều người nói nhất. Nhưng nước Tàu tuy có văn-tự thống-nhất mà chưa có « quốc-ngữ » thống-nhất, mỗi tỉnh còn có một thứ tiếng riêng, người các tỉnh giao-thông với nhau phải bút-thoại, chớ không khẩu-thoại được. Hiện nay có tiếng « quan-thoại » là tiếng giao-thông về việc quan, nhưng tiếng này chưa thành tiếng phổ-thông.

Trong các tiếng nói ở Âu-châu ngày nay thường có nhiều chữ giống nhau, phần nhiều là những danh-từ thuộc về các khoa-học mới đời nay. Những chữ giống ấy mỗi ngày lại mốt nhiều hơn mãi lên.

Hiện nay mỗi nước có một cái tiếng nói nhất-thống, đó đã là một sự tiến-bộ hơn đời trước lắm rồi. Song cách sinh-hoạt, cách làm việc, cùng những sự biến-cách trong khoa-học, trong công-nghệ, trong thương-nghiệp vạn-quốc, còn yêu-cầu một sự hơn nữa, là làm thế nào cho trong khoảng giữa các nước giống người tiếng nói khác nhau, có được một thứ tiếng chung, người nước nào nghe cũng hiểu được. Đến ngày ấy thời tiện-lợi cho sự giao-thông biết bao nhiêu.

Vấn-đề ấy không phải ngày nay mới có người nghiên-cứu đến. Đã nhiều người tìm cách giải-quyết, mỗi người nghĩ một cách khác, giá-trị không giống nhau.

Trước hết không ai dám ấn-định lấy hẳn một thứ tiếng nào làm tiếng phổ-thông cả thế-giới, khiến được các tiếng khác phải nhượng-bộ và các dân-tộc đều công-nhận. Dân nào cũng muốn giữ lấy tiếng của mình, vì tiếng nói là một phần quốc-túy. Vả lại làm như thế là hiểu sai cái vấn-đề : gọi là tiếng chung cho cả thế-giới, phải là một thứ tiếng phụ với tiếng bổn-quốc, và chỉ dùng để giúp cho sự giao-thông về đường học-vấn, đường buôn bán trong vạn-quốc mà thôi.

Muốn đạt cái mục-đích ấy thời phải nghĩ đặt ra một thứ tiếng mới, dễ học và có thể truyền-bá đi rộng, chớ không thể dùng một thứ tiếng sẵn nào được. Có nhiều nhà bác-học tinh-xảo đã nghĩ đặt ra mấy thứ tiếng mới gọi tên là « thế-giới-ngữ » : như « thiên-thanh ngữ » (*langne bleue*) của ông Léon Bollack, tiếng *Volapuck* của ông Cố

SCHLEGER, lấy gốc chữ ở tiếng « Nhật-nhĩ-man » (*germanique*) ; tiếng *Esperanto* của ông Bác-sĩ ZAMENHOF lấy gốc ở tiếng « lô-man » (*roman*). Các thứ tiếng ấy đều dễ học cả ; âm-vận cú-pháp thật là giản-dị. Song xét kỹ ra cũng có một sự khó : phàm ngôn-ngữ là cái tính-chất nó phải biến hóa luôn ; nếu công-nhận một thứ « thế-giới-ngữ » nào thời lại phải đặt ra một Hội Văn-học vạn-quốc để mà châm - chước qui định cách dùng thứ tiếng ấy thế nào.

Dù thế nào, ta cũng nên biết công cho những người đã chịu khó đặt ra những thứ tiếng mới ấy, vì công ấy tức là cái công muốn gây cho nhân-loại tương-thân tương-ái vậy. Có lẽ cái vấn-đề « thế-giới-ngữ » này, có một ngày sẽ giải-quyết ra một cách khác cũng không biết đâu, song bởi sự cần-dùng trong xã-hội thế-tất phải giải-quyết mới xong.

### 2. *Nói về chữ viết*

Lời nói cũng như tư-tưởng, là một sự thoảng qua ; người ta tất phải nghĩ tìm cách ghi lấy bằng những dấu hiệu rõ-ràng cho mắt trông thấy được. Bởi thế nên về những thời-đại khác nhau, ở nhiều nơi trên địa-cầu, vì sự yếu-cần phải ghi-nhớ lấy các công việc, mà sinh ra các hình chữ viết đời xưa.

Chữ viết lúc đầu không phải giống như bây giờ. Cũng có tiến-bộ như các sự khác. Người ta mới bắt đầu còn vẽ hình vật để ghi lấy những việc muốn truyền về sau, và nét vẽ còn thô-sơ lắm. Đó gọi là lối « viết vẽ » (*écriture pictographique*). Dân Ấn-độ ở Bắc-Mĩ ngày nay vẫn còn dùng cách ấy để hình-dung tư-tưởng.

Đến sau có người nghĩ ra muốn hình-dung những cái ý-tứ siêu-hình, mà dùng những hình vật hoi tương-tự với những ý-tứ ấy. Thế gọi là lối chữ biểu-ý hay là tượng-ý (*écriture symbolique ou idéographique*).

Đồng-thời với lối biểu-ý ấy, lại có những lối có thể gọi là « lối ký-ức » (*procédés mnémoniques*), dùng dấu hiệu để ghi nhớ lấy mọi việc: như lối khắc dấu vào que gỗ như của các dân Nhật-nhĩ-man đời xưa ; lối thắt nút thừng, người Tàu đời xưa gọi là « kết thằng », người *Incas* ở đất *Pérou* thủa trước gọi là *quippos* ; lối sâu những mảnh trai ốc thành vòng của người *Iroquois* gọi là *wampomms*.

Những lối biểu-ý và ký-ức ấy thật là khuyết-điểm nhiều lắm, chỉ biểu được *ý*, chớ không tiêu được *âm*, thành ra đối với tiếng nói không có liên-can gì. Bởi thế nên dần dần người ta mới nghĩ ra một lối có thể đọc lên mà nhớ được âm-nghĩa các tiếng. Vẽ hình chữ bằng những dấu không có quan-hệ gì với nghĩa chữ và chỉ tiêu-biểu cái thanh-âm mà thôi, thế gọi là lối chữ tiêu-âm (*écriture phonétique*).

Dân *Aztèques* ở nước *Mexique* (Mặc-tây-kha) đời xưa có một thứ chữ vừa biểu-ý vừa tiêu-âm. Chữ nho của Tàu cũng là vừa biểu-ý, vừa tiêu-âm. nhưng hoàn-toàn phong-phú hơn các thứ chữ cổ kia nhiều, nên sinh-tồn được mãi. Song lối biểu-ý vẫn là phiền mà lối tiêu-âm vẫn tiện hơn. Chữ viết đã thành ra tiêu âm thời tất dần dần nghĩ ra mỗi âm một cái dấu riêng mà thành ra lối ghép vần bằng chữ cái (*alphabétisme*), như các chữ Âu-châu bây giờ.

Tự tượng-hình đến biểu-ý, tự biểu-ý đến tiêu-âm, tự tiêu-âm đến hiệp-vận, các thứ chữ cổ kim đại-khái đều theo một cái trình-tự tiến-hóa như thế cả.

Ở Mĩ-châu ngày xưa có một thứ chữ lạ, hiện chưa tìm được cách hội-nghĩa thế nào, không biết rõ nó là biểu-ý hay là tiêu-âm. Thứ chữ ấy gọi tên nó là « nhữ hình cuội » (*écriture calculiforme*), vì hình nó như những hòn

cuội nhỏ. Người ta có tìm thấy nhiều những sách viết và những bi-ký bằng thứ chữ ấy.

Về lối chữ biểu-ý thời ở Cựu-Thế-giới đời xưa có ba thứ thông-hành nhất : một là chữ tàu, hai là chữ hình nêm (*écriture cunéiforme*), ba là chữ Ai-cập (*hiéroglyphes égyptiens*).

Người Tàu lúc mới đầu còn vẽ hình những vật muốn hình-dung ra, rồi sau dùng bút lông mà làm sai dần những hình cũ đi. Bấy giờ thành ra các hình nhiều quá và dễ lẫn-lộn. Bèn nghĩ ra một cách vừa biểu-ý và vừa tiêu-âm ; nhưng tiếng tàu lại là tiếng độc-vận, thành ra mỗi chữ là mỗi vần và mỗi chữ cũng lại là mỗi nghĩa, nên mỗi chữ thường phải kiêm hai phần, một phần biểu-ý và một phần tiêu-âm, phần biểu-ý tức là 214 bộ như trong tự-điển.

Chữ hình nêm (hình như cái nêm) cũng biến-hóa theo một cách như thế, nghĩa là trước thuần biểu-ý, rồi sau dần-dần thành ra tiêu-âm. Những bi-ký cổ ở đất *Chalcée*, cùng những phiến gạch dùng làm sách ở *Babylone* và *Ninive*, đều khắc bằng thứ chữ này, và xét ra đã thấy biến ra lối tiêu-âm rồi.

Chữ Ai-cập cũng qua mấy bậc như trên. Chữ Ai-cập không phải hẳn là thứ chữ biểu-ý. Dần-dần thành tiêu-âm, và cũng thành ra hiệp-vận nữa. Như cái hình ⊙, lúc mới đầu là chỉ mặt trời, rồi sau chỉ vần *ra*, chính là tên mặt trời, rồi sau thành ra chỉ chữ *r* không. Khi người Ai-cập biết dùng thứ « lá giấy » (*le papyrus*) thời lối vẽ hình cũ biến ra một lối chữ thảo, gọi là « chữ thánh » (*écriture hiératique*), vì chỉ có bọn tăng-lữ dùng chép kinh mà thôi. Lối chữ thánh lại nhất-biến phổ-thông ra mà thành lối « chữ nôm » (*écriture démotique*).

Chữ Ai-cập tuy đã tiện hơn các lối chữ cũ, nhưng cũng còn phiền-phức lắm. Bấy giờ có dân *Phéniciens* là một dân giao-thông buôn-bán với ngoài nhiều, cần đến một thứ chữ mau hơn và rõ hơn, bèn nhân chữ Ai-cập, nghĩ ra một lối chữ ghép vần bằng mẫu-tự (*alphabet*). Ông Bác-sĩ Philippe Berger có bình-luận về lối chữ ấy như thế này : « Trong lịch-sử các sự phát-minh của loài người, không có sự phát-minh nào ảnh-hưởng lạ-lùng bằng sự phát-minh ra lối chữ ghép vần bằng mẫu-tự. Lối này dần-dần bành-trướng ra khắp các dân Tây-phương, và ở Đông-phương thời lấn mất cả lối chữ hình nêm cùng lối chữ vẽ hình của Ai-cập, là hai lối đã có văn-chương phát-đạt. Duy có nước Tàu là đóng cửa không cho lối chữ mới này thâu-nhập vào, nhưng nước Tàu không theo lối chữ này tức là đặt mình ra ngoài cái phong-trào văn-minh tiến-hóa của Thái-Tây vậy.

« Nếu vẽ cái địa-đồ những lối chữ ghép-vần lưu-hành trong thế giới thời xét ra chỉ có bốn hay năm thứ chính : về phía Đông có chữ của người *Arabes*, chữ này hết thảy các dân theo đạo Hồi từ giáp-giới nước Tàu cho đến bờ bể Tây châu Phi đều theo dùng hết, với chữ Ấn-độ ; về phía Tây có chữ La-mã, chữ này hầu hết các dân ở Âu-châu và hết thảy các dân ở Tân-Thế-giới đều theo dùng cả ; ở giữa khoảng Đông Tây thời có chữ Hi-lạp, sau thành ra chữ của các dân *Slaves* ; ở phía Bắc lại có chữ Nhật-nhĩ-man, nhưng thứ chữ này cũng là ở chữ La-mã mà ra. »

Nay thử hỏi bởi nguyên-nhân gì mà lối chữ ghép-vần trở nên thịnh-hành như thế ? Ông Berger xét nguyên-nhân ấy như sau này : « Những thanh-âm trong lời nói ở nước nào xứ nào cũng là đại-đồng tiểu-dị cả, cho nên có thể cùng dùng bấy nhiêu chữ cái, thay đổi đi một đôi tí, mà viết được hết các thứ tiếng. Chắc lối chữ

ghép - vần này, kể về cái hình - thức cấu-tạo, thời không được hoàn - toàn bằng chữ Ai-cập thật, nhưng mà nó hợp với cái tôn - chỉ của chữ viết, vì nó giản - tiện hơn, và có thể đem ra thích - dụng cho khắp các thứ tiếng được, chớ không phải riêng một thứ tiếng nào. Bởi thế nên vì lẽ tất-nhiên thành ra lối chữ chung của cả thế-giới văn-minh. »

*3. Nói về Sách-vở và thư-viện*

Những vật - chất dùng để ghi lấy chữ viết thời mỗi đời mỗi nước một khác. Chữ khi thời khắc vào đá, khi thời đục vào gỗ, hay vào kim-loại. Những miếu-điện bằng đá của Ai-cập cổ, như đền *Karnak*, tường cột đầy những chữ khắc, tức là những sách-vở đời cổ đó.

Trong các cổ-tích ở thành *Babylone* và thành *Ninive*, người ta có tìm thấy vô-số những viên gạch có chữ. Đó cũng là những sách cả, sách còn thô-lỗ lắm, nhưng mà vào khoảng 340 năm trước Gia - tô ông CALLISTHÈNE nước Hi-lạp đã tra trong những sách ấy mà tìm thấy những sự kinh-nghiệm về thiên - văn tự bấy giờ cho ngược lên tới tận năm 2243 trước Gia-tô, cứ liền-tiếp, không gián-đoạn quãng nào. Những viên gạch ấy xếp đống lại trong những nhà lớn, tức là những thư-viện thứ nhất đó. Người *Assyriens* thời dùng những thỏi dấu tròn bằng sì (*cachets en cire*), để in hình chữ vào đấy.

Đến sau nghĩ ra lợi - dụng những cái lá mềm và mỏng của một thứ cây sậy mọc ở trên bờ sông *Nil*, gọi là « cây giấy » (*papyrus*), để viết chữ lên trên, thế là đã tiến - bộ hơn trước nhiều lắm. Những mảnh lá « cây giấy » đem gián mảnh nọ tiếp theo mảnh kia, làm thành một tấm rộng ước 10, 15 phân và dài đến 20 thước, hai đầu đính hai cái trục để cuốn vào cho dễ. Viết bằng mực, theo dường dài, cũng thành giòng như sách bây giờ, nhưng mà bắt đầu tự tay phải như viết chữ nho. Mở ra đọc thời cầm cái trục bên tay trái mở lần-lần ra và đọc đến đâu lại lấy cái trục bên tay phải cuốn lại. Hiện nay những kinh Phật ở Xiêm-la Cao-miên cũng viết bằng một thứ lá nón; cắt thành từng tờ dài độ 50 phân rộng 8, 10 phân, đầu tay trái sâu chỉ lại, dở lên như quyển sách, tức trong sách Phật gọi là « bối-diệp-kinh ».

Những sách bằng lá cả - giấy như của Ai-cập đó vừa cồng - kềnh và vừa đắt tiền lắm, mà lại chỉ viết được ít chữ mà thôi. Cái thư-viện trước-danh ở thành *Alexandire* ngày xưa của các vua PTOLÉMÉES lập ra, phần nhiều là những sách như thế cả. Thư-viện ấy người ta nói có đến 70 vạn quyển chia làm hai kho. Một kho thời tình-cờ bị đốt cháy hết cả, hồi vua CÉSAR nước La-mã đến chiếm-cứ thành *Alexandrie*. Còn kho kia, tăng thêm những sách của thư-viện các vua thành *Pergame*, về sau cũng bị cháy như thế, hồi các giáo - đồ Thiên - chúa cùng với dân ngoại - đạo chiến - tranh. Ở thành La-mã và mấy nơi nữa có nhiều thư-viện đựng những sách - vở của La-mã chiếm - đoạt được ở Tiểu-Á-tế-Á. Nhưng mà phần nhiều những thư-viện ấy cũng bị đốt cháy như thư-viện thành *Alexandrie*, thành ra nhiều những sách cổ hay tới nay mai - một đi mất cả.

Trước dùng lá cây-giấy để làm sách, sau dần-dần lấy da giống vật thay vào, gọi là « giấy-da » (*parchemin*). Nhưng mà thứ « giấy-da » này đắt lắm, nên những kẻ chép sách đời xưa không đủ giấy viết, nhiều khi làm liều, đem những sách cũ cạo chữ đi, rồi viết lên trên. Lối đó thật là lối làm bậy, nhưng mà lạ thay, chính nhờ cách làm bậy ấy mà nhiều những sách cổ còn lưu-

truyền được đến nay, nếu không làm như thế thời có lẽ mất đã lâu rồi. Vì những sách bị tẩy đi như thế, ngày nay dùng phép hóa-học có thể làm lộ chữ cũ ra được ; thành ra một thứ sách riêng có hai lần chữ viết chồng lên nhau, tiếng tây gọi tên riêng là *palimpsestes.*

Sau cùng đến giấy làm bằng rẻ và bằng sợi, phát-minh ra tự người Tàu, đến thế-kỷ thứ 11 người *Arabes* đem vào Âu-châu. Giấy đã có rồi, bèn xuất-hiện ra nghề in, trước còn in bằng mộc-bản (*xylographie*) như ở Tàu ở ta ngày xưa, sau đến thế-kỷ thứ 15 có người nước Đức tên là GUTENBERG mới nghĩ ra lối in bằng hoạt-bản (*imprimerie à caractères mobiles*) như bây giờ. Từ đó nghề in nghề sách cứ mỗi ngày một phát-đạt, thật là giúp cho sự tiến-hóa của nhân-loại được nhiều lắm.

Ông GUTENBERG phát-minh ra nghề in hoạt-bản thật là một bậc đại-ân-nhân của loài người ; vì theo như lời ông SIEYÈS đã nói : « Nghề in đã thay-đổi vận-mệnh Âu-châu và sẽ biến-cải cục-diện thế-giới » ; lại như lời ông RIVAROL nói rằng : « Máy in sách là đội pháo-binh của tư-tưởng vậy. » (*L'imprimerie est l'artillerie de la pensée.*)

Chữ in lúc mới đầu còn bằng gỗ và thô-xấu lắm, sau mới làm bằng sắt bằng chì, bây giờ thời đúc khéo lắm, vừa đều-đặn, vừa xinh-đẹp.

Về thời ông GUTENBERG thời cách in là xếp những chữ dời lại thành trang sách, phiết mực lên trên, đặt giấy vào, rồi lấy tay xoa cái bàn ép (*presse*) cho mực ăn vào giấy. Làm như thế lâu lắm, mỗi giờ đồng-hồ chỉ in được chừng 40 bản mà thôi. Ngày nay máy in đã chế ra nhiều kiểu mới tiện-lợi lắm, như cái máy xoay (*machine rotative*) chạy bằng hơi nước hay chạy bằng điện, mỗi giờ đồng-hồ in được 25.000 (hai vạn rưởi) bản, tức là mỗi cái máy làm được việc hai vạn rưởi người chép sách vào khoảng năm trăm năm về trước.

Nhân đó mà giá sách mỗi ngày một rẻ ; bây giờ có nhiều cuốn sách hay chỉ bán có giăm xu một hào mà thôi, thành ra ai cũng có thể mua được, dẫu người nghèo cũng được hưởng cái thú đọc sách. Vậy mà ở đời khai-thông như thế, vẫn còn có kẻ dốt-nát thời thật không thể sao dung được. Ngày nay ai cũng có thể nhờ cuốn sách tập báo mà những lúc thư-nhàn ngồi chuyện-trò với những bậc danh-nhân quân-tử đời xưa đời nay, khác nào như kết-nghĩa với những người bạn tuyệt-trần vậy,

Nghề in nghề sách đã phát-đạt thời những thư-viện chắc cũng mỗi ngày một mở-mang ra. Nhà « Đại-Pháp Đồ-thư-quán » (*Bibliothèque Nationale*) thành Paris, qua đời nọ sang đời kia, tăng-tiến thế này :

| | | |
|---|---|---|
| Đời vua FRANÇOIS thứ I (đầu thế-kỷ thứ 15) có | 450 | quyển sách |
| Khi vua LOUIS thứ 14 mới lên ngôi..... | 5.000 | — |
| Khi vua LOUIS thứ 14 băng-hà..... | 70.000 | — |
| Năm 1874..... | 2.077.571 | — |
| Hiện nay..... | Ngót 4 triệu | — (vừa sách in vừa sách viết) |

Bây giờ cứ mỗi năm hơn bù kém thêm được 2 vạn quyển. Còn số người đến đọc và mượn sách mỗi năm 370.000 người, và số tiền kinh-phí mỗi năm ngót một triệu quan.

Những nơi đô-hội tỉnh-thành lớn ở các nước văn-minh không đâu là không có nhà thư-viện rộng mở cho thiên-hạ vào xem. Các trường Đại-học cũng có những thư-viện lớn để cho học-trò đến khảo-cứu.

Ở bên Đại-Pháp bây giờ nhiều làng-xã ở nhà quê cũng đã có thư-viện rồi, vì những người có trách giáo-dục trong nước muốn « đem những sách-vở hay truyền-bá trong khắp cả quốc-dân như gieohạt thóc trong luống cầy » (theo như lời ông HORACE MANN đã nói), để mong sau này người dân được sáng-suốt khôn-ngoan, cũng như ruộng đất được phong-đăng hòa-cốc. Mà thật thế, sách-vở càng ngày càng phổ-thông thời sẽ có một ngay cái kho tri-thức đạo-đức trong nhân loại ban-bố ra được khắp cả mọi người; ngày ấy thời nhân-loại mới thật là có ý-thức, nghĩa là hiểu rõ cái thiên-chức của mình ở đời, và họa may bấy giờ mới thực-hành được những cái lý-tưởng cao-xa về công-nghĩa, về nhân-đạo vậy. Những người có chí với đời ai cũng mong-mỏi như thế.

(*Còn nữa*)

HỒNG-NHÂN *biên-dịch*

---

## Danh-văn trích-dịch

*Nhân bài khảo về « Thế-giới tiến-bộ sử » trên kia, xin trích-dịch một đoạn danh-văn của Đại-Pháp như sau này, thuyết-minh về lẽ tiến-hóa của loài người.*

### Le progrès humain

Quand nous parlons de l'évolution humaine, du progrès humain, nous sommes dupes d'une illusion singulière.

Nous ne pensons qu'au progrès *matériel* et *individuel*, et pas du tout, ou guère, ou, en tout cas, infiniment moins, au progrès *spirituel* et *intellectuel*.

Sans doute, nous savons que l'évolution *psychologique* s'est produite en même temps que l'évolution *économique*. Mais il s'en faut que nous accordions à la première autant d'importance qu'à la seconde.

Nous nous représentons facilement l'homme primitif *dénué d'outillage extérieur*, mais non point si facilement dénué d'*aptitude intérieure*. Au fond, nous nous le représentons peu ou prou comme un Robinson Crusoé dans une île agrandie, une île de l'espace, la terre. Or, Robinson est un cas très particulier. Car s'il a les mains vides, il a la tête pleine. Et sa

### Sự tiến-bộ của loài-người

Khi ta nói về sự tiến-hóa của nhân-loại, sự tiến-bộ của loài người, ta thường bị hoặc vì một sự mơ-tưởng lạ.

Ta chỉ nghĩ đến sự tiến-bộ về đường *vật-chất*, sự tiến-bộ cho mỗi *cá-nhân*, và không hề, không từng, hay là ít khi nghĩ đến sự tiến-bộ về đường *tinh-thần*, về đường *tri-thức*.

Chắc ta cũng biết rằng người ta phàm đã tiến-bộ về đường *kinh-tế* tất đồng-thời có tiến-hóa về đường *tâm-lý*. Nhưng mà thật ta không có cho đường tâm-lý quan-trọng bằng đường kinh-tế.

Ta tưởng-tượng người thượng-cổ còn khuyết-phạp những đồ *dụng-cụ ở ngoài* thời dễ, mà tưởng-tượng còn khuyết-phạp cái gốc *năng-lực ở trong* thời có lẽ không dễ bằng. Rút lại, ta tưởng-tượng người đời xưa cũng phẳng-phất như một chàng Lỗ-binh-tôn nào phiêu-rạt ở một nơi cù-lao to-lớn, một cái cù-loa ở giữa khoảng không, tức là địa-cầu vậy. Nhưng mà chuyện Lỗ-binh-tôn là một

*richesse cérébrale* ne saurait manquer de faire éclore autour de lui une *richesse matérielle* correspondante. Il n'a pas les *produits*, mais il a l'*outil*, rapide et puissant générateur des produits. Et cet outil, c'est l'*idée*.

Or, est-ce là le cas de l'homme primordial ? Point. Il n'a, lui, ni produits, ni outils. Avant de féconder la nature, il faut d'abord féconder son cerveau. Les biens externes ne peuvent naître que des biens internes. Pour changer le milieu, il faut changer l'homme.

Ou plutôt, ces deux œuvres se sont faites parallèlement et connexement, chacune étant à la fois cause et effet de l'autre, dans une étroite union.

JEAN IZOULET
(*La Cité moderne* — F. Alcan, éditeur)

chuyện đặc-biệt. Vì anh Lỗ-binh-tôn dù hai bàn tay không mà đã có cái óc đầy. Và *não-chất đã phong-phú* thời tất là sinh-sản được quanh mình một cái *vật-chất phong-phú* tương-đương. Dẫu không có những *sản-vật* mà đã có cái *khí-cụ*, sinh-hóa ra sản-vật vừa mau vừa mạnh. Khí-cụ ấy là cái *tư-tưởng* vậy.

Nay người thượng-cổ có phải như thế không ? Quyết rằng không. Người thượng-cổ không có sản-vật mà cũng không có khí-cụ. Trước khi biến-hóa được vạn-vật, còn phải khai-hóa cái óc mình đã. Của ở ngoài phải có vốn ở trong mới sinh ra được. Muốn cải-hóa cái hoàn-cảnh, phải cải-hóa con người ta trước.

Hay là nói thế này đúng hơn, là hai sự cải-hóa ấy là đồng - thời và liên-hệ với nhau, vừa làm nhân quả lẫn cho nhau một cách rất mật-thiết vậy.

HỒNG-NHÂN *dịch*

# MỘT BỘ SÁCH CÓ GIÁ-TRỊ CHO QUỐC-SỬ

## SÁCH « VIỆT-NAM CẬN-CỔ-SỬ » CỦA ÔNG GIÁO MAYBON (1)

Từ khi Đại-Pháp đặt Bảo-hộ ở nước Nam này, người qui-quốc khảo-cứu về lịch-sử, phong-tục, chính-trị, tôn-giáo của bản-quốc kể cũng đã nhiều. Ấy là không nói những nhà du-lịch qua chơi xứ này giăm mươi tháng một năm, khi về nước làm sách du-ký, chẳng qua là tả cái cảm-giác một người du-khách đối với cảnh-vật một xứ phương xa, thường văn-chương nhiều mà thực-sự ít, không phải là những sách có giá-trị về đường học-vấn. Nếu nay kê cái mục-lục những sách-vở của người Tây viết về nước Nam mà gọi được là sách có giá-trị thời cũng được tới vài trăm mục, không kể những bài khảo bài luận in trong các tập tùng-thư tạp-chí, như tập « Du-thám kỷ-yếu » (*Excursions et reconnaissances*), của các quan văn quan võ Pháp hồi mới sang đây ghi

(1) CHARLES B.-MAYBON, docteur ès-lettres. *Histoire moderne du Pays d'Annam* (1592-1820) *Etude sur les premiers rapports des Européens et des Annamites et sur l'établissement de la dynastie annamite des Nguyễn.* — Préface de M. HENRI CORDIER, membre de l'Institut. — Paris, Plon-Nourrit, éditeurs, (1921), XIV-498 pages et 1 carte. — Prix : 30 francs.

chép những sự quan-sát khảo-cứu về bản-xứ, lại như tập « Đông-Pháp Tạp-chí (*Revue Indochinoise*), hay là sách « Biên-tập của trường Viễn-đông Bác-cổ » (*Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient*). Trong vài trăm quyển ấy, lại chọn lọc một từng nữa mà chỉ giữ lấy những sách nào thật là nghị-luận sác-đáng, khảo-cứu đến nơi, không những người Tây xem có bổ-ích mà người Nam xem cũng được lợi, thời họa may được vài ba chục quyển là cùng. Như khảo về chính-trị xã-hội nước Nam đời xưa thời có sách của ông LURO và những bài ông dạy ở trường các quan cai-trị thí-sai (*Collège des Stagiaires*) ở Sài-gòn đã hơn ba-mươi năm nay ; — khảo về pháp-luật nước Nam thời có sách của ông PHILASTRE dịch bộ « Hoàng-Việt luật-lệ » (ta thường gọi là « Luật Gia-long ») và sách của ông SILVESTRE tổng-luận về ý-nghĩa luật An-nam (sách này là gồm những bài giảng-thuyết của ông ở trường « Tư-lập Chính-trị học-hiệu », *Ecole libre des Sciences politiques* ở Paris) ; — khảo về ngữ-ngôn văn-tự thời ở Nam-kỳ có ông ABEL DES MICHELS đã dịch truyện *Kim-Vân-Kiều*, ông LANDES đã dịch truyện *Nhi-độ-mai*, ở Bắc-kỳ có ông NORDEMANN (tên ta là Ngô-đế-mân), ông CHÉON (tên ta là Xương-ông) và ông DUMOUTIER. Ông DUMOUTIER này làm chức Học-chánh ở Bắc-kỳ trước nhất, chính ông đã tổ-chức ra các trường Pháp-Việt lúc đầu tiên, ông trước-thuật nhiều lắm, không những khảo về tiếng ta, chữ nho, mà học cả về phong-tục, tôn-giáo, cổ-tích, bách-nghệ, v. v. của ta. Tổng-luận về cả các phong-tục chế-độ của Việt-Nam ta trước khi Đại-Pháp sang bảo-hộ, thời có quyển sách « Cổ Việt-Nam » (*L'Annam d'autrefois*) của quan Khâm-sứ PASQUIER ở Kinh bây giờ, bản-chí đã bình-luận ở một kỳ trước. Còn đến những sách thuần văn-chương như du-ký, tiểu-thuyết, mà tả-chân được phong-tục tính-tình, khám-phá được tư-tưởng tâm-lý của người Nam mình, thời trước kia có sách của ông BOSSIÈRE, gần đây có bộ tiểu-thuyết của ông MARQUET (đề là « Từ đồng bằng lên mạn-ngược », *De la rizière à la montagne*, trong bản-chí cũng đã từng bình-luận rồi).

Xét ra bấy nhiêu sách, trừ bộ tiểu-thuyết của ông MARQUET mới xuất-bản không kể, đều là những sách làm từ mười-lăm hai-mươi năm về trước cả, và quyển nào càng cũ lại càng có giá-trị hơn. Tự mười-lăm hai-mươi năm đến giờ, người quí-quốc không từng trước-thuật được sách gì hay về bản-quốc cả. Hoặc-giả có người nói rằng: hồi Đại-Pháp mới sang đây, các quan-viên quí-quốc nhất-thiết còn bỡ-ngỡ cả, nên phải ra công cố sức nghiên cứu về nước Nam ; đến sau chính-thể đã an-định, mọi việc đã thành cơ-sở rồi, những người đến sau không có cái chí khảo-cứu gì nữa, người An-nam càng biết người Tây tiếng Tây hơn lên bao nhiêu thời người Tây lại càng hiểu người Nam tiếng Nam kém đi bấy nhiêu, thành ra có người ở bên này mười-lăm hai-mươi năm trời mà một tiếng An-nam không biết, phong-tục An-nam chẳng hay ; lời nói ấy tưởng cũng có lẽ phải vậy.

Tới nay, cái sổ mục-lục các sách tây nói về nước Nam, mới lại tăng thêm được một quyển nữa, nhưng thật là một quyển sách có giá-trị đặc-biệt, không phải là sách tầm-thường vậy. Sách này là vào hạng những sách kể từ khi xuất-bản ra thành một công-trình đáng kỷ-niệm trong học-giới, vì có thể làm cho tăng-tiến sự tri-thức của người ta. Sách này là sách người An-nam ta lại càng phải quí-trọng lắm, vì nhờ đó mà ta có thể biết thêm được nhiều điều hay điều lạ về lịch-sử nước ta vậy.

Sách đề là « Việt-Nam Cận-cổ Sử », gồm lịch-sử nước Nam từ năm 1592 đến năm 1820, nghĩa là tự Lê trung-hưng cho đến Nguyễn khai-sáng, là cái đoạn nhiều việc nhất trong quốc-sử ta. Sách chuyên-khảo về sự giao-thiệp thứ nhất của người Âu-châu với người An-nam và cái công khai-sáng của bản-triều. Nghe đâu sẽ có một quyển tục-biên nữa từ năm 1820 cho đến ngày nay, nghĩa là khảo riêng về lịch-sử Bản-triều từ sau vua Cao-hoàng cho đến thời-kỳ can-thiệp với Đại-Pháp vậy.

Tác-giả là ông CHARLES B. MAYBON, trước làm giáo-viên ở trường Viễn-đông Bác-cổ Hà-nội, nay làm đốc-học trường Pháp-Hoa ở Thượng-hải. Các thầy-giáo và học-trò Pháp-Việt ta, chắc không ai là không biết quyển « Việt-nam Sử-lược » (*Notions d'Histoire d'Annam)* của ông cùng soạn với ông học-chánh RUSSIER năm xưa. Trong các sách giáo-khoa về Nam-sử, sách ấy tốt hơn nhất, nên các trường thường dùng cả. Vậy quyển « Việt-Nam Sử-lược » ấy chính là một bản dự-thảo cho sách « Việt Nam Cận-cổ sử » này. Ông MAYBON khảo về Nam-sử đã hơn mười-lăm năm nay, và quyển sách xuất-bản bây giờ chính là kết-quả cái công-phu trong bấy lâu đó. Mười-lăm năm trời mới làm xong quyển sách, ấy các nhà trước-thuật Thái-Tây cẩn-thận như thế. Bởi cẩn-thận như thế, nên sách làm ra mới có giá-trị, dẫu là người Tây mà khảo về việc nước Nam cũng tinh-thông tường-tận, gấp mấy mươi lần người An-nam ta vậy.

Sách này là sách ông đệ-trình trường Đại-Học Paris để thi lấy bằng văn-khoa-tiến-sĩ. Lệ thi tiến-sĩ bên Pháp không phải làm bài-vở như ở nước ta ngày xưa. Người nào đã có văn-bằng cử-nhân rồi, muốn thi tiến-sĩ, phải chọn lấy một ái vấn-đề gì mà trước kia chưa ai xét đến, rồi ra công nghiên-cứu cho rất tường-tận, làm thành một quyển sách đệ-trình cho hội-đồng chấm. Hội-đồng chấm không phải là xét cái nội-dung quyển sách, — như sách khảo về Nam-sử thời các quan chấm thi bên Tây ai là người thuộc Nam-sử, — nhưng xét cái thể-tài sách, nghĩa là cách lợi dụng bố-trí các tài-liệu, cách suy-luận phê-phán các công việc, v.v., có hợp với phép làm sử không. Còn những tài-liệu của tác-giả đã lợi-dụng, tìm kiếm được ở đâu, trích-lục sách-vở nào, phải kê-liệt ra cho rõ để làm chứng-cớ cho lời bàn lời thuật của mình. Sách đệ-trình cho mỗi quan hội-đồng xét riêng mấy tuần hay mấy tháng trước, xong rồi họp hội-đồng lại, người ứng-thí phải ra trước hội-đồng để các quan chất-vấn điều gì thời biện giải ứng-đối. Tiếng tây gọi là *soutenance de thèse*, nghĩa là biện-thuyết về vở thi tiến-sĩ. Cuộc biện-thuyết ấy lắm khi kịch-liệt lắm. Người ứng-thí có biện-luận giỏi mới được thừa-nhận trúng-cách. Sách của ông MAYBON đã được hội-đồng thừa-nhận trúng-cách, và trường Đại-học Paris đã ban cho ông bằng Văn-khoa-tiến-sĩ (*docteur ès-lettres*). Sách sau khi xuất-bản, lại được Hội « Khảo-cổ học bác-sĩ » (*Académie des Inscriptions et Belles-Lettres)* ban cho một cái phần thưởng to. Coi đó thời đủ biết các nơi thông-thái bên quí-quốc đã công-nhận sách ông MAYBON là sách có giá-trị vậy. Nay ta thử xét xem sách ấy giúp cho quốc-sử ta được những gì.

Một quyển sách khổ giấy rộng, chữ in nhỏ, giầy đến 500 trang, trang nào cũng đầy những cước-chú, gồm cái công-phu khảo-cứu trong 15 năm, muốn xét cho cẩn-thận, phải đọc rất kỹ-lưỡng (đọc một quyển sách như thế ít ra phải 15 ngày), và muốn bình-luận cho đích-đáng, không thể bàn trong một bài mà hết được. Vậy kỳ này hẳng xin giới-thiệu mấy lời như thế, để kỳ

*Kinh ảnh Trung-Bắc*

**Quan Học-bộ Thượng-thư Thân Trọng-Huề**

Nhân quan Hiệp-tá Thân đại-nhân mới đắc-chỉ hồi Triều, bản-chí in bức hình này để lưu cái chân-dung một bậc đại-thần có danh-vọng trong nước

sau sẽ bình-luận tường hơn. Nay chỉ nói qua về cái chương-trình sách như sau này.

Sách chia ra làm mười thiên. Thiên « Tự-luận », tổng-thuật về triều Lê và ba họ Mạc, Trịnh, Nguyễn. — Thiên thứ I, nói về hai họ Trịnh và Nguyễn đã thành chúa phương Bắc và chúa phương Nam, tranh-dành nhau và giao-chiến với nhau từ năm 1620 đến năm 1674. — Thiên thứ II, nói về người Âu-châu mới sang An-nam : 1) Các cố đạo về « Giòng Tên » (*Jésuites*) ; 2) Việc lập ra hội « Ngoại-quốc truyền-giáo Hội » (*Société des Missions étrangères*) ; 3) Việc thông-thương người Âu-châu với người An-nam trong thế-kỷ thứ 17. — Thiên thứ III, nói về tình-hình nước Nam từ năm 1674 đến năm 1775 : 1) Họ Trịnh ở Bắc-kỳ : 2) Họ Nguyễn ở Trung-kỳ và Nam-kỳ. — Thiên thứ IV, nói về người Âu-châu giao-thiệp với người An-nam (kỳ thứ nhì) : 1) Các hội giảng giáo về thế-kỷ thứ 18 ; 2) Việc thông-thương trong thế-kỷ thứ 18. — Thiên thứ V nói về loạn Tây-sơn : 1) Tây-sơn đối với họ Nguyễn ; 2) Chúa Nguyễn Nguyễn-Ánh với Đức-Cha Bách-đa-lộc (*Pigneau de Béhaine*) ; 3) Việc giao-thiệp với ông Thống-đốc Ấn-độ Cassigny. Chúa Nguyễn-Ánh đến hồi khôi-phục Sài-gòn (năm 1787). — Thiên thứ VI, nói về Đức-cha Bách-da-lộc ở Pháp, từ tháng giêng đến tháng chạp năm 1787, và ở Ấn-độ từ tháng năm năm 1788 đến tháng bảy năm 1789 (việc thương-thuyết với ông Connay). — Thiên thứ VII, nói về Đức-cha Bách-da-lộc đem cứu-viện cho chúa Nguyễn-Ánh, khôi-phục được Sài-gòn. — Thiên thứ VIII, nói về nhà Nguyễn thắng : 1) Tây-sơn ở Nam-kỳ và Bắc-kỳ (1786-1790) ; 2) Chúa Nguyễn-Ánh nhất-thống nước Nam. — Thiên thứ IX, nói về chúa Nguyễn-Ánh lên ngôi Hoàng-đế, đặt niên-hiệu là Gia-long (1802-1820) : 1) Chỉnh-đốn việc nội-trị ; 2) giao-thiệp với nước ngoài.

Trên đầu sách lại có một thiên kê-liệt những « nguồn khảo-cứu » (*les sources*), nghĩa là kê rõ những sách-vở văn-thư đã lợi-dụng để làm ra sách này ; chia ra : nguồn Âu-châu (*sources européennes*) là những công-văn thư-tịch của các kho sách lớn bên Tây (như nhà Đại-Pháp-Đồ-thư-quán, như Văn-khố của các Bộ Thuộc-địa, Bộ Ngoại-giao, của hội Truyền giáo giòng Tên, hội Truyền-giáo ngoại-quốc, của Công-ti Ấn-độ nước Anh (*Archives de la Compagnie anglaise des Indes*) và Công-ti Ấn-độ nước Hòa-lan (*Compagnie néerlandaise des Indes*) ; cùng những sách của người Âu-châu khảo về lịch-sử nước Nam mà đã có lợi-dụng ít nhiều những công-văn thư-tích ở trên ; — 2) nguồn Á-châu (*sources asiatiques*), là những sách sử-ký của ta, như bộ « Khâm-định thông-giám », « Sử-ký toàn-thư », « Hoàng-triều thực-lục », « Đại-Nam hội-điển », « Hoàng-triều liệt-truyện », « Lịch-triều hiến-chương », « Gia-định thông-chí » ; cùng những sách của người Tây làm mà có dịch-thuật các sách ta sách tàu. — Đặc-sắc của bộ « Việt-Nam cận-cổ-sử » của ông Maybon này chính là biết khéo tham-bác các « nguồn Âu-châu » với « nguồn Á-châu », phát-minh ra được nhiều điều mà người An-nam ta chỉ xem sách sử ta không bao giờ biết được ; cho nên một đoạn sử về việc giao-thiệp người Âu-châu với người Việt-Nam, vì đã khéo lợi-dụng các văn-thư của những hội buôn và hội truyền-giáo, thật là rất mực tường-tận, từ xưa đến nay chưa có ai khảo được tường như thế, và chắc cũng còn lâu nữa chưa ai khảo thêm được tường hơn.

Kỳ sau sẽ lược-thuật và bình-luận về từng thiên một.

Thượng-Chi

# 聖賢格言
# THÁNH-HIỀN CÁCH-NGÔN (1)

(Lời nói hay của thánh-hiền)

III

## 第六章
兄弟 — Huynh đệ

### 第二十四節

孔子曰。兄弟怡怡。
Khổng-tử viết: Huynh đệ di di,
(言兄弟當和悅以
(Ngôn huynh đệ đương hòa duyệt dĩ
敦天性之親。經傳
đôn thiên tính chi thân, kinh truyện
垂訓。亦只此意。)
thùy huấn, diệc chỉ thử ý.)

書曰。(君陳)惟孝友
Thư viết: (Quân-trần), Duy hiếu hữu
于兄弟。施于有政。
vu huynh đệ, thi vu hữu chính.

書曰。(康誥)弟弗克
Thư viết: (Khang cáo) Đệ phất khắc
恭厥兄。兄大不友
cung quyết huynh, huynh đại bất hữu
于弟。民彝大泯亂。
vu đệ, dân di đại dẫn loạn,
乃(汝。指康王)其作
nãi (nhữ, chỉ Khang-vương) kỳ tác
罰刑茲無赦。
phạt hình tư vô sá.

### 第二十五節

詩云。棠棣之華。鄂
Thi vân: Đường lệ chi hoa, ngạc
不韡韡。凡今之人。
bất vĩ vĩ, phàm kim chi nhân,
莫如兄弟。死喪之
mạc như huynh đệ, tử táng chi
威。兄弟孔懷。原隰
uy, huynh đệ khổng hoài, nguyên thấp
裒(聚尸)矣。兄弟求
biểu (tụ, thi) hĩ, huynh đệ cầu

## CHƯƠNG THỨ VI
Anh em

TIẾT THỨ 24

Đức Khổng-tử rằng : « Anh em hòa vui ».

(Đây nói anh em nên hòa vui để đốc lòng thân-thiết ; kinh truyện dạy bảo cũng ý ấy cả).

Kinh Thư (thiên Quân-trần) rằng : « Duy hiếu với cha mẹ, hòa-thuận với anh em, thì ra hành chính được ».

Kinh Thư (thiên Khang-cáo) rằng : « Em không biết kính trọng anh, anh rất không biết yêu em, đạo thường của dân rất là rối loạn, mày (Khang-vương) phải nghiêm phạt mà làm tội những kẻ ấy không tha ».

TIẾT THỨ 25.

Kinh Thi rằng : « Kia hoa cây Đường-lệ, để hoa cái nào cũng tốt đẹp, hết thảy người đời nay, chẳng gì bằng anh em, như sự chết chôn, người ta sợ hãi, mà anh em rất thương nhau, chốn nguyên-thấp chất đầy thây người, anh em phải đến tìm nhau, xem như

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 50.

矣。脊令(鳥名飛則
hĩ, tích linh (điểu danh, phi tắc
鳴行則搖)在原。兄
minh, hành tắc dao) tại nguyên. huynh
弟急難。每有良朋。
đệ cấp nạn, mỗi hữu lương bằng,
況也永嘆。
huống dã vĩnh thán.

兄弟鬩于牆。外禦
Huynh đệ huých vu tường, ngoại ngữ
其侮。每有良朋。烝
kỳ vũ, mỗi hữu lương bằng, chưng
也無戎。(言朋友不
dã vô nhung. (Ngôn bằng hữu bất
如兄弟之切也。)
như huynh đệ chi thiết dã).

儐爾籩豆。飲酒之
Sẩn nhĩ biên đậu, ẩm tửu chi
飫。兄弟既具。和樂
ứ, huynh đệ ký cụ, hòa lạc
且孺(慕)。
thả nhụ (mộ).

妻子好合。如鼓瑟
Thê tử hảo hợp, như cổ sắt
琴。兄弟既翕。和樂
cầm, huynh đệ ký hấp, hòa lạc
且湛(久也)。
thả thầm (cửu dã).

宜爾室家。樂爾妻
Nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê
孥。是究是圖。亶其
noa, thị cứu thị đồ, đản kỳ
然乎。(言宜爾樂爾
nhiên hồ. (ngôn nghi nhĩ lạc nhĩ
皆由兄弟)。
giai do huynh đệ).

## 第二十六節

詩云。醴酒有衍。籩
Thi vân: Ly tửu hữu diễn, biên
豆有踐。兄弟無遠。
đậu hữu tiễn, huynh đệ vô viễn.

詩云。戚戚兄弟。莫
Thi vân: Thích thích huynh đệ, mạc
遠其爾。或肆之筵。
viễn kỳ nhĩ, hoặc tứ chi diên,
或受之几。
hoặc thụ chi kỷ.

詩云。伯氏吹壎。仲
Thi vân: Bá thị xuy huân, trọng
氏吹篪。(樂器。土曰
thị xuy chi, (nhạc khí thổ viết

con chim tích-linh (chim choi-choi, bay thì kêu, đi thì lay động) ở ngoài đồng, còn biết thương nhau, anh em có sự cấp nạn, dẫu có bạn thiết, cũng chỉ thở dài mà thôi ».

« Anh em đánh nhau ở trong nhà, ra ngoài thì phải chống-cự kẻ khinh-nhờn, nếu có kẻ bạn giỏi, cũng không giúp gì được ». (Nói bè bạn không bằng anh em thân-thiết nhau hơn).

« Bày cái biên (cái dành) cái đậu (cái bát), uống rượu cho say, anh em đã đủ mặt, vui vẻ mà mến nhau ».

« Vợ con hòa hợp, như gảy đàn sắt đàn cầm, anh em đã hòa-hợp, thì vui vẻ và lâu dài ».

« Anh em có xum-họp, thì cửa nhà hòa thuận, vợ con vui vẻ, thử xét thử nghĩ, thực bởi có anh em mới được thế vậy. » (Nói sự hòa vui đều là bởi anh em).

### Tiết thứ 26

Kinh Thi rằng: « Rượu đúc có nhiều, cái biên cái đậu có bày sẵn, anh em chớ có xa nhau ».

Kinh Thi rằng: « Anh em thân-thiết đừng xa nhau, nên gần nhau, hoặc bày ra tiệc ăn, hoặc chao cho ghế ngồi ».

Kinh Thi rằng: « Nhà bác thổi cái huyên, nhà chú thổi cái chi » (đồ nhạc làm bằng đất gọi là huyên, làm bằng

壎。竹曰篪。此言兄
huân, trúc viết trì, thử ngôn huynh
弟心相愛。聲相和)
đệ tâm tương ái, thanh tương hòa).
詩云。兄及弟矣。式
Thi vân: Huynh cập đệ hĩ, thức
相好矣。無相猶(謀)
tương hảo hĩ, vô tương do (mưu)
矣。(言兄弟相好不
hĩ. (Ngôn huynh đệ tương hiếu bất
可相謀以傾覆也)。
khả tương mưu dĩ khuynh loát dã).

## 第二十七節

詩云。維此王季。因
Thi vân: Duy thử Vương Quí, nhân
心則友。則友其兄。
tâm tắc hữu, tắc hữu kỳ huynh,
則篤其慶。載錫之
tắc đốc kỳ khương, tái tích chi
光。(濃德之光。)受祿
quang. (nhượng đức chi quang,) thu lộc
無疆。(此言王季克
vô tăng. (Thử ngôn Vương Quí khắc
恭厥兄)。
cung quyết huynh).

孟子曰。仁人之於
Mạnh-tử viết: Nhân nhân chi ư
弟也。不藏怒焉。不
đệ dã, bất tàng nộ yên, bất
宿怨焉。親愛之而
túc oán yên, thân ái chi nhi
已矣。(此言舜克友
dĩ hĩ. (Thử ngôn Thuấn khắc hữu
于弟)。
vu đệ).

---

# 第七章

## 朋友. — Bằng hữu

## 第二十八節

孔子曰。朋友切切
Khổng-tử viết: Bằng hữu thiết thiết
偲偲。(言朋友常情
tư tư. (Ngôn bằng hữu thường tình
意懇到。告戒詳勉。
ý khẩn đáo, cáo giới tường miễn,
以盡箴規之義。下
dĩ tận châm qui chi nghĩa, hạ
文所引亦只此意)。
văn sở dẫn diệc chỉ thử ý).

tre gọi là chì. Đây nói anh em lòng càng yêu nhau, như tiếng sáo cùng xướng họa với nhau).

Kinh Thi rằng: « Anh với em phải yêu nhau, chớ có tìm mưu kế mà hại nhau. » Nói anh em nên yêu nhau, đừng toan khuynh-loát nhau vậy ».

TIẾT THỨ 27

Kinh Thi rằng: « Duy có ông Vương-Quí thực lòng yêu kính, yêu kính người anh mình, thì được dầy phúc tốt, lại cho anh cái đức nhân nhường kia rực rỡ, ăn lộc không bao giờ hết ». (Đây nói ông Vương Quí hay kính trọng người anh).

Thầy Mạnh rằng: « Kẻ nhân ở với người em mình, không để lòng giận, không chứa lòng oán, thân yêu đó mà thôi vậy ». (Đây nói vua Thuấn hay yêu người em).

---

# CHƯƠNG THỨ VII

## Bạn-bè

TIẾT THỨ 28

Đức Khổng-tử rằng: « Bạn bè nên khuyên răn nhau thiết-tha gần-bó. » (Đây nói bạn-bè tình-ý phải nên thân-thiết, răn bảo nhau cho kỹ-lưỡng, cho hết nghĩa bảo ban nhau, các bài dưới này cũng ý thế).

易曰。麗澤兌。君子以朋友講習。(言朋友之相資如兌澤之相麗)。
Dịch viết: Lệ trạch Đoái, quân-tử dĩ bằng hữu giảng tập. (Ngôn bằng hữu chi tương tư như đoái trạch chi tương lệ).

易曰。君子上交不諂。下交不瀆。(言交不可諂瀆)。
Dịch viết: Quân-tử thượng giao bất siểm, hạ giao bất độc. (Ngôn giao bất khả siểm độc).

詩云。相彼鳥矣。猶求友聲。矧伊人矣。不求友生。(言人當篤於朋友)。
Thi vân: Tương bỉ điểu hĩ, do cầu hữu thanh, thẩn y nhân hĩ, bất cầu hữu sinh. (Ngôn nhân đương đốc ư bằng hữu).

## 第二十九節

禮曰。君子不盡人之歡。不竭人之忠。以全交也。
Lễ viết: Quân tử bất tận nhân chi hoan, bất kiệt nhân chi trung dĩ toàn giao dã.

禮曰。君子之接如水。小人之接如醴。君子淡以成。小人甘以壞。(言君子小人交友不同)。
Lễ viết: Quân tử chi tiếp như thủy, tiểu nhân chi tiếp như lễ, quân tử đạm dĩ thành, tiểu-nhân cam dĩ hoại. (Ngôn quân-tử tiểu-nhân giao hữu bất đồng.)

禮曰。儒有合志同方。營道同術。同而進。不同而退。其交友如此者。
Lễ viết: Nho hữu hợp chí đồng phương, doanh đạo đồng thuật, đồng nhi tiến, bất đồng nhi thoái, kỳ giao hữu như thử giả.

## 第三十節

孔子曰。宴平仲善
Khổng-tử viết: Yến Bình-Trọng thiện

Kinh Dịch rằng: « Tượng hai cái đầm liền nhau là quẻ Đoái, người quân-tử xem tượng quẻ ấy để kết bạn giảng bảo nhau ». (Nói bạn bè bảo lẫn nhau như đầm nọ đầm kia cùng tư-ích nhau vậy).

Kinh Dịch rằng: « Người quân-tử chơi với người trên không nịnh, chơi với người dưới không nhờn ». (Nói đạo chơi không nên siểm-nịnh và nhờn).

Kinh Thi rằng: « Xem như con chim kia, còn biết gọi bạn nó, huống chi người ta sao chẳng tìm bạn ». (Nói người ta nên trọng nghĩa bè bạn).

### Tiết thứ 29

Kinh Lễ rằng: « Người quân-tử chẳng làm hết lòng vui của người ta, chẳng ở đến hết lòng trung-thành của người ta, để toàn nghĩa chơi với nhau ».

Kinh Lễ rằng. « Người quân-tử tiếp đãi người ta như là nước, kẻ tiểu-nhân tiếp đãi người ta như là rượu ngọt, người quân-tử nhạt nhưng mà hay, kẻ tiểu-nhân ngọt nhưng mà dở. » (Nói đạo giao-tiếp của người quân-tử với người tiểu-nhân khác nhau).

Kinh Lễ rằng: « Kẻ nho-giả chí làm việc gì cũng hợp với nhau, cùng một phương-hướng, cùng theo một đường phải, cùng chung một nghề nghiệp, nếu đã cùng ý nhau thì cùng làm, chẳng cùng ý nhau thì thôi, ấy là chơi với bạn bè như thế ».

### Tiết thứ 30

Đức thánh Khổng rằng: « Ông Yến-

與人交。久而敬之。
dữ nhân giao, cửu nhi kính chi.
(言久而能敬。則善
Ngôn cửu nhi năng kính, tắc thiện
交矣)。
giao hĩ).

Bình-Trọng khéo giao-thiếp với người ta, giao-tiếp lâu mà vẫn kính-trọng nhau vậy. » (Nói lâu mà hay kính trọng là biết đạo giao-tiếp vậy.)

子貢問友。子曰。忠
Tử-Cống vấn hữu. Tử viết: Trung
告而善道之。不可
cáo nhi thiện đạo chi, bất khả
則止。毋自辱焉。
tắc chỉ, vô tự nhục yên.
(言不可而猶告則
(Ngôn bất khả nhi do cáo tắc
取辱也)。
thủ nhục dã).

Thầy Tử-Cống hỏi đạo bè-bạn. Đức thánh Khổng rằng: « Bảo lấy lẽ phải mà khéo dẫn bảo, nếu chẳng nghe thì thôi, chớ để nhục đến mình vậy». (Nói nếu chẳng nghe mà còn can bảo, thì làm nhục cho mình vậy).

孔子曰。有朋自遠
Khổng-tử viết: Hữu bằng tự viễn
方來。不亦樂乎。(言
phương lai, bất diệc lạc hồ. (Ngôn
以德及人則可樂)。
dĩ đức cập nhân tắc khả lạc).

Đức Khổng-tử rằng: « Mình có đức tốt, có bạn từ phương xa tìm lại chơi chẳng cũng vui lắm du! » (Nói mình có đức tốt, mà người ta phải đến chơi với mình, thì khá vui vậy).

孔子曰。無友不如
Khổng-tử viết: Vô hữu bất như
己者。(友不如己則
kỷ giả. (Hữu bất như kỷ tắc
無益)。
vô ích).

Đức Khổng-tử rằng: « Chớ làm bạn kẻ chẳng bằng mình » (Nói làm bạn với kẻ chẳng bằng mình thì vô-ích).

孔子曰。益者三友。
Khổng-tử viết: Ích giả tam hữu
損者三友。友直。友
tổn giả tam hữu, hữu trực, hữu
諒。友多聞。益矣。友
lượng, hữu đa văn, ích hĩ. Hữu
便辟(習於威儀而
biền tích (tập ư uy-nghi nhi
不直)。友善柔。(工於
bất trực), hữu thiện nhu, (công ư
媚悅而不諒)。友便
mị duyệt nhi bất lượng), hữu biền
佞。(習於言語而無
nịnh, (tập ư ngôn ngữ nhi vô
聞)。損矣。(言友有損
văn), tổn hĩ. (Ngôn hữu hữu tổn
益。人當慎以擇友
ích, nhân đương thận dĩ trạch hữu
也)。
dã).

Đức Khổng-tử rằng: « Người bạn có ích có ba thứ; người bạn tổn-hại có ba thứ. Làm bạn với kẻ ngay thẳng, làm bạn với kẻ tin cẩn, làm bạn với kẻ biết nhiều sự hay, thì có ích. Làm bạn với kẻ hay làm dáng-dấp (tập làm dáng dấp mà chẳng ngay thẳng), làm bạn với kẻ đon-ngót (khéo siểm-nịnh mà chẳng tin thực), làm bạn với kẻ khéo nói (khéo nói năng mà chẳng biết gì) thì thiệt-hại vậy » (Nói người bạn có kẻ ích có kẻ tổn, nên phải cẩn-thận chọn bạn mà chơi.

## 第三十一節

孔子於朋友死無所歸。曰於我殯。
Khổng-tử ư bằng hữu tử vô sở qui, viết ư ngã sấn.

曾子曰。君子以文會友。以友輔仁。(言朋友相資之益)。
Tăng-tử viết: Quân-tử dĩ văn hội hữu, dĩ hữu phụ nhân. (Ngôn bằng hữu tương tư chi ích).

子夏曰。與朋友交言而有信。(言交主於信)。
Tử-Hạ viết: Dữ bằng hữu giao ngôn nhi hữu tín. (Ngôn giao chủ ư tín).

子游曰。朋友數斯疎矣。(言數諫則易疎。
Tử-Du viết: Bằng hữu sác tư sơ hĩ. (Ngôn sác gián tắc dị sơ).

## 第三十二節

萬章曰。敢問友。孟子曰。不挾長。不挾貴。不挾兄弟而友。友也者友其德也。不可以有挾也。(言有所挾則非友道)。
Vạn-Chương viết: Cảm vấn hữu? Mạnh tử viết: Bất hiệp trường, bất hiệp qui, bất hiệp huynh đệ, nhi hữu, hữu dã giả hữu kỳ đức dã, bất khả dĩ hữu hiệp dã. (Ngôn hữu sở hiệp tắc phi hữu đạo).

孟子曰。一鄉之善士斯友一鄉之善士。一國之善士。斯友一國之善士。天下之善士斯友天下之善士。以友天下之善士爲未足。
Mạnh-tử viết: Nhất hương chi thiện-sĩ tư hữu nhất hương chi thiện-sĩ, nhất quốc chi thiện-sĩ tư hữu nhất quốc chi thiện-sĩ thiên-hạ chi thiện-sĩ tư hữu thiên-hạ chi thiện-sĩ; dĩ hữu thiên-hạ chi thiện-sĩ vi vị

### Tiết thứ 31

Đức thánh Khổng-tử ở với bè bạn, người nào chết mà không có ai thừa-nhận, thì nói rằng để ta chôn cho.

Thầy Tăng-tử rằng: « Người quân-tử lấy văn-chương họp bè-bạn; lấy bè-bạn giúp mình làm điều nhân. » (Nói bè-bạn có ích-lợi về sự nhờ lẫn nhau).

Thầy Tử-Hạ rằng: « Cùng bè-bạn chơi nói phải có tin ». (Nói chơi với bạn chủ ở điều tin).

Thầy Tử-Du rằng: « Bè-bạn năng can, tất đến xa nhau » (Nói năng can thì dễ xa nhau).

### Tiết thứ 32

Ngươi Vạn-Chương rằng: « Dám hỏi đạo bè-bạn thế nào? » Thầy Mạnh-tử rằng: « Chẳng cậy hơn tuổi, chẳng cậy là sang, chẳng cậy là anh em, chớ đem ba điều ấy để kết bè-bạn, bè-bạn ấy là vì có đức tốt, đừng nên có điều gì cậy vậy ». (Nói nếu có cậy điều gì thì không phải là đạo bè-bạn).

Thầy Mạnh-tử rằng: « Kẻ hay trong một làng, thì lại làm bạn với kẻ hay trong một làng; kẻ hay trong một nước, thì lại làm bạn với kẻ hay trong một nước; kẻ hay trong thiên-hạ thì lại làm bạn với kẻ hay trong thiên-hạ; làm bạn với kẻ hay trong thiên-hạ còn lấy làm

足也。又尚論古之
túc dã, hựu thượng luận cổ chi
人。是尚友也。
nhân, thị thượng-hữu dã.

(尚上同。言進而尚
(Thượng, thượng đồng, ngôn tiến nhi thượng
友於古人。此見友
hữu ư cổ-nhân, thử kiến hữu
道之廣)。
đạo chi quảng).

chưa đủ, lại giở lên tìm người đời xưa, ấy là làm bạn lên bậc trên vậy ».

(Chữ « thượng » này cũng nghĩa là trên như chữ «thượng» kia. Nói tiến lên làm bạn với người đời xưa, thế mới biết đạo bè-bạn là rộng vậy).

---

# 第八章

## 修身 — Tu-thân

## 第三十三節

大學(孔子經文)曰。
Đại-học (Khổng-tử kinh văn) viết:
自天子至於庶人。
Tự thiên-tử chí ư thứ-nhân,
壹是皆以修身爲
nhất thị giai dĩ tu thân vi
本。(言修身爲齊家
bản. (Ngôn tu thân vi tề gia
治國平天下之本。
trị quốc bình thiên hạ chi bản,
自天子至於庶人。
tự thiên tử chí ư thứ nhân,
必以之爲首務。下
tất dĩ chi vi thủ vụ. hạ
文所引皆此意義)
văn sở dẫn giai thử ý nghĩa).

易曰。君子進德修
Dịch viết: Quân tử tiến đức tu
業。欲及辰也(言修身
nghiệp, dục cập thời dã. (Ngôn tu thân
貴及辰)。
qui cập thời.)

易曰。雷在天上大
Dịch viết: Lôi tại thiên thượng Đại
壯君子以非禮弗
tráng, quân tử dĩ phi lễ phất
履(踐行)。
lý (Tiễn hành).

易曰。山上有水蹇
Dịch viết: Sơn thượng hữu thủy Kiển,
君子以反身修德
quân tử dĩ phản thân tu đức.
易曰。風雷益。君子
Dịch viết: Phong lôi ích, quân-tử

## CHƯƠNG THỨ VIII

## Sửa mình

### Tiết thứ 33.

Sách Đại-học (lời kinh-văn của đức thánh Khổng) rằng: « Từ đấng-Thiên tử cho đến kẻ thứ-dân, nhất-thiết ai cũng phải lấy sửa mình làm gốc ». (Nói sửa mình là cỗi gốc việc trị nhà, trị nước, trị thiên-hạ, từ đấng thiên-tử cho đến kẻ thứ-dân, tất phải lấy việc ấy làm đầu, dưới này đều là ý nghĩa ấy.)

Kinh Dịch rằng: « Người quân-tử tiến đức-hạnh mình, sửa công-nghiệp mình, nên phải kịp thời vậy ». (Nói sửa mình qui-hồ cập-thời).

Kinh Dịch rằng: « Sấm ở trên trời là tượng quẻ Đại-tráng, người quân tử xem tượng ấy thì điều gì không phải lễ chẳng làm ».

Kinh Dịch rằng: « Trên núi có nước là tượng quẻ Kiển, người quân-tử xem tượng ấy để xét mình sửa đức. »

Kinh Dịch rằng: « Gió và sấm là

以見善則遷。有過
dĩ kiến thiện tắc thiên, hữu quả
則改。
tắc cải.
易曰。山上有澤。
Dịch viết: Sơn thượng hữu trạch,
損。君子以懲忿窒慾。
tổn, quân-tử dĩ trừng phẫn chất dục.
(以上皆言君子體
(Dĩ thượng giai ngôn quân-tử thể
易理以修其身)。
Dịch lý dĩ tu kỳ thân).

## 第三十四節

書曰。修厥身允(諴)
Thư viết: Tu quyết thân doãn (thành)
德協于下。惟明后。
đức hiệp vu hạ, duy minh hậu.
禮曰。毋不敬。儼若
Lễ viết: Vô bất kính, nghiễm nhược
思。安定辭。(其言安
tư, an định từ. (kỳ ngôn an
以舒)。安民哉。(言修
dĩ thư), an dân tai. (Ngôn tu
身使內外如一
thân sử nội ngoại như nhất,
則其效至於安民)。
tắc kỳ hiệu chí ư an dân).
禮曰。仲夏之月。陰
Lễ viết: Trọng hạ chi nguyệt, âm
陽爭(陽盡陰生)君
dương tranh (dương tận âm sinh) quân
子齋戒。處必掩身。
tử trai giới, xử tất yểm thân,
止聲色。薄滋味。仲
chỉ thanh sắc, bạc tư vị. Trọng
冬之月君子齋戒。
đông chi nguyệt, quân-tử trai giới,
處必掩身。去聲色。
xử tất yểm thân, khứ thanh sắc,
禁嗜欲。以待陰陽
cấm thị dục, dĩ đãi âm dương
之所定(言順天辰
chi sở định. (Ngôn thuận thiên thời
以修其身)。
dĩ tu kỳ thân).

## 第三十五節

禮曰。君子無不敬也。
Lễ viết: Quân-tử vô bất kính dã,

tượng quẻ Ích, người quân-tử xem tượng ấy để thấy điều gì phải thì theo ngay, có điều gì lỗi thì đổi ngay ».

Kinh Dịch rằng: « Dưới núi có đầm là tượng quẻ Tổn, người quân-tử xem tượng ấy để nén điều giận bực, ngăn điều ham muốn. »(Đây trở lên đều nói người quân-tử hay thể lẽ kinh Dịch để sửa mình).

TIẾT THỨ 34

Kinh Thư rằng: « Sửa mình mà đức tin thực khắp xuống dưới, chỉ có đức minh-quân là hay thế ».

Kinh Lễ rằng: « Không có điều gì là không kính-trọng: lòng nghĩ nghiêm vậy, lời nói chắc chắn (lời nói yên mà thư-thái), thì dân yên vậy ». (Nói sửa mình khiến cho trong lòng và bề ngoài như một, thời công-hiệu đến được yên dân).

Kinh Lễ rằng: « Tháng giữa mùa Hạ, khí âm khí dương thay đổi (khí dương hết, khí âm sinh), người quân-tử chay sạch, cư-xử phải gìn-giữ mình, ngăn cấm sự chơi tiếng hay sắc đẹp, các vị ăn phải thanh-đạm; tháng giữa mùa đông, người quân-tử phải chay sạch, cư-xử phải gìn-giữ mình, bỏ hết sự thanh-sắc, ngăn cấm sự ham muốn, để đợi khí âm khí dương định ra thế nào. » (Nói theo thời-tiết trời để sửa mình).

TIẾT THỨ 35

Kinh Lễ rằng: « Người quân-tử

敬身爲大。言不過辭。
kính thân vi đại, ngôn bất quá từ,
動不過則。則能敬
động bất quá tắc, tắc năng kính
其身。(言修身以敬
kỳ thân. (Ngôn tu thân dĩ kính
爲主)
vi chủ.)

禮曰。清明在躬志
Lễ viết: Thanh minh tại cung, chí
氣如神。(言持守此身。
khí như thần. (Ngôn trì thủ thử thân
須如神明。
tu như thần minh).

禮曰。君子莊敬日
Lễ viết: Quân tử trang kính nhật
強安肆(縱)日偷(薄)
cường, an tứ (tùng) nhật thâu (bạc
也。(言敬則強。肆則偷)
dã). (Ngôn kính tắc cường, tứ tắc thâu)

## 第三十六節

孔子曰。德之不修。
Khổng-tử viết: Đức chi bất tu,
學之不講。聞義不能
học chi bất giảng, văn nghĩa bất năng
徙。不善不能改是吾
tỉ, bất thiện bất năng cải, thị ngô
憂也。(言以是爲憂所
ưu dã. (Ngôn dĩ thị vi ưu sở
以修身也)
dĩ tu thân dã).

子貢問君子。子曰
Tử-Cống vấn quân tử. Tử viết:
修己以敬。(修身不外
tu kỷ dĩ kính. (Tu thân bất ngoại
一敬字。)
nhất kính tự).

顏淵問仁。子曰。克
Nhan-Uyên vấn nhân? Tử viết: Khắc
己復禮(天理)爲仁。
kỷ phục lễ (thiên lý) vi nhân.
請問其目。子曰。非
Thỉnh vấn kỳ mục? Tử viết: Phi
禮勿視。非禮勿聽
lễ vật thị, phi lễ vật thính,
非禮勿言。非禮勿
phi lễ vật ngôn, phi lễ vật
動。克治此四者以
động. (Khắc trị thử tứ giả dĩ
修身
tu thân).

không điều gì chẳng kính, nhưng kính mình là hơn, nói không quá lời, làm không quá phép, thế thời hay kính mình. » (Nói sửa mình lấy điều kính làm chủ).

Kinh Lễ rằng: « Trong sạch thân mình, chí-khí phải như thần-minh. » (Nói gìn-giữ mình nên như thần-minh).

Kinh Lễ rằng: « Người quân-tử nghiêm kính, thì ngày một khỏe mạnh, lười biếng thì ngày một yếu. » (Nói nghiêm-kính ngày càng khỏe, dông-dỡ ngày càng yếu).

TIẾT THỨ 36

Đức thánh Khổng rằng: « Đức chẳng sửa, học chẳng giảng, nghe điều nghĩa chẳng biết dời, biết điều chẳng phải chẳng bay bỏ, ta lấy thế làm lo vậy. » (Nói lấy những điều ấy làm lo để sửa mình vậy).

Thầy Tử-Cống hỏi: « Thế nào là người quân-tử? » Đức thánh Khổng rằng: « Người quân-tử sửa mình mình lấy điều kính ». (Nói sửa mình chẳng ngoài một chữ kính).

Ông Nhan-Uyên hỏi: « Thế nào là điều nhân? » Đức thánh Khổng rằng: « Sửa bỏ lòng riêng của mình mà theo lẽ phải (lẽ trời) ấy là nhân ». Ông Nhan-Uyên xin hỏi: « Việc làm thế nào? » Đức thánh Khổng rằng: « Điều gì chẳng phải lễ chớ trông chi, điều gì chẳng phải lễ chớ nghe chi, điều gì chẳng phải lễ chớ nói chi, điều gì chẳng phải lễ chớ làm chi. » (Nói tự bỏ bốn điều ấy để sửa mình).

孔子曰。苟正其身
Khổng tử viết : cẩu chính kỳ thân
矣。於從政乎何有
hĩ, ư tòng chính hồ hà hữu ;
苟不正其身。如正
cẩu bất chính kỳ thân, như chính
人何。
nhân hà.

## 第三十七節

中庸曰。齋明盛服。
Trung-dung viết : trai minh thịnh phục
非禮勿動。所以修
phi lễ vật động, sở dĩ tu
身也。
thân dã.

孟子曰。愛人不親。
Mạnh-tử viết : ái nhân bất thân,
反其仁。治人不治。
phản kỳ nhân ; trị nhân bất trị,
反其智。禮人不答。
phản kỳ trí ; lễ nhân bất đáp,
反其敬。行有不得
phản kỳ kính. Hành hữu bất đắc
皆反求諸己。其身
giai phản cầu chư kỷ, kỳ thân
正而天下歸之。
chính nhi thiên-hạ qui chi.

孟子曰。守約而施
Mạnh-tử viết : thủ ước nhi thi
博者善道也君子
bác giả thiện đạo dã, quân-tử
之守修其身。而天
chi thủ tu kỳ thân, nhi thiên-
下平。
hạ bình.

孟子曰。守執爲大。
Mạnh-tử viết : thủ thục vi đại,
守身爲大。
thủ thân vi đại.

Đức thánh Khổng rằng : « Nếu chính được mình mình, thì ra làm việc có khó gì, nếu chẳng chính được mình mình, còn chính người ta sao được. »

TIẾT THỨ 37

Sách Trung-dung rằng : « Chay sạch mặc đồ tốt, điều gì chẳng phải lễ chớ làm, ấy là để sửa mình vậy ».

Thầy Mạnh rằng : « Yêu người mà người chẳng thân-thiết với mình, thì xét lại điều nhân của mình ; sai bảo người ta mà người ta chẳng theo mình, thì phải xét lại điều khôn của mình ; lễ phép với người ta mà người ta chẳng đáp lễ lại với mình, thì phải xét lại điều kính của mình ; làm điều gì không được thì giở lại xét ở mình mình, hễ mình ngay thẳng thì trong thiên-hạ theo vậy. »

Thầy Mạnh rằng : « Giữ-gìn ít mà thi-thố ra được rộng, ấy là đạo hay vậy, người quân-tử gìn giữ sửa mình, mà trong thiên-hạ trị bình ».

Thầy Mạnh rằng : « Gìn giữ gì là hơn, giữ mình là hơn cả ».

(*Còn nữa*)

Tiến-sĩ NGUYỄN VĂN-BÂN
Tuần-phủ Vĩnh-yên.

## Cách-ngôn

1. — Nghèo không lấy gì làm thẹn, nghèo mà vô-chí thời mới nên hổ-thẹn. Hèn không lấy gì làm ghét, hèn mà vô-tài thời mới nên đáng ghét. Già không lấy gì làm ta-thán, già mà hư-sinh thời mới nên ta-thán. Chết không lấy gì làm thương dau, chết mà không có danh tiếng gì mới nên thương. (LÃ-KHÔN)

2. — Quí nhất trong thế-gian không gì bằng nhân-phẩm, nhân-phẩm sánh cùng trời đất, bạn cùng cổ-nhân, dầu đế-vương cũng phải khuất, thiên-hạ cũng không hay làm đổi được tháo-thủ của mình. Thế mà có kẻ vì thanh-sắc, của-cải, phú-quí, lợi-đạt, đem bán rẻ cái nhân-phẩm của mình đi, đó gọi là kẻ hèn. Người buôn-bán buôn được của quí, cũng phải đợi được giá mới bán, huống-chi là cái thân-danh của người sĩ-quân-tử ? (*Cùng người trên*)

# CÁC BẬC DANH-NHO NƯỚC TA (1)

## I

### Chu An 朱安

Chu-An tiên-sinh người làng Quang-liệt huyện Thanh-đàm (nay là Thanh-trì), tính cương-giới, thanh-tu khổ-tiết, không cần chi sự lợi-đạt, chỉ ở nhà đọc sách, học-nghiệp tinh-thuần, đặt hiệu chỗ ở là Văn-thôn, làm nhà thư-viện ở cái gò trên bờ đầm để dạy học-trò, xa gần nghe tiếng đến học đông lắm, học-trò thành-đạt cũng nhiều, và có nhiều người làm đến quan to tại triều.

Đời vua Minh-tôn nhà Trần nghe tiếng tiên-sinh là người đạo-đức, đón làm chức Quốc-tử-giám Tư-nghiệp, để dạy thái-tử học. Tiên-sinh là người đức-nghiệp mô-phạm, đương-thời ai cũng tôn-trọng.

Đời vua Dụ-tôn lười biếng bỏ cả chính-sự, quần-thần nhiều người làm sự phi-pháp, tiên-sinh can ngăn vua không nghe, bèn dâng sớ xin chém đầu bảy kẻ nịnh-thần, đều là kẻ có quyền-thế lúc bấy giờ cả, người đời ấy bảo tờ sớ ấy là tờ *sớ thất-trảm* 七斬. Khi tờ sớ dâng lên, vua không báo trả lời, tiên-sinh bèn treo trả mũ áo từ chức về ở nhà quê. Tiên-sinh yêu phong-cảnh núi Chí-linh, bèn dời đến ở đó, tự hiệu là *Tiều-ẩn* 樵隱, hễ khi nào có đại-triều-hội, thời tiên-sinh cũng đến cửa khuyết vào chầu. Vua Dụ-tôn muốn đem chính-sự ủy-giao cho tiên-sinh, tiên-sinh từ, bèn thôi không ép ra làm quan nữa. Hiến-tử-thái-hoàng-thái-hậu nói rằng :

—Người ấy là bậc hiền-sĩ thanh-tu, dẫu thiên-tử cũng không có quyền bắt làm bầy-tôi được, huống chi đem chính-sự mà ủy-nhiệm người ta thế nào được ?

Vua bèn sai nội-thần đem y-phục ban cho tiên-sinh, tiên-sinh nhận lấy rồi, nhưng lại đem cho người khác, thiên-hạ ai cũng khen cái phong-tiết cao-thượng của tiên-sinh.

Khi vua Dụ-tôn mất rồi, thế-thống trong nước rối-loạn, tiên-sinh nghe tin quần-thần đón lập vua Nghệ-tôn, bèn cả mừng, chống gậy lên yết-kiến, rồi lại xin cáo về ở nhà, nhất-thiết từ chối không chịu phong chức gì cả. Vua rất kính-lễ tôn-trọng, sai quan đưa về tận nhà, được ít lâu tiên-sinh mất.

Tiên-sinh tự-nhiệm lấy đạo làm thầy, long-trọng mà phong-thể rất nghiêm, học-trò là ông Phạm Sư-Mạnh, Lê Bá-Quát dẫu đã làm đến chức Hành-khiển (Tể-tướng) mà cũng phải giữ lễ đệ-tử, khi nào đến thăm hỏi tiên-sinh đều phải đứng hầu ở bên giường : hễ được tiên-sinh cùng đàm-đạo với một vài câu chuyện, thời rất lấy làm mừng. Nếu có điều xẩng thời tiên-sinh thiết-trách, thét quở đuổi ra ngay, tiên-sinh nghiêm-nghị ai cũng kính-sợ. Đức-vọng tiên-sinh lại rất là cao-thượng, các quan Công-khanh đều hâm-mộ cả. Khi tiên-sinh làm Tư-nghiệp, ông Trần Băng-Hồ (Nguyên-Đán) có thơ mừng rằng :

Sóng rợn làn văn bể học dầy,
學海悶瀾俗再醇。
Đầu-sơn người ấy đáng ngôi thay !
上庠山斗得斯人。

(1) Dịch trong *Lịch-triều hiến-chương*.

Tài cao bác - học trên nhường lão,
窮 經 博 史 工 夫 大。
Lễ trọng sùng-nho dưới kính thầy.
敬 老 崇 儒 政 化 新。
Dép cỏ đi về ngày tháng nọ,
布 履 芒 鞋 歸 漢 日。
Gió xuân tắm mát nước non này.
蒼 頭 白 髮 浴 沂 春。
Rủ xiêm thử hỏi đời Nghiêu Thuấn?
勳 華 只 是 垂 衣 治。
Dễ triệu Sào Do tới giúp ngay,
爭 得 巢 由 作 內 臣。

Tiên-sinh ẩn-cư ở núi Phượng-hoàng, suối khe núi đá, cảnh-trí thanh-kỳ, lúc nhàn thường tản-bộ đi chơi chốn đặng thông rừng trúc, ngâm-vịnh tự-thích, có tập thơ Tiều-ẩn truyền ở đời. Khi tiên-sinh mất, vua Nghệ-tôn có sai quan đến dụ-tế, cho tên thụy hiệu là Văn-Trinh 文 貞, rồi lại cho tùng-tự ở nhà văn-miếu.

Xét Chu Văn-Trinh tiên-sinh, học-nghiệp thuần-thúy, tiết tháo cao-thượng, đương-thời ai cũng suy-tôn, đời sau ai cũng cảnh-ngưỡng, kể các bậc nho-tôn nước Việt-Nam ta cổ kim được như tiên-sinh chỉ có một người vậy.

II

**Lý Tử-Tấn** 李 子 縉

Lý Tử-Tấn tiên-sinh tên húy là Tấn 縉, người Triều-đông huyện Thượng-phúc, đỗ thái-học-sinh khoa Canh-thìn niên-hiệu Thánh-nguyên đời nhà Hồ, học-vấn bác-hợp, đương-thời ai cũng tôn-trọng. Đời Lê-sơ, tiên-sinh đến yết-kiến vua Lê ở nơi hành-tại, vua Lê Thái-tổ khen là người túc-học, sai giữ việc văn-thư cáo-mệnh; trải làm quan triều vua Thái-tôn, Nhân-tôn, làm đến chức Hàn-lâm-viện học-sĩ, rồi cáo về, ưu-du các nơi nhàn-tản, thực là bậc danh-nho kỳ-lão. Thường có bài thơ ngẫu hứng rằng:

Thăm bến Liêm-khê tới Khảo-đình (1),
沿 溯 濂 溪 訪 考 亭。
Theo đòi học-vấn mãi chưa tinh.
討 論 石 鼓 訂 銘 銘。
Đèn Hàn gắng gỏi khi khuya sớm.
齋 腹 矻 矻 勞 韓 思。
Sân Lý lên lui buổi học hành.
詩 禮 循 循 向 鯉 庭。
Võ nhát hay gì dàng xếp xó,
技 愧 屠 龍 無 所 用。
Văn suông khéo nhỉ cũng đua ganh.
巧 邀 織 女 有 何 靈。
Xưa nay y, bốc đều danh giá,
從 來 醫 卜 皆 名 世。
Hà - tất bo bo mãi sáu kinh.
何 必 區 區 究 六 經。

Đó là bài thơ cảm-hoài của tiên-sinh, tiên-sinh lại có tập thơ *Truyết - am* truyền ở đời.

III

**Lý Tử-Cấu** 李 子 構

Lý Tử-Cấu tiên-sinh hiệu là Hạ-trai, người ở Hồng-châu. Thời nhà Hồ, cử làm chức Thái - tử hữu-dụ - đức, tiên-sinh cố từ. Khi ấy có tuyển học - trò cho ra làm quan, tiên-sinh cũng nhất định không ra. Đời Lê-sơ, nhân có chiếu vua cầu-hiền, ông Nguyễn-Mộng-Duẩn bèn tiến cử tiên-sinh ra. Tiên-sinh cũng nhất định cố từ không ra, thanh-phong cao - tiết của tiên - sinh, thời bấy giờ đều lấy làm tôn - trọng.

(1) Liêm-khê là chỗ ông Châu Mẫu-Thúc ở; Khảo-đình là tên hiệu ông Chu-Hi, đều là bậc danh-nho nhà Tống.

Tiên-sinh chỉ ưu - du chốn sơn - khê, thừa-nhàn thường ngâm-vịnh làm vui, văn-thơ rất là hào-mại thanh-dật. Khi ông Võ Mộng-Nguyên còn làm xử-sĩ, tiên-sinh thường đi lại chơi với ông ấy cùng nhau xướng-họa. Lại thường cùng với ông Trình Sư-Mạnh (người Từ-liêm) kết làm bạn sơn-thủy, đi chơi tiêu - dao thưởng - ngoạn, khâm - hoài sái-lạc, thực là một người cao-sĩ ẩn-dật ở về thời Lê-sơ.

IV

**Võ Mộng-Nguyên** 武夢原

Ông Võ Mộng-Nguyên hiệu là Vi-khê 微溪, người làng Đông-sơn huyện Tiên-du, đỗ Thái-học-sinh khoa canh-thìn đời Hồ-Quí-Ly. Khi nhà Hồ loạn, tiên-sinh về ở ẩn không ra. Đời Lê-sơ nhân có sính-triệu các người hiền-sĩ đi-dật, bèn với tiên-sinh ra làm Quốc-tử-giám Tư - nghiệp, văn - học danh-vọng của tiên-sinh ai cũng suy-phục cả, thời bấy giờ thường tôn xưng là đấng Minh-phủ. Tiên-sinh làm đến Tế-tửu ; bảy mươi tư tuổi về trí-sĩ, người đến hội ở Đông-môn để tống-tiễn cụ về, xe ngựa đông như nước chảy, các bậc tấn-thân đều khen là một vận-sự diễm-đàm. Khi tiên-sinh về trí-sĩ rồi, tự hiệu là Lạn-kha ông 爛柯翁, thung-dung du-lãm cho trọn tuổi già, trong làng nho đều lấy làm ngợi khen cả.

V

**Trình Thanh** 程清

Trình-Thanh tiên-sinh tên tự là Trực-khanh, nguyên là họ Hoàng, người làng Lương-sá huyện Chương-đức, khi 19 tuổi, đỗ khoa Hoàng-từ năm Thuận-thiên thứ tư, văn-học tiết-thảo, trên được vua kén dùng, cho làm ngự-tiền học-sinh. Niên-hiệu Thiệu-bình năm giáp-dần, tiên-sinh được thăng làm cục trưởng. Niên-hiệu Thái hòa năm quí-hợi, tiên-sinh làm nội-mật-viện chính-chưởng, lại sung làm chức phó-sứ sang Tàu tạ phong. Năm đinh - mão, thăng Hàn-lâm thị - độc, kiêm-tri ngự-tiền học-sinh-cục. Niên-hiệu Diên-ninh năm kỷ-mão, tiên-sinh lại sung chức tuế-cống phó-sứ, sang Tàu giải-thuyết được việc người Tàu bắt mò ngọc châu, năm Quang-thuận nhâm-ngọ, tiên - sinh lại thăng làm chức môn-hạ-sảnh hữu-tư lang-trung, coi việc quân-dân bạ-tịch đạo Hải-tây. Khi ấy nhân việc thiên-biến, nhà vua có xuống tờ chiếu cầu-ngôn, tiên-sinh bèn dâng sớ điều-trần 7 việc : 1º phải thuận hòa khí âm khí dương để triệu hòa-khí. 2º phải thân xem kinh-sử để tôn-sùng đạo chính - học. 3º Định ngôi thái-tử trước để cho vững bền gốc nước. 4º phải tiết-kiệm của dùng để phòng sự kinh-phí. 5º kén chọn quan-chức phải thận-trọng để ký-thác việc chăn-dân. 6º phải thường luyện-tập binh-lính để nghiêm việc vũ-bị. 7º chia đặt ra làm đồn-điền để chứa thóc ở các biên-tỉnh. sớ dâng lên, vua đều nghe theo cả. Mùa xuân năm quí-mùi, tiên-sinh mất.

Tiên-sinh tính thanh-giới thuần-trực, làm quan dương-lịch hơn ba mươi năm, sĩ phu đều suy-tôn cả. Ông Lương như-Hộc ở Hồng-châu có làm bài tán di-tượng của tiên-sinh rằng : « Tiên-sinh khi nhỏ kết-tri với vua Thái-tổ, khi lớn tin dùng ở triều vua Thái-tôn ; kể cái tài thời đại-thế đủ mà dụng ra được việc ; kể cái đức thời làm con hiếu mà làm tôi trung, trải thờ bốn triều, thủy chung nhất-tiết. » Con cháu sau nhờ được thư-trạch của tiên-sinh để lại, nối dòng khoa hoạn, thành ra một vọng-tộc ở phủ Ứng-thiên.

VI

**Nguyễn Bá-Ký** 阮伯琦

Nguyễn Bá-Ký tiên-sinh người làng

Huân - nội huyện Chương - đức, đỗ hoàng-giáp năm mậu-thìn đời vua Lê Nhân-tôn niên-hiệu Thái-hòa thứ sáu, trước làm quan Tri-chế-cáo tòa Hàn-lâm, rồi thăng lên đến Trực-học-sĩ. Mùa đông năm giáp thân, tiên-sinh sung chức phó-sứ sang nhà Minh mừng ngôi Thái-tử mới lập; khi đi sứ về, được thăng chức Trung-thư sảnh tả-tư, dự vào hầu kinh - diên, kiêm-quản các cục cận-thị chi-hậu Thượng-kỵ đô-úy.

Khi vua Thánh-tôn lên ngôi, vì thấy tiên-sinh là người văn-học bèn lấy làm thân-yêu. Năm Quang-thuận, tiên-sinh phụng-mệnh cùng với ông Nguyễn-Trực soạn bài văn bia Dương-lăng, lại phụng soạn-định những tên miếu-húy và ngự-danh. Rồi tiên-sinh lại được gia chức Quốc-tử-giám Tế-tửu, kiêm Văn-minh-điện đại-học-sĩ. Tiên-sinh làm quan gần-gũi ở nơi điện-các, vua lấy làm kính-trọng lắm, tứ-hiệu cho gọi là Vân-phong tiên-sinh.

Tiên-sinh thường thấy vua làm văn, lược bỏ mất cả nghĩa kinh-sử, bèn dâng sớ lên can ngăn, vua có giáng-chỉ xuống ủy-dụ. Mùa đông năm Ất-dậu, tiên-sinh mất, vua sai quan tư-lễ cầm tờ sắc đến dụ-tế, có câu rằng: « Hiền-khanh thờ vua hết lòng trung, giữ tiết làm tôi rất chính, sớm tối ở gần bên tả hữu ta đã sáu năm nay, đến lúc gần mất mà lòng trung-thành vẫn không quên ». Ấy là tỏ lòng vua thương-tiếc như vậy.

VII

## Nguyễn-nhân-Thiếp 阮仁浹

Nguyễn Nhân-Thiếp tiên-sinh người làng Kim-đôi huyện Võ-giàng. Truyền rằng tiên-thế nhà ngài có âm-đức, trả lại vàng của người khách chủ bỏ quên, người khách chủ chia cho một nửa, nhất-định không lấy, người khách mới đền ơn tặng cho một ngôi đất, hẹn rằng về sau phát « thế-xuất danh-nho ». Khi ông Nhân-Thiếp còn nhỏ mà đã đĩnh-ngộ thông-minh, có tính ham học, đến khi 15 tuổi, cùng với anh là Nhân Bị cùng đỗ đồng-tiến-sĩ khoa bính-tuất năm Quang - thuận. Năm Hồng-đức đinh-hợi, ông do chức tri-huyện dự trúng khoa hoằng-từ được vào Bí-thư-giám đọc sách. Năm cảnh-thống, ông làm Đông-các đại-học-sĩ kiêm Quốc-tử giám Tế-tửu, văn chương nức tiếng thời bấy giờ ai cũng suy phục, vua Hiến-tôn lấy làm ỷ-trọng lắm, làm đến Lại bộ Thượng-thư, năm anh em cùng đỗ khoa-giáy làm quan đồng-triều, con cháu cũng nối nhau đỗ đến khôi-khoa, trong 30 năm một họ đỗ chín ông tiến-sĩ, thực là thi thư phúc trạch, cổ kim ít có.

VIII

## Võ Tụ 武聚

Ông Võ Tụ người làng Hoạch-trạch huyện Đường-an, đỗ hoàng-giáp khoa qui-sửu năm Hồng-đức. Ngài tính trung-trực, làm quan rất là kiệm-ước thanh-liêm, không từng lấy lễ hối-lộ của ai bao giờ. Khi ấy các quan hay ăn tiền hối lộ, vua Thánh-tôn mới bắt chước việc cũ của vua Đường Thái-tôn, mật sai người đem cho lụa để thử các quan, nhiều ông đều tư túi nhận lấy cả, chỉ có một mình ngài cự-tuyệt không nhận, người đem lụa cố kêu nài nói rằng:

— Bẩm chúng tôi cũng theo thói quen đời bây giờ, gọi là kiếm chút lễ mọn để tỏ tấm lòng thành, xin ngài thâu nhận cho.

Ngài nghe nói tác-sắc mà mắng rằng:

— Ra ngay, ta khi nào lại nghe lời ngon ngọt của mày mà đổi cái tiết-tháo thanh-liêm của ta, ta há theo cái thói ô-chọc ấy hay sao!

Bèn đuổi tên ấy ra ngay, việc ấy đến tai vua, vua bèn ban khen, đặc-cách ban cho hai chữ « *Liêm - tiết* » hễ khi

nào vào chầu thời cho gài ở cổ áo để làm tiêu - biểu. Ngài làm quan đến Hình-bộ Tả-thị-lang, mà trong nhà không có súc - tích một tí gì, ngài vẫn cứ vui-vẻ tự-nhiên như không. Môn-phong thanh - bạch, ai cũng lấy làm hâm-mộ ngài lắm.

IX

**Đặng Minh-Khiêm** 鄧鳴謙

Đặng Minh-Khiêm tiên - sinh người làng Vị-bồ huyện Sơn-vi, là con cháu sau ông Đặng - Tất là võ - tướng cuối đời nhà Trần. Thân-phụ ngài đỗ hoàng-giáp, làm quan Tham-chính; ngài học-vấn bác-nhã, tính khẳng-khái, có tiết-tháo lớn, đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi năm Hồng-đức thứ 18. Năm Cảnh-thống tân-dậu, ngài làm quan Hàn-lâm-thị-thư, phụng-mệnh sang sứ nhà Minh. Năm kỷ-tị, lại phụng-mệnh đi sứ, khi trở về thăng chức Lại-bộ tả-thị-lang, rồi lại thăng Thượng-thư bộ Lễ, kiêm sử-quán phó-tổng-tài, tri chiêu - văn-cục. Năm Quang-thiệu, ngài phụng-mệnh sửa-soạn bộ *Đại-việt sử-ký*. Khi ấy trong nước lắm sự biến-cố, mà ngài cứ chính-sắc đứng trong triều, tiết-tháo lẫm-nhiên không ai di-đoạt được cả.

Ngài tự-hiệu là Thoát-hiên 脫軒 tiên-sinh, thủy chung chỉ một niềm trung-trực để xử mình, không a-dua phụ-họa với ai cả; sau ngài biết rằng thời-sự không thể làm được, thời chỉ vui chơi sách-vở ngâm-vĩnh để tự tiêu-khiển; từ-chương của ngài thời thanh-nhã lắm, người đời đều lấy làm truyền-tụng. Văn-học tiết-tháo thực đáng là một bậc danh-nho đời Lê sơ, sách sử từng khen ngài là không thẹn với khoa-danh, mà hay nối được dòng-dõi nhà ông Đặng-Dung, Đặng-Tất vậy.

*(Còn nữa)*

Đông-Châu dịch

# VẬN-MẠNH QUỐC-VĂN VỀ TƯƠNG-LAI THẾ NÀO ?

Quốc-ngữ với quốc-văn khác nhau xa; vì quốc-ngữ còn là thuộc về vật-chất, chỉ đủ cung sự nhật-dụng thường-đàm, làm ăn giao-tế; đến quốc-văn mới là đã có văn-vẻ tinh-thần, làm thuốc bổ cho linh-hồn người ta, làm lợi-khí cho cuộc tiến-hóa văn-minh trong xã-hội. Cho nên người ta thường nói: văn tức là người, nghĩa là người sao văn vậy; người mà thô-bỉ tục-tần thì quyết là chửa có văn, người mà học-thức thông-minh mới có văn vậy. Người, có người thực, người hư, người hay, người dở, thì văn cũng có văn thực, văn hư, văn hay, văn dở. Văn mà chỉ mấy tiếng mập-mờ, ba câu mủa mép, như cười như nói, như khóc như than, chẳng tưởng gì đến nhân-tâm thế-đạo, không thiết gì đến xã-hội nhân-quần, động thở ra là than thân trách phận, giận trời oán người, coi đồng-loại như rơm-rác, khinh tiền của như đất bùn; mà chính mình lại thường là chủ đeo cái mặt nhân-nghĩa, khoác cái áo công-minh, để cho dễ kiếm chác, dễ lừa gạt, khiến cho người đời không nghi-ngờ, không cẩn-thủ; văn thế là văn hư văn hại, đã không bổ-ích cho người đời, lại gieo thuốc độc cho xã-hội; ấy thế mà lắm kẻ đã lên mặt là văn-chương, là tài-tử, thì thật là phạm một cái tội-ác thứ nhất ở đời. Văn như thế thì thà rằng đừng văn, cứ ủ-lỳ vật-chất lại thường có ích một đôi chút cho đời.

Nay văn mà chủ thiết-thực, vẽ rõ đường sinh-hoạt lợi-ích cho xã-hội thì

phải thế nào? Thiết-tưởng nhà làm văn có lịch-duyệt, có quan-sát, có học-vấn, có tài-năng, cũng chưa đủ; còn phải có lương-tâm, có đức-hạnh nữa; cái nhiệm-vụ của nhà làm văn, trong cái thời-gian cầm bút định viết nên câu văn, là trong tâm-tư, trong ý nghĩ phải quan-cảm đến sự ích-lợi phổ-cập cho cả xã-hội nhân-quần. Tư-tưởng thì thế, mà lời lẽ thì — đương lúc quốc-dân còn lốn-nhốn chưa quen này — phải rắn-rỏi như chém vào đinh, chặt vào sắt, rõ-ràng như khắc vào đá, vẽ vào đồ, để phổ-thông cho ai nấy đều có thể hiểu mà làm được. Người nào làm văn thế ắt là người kiêm cả tài năng đức-hạnh đó!

Văn đã vẽ ra người như thế — họp nhiều người thành nước — thì văn cũng vẽ ra nước được, nghĩa là nước sao văn vậy; nước thịnh thì văn thịnh, nước suy thì văn suy, văn còn thì nước còn, văn mất thì nước mất, văn hay thì nước hay, văn dở thì nước dở; nhưng phải kể quốc-văn mới là chủ, chớ văn nước ngoài thời là khách, khách dầu ở lâu len-lủi ở nhà người ta, mà có bao giờ thông-tỏ được hết những mánh, những khóe, những tình, những tục bằng người chủ trong nhà. Cho nên phi quốc-văn thì nghìn muôn năm cũng không phổ-cập cả một dân-tộc được; văn mà không phổ-cập được, thì mọi đường học-thuật có khai-hóa cũng không thấm thía vào đâu.

Vậy thì nay cứ xét ngay lịch-sử nước nhà là có thể biết được ngôn-ngữ văn-tự nước ta sinh, hóa, tiêu, trưởng thế nào. Nhưng trước khi xét về lịch-sử quốc-văn hãy phân ra hình-thức chữ và tinh-thần tiếng với văn. Hình-thức chữ có hai thứ: 1° chữ Quốc-ngữ cũ (là chữ nôm ta trước) 2° chữ Quốc-ngữ mới (là chữ ghép vần bây giờ). Tinh-thần có hai thứ: 1° ngôn-ngữ, 2° văn-học.

*I. — Thời-kỳ tiếng ta (Quốc-ngữ) mới xuất-thiện.* — Cứ xét lịch-sử nước ta thì biết rằng: tiếng ta đương nói đây phát-nguyên từ thế-kỷ thứ nhất, vào khoảng sau khi ông Nhâm-Diên, sang làm Thứ-sử Giao-châu, mới chiêu dân lập-ấp ở miền trung-châu xứ Bắc-kỳ ta. Trong sử chép: « Trước kia người xứ này chỉ có nghề săn, nghề lưới; sau ông mới dạy nghề làm ruộng »; vả lại giặc-giã luôn luôn, ở không định-sở, nay chạy đây mai chạy đó; sau mới chạy giồn vào chốn sơn-lâm hiểm-trở, mới có thể sinh-tồn; sự này có chứng cớ phân-minh: trong sử chép: « Trước kỷ-nguyên 200 năm, vua Tàu sai Đô-Thư sang đánh Bách-việt, lấy Âu-lạc, người ba quận Quế-lâm, Nam-hải, Tượng-quận bỏ cả đồng bằng mà vào rừng núi ». Vậy thì giống người ba quận đó chính là giống Thổ, Mán, Mường bây giờ, còn giữ một lối ngôn-ngữ văn-tự, phong-tục riêng. Bởi ngôn-ngữ, văn-tự, phong-tục riêng khốn-nạn của họ như thế, cho nên đã ngoại bốn nghìn năm nay họ không tiến được bước nào, mà có lẽ bốn nghìn năm nữa họ cũng chỉ thế thôi! Đến như giống người mà ông Nhâm-Diên bắt dẫn chiêu-mộ khẩn-điền đó, đích là giống An-nam ta đây, toàn là dòng văn-quan võ-tướng ở Trung-quốc phái sang; nhưng không những một hồi ông Nhâm-Diên, lục-tục cả một nghìn năm nước Tàu đô-hộ dân ta. Giống ta có tính cương-nghị, quả-quyết, mạo-hiểm, độc-lập mới dám ở trơ-trọi dưới đồng bằng này; — ta là dòng-dõi quan-liêu qui-tộc cho nên lại có cái óc thông-minh mới đặt ra thứ tiếng nói đặc-biệt, là tiếng ta nói bây giờ, có cái vẻ nho-nhã khoan-hòa, phân-minh cao-thượng. Điều này lại có chứng cớ: trong sử chép « khi ông Nhâm-Diên sang làm Thứ-sử mới dạy lễ cưới vợ gả chồng, mà một lúc gả chồng lấy vợ có kể muôn ». Cứ lấy lẽ tự-nhiên mà xét, thì không khi nào một dân-tộc đã ở sẵn, không có lễ-nghĩa, mà lại chịu nằm không, đáng lẽ

lại càng tự-do lắm thì phải chớ. Vậy thì có thể quyết mà khép cho rằng : Người Tàu hay có cái thói giết đàn-ông, hiếp đàn-bà, nếu có thổ-dân ở trước cũng chỉ còn đàn-bà, con gái ; thì dẫu tụi này sang, tuy không gia tay giết, mà thấy đàn bà con gái tự-khắc kết duyên luôn.

*II. — Thời-kỳ chữ-quốc - ngữ cũ (chữ-nôm) phát-sinh.* — Đến thời-kỳ thứ hai (độ 100 năm sau) ông Sĩ-Nhiếp sang thay làm Thứ-sử, mới đem chữ nho sang truyền-bá nho-học cho ta, nhưng đã nói dân ta có tính cương-nghị độc-lập, ta mới bắt chữ Tàu phải theo giọng ta, và chủ-ý để ghép lại, hoặc nhó-nháy cho nánh vào tiếng ta. hoặc để cả chữ cũng tiện-thị là tiếng ta rồi, để mà biên chép tiếng ta nói ra, mới gọi là chữ « nôm » tức là chữ Tàu nửa mùa vậy.

*III. — Thời-kỳ quốc - văn cũ nảy mầm.* — Lịch-lịch trong khoảng nghìn năm có lẻ, tiếng ta vẫn thủ-thường sinh-hoạt, cho mãi đến thế-kỷ thứ mười (năm 968) ; hồi vua Đinh Tiên-Hoàng khai-trương cờ độc-lập, thì tiếng ta theo với quốc-vận mà có cái thế cũng độc-lập được rồi. Là bởi lòng người bấy giờ hớn-hở như hoa xuân mới nở ở vườn xuân, giang-sơn đều nhất-tân-cảnh-sắc, lâng-lâng rũ sạch bụi trần, trong lòng không còn bận-bịu ; lại như ngó thấy mặt trời mới mọc, tỏa tia sáng ra phá tan những đám sương mù độ-hộ của Tàu, mới biết đường biết lối mà vận-động tinh-thần một cách mạnh-mẽ ; bấy giờ mới dâm chồi nảy mống quốc-văn.

Song sở-dĩ ta còn phải đeo-đẳng cái khu-xác chữ Tàu không trút được cái gánh nặng-nề phiền-phức ấy đi, là bởi mấy lẽ như sau này :

1° — Về đường ngoại - giao. — Bởi cái thế nước ta cứ phải đứng ở bên cạnh một kẻ đại-thù-nghịch, cần phải giữ miếng luôn luôn, tuy sức ta bé nhỏ, mà ta phải rèn lấy cái khí-giới rất mạnh tức là văn-chương để lâm-thời đối-đá cho họ phải kính. Thành ra ta cứ phải bận-bịu vì họ, không có thì-giờ mà làm-lụng công việc để nuôi sự sống của ta. Lúc nào họ cũng lăm-le đến chụp giang-sơn xã-tắc của ta, mà hóa ra họ trói chân bịt mắt không cho ta chạy ta trông ; nên không được thấy anh em trong thế-giới, láng-giềng là Âu-châu, mượn lấy lợi-khí, thâu-thái văn-minh rất mẫn-tiệp là chữ Tây, để làm mẫu mà đúc lấy cái hình-thức chữ của mình. Chỉ biết mượn có một thứ chữ nho, là thứ chữ chật-hẹp thiếu thốn, vì là cái chữ « tượng-hình », nghĩa là trông vật mà đặt chữ, thành thế con trâu không thể xâu con bò được, cứ trơ như đá vững như đồng không người nào dám ra tay di-dịch, tư-tưởng nghĩa - lý cứ phải làm nô-lệ cho chữ suốt đời, không dám rời ra, không dám đặt chữ mới câu la ; giá có phát-minh ra lẽ mới ý hay người ta cũng không hiểu mình nói gì, khác nào cái áo đã may cắt nhất - định, không thể xé ra mà vá miếng vải khác vào được ; chỉ khi nào đã rách đã tàn như ngày nay, mới giật gấu vá tràng, phải mượn những mảnh những mụn danh-nghĩa tư-tưởng của Âu-Tây mà vá vào, nhưng tuy có kín đáo mà vẫn xốc-xếch vụn-vặt khó coi khó nhận. Sao bằng chữ của Âu-Tây vừa giàu vừa mạnh, là bởi chữ người ta trọng ở tiếng, có phép ghép vần, có luật đặt câu, có cái thì cái vật tương-can với nhau, cứ thế mà suy-diễn ra bao-nhiêu cũng được, phát-minh ra bao nhiêu lẽ mới người ta cũng hiểu, khác nào một con đường dài đã cắm mốc sẵn, chỉ phải biết cái số mốc ấy là bao nhiêu, rồi muốn đi đến đâu thì đi không ai cấm hãm gì, nó có cái thế phổ-thông mà lại

có cái thế phổ-cập nữa, vì là chủ ở tiếng, cho nên cả nhân-loại đều hấp-thủ được. Cái tiếng qui-hóa ấy mới là cái biểu-hiệu để mà thực-hành được cái chủ-nghĩa « bốn bể như con một nhà », vì người ta muốn cho thân yêu nhau, phải cùng hiểu tiếng nói của nhau, để nói-năng giao-tiếp nên thân nên mật với nhau. Nhưng bao giờ thực-hành được cái chủ-nghĩa ấy, quyết là ngày ấy nhân-loại đều đã phổ-thông một thứ tiếng nào rồi. Nay không có thì-giờ mà giải-thích được hết cái lợi-ích, cái năng-lực của chữ Tây ; muốn biết rõ, cứ trông ngay người Âu-Tây nói-năng hoạt-bát, ca-nhạc hùng-hồn, tư-tưởng lỗi-lạc, học-thuật mở-mang là đủ. Đến chữ Quốc-ngữ ta đây thì thế nào ? Có lẽ hơn chữ nho, mà kém chữ Tây, song có cách nào làm cho giới-giáo mạnh-mẽ được không ? Các bậc cao-minh nên nghĩ đến vận-mạnh nước nhà mà lưu-ý đấy.

2° — Về đường nội-trị. — Cũng bởi như trên kia đã nói người mình phải giữ miếng với người Tàu, cho nên cứ phải đeo đẳng hình-thức chữ nho, không còn óc mà chứa những tinh-thần nghĩa-lý của Thánh Hiền và cải-lương hình-thức chữ mình, khoáng-trương tinh-thần của mình. Sau nữa bởi chữ nho học khó mà lâu, muôn năm cũng không thể phổ-thông cho cả quốc-dân được ; cho nên những hạng người định để chân vào trường sinh-hoạt là các nghề nông, công, thương không có thì-giờ mà học được, cho nên không nở trí khôn ra, bởi thế những nghề : nông, công, thương cứ cùn gỉ đi mãi. Ngoại-giả chỉ có bọn mượn chữ Nho làm khí-giới để phá hại trường sinh-hoạt của quốc-dân (là các nghề : nông, công, thương) mới học được nhiều hình-thức chữ Nho mà thôi.

Các nghề : nông, công, thương mà không khoáng-trương ra được thì văn-học cũng không khi nào khoáng-trương ra được, bởi vì bốn nghề : sĩ, nông, công, thương nó có cái quan-hệ mật-thiết với nhau lắm, mà sĩ thì là chung, vì nghề gì mà chả có học, không những học để mà biết, lại học để lấy văn mà cổ-động, mà giảng-thuyết, thế cho nên tuy học chuyên-môn về các nghề, nhưn gcũng phải qua cái cầu cao-đẳng-phổ-thông mới được ; ngoài các nghề lại còn các khoa học, thì văn-chương cũng là một khoa trọng-yếu ở đại-học đường như các khoa : thiên-văn lịch-sử, luân-lý chính-trị, v. v.; văn chương thế mới là văn-chương, mới là cái hồn của cả nước, của cả nhân-loại ; chớ nào có như ai văn-chương chỉ cốt vui lòng béo mép, để đạt được cái chí nhỏ-nhen, cái bụng tân-nhẫn của mỗi người!

Tuy-nhiên bấy giờ tiếng ta có hồi cũng đã vượt lên đến từng văn-học. Xem như những câu tục-ngữ ca-dao của ta cũng cực-kỳ khôn-ngoan sâu-sắc, không kém gì những cách-ngôn của các bậc thánh-hiền đời xưa đời nay, và lắm bài thi-ca truyện-ký cũng cực-kỳ mĩ-lệ thâm-trầm (mĩ-lệ là lời văn, thâm-trầm là tư-tưởng) chẳng kém gì Hán-văn mấy chút. Nay xét những văn-chương ấy xuất-hiện từ bao giờ? quyết là từ đời vua Đinh Tiên-Hoàng khai-cơ độc-lập (968) lần lần đến hồi giữa đời nhà Hậu-Lê (Lê tái trung-hưng) vào khoảng năm 1600, hồi ấy nước nhà đã chiếm một cái địa-vị văn-minh cường-thịnh tối-cao ở khu-vực Đông-Á ; những thơ văn ấy phần nhiều từ các bậc danh nhân nhà Trần trở về sau, mà có đặc-sắc nhất là thơ của cụ Nguyễn Bỉnh-Khiêm (tuy thị ra làm quan nhà Mạc, nhưng cũng là nhân-vật thời Lê) thơ, cụ tuyệt là rõ-ràng sáng-sủa mà uyên-áo linh-lung, có thể làm gương tư-thân xử-thế cho muôn đời sau vậy. Cứ lấy bây giờ mà xét, thì những thơ ca đã kể trên đó cũng còn giản-lược, tuy chưa

đủ nhu-yếu cho cái óc một dân-tộc hỗn-tạp phiền-phức như ngày nay, nhưng cũng đủ nuôi sống được cái thân-thể tinh-thần ở thời văn-minh thuần-nhất bấy giờ. Xem đó mới chứng rõ rằng văn thịnh thì nước cũng thịnh, từ buổi vua Đinh Tiên-Hoàng phục-quốc, đến thời Lê tái trung-hưng trong khoảng 600 năm, nước Nam văn-minh cường-thịnh là dường nào.

*IV. — Thời-kỳ Quốc-văn cũ đã tàn.* — Từ đấy về sau trải bao thế-kỷ, giặc-giã dấy lên như ong, học-hành bỏ trễ; xã-tắc biến ra một trường xuần-động mà quốc-dân thì hóa làm một hạng binh-tàn; lên lên xuống xuống, được được thua thua, kỳ cho mỏi-mệt ê-chề mới diễn xong tấn náo-kịch sầu-kịch. Xã-hội bấy giờ mới như tỉnh như say, như mê như sảng, mà trường-ngâm thái-tức ra những giọng bi-ai thảm-đát như khấp, như tố, như oán, như than, như *Tần-cung-oán*, như *Chinh-phụ-ngâm*, như *Triều-ca bắc-bỉ*, như *Cô-nhạn nam-phi*, tức là thơ-văn ca-nhạc ở về cận-đại vậy. Dư-giả chỉ đem linh-hồn mà mơ-màng mộng-ảo ở trong sách với cổ-nhân bên đất Bắc, nay Hoàng-hà, mai Thái-lĩnh, nay quán Sở, mai lầu Tần; cùng Tô Đông-Pha cưỡi thuyền chơi sông Xích-bích, theo Lâm Hòa-Tĩnh ẩn-dật ở đảo Tây-hồ, say đắm ở cung đàn trong nguyệt, nước cờ dưới hoa; mà quên cả mình, cả nhà, cả nước!

Đương lúc say mê đắm đuối như vậy, gặp ân-nhân Đại-Pháp mới đến cầm cờ bảo-hộ, mà hoán-tỉnh tinh-thần, bấy giờ mới mở màn diễn ra tấn-kịch khác; thôi, sự này đã rành rành ra trước mắt, không cần phải nhắc lại làm chi.

*V. — Thời-kỳ chữ Quốc-ngữ mới phát-sinh* — Bởi cơ-hội khiến nên như vậy, mà các Cố sang truyền giáo ở đây mới lựa theo vần tây mà chắp ra chữ quốc-ngữ này; sự mau-mắn gọn-ghẽ phâm-minh ích-lợi của chữ này thế nào, trông chẳng cần vẽ ra chi, đồng-nhân cũng đã tỏ tường; ơn các Cố cũng không nói sao cho xiết, chỉ biết rằng vận-mệnh nước ta sau này hay dở thế nào, cũng ở cái chữ này cả. Thế mà đồng-bang ta đối với chữ quí-hóa của mình, vẫn thường lãnh-đạm! dằng dẳng nửa thế-kỷ (thế-kỷ thứ 19) không cho chút con quí-báu ấy theo đòi học tập gì, cứ cho đi ăn đi ở, làm mướn làm thuê, theo đuổi chữ Pháp chữ Tàu mà kiếm ăn cặn-bã, nghĩa là chỉ để phiên-dịch hai thứ chữ kia.

*VI. — Thời-kỳ quốc-văn mới dấy lên và phổ-cập.* — Tuy-nhiên, cứ theo cái luật « tự-nhiên tiến-hóa » thì muôn vật trong vũ-trụ cũng phải theo luật tiến-bộ mà lớn lên, bởi thế mà đến thế-kỷ thứ hai-mươi này, quốc-ngữ cũng đã trưởng-thành, mà nhất-biến thành quốc-văn rồi, khác nào người ta đến tuổi thành-niên (nghĩa là 21 tuổi) đã đến kỳ kết-cấu lương-duyên cùng người tri-kỷ, tuy chưa có cái sức mạnh tài cao, ra hành-động được ở ngoài, song cũng đáng là một tay nội-trợ tề-gia, đảm-đang thông-hoạt, có thể dạy-dỗ con em trong nhà Nam-Việt này được nên người hữu-dụng mai sau.

Mà thật, chính quốc-văn đến nay vừa đúng 21 tuổi đầu, vì năm nay là năm 1921. Nay thử đem giả-thác khai-sinh, căn-cước, hạnh-kiểm, lý-lịch quốc-văn xem xấu tốt thế nào.

1°) Quốc-văn đản-sinh từ đầu thế-kỷ thứ hai-mươi (1901).

2°) Sinh-mẫu là Pháp-tự (vì mượn vần chữ Pháp mà chắp ra), sinh-phụ là Hán-văn (vì mượn tiếng chữ nho mà bồ vào nơi Nam-ngữ còn khuyết).

3°) Năm lên sáu tuổi, vừa đúng tuổi vào học lớp đồng-ấu. Năm 1906, Chính-

phủ lập trường luyện lấy giáo-sư: một ban để dạy các trường phủ huyện (trường Huấn, Giáo) và một ban dạy các trường tổng (Tổng-sư), bấy giờ Chính-phủ có tụ-tập những nhà cựu-học tân-học hữu-danh dịch sách cao-đẳng-phổ-thông-giáo-khoa, lại làm sách sơ-đẳng phổ-thông-giáo-khoa, để dạy, rồi 1908 đặt lệ thi tuyển khóa thì quốc-văn phổ-cập ngay.

4°) Năm 12 tuổi tốt-nghiệp bậc sơ-đẳng, đến năm 13 tuổi vào trường trung-học (tháng Mai năm 1913 bọn ông Nguyễn Văn-Vĩnh khai-khoa nghề làm báo bằng quốc-văn ở Bắc-kỳ, biên tập *Đông-dương tạp-chí*, sau lại khai trương báo (*Trung-Bắc Tân-Văn*).

5°) Năm 17 tuổi tốt nghiệp bậc Trung-học ra, mà bắt đầu vào Cao-đẳng học (Năm 1917 ông Phạm Quỳnh và ông Nguyễn Bá-Trác biên tập Tạp-chí (*Nam-phong*).

6°) Quốc-văn từ lúc vào ban Ấu-học cho đến khi vào trường Cao-đẳng hết sức chăm chỉ học-hành, nay có lẽ sắp đến ngày kết-quả, nhưng không biết rằng có thể bước lên đến bậc đại-học để ra giúp dân giúp nước được không? ta đương mong mỏi lắm! Nhưng còn trông vào Chính-phủ với quốc-dân đối-đãi quốc-văn: trọng-hậu thì quốc-văn lên, khinh-bạc thì quốc-văn xuống, quốc-văn lên xuống cũng tức như là quốc-văn thịnh, suy; khác nào hàn thử với thủy-ngân lên xuống có tương-can với nhau vậy.

* * *

Nay muốn cho quốc-văn phổ-cập thì phải làm thế nào? Vì quốc-văn mà không phổ-cập thì ơn khai-hóa cũng không đời nào mà phổ-cập, đó là một lẽ tất-nhiên. Vậy Chính-phủ nên vì nghĩa-vụ khai-hóa cho dân mà kíp mở kỳ thi « Nam-học sơ-đẳng » và thi « Tuyển-sinh » (1) để cho dân-gian vui lòng mà học. Song một công học-đường luyện-tập cũng chưa phổ-cập và chưa khoáng-trương cái phạm-vi sinh-hoạt của quốc-dân. Nói thế khi vội-vàng quá, vì quốc-dân đã biết đường sinh-hoạt đâu; vậy thì phải nói rằng phải mở mắt cho quốc-dân biết đường mà sinh-hoạt; người ra tay mở mắt đó, chính là các báo-quán vậy.

Nay Chính-phủ nên cho phép Tân-văn Tạp-chí nào có giá-trị in ra mà gán cho các làng, hằng năm các tỉnh giúp các báo-quán mà thu tiền. Nhưng trước khi phát báo-chí về, quan trên nên thông-sức cho dân biết cái lợi-ích xem báo là thế nào, lại phải giữ-gìn và phải chuyền nhau mà đọc, vì ở dân hay có cái thói lý-trưởng cứ hay chuyên quyền, nhận báo về bỏ xó, hoặc để mất để nát thì được, giá có ai hỏi mượn thì lại nói xấc với khất quanh.

Thế nhưng đọc báo thì cốt để hiểu mà làm, cho lợi gấp nghìn gấp muôn cái tiền mua báo, chứ đọc không hiểu và để cho giải-trí thì có ăn thua gì. Vậy thì những nhà làm sách làm báo phải nên giữ-gìn ngòi bút, nhất là sự dùng chữ nho trong quốc-văn, dùng chữ nào đã đúng rồi thì cứ để mà dùng mãi, chớ đừng cầu kỳ lập-dị mà thay đổi luôn; vì đã thấy lắm nhà làm văn cứ thường thay đổi như thế, mà tư-tưởng thì có thấy đổi mới được tí nào đâu. Lại có nhà nho sinh chữ, động đặt bút là vung từng hồi, mà cái hồi ấy lại không phải là những câu cách-ngôn của Thánh Hiền, tục-ngữ của đời xưa, mà chỉ là cái thân câu văn, áo

(1) Nam-phong số 47, bài bàn về « Tại làm sao mà sự quốc-dân giáo-dục không có cơ tiến-bộ » ở mục thứ 4; trang số 396. 397.

học tư-tưởng, tư-tưởng thì chỉ có một mẩu thôi, thành ra cái áo vải đã bụng-xụng quá, lại đem vá những mụn nhiều Tàu, coi ngộ-nghĩnh quá ! Như nói về sự học mà vá ngay một dọc vào: «học cho đến xuất-hồ-kỳ-loại, bạt-hồ-kỳ-tụy», với những thế nọ thế kia, thì mấy người hiểu; vì đã bảo một dân dương buổi sơ-khai, giao-thời phức-tạp này, phàm cất miệng nói ra là phải phổ-thông cho ai nấy đều nghe thủng được mới có ích, không thì thà rằng đừng nói còn hơn ; nói mà cứ xếp đấy thì có khác gì dẫn tre chặt gỗ, cứ bổ bừa ra không ai vác, thì chỉ tổ bề-bộn vấp-váp thêm thôi. Không kể với Tạp-chí được, vì văn Tạp-chí như đắp một con đường dài, bây giờ chả đi thì lúc khác tất cũng phải đi; tuy vậy cũng phải giữ-gìn ngòi bút, đừng có cẩu-kỷ mà phóng ra quá cũng hỏng.

Đây tôi không dám định phép-tắc cho các nhà làm văn dùng chữ nho trong văn quốc-ngữ, chỉ xin thuật lại, mà chỉ thuật những câu trong văn dịch của mấy Tạp-chí Tân-văn đã dịch, bởi những nhà dịch-thuật mới gặp cái dịp, có cái thế nó bắt-buộc phải tìm chữ ra. Như kỳ báo *Nam-phong* vừa rồi, có bài trích-dịch : « Uy-nghiêm tôn-trọng thay là phép luân-lý» của ông Kant là một bậc Thánh-nhân nước Đức ; về phương-diện triết-lý thì không thuộc về vấn-đề này, đây chỉ xin thuật lại câu văn dịch xác-tạc mà hợp-cảnh, như câu ; « hằng-hà sa-số, không thể tư-lường», thì ai còn ngờ là tiếng chữ nho nữa ; nhiều người cho những câu ấy là câu tầm-thường, nhưng xét kỹ ra mới biết dịch-giả khôn-khéo vô-cùng, vì đem câu ở kinh đức Phật-tổ mà đặt vào lời nói đấng Thánh-nhân thì xứng-đáng là dường nào. Vậy thì văn Tạp-chí tuy phải dùng nhiều chữ nho, nhưng phải dùng chữ đã hóa theo tiếng ta rồi mới được.

Đến như văn trong các Tân-văn thì tưởng không mấy khi phải dùng đến chữ nho, cũng hay chói-lói ; như vừa rồi tôi ngẫu-nhiên được xem một kỳ báo *Trung-bắc*, có bài dịch tiểu-thuyết (Hai mươi năm về sau) có những câu : « . . . . rồi cái bể lại chui vào trong tối ; . . . . Bô-tố thở như một cái bễ thổi lửa mà rằng v. v. . . . » ; lại Đạt-ta-Nhan bảo Mộc-đông : « . . . . Xin mời ngài bơi xa ra cho ! . . . tôi khuyên tôn-ông cứ để yên mà chìm nó xuống ! . . . », tả-cảnh tả người với nói rỡn như thế thì tôi tưởng là tuyệt khéo, dẫu nguyên-văn Tây cũng hay đến thế mà thôi.

Kể văn thì nhiều thể, nhưng đại-loại chia ra hai lối : một là văn nghị-luận, thuyết-lý, giảng học về các đường học-thuật ; hai là văn-chương thuộc về phương-diện mĩ-thuật, để di-dưỡng tinh-tình ; một bên thì dùng nhiều chữ nho hơn, một bên thì dùng ít, hoặc không dùng.

Song nhiều chỗ cũng còn đáng phân-nân, như tên người tên đất hoặc những chữ vật-chất về cách-trí hóa-học, nhiều ngài cũng còn bắt ép ra giọng chữ nho rất khó, thì thà rằng lấy Quốc-ngữ mà dịch theo vần tây, tuy còn sai-lạc, song giả người mình nói thì người Tây và cả người các nước học chữ Tây cũng biết là cái ấy cái nọ, vì đã nói tiếng Tây có thể lâu ngày phổ-thông cho nhân-loại được. Chớ không như chữ nho mỗi xứ mỗi nước học một giọng khác nhau.

Thấp nữa là các tên gọi đồ-ăn đồ-mặc đồ-dùng như : xà-phòng, phó-mát, bí-tết, rô-ti, mũ cát-cờ, áo sơ-mi, vân vân, nghe đã quen tai, giả hỏi ở cửa hàng, người Tây cũng lục mà bán cho được, có phải tiện cho việc công-thương không ? thế mà giả đem dịch ra chữ nho thì cũng đến chịu, làm khổ cho cả hai bên !

Tuy-nhiên, mấy cách trên đó

mới có thể làm cho quốc-văn khoáng-trương phổ-cập mà chưa có thể làm cho quốc-văn sống mãi về tương-lai ; nói cho đích là không thể sống được đến ngoài năm 1970 ; vì « văn tức là người », mà lớp người hiện-kim còn có chữ nho để dịch văn, làm văn, xem văn ; lớp người này mà trở về già thì lấy ai mà dịch cho hay, mà làm cho khéo, mà xem cho tường, thế thì dù có sách để lại, cũng chỉ để mà thờ thôi, cái công trứ-thư lập-ngôn cũng uổng-phí mất, mà sách giáo-khoa của Đại-Pháp càng hay như thánh như thần, càng không biết đâu mà tín-ngưỡng !...

Vậy thì nay tưởng Chính-Phủ cũng nên lưu-tâm đến mà cũng làm cho như năm 1906, như trước hồi chiến-tranh, như lúc quốc-văn mới nẩy mầm, mà lập cho một tòa tu-thư để dịch sách giáo-khoa chữ Tây, bây giờ thì dịch đến sách chuyên-môn được, vì khi quốc - văn non-nớt còn dịch được đến sách cao - đẳng phổ - thông rồi. Dùng người dịch sách thì cứ mười người hay năm người tân-học là một người cựu - học ; người Tân - học dịch đến danh - nghĩa nào thì người cựu - học đem chữ nho uẩn-súc mà lắp vào. Vì sự dịch sách này mới có cái dịp làm được một bộ « tự-vựng » nữa ; không thì hò-hét hết hơi cũng không có dịp nào tiện làm. Bộ tự-vựng này mới thiệt là những lời di-chúc rất đích-đáng để lại cho bọn hậu-sinh xem báo xem sách có cái mà tra, không có thì sách báo cũng đành vô-hiệu.

Còn việc nghiên-cứu trước - thuật sách đại-học-giáo-khoa, thì để sau này nhân-tài sang Đại-Pháp học lấy bằng Cử-nhân Tiến-sĩ trở lên, sẽ sang Nhật sang Tàu mà học thêm chữ nho về làm cũng được.

Hiện nay nhiều người muốn cổ-động việc dịch các sách chữ nho cổ để ban-bố cho bọn thiếu-niên, thì chúng tôi xin can rằng : đừng giở ra dịch nhiều thế mà sinh bận sinh phiền ! Bởi sách cũ chỉ có một khoa luân-lý là đáng lưu-tồn để hòa-hợp với luân-lý Thái-Tây còn cao-thượng hơn ; vậy chỉ nên tóm-tắt ít nhiều những lời cách-ngôn của Thánh Hiền trong kinh truyện, góp vào một tập như Tạp-chí *Nam-Phong* này cũng đủ ; vì bây giờ sự học phiền-phức lắm kia.

Tôi lại dám khuyên đồng-bào chỉ nên ra công dịch - thuật rừng văn bể học Đông Tây, đem cho quốc - dân hưởng-thụ, chớ đừng trước-tác nhiều sách làm chi, nhất là đừng làm thơ-ca tiểu - thuyết, vì mục-đích của thơ-ca tiểu-thuyết là « sáng-tạo ra cuộc đời mới », mà hiện nay quốc-dân ta có cái cuộc đời cũ, có cái cuộc đời bây giờ còn khuyết-điểm trăm phần mới làm được một, đã hấp-tấp bỏ qua mà đâu vội mấy ?

Tôi lại dám khuyên cả hai bên Tây-học và Hán - học không kiêm - thông được, cứ thấy phàn-nàn rằng : « Khổ vì không học được gì cả » — Thế là lầm to, phải biết rằng : Nước nào có tiếng nước ấy, mình cố sức mà luyện - tập cho tinh tiếng mình, đem những điều mình quan-sát mình kinh-lịch mà cống-hiến cho nước cho dân, cũng không phải là không có ích ; chớ nếu nước nào cũng phàn-nàn như thế, người nào cũng thở-than như vậy, thì sẽ thường phải giết cả quốc-dân đi qua một thứ tiếng ngoại-quốc hay sao ? Vả lại ở đời mỗi người chuyên một việc, *chuyên nhất sự giả tinh kỳ sự*, có chuyên mới tinh ; người thì chuyên khoa Pháp-học, người thì chuyên khoa Hán-học, mình thì chuyên khoa Nam-học là chủ trong nước, ai dã dám chê. Mà đương lúc này chuyên Nam-học lại càng rộng hơn, vì mình đã biết tính-tình phong-tục trong nước, lại có những nhà Pháp-học đem tinh-thần

học của Thái-Tây, nhà Hán-học đem tinh-thần cổ-văn-minh Đông-Á — Thái-Tây với Á-đông cũng là thế-giới rồi, — để ta thu-nhặt, ta chọn-lọc, ta tổng-hợp, ta chung-đúc lại mà hiến đồng-bào, lại càng thiết-tha dễ hiểu lắm. Vậy tôi có thể định cho các nhà ấy một cái chức-vụ phổ-thông: là các nhà « thế-giới tinh-thần-học », vì không có chuyên học một thứ tiếng nào, chỉ hấp-thụ văn-minh trong thế-giới, lấy quốc-văn làm nhà bảo-tàng cho nhất-ban xã-hội mình đều được tự-do vào mà xem, đều hiểu được cả, chẳng là có ích gấp mấy cái học khác đó? Tôi nói thế không phải là có cái cảm-tình riêng gì với các nhà ấy đâu, mà chỉ anh là muốn hòa-giải cả đồng-bào, dù là nhà Pháp-học, dù là nhà Hán-học, nên quên mình đừng kể là học nọ với học kia, chỉ nên giữ chung một mục-đích: lấy quốc-văn làm bản-vị, lấy nước nhà làm chủ-quan; thế thì người mới hay, nước mới thịnh.

*Nam - Cổ* TRẦN DUY-NHẤT

---

# ĐÊM MỒNG BẢY

(*Khảo về tích vợ chồng Ngâu và đối-chiếu với chuyện cũ Âu-châu*)

### Minerve và chức-Nữ

Nữ-thần *Minerve* ra đời kỳ-diệu: vị *Vulcain* cầm búa bổ đầu ông *Jupiter* (Thiên-Đế) vỡ nứt, rồi Nàng ở trong sinh ra, đã có đủ binh-khí. Nàng là thần trông coi đủ cả các công việc trong một nước: ủng-hộ gần khắp sự hành-động của nhân-quần. Các nhà trí-tuệ, tư-tưởng, văn-học, kỹ-nghệ đều cầu đến Nàng cả. Nhưng Nàng khéo riêng về nữ-công: thêu, dệt, kim chỉ. Có ả *Arachné* là người đất *Lydie* cũng có tài thêu dệt không ai bằng, được tiếng khéo-léo vang trong nước. *Minerve* thi tài với ả. Nữ-thần dệt một bức thêu sự-tích mình tranh-cạnh với Hải-thần *Poséidon*. Ả *Arachné* thêu sự-tích các vị Thần-Thánh biến-hình. Bức thêu của ả tuyệt đẹp, Nữ-thần không chê được điều gì xấu, tức lắm, xé bức thêu của ả; ả giận thân, bèn thắt cổ quyên-sinh. Nữ-thần thương, biến hình ả ra con nhện.

Xem như sự-tích *Minerve* của người Âu-Tây, mà ví với Chức-Nữ của người Á-Đông, thời hình như khác hẳn, chẳng có giống nhau. Nhưng mà xét kỹ: Chức-nữ là con Thiên-Đế, khéo dệt cửi. Đàn bà bên Tàu có lễ « khất xảo tiết » 乞巧節, cầu bà Chức-nữ để bà ủng-hộ cho được khéo tay thêu dệt. Như thế thời có thể nói rằng bà *Minerve* với bà Chức-nữ, tuy có nhiều điều khác nhau là bởi văn-minh Âu Á khác nhau, nhưng vốn như nhau vậy.

Nhà triết-học kê-cứu các vị thần-thánh phù-hộ trong một dân, và những bài văn-chương tuyệt-tác của một nước, thời hình như mắt thấy tấm lòng của dân ấy, trí cảm linh-hồn của nước ấy vậy.

Coi bà *Minerve* của người *Latins* (tức là bà *Athéné* của người *Grecs*), là đủ biết những dân ấy văn-minh tới trình-độ cực cao: yêu mến sự mở-mang trí-khôn của người ta có thứ-tự rộng-rãi, tôn-trọng điều xếp-đặt công việc trong khắp nước có kỷ-luật điều-hòa.

Xem bà Chức-nữ của người Trung-hoa (ấy là bà Ngâu của người An-nam) là rõ được Tàu với ta sinh-hoạt theo lý-tưởng thiết-thực: lo-lắng sự cần-lao làm-ăn để một đời được no-ấm sung-túc; sùng-bái sự chăm-chỉ sớm khuya cho trong một nhà được an-tĩnh khoái-lạc.

Có lẽ bởi thế ông Thiên-Đế gả Chức-nữ cho Khiên-Ngưu chăng? Nghề thêu-dệt với nghề canh-nông chẳng phải là như hai vị thần cứu con người ta tránh khỏi « lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da » hay sao?

Người Á-Đông chuộng việc thiết-thực quá hơn người *Latins*; cho nên theo con mắt Á-Đông thời các vị tinh-tú trên trời cũng như những cái gương phản-chiếu các việc của nhân-quần dưới đất. Những quang-cảnh vui, buồn, đẹp, xấu, ở cõi trần; những cảm-tình mừng, giận, yêu, ghét, trong lòng người, cũng theo như tiết-hậu trong trời đất mà hình-dung.

Đêm thu thấy: trăng sao sáng rọi, Ngân-hà trắng xóa (người Âu gọi Ngân-hà là *Voie lactée* nghĩa là *con đường sữa*, bởi có điển-tích riêng). Đến mùa ấy, lại năng có nhiều mưa, nước rội tầm-tã; giống quạ đầu trắng bơ-phờ. Bởi thấy những cảnh-tượng như thế cho nên người đời xưa bên Á-Đông tưởng ra chuyện có thú-vị Chức-nữ lấy chồng Khiên-Ngưu, Ô-thước đắp cầu Ngân-Hà vậy.

### Thất-tịch ca

Bài ca tràng-thiên này là của ông Trương Văn-Tiềm 張文潛, chứng ở đời nhà Hán, là một bài cổ-văn, lời tuy chất-phát, ý thực hoa-mĩ. Xin chép và diễn ra quốc-ngữ như sau này:

*Nguyên-văn chữ Hán*

## 七夕歌

人間一葉梧桐飄。
蓐收行秋回斗杓。
神官召集役靈鵲。
直渡銀河橫作橋。
河東美人天帝子。
機杼年年勞玉指。
織成雲霧紫綃衣。
辛苦無歡容不理。
帝憐獨居無與娛。
河西嫁與牽牛夫。
自從嫁後廢織紝。
綠鬢雲髮朝暮梳。
貪歡不歸天帝怒。
責歸腳踏來時路。
但令一歲一相見。
七月七日橋邊渡。
別多會少知奈何。
却憶從前歡愛多。
匆匆萬事說不盡。
玉龍已駕鸞義和。
河邊靈官催曉發。
令嚴不肯輕離別。
便將淚作雨滂沱。
淚痕有盡愁無歇。
我言織女君莫歎。
天地無窮會相見。
猶勝嬋娟不嫁人。
夜夜孤眠廣寒殿。

*Dịch nghĩa xuôi*

« Nhân-gian một lá ngô-đồng rụng.
« Thần Nhục-Thu làm việc mùa thu xoay chuôi sao Đẩu.
« Thần-quan vời họp linh-thước bắt làm việc,
« Thẳng qua sông Ngân bắc cầu ngang.
« Phía Đông sông Ngân có mĩ-nhân là con Thiên-Đế.
« Thoi máy hằng năm nhọc ngón tay ngọc.
« Dệt nên áo the tía mây mù.
« Tân-khổ không vui, không làm dáng.
« Thiên-Đế thương ở một mình không cùng ai làm vui,
« Gả cho Khiên-Ngưu ở phía tây sông Ngân.
« Tự khi gả rồi bỏ việc thêu dệt.

« Đầu ngôi xanh, mái tóc mây, sớm chiều chải-vuốt.
« Tham vui không về. Thiên-Đế giận,
« Bắt về theo con đường trước đã qua,
« Chỉ cho một năm một lần thấy nhau.
« Mồng bảy tháng bảy qua cầu sang.
« Biệt nhiều gặp ít biết làm thế nào.
« Mới biết từ trước vui yêu nhiều.
« Hấp tấp muôn việc nói không hết,
« Ngọc-Long đã theo, Hy-Hòa đánh xe.
« Ở bên sông Linh-quan giục đi sớm,
« Lệnh nghiêm chẳng chịu, khinh ly-biệt.
« Bên đem nước mắt làm ra mưa đầm-đìa.
« Nước mắt hết, sầu không-hết.
« Ta có lời nói với Chức-Nữ xin đừng than,
« Trời đất vô-cùng rồi gặp nhau mãi,
« Còn hơn Hằng-Nga không gả cho ai,
« Đêm đêm ngủ một mình trên điện Quảng Hàn. »

Cũng còn nhiều bài cổ-văn nữa về chuyện này, nhưng mà vắn-tắt lắm.

Nay theo bài ca trường-thiên của ông Trương Tiên-sinh mà đặt ra bài ca quốc-âm, nhan là « Đêm mồng bảy ». Tác-giả không cần phiên-diễn thơ chữ ra thơ nôm, nghĩa là không theo nguyên-bản từng câu từng chữ cho đúng đâu; nhưng mà chỉ tựa cảm-tình cổ-nhân đã bày ra, hay là *còn dề ẩn*, mà tả-chân biết bao ý-tứ chung khắp trời đất vậy.

### Đêm mồng bảy
(*ca-khúc*)

Xướng-ca nhân buổi thăng-bình,
Theo xưa nay kể sự-tình thần-tiên.
Chuyện huyền hai vị thanh-niên,
Ngưu-Lang Chức-Nữ kết duyên não-nùng.

Sông Ngân nước chảy một dòng,
Phía Tây chàng ở phía Đông thời nàng.
Có cầu kỳ-diệu bắc ngang,
Bên kia sẵn lối qua sang bên này.

Trong không kiến-chúc lạ thay!
Vững vàng thách gió lung-lay được nào!
Một đoàn linh-thước biết bao,
Bù lông xơ cánh công-lao vì nàng.

Mĩ-nhân Đế-Nữ cao sang,
Hình-dung yểu-điệu rỡ-ràng áo-xiêm.
Tóc nàng ví thể trời đêm,
Mắt sao lóng-lánh sáng thêm vẻ người.

Trăng thu tô-điểm nét tươi;
Trăm hoa đua nở miệng cười xinh xinh.
Cỗ kiệu ba ngấn thanh-thanh,
Trông người như thể trong tranh tuyệt tài.

Đẹp thay có một không hai:
Lưng ong nhã-nhặn, mày ngài nở-nang.
Đầu ngôi chăm-chẩm, trán quang.
Má hồng, hàm én, khuôn răng hạt bầu.

Dáng đi nhẹ gót bồ câu,
Người tiên trẻ mãi, thọ lâu chẳng già.
Mầu da như ngọc, như ngà,
Tứ-chi đều-đặn, thật là khả yêu.

Vốn người nhan-sắc mĩ-miều,
Kể bề tâm-tính trăm điều nết-na.
Đoan-trang trinh tĩnh nhu-hòa,
Êm-đềm giọng nói mặn-mà khoan-thai.

Buồng mây cửa đóng then cài,
Có tài dệt cửi chẳng ai tày bằng.
Việc làm chịu khó siêng-năng,
Chẳng hề làm dáng lược gương lúc nào.

Dệt nên bức đẹp dường nao!
Khói mây phấp-phới từng cao rỡ-ràng.
Dệt nên áo tía the lương,
Vân vân nhấp-nhánh trông càng diệu thay.

Cần-lao chẳng quản đắng cay,
Khôn ngoan tài khéo thực hay đủ bề.
Đường ngôi ngay lệch ai chê,
Khen người tân-khổ vui nghề nữ-công.

Một mình một bóng trong cung,
Khi buồn chẳng có ai cùng làm khuây.
Thoi đưa máy cửi ngày ngày.
Chăm chăm chẳng để rời tay bao giờ.

Canh khuya có lúc vẩn-vơ,
Non cao thanh vắng tỏ mờ vừng trăng.
Thấy nàng Thiên-Đế cảm thương,
Ơn cho đẹp phận lấy chàng giắt trâu.

Âm-dương phối-hợp với nhau,
Có đôi làm bạn trước sau một lòng.
Dẫu rằng cách-trở Tây Đông.
Có tay Nguyệt-Lão tơ hồng xe giây.

Chư-Tiên họp mặt vui vầy,
Xôn xao ti-trúc được ngày thành-hôn.
Thiên-Tôn là vị trí-tôn,
Giáng vàng với gấm hồi-môn thiếu gì.

Càn Khôn cũng nể cũng vì.
Nước non đón rước uy-nghi vô-chừng.
Muôn loài nao-nức chào mừng,
Cỏ cây hoan-hỉ tưng-bừng gần xa.

Chim muông lên giọng tấu-ca,
Bốn phương rực-rỡ đuốc hoa động-phòng.
Từ khi khăng-khít chữ đồng,
Biếng lười khung cửi để không chẳng làm.

Cuộc hay, hay lạ nên ham,
Chăn loan gối phụng sắt cầm bén duyên.
Thanh-nhàn chơi cảnh thiên-nhiên,
Chàng nàng đều thỏa ước-nguyền cả đôi.

Chén xuân đi lại chuyên-bôi,
Men thần hương thánh tỉnh rồi lại say.
Dệt thêu chẳng muốn bận tay,
Môi son má phấn suốt ngày điểm-trang.

Sáng chiều chỉ việc soi gương,
Tóc mây lược chải, sửa - sang mái đầu.
Mối tình dan-díu cùng nhau,
Mấy thu lần-lữa lâu lâu chẳng về.

Tối sầm Trời giận gớm-ghê,
Một vùng u-ám mây che kín chùm.
Âm-ầm sấm dậy um-thùm,
Ví như văng-vẳng tiếng hùm trong hang.

Phân-minh miệng nói với nàng :
Con ơi! sao chẳng siêng năng như thường?
« Ngồi không máy cửi nhện chăng ;
«Khéo tay con phải làm gương nhân-quân.

« Người Tiên cũng giống người Trần,
«Dệt thêu trọng lấy chuyên-cần mới hay.
« Con ơi ! cha dạy điều này,
« Phải theo nhất định từ rày trở đi :

« Năm năm xa cách biệt-ly.
«Mùng bảy tháng bảy một kỳ tương-giao.»
Nghe lời biết nghĩ thế nào ?
Một ly vui-vẻ, biết bao âu-sầu ?

Lên đường mặt tẻ mày chau,
Chập chờn giấc điệp canh thâu mơ-màng.
Đỉnh non đứng ngóng Ngưu-Lang,
Đôi dòng nước chảy sông Thương đợi chờ.

Vì ai thơ-thẩn thần-thơ ?
Buồn trông sương khói lờ mờ Thái-[dương.
Nỗi mình cách biệt dở-dang,
Buồng riêng lạnh-lẽo nghĩ càng cực thân!

Vì ai mang nặng ái ân ?
Buồn trông đào-lý mưa nhuần một [phương.
Dẫu rằng chia-ghẽ đôi đường,
Tình kia một sợi tơ vương khác nào ;

Vì ai ngơ-ngẩn lao-đao ?
Buồn trông mặt nước sen chào đáng [hương.
Sớm khuya nhớ nhớ thương thương,
Muốn đưa tin nhạn gửi sang một lời.

Vì ai ngẫm-nghĩ bời-bời ?
Buồn trông cúc rập đến thời nầy hoa.
Lần lần ngày lại đêm qua,
Biết bao tơ-tưởng sâu-xa vô chừng !

Tới kỳ hơn-hớn sang sông,
Dập-dềnh sóng bạc động lòng hoan-hân.
Mừng khi tiếp-kiến phu-quân,
Xiết bao nông-nỗi ân-cần trước sau.

Não-nùng chưa nói dứt câu,
Thái-dương bờ bể bãi dâu hiện rồi.
Thảm-thê kể chẳng hết lời,
Ngọc-Long xe tới vội dời gót chân.

Lệnh-nghiêm ai dám kêu van ?
Bốn mùa chỉ có một lần thấy nhau.
Biệt-ly quang-cảnh buồn rầu,
Năm canh như chớp chẳng lâu chuyện trò.

Mấy điều thân-mật dặn-dò,
Dịp-dàng ý-tứ nhỏ-to ngập-ngừng.

Đôi đường cách trở Tây Đông,
Cảm tình vui tẻ, đau lòng hợp tan.

Trận mưa nước mắt chầy giàn,
Gió vàng hiu-hắt, khóc than điệu sầu.
Êm-đềm từ-giã một câu,
Thiết-tha trao hẹn năm sau có ngày.

Kẻ về người ở chia tay,
Chất sầu đắp thảm xem tầy núi non !

Tình riêng chút đỉnh cỏn con,
Nhân-duyên hội-ngộ hãy còn nhiều phen,

Cùng trời cùng đất lâu bền,
Một lời xin nói chớ nên phàn-nàn.
Hằng-Nga trong điện Quảng-hàn,
Đêm đêm nằm ngủ cô-thân không chồng.

Đỗ Hào-Đình

*Làm mùa ngâu năm tân-dậu*

---

# SỨ-HOA NHÀN-VỊNH(1)

*(Dịch thơ triều Lê)*

## V

### 42. — Sớm ngày nổi thuyền sông Quế-giang

Sáng hôm rằm tháng ba từ thành Quế-lâm, thuyền đi ngược lên phía tây sông Quế-giang, ngày hôm ấy mưa xuân lác-đác, ngọn liễu phất-phơ, trăm thức hoa đua nở như mầu gấm vóc, trông thấy cảnh xuân vui-vẻ, trong lòng thanh-hứng có vịnh một bài :

Treo cao buồm gió ngược giang-tê,
Phong cảnh lần xem tứ khách mê.
Về nước soi gương êm sóng rợn,
Mầu hoa giãi gấm khắp sơn-khê.
Xanh đua sắc vẽ mây đầu núi,
Biếc nhuộm mùi xuân cỏ mặt đê.
Lủn-phủn mưa bay thêm trợ-hứng,
Mảng vui quên hết bụng làng quê

### 43. — Chiều qua thanh Linh-châu.

Thành Linh-châu nước biếc non xanh, bốn bên cây bọc cũng là một nơi danh-thắng, chỉ vì rằng huyện-thành đổ nát, phố-sá lơ-thơ, hóa ra một nơi hoang-tịch thuyền sứ đi qua đấy, khi đã chiều hôm, thấy những gió thổi lạnh-lùng, én bay phấp-phới đã động lòng thương-kim tư-cổ, lại gợi tình nhật-mộ hương-quan, bối-rối trăm chiều, ngâm nên một luật :

Châu Linh thuyền đậu lúc ban chiều,
Thành-quách hoang-lương cảnh vắng teo.
Nước rẽ ba ngành dòng uốn-éo,
Núi thông một dẫy ngọn treo-leo.
Hào không gió thổi mây tan-tác,
Lũy cũ xuân về én chất-chiu.
Cảnh ấy tình này ai dễ biết,
Quan-hà nửa gối khách buồn thiu !

### 44. — Qua cửa sông Đại-vinh

Thuyền đi đến cửa sông Đại-vinh, vừa ngày mười-hai tháng ba là ngày có trọng-hủy, đau lòng đất khách, nhớ cảnh quê nhà, ra bến sông quay mặt bái-vọng trở về dỏ hai hàng nước mắt than rằng : « Trời cao đất rộng, nghĩa mẹ công cha ; tấm thân quân-quốc, muôn dặm quan-hà ! »

Đoái trông mây trắng xa-xa,
Cuối trời là chốn quê nhà phải không ?
Bề non chưa chút đền công,
Xuân-sương thu lộ tấc lòng thê-thương.
Than rồi vịnh bức thi-chương :

Quay về vọng-bái chốn giang-tân,
Muôn dặm tình ghi gốc tử-phần.

---

(1) Xem *Nam-phong* từ số 48.

Nước lạ xuân sâu thêm giọt lệ,
Lòng quê vị nhạt nhớ rau tần.
Tóc da người trước nguyên còn thế,
Mũ áo ngày nay mới về thân.
Ngậm-ngùi nửa thương lòng tấc cỏ,
Biết bao đáp lại được ba xuân.

### 45. — Qua ngòi Linh-cừ

Thuyền đi đến địa-giới huyện Hưng-yên, vào ngòi Linh-cừ. Ngòi ấy là ngòi nhà Tần khi xưa đào ra để thông sang châu Linh, quan Phục-ba và ông Gia-cát nhà Hán hai ngài lại đào thêm, đường thủy vừa nông vừa hẹp, loanh-quanh như rồng trăm khúc, thuyền rất khó đi, quan ở xứ ấy đặt ra thạch-đậu 26 chỗ để ngăn nước lại, đợi khi nào nước đầy thì tháo xuống để cho thuyền đi thì thuyền mới lên được, dân ở đấy đắp nhiều bờ-đập, đặt xe máy để vận nước vào ruộng, lại đem vôi vùi vào ruộng cho màu ruộng tốt, khi đi qua đấy có vịnh một bài :

Một dải Linh-cừ (1) tưởng ruột đê,
Dòng-dòng trên ngược chảy xuôi về.
Thuyền đi lững-dững lần khe núi,
Cừ chuyển loanh-quanh lựa khúc đê.
Nước vận phiên-xa (2) nơi ruộng cạn,
Gió tan phấn-thạch (3) quãng đồng-khê.
Hỏi ai muốn biết ngòi ai tạc,
Nhận dấu đền linh mấy chữ đề.

### 46. — Đề núi Đầu-ngựa

Trên bờ sông Nghi có một quả núi đá, cao hai ba nghìn trượng, đứng xa trông như đầu ngựa, tục-ngữ có câu : « Ba-mươi-sáu đầu, bảy-mươi ba thoan, xa-xa trông thấy Mã-đầu-san », nghĩa là núi ấy cao hơn các núi khác.

Xuân tạnh vầng mây ngỡ thủy-hoàn (4),
Thiên-thanh vành nguyệt tưởng kim-loan (5).
Tầng cao lăng bức Ngưu sông Hán (6),
Mỏng thấp tầm-thường Tượng bến Than (7).
Ngọn ngọn gục đầu nghìn vạn núi,
Dòng dòng ngửa mặt bảy ba thoan.
Nếu hay thúc dậy thay lừa kéo,
Nam bắc đi về quãng nửa gian.

### 47. — Đề hòn đá Phi-lai

Ở huyện Hưng-yên ngòi Linh-cừ nhà Tần, có một hòn đá cao hơn một trượng dài hơn năm thước ; đứng thẳng như bức vách, bốn mặt đồng rộng, chỉ có hòn đá ấy mọc ở giữa ngòi, tục-truyền ở tự nơi khác bay đến, trên đầu hòn đá có ba chữ : « Phi-lai-thạch » :

Chông-chênh hòn đá nước vơi đầy,
Chẳng biết từ đâu dịch lại đây ?
Ngỡ lúc vá trời (8) rơi mảnh xuống,
Tưởng khi lấp bể phải rơi bay (9).
Giá sương chẳng đổi mầu da sắt,
Mưa móc thêm vun tấc rễ mây.
Thử nhận trên đầu ba chữ tạc,
Mới hay rơi lược (10) chuyện xưa nay.

### 48. — Phong-cảnh châu Kim

Châu Kim này xưa là đất Tương-nguyên, là chỗ phân địa-giới nước Việt, ba dòng sông hợp lại làm một ; sông Tương trên có ngòi Tương-lĩnh, núi sông đẹp nhất, tre gỗ xanh rì, trong thành thì dân-cư đông đúc, nhiều nhà lệnh-tộc cao-môn, hãy còn cả nền nhà cũ

---

(1) Linh-cừ = Ngòi ruột đê.
(2) Phiên-xa = Xe máy nước.
(3) Phấn-thạch = Đá vôi.
(4) Thủy-hoàn = Vòng ngựa.
(5) Kim-loan = Chuông ngựa.
(6) Ngưu sông Hán = Sao Khiên-ngưu sông Ngân-hán.
(7) Tượng bến Than = núi vòi voi bến Than.
(8) Bà Nữ-oa vá đá vá trời.
(9) Ông Thủy-hoàng nhà Tần bắc cầu ra bể, lấy roi đánh đá đá phải chạy.
(10) Ông Câu-Tiễn nước Việt đi qua ngòi đánh rơi lược hóa ra hòn đá.

của em quan Thượng-Thư Tưởng-Tín tên là Hồ-lão Tưởng-hiên, là một người lừng lẫy lúc bấy giờ.

Mặt phố chen đua sắc cẩm-lân (1),
Lầu son gác tía vẻ thanh-tân.
Ba sông nước chảy vào ao Sở,
Muôn giếng hơi nồng ngậm cảnh xuân.
Núi Liễu mây soi gương thủy-nguyệt (2),
Non Tương tóc lộn bóng tùng-vân (3).
Hỏi ai Ma-Cật (4) thơ trong họa,
Điểm hết sơn-khê ngọn bút thần.

## 49. — Đề chùa Tương-sơn

Chùa này ở cách phía tây thành hai dặm, cây núi tốt xanh, cửa động u-uất, có tòa chùa gọi là chùa « Quang-hiền », chùa ấy là chùa của vị sư đời nhà Đường tên là Vô-lượng-thọ - phật, hiện bây giờ chân-thân còn thờ ở trong tháp, khói hương nghi - ngút, chuông trống vang lừng, trước cửa tháp treo một tấm gương đồng to, rất là sáng sủa, hai bên điện gác ngang trời, cỏ hoa chật đất, là một nơi danh-thắng nhất châu Tương.

Ba-Sở non sông một cảnh thiên,
Mầu thanh chiếm-đoạn nước Tương-nguyên (5).
Mây phong điện ngọc tầng tầng gấm,
Gương lộn tòa kim đóa đóa sen (6).
Giữa tháp khóa xuân lưu cốt Phật,
Dưới khe nhả nguyệt giải rồng thiền.
Trải bao trầu kiếp hơi da lạnh,
Thế-giới riêng trong một động-thiên.

## 50. — Đề đền thày Chu Đôn-Di

Đạo-châu thuộc về phủ Vĩnh-châu đất Tương-nam, giao-giới với tỉnh Quảng-tây, châu ấy là làng cũ thày Chu Đôn-Di (nay là huyện Hưng-yên tỉnh Quảng-tây). Trên khe Tần-cừ có đền thờ, hoành-biển thếp vàng, đề bốn chữ rằng : «*Lý nguyên nhất quán* » ; hoành biển thếp bạc đề sáu chữ rằng :« *Thiên-hạ đệ-nhất-đẳng-nhân* », thần tượng ngài son vàng ánh lộn, khăn áo nho-nhã, nghiêm-nhiên như lúc còn sống, khi vào yết đền, thắp hương lễ rồi có đề một bài :

Tròn tròn Thái-cực (7) hợp tinh-chân,
Nêu yết kiền-khôn (8) dạy chúng-nhân.
Một mảnh đạo-tâm khe có nguyệt,
Tư mùa sinh-ý cỏ thường xuân.
Vì sao (9) cõi học mầu hoa-cổn (10),
Cổ-áo (11) đàn văn vẽ giốc-cân (12),
Còn đất còn trời còn miếu-mạo,
Giang-sơn còn vẻ mặt tinh-thần.

## 51. — Xa trông cảnh sông Tiêu-tương.

Thượng-tuần tháng giêng, thuyền đậu cửa sông Tiêu-tương, khi bấy giờ gặp trời mưa xuân, trên trời dưới nước, trông như một vẻ, trên bờ sông có một cây tháp, cao năm sáu tầng, gọi là Hoài-Tô-tháp. Đời nhà Đường có một vị sư tên là Hoài-Tố, thường ở chỗ ấy, viết kinh nhà Phật, hiện nay giá bút vẫn còn ; trên bờ sông lại có đền cũ là đền của vua Đường phong thần cho ông Tề - đức Vũ-hoàng và ông Đoái-đức Cao-hoàng, đền ấy rất là thiêng lắm.

---

(1) Cẩm-lân = Sắc vẩy cá đẹp như gấm.
(2) Thủy-nguyệt = Trăng lồng bóng nước.
(3) Tùng-vân = Mây phủ ngọn thông.
(4) Ma-Cật = Tên ông Vương-Duy nhà Đường.
(5) Tương-nguyên = Nguồn nước sông Tương.
(6) Điện ngọc tòa Kim = Tòa sen vàng nơi tam-bảo.
(7) Thái-cực = Vòng tròn hình Thái-cực sinh ra Trời Đất.
(8) Kiền khôn = trời đất.
(9) Vì sao = sao Bắc-đẩu, thường ví là thày dạy học.
(10) Hoa-cổn = Áo thêu rồng.
(11) Cổ-áo = vì như bậc hiền giỏi hơn người.
(12) Giốc-cân = khăn nhà nho.

Giang-quốc (1) vầng ô (2) bóng xế tây,
Thôn thôn hơi khói khắp trời bay.
Mây che màn thúy (3) sa mưa núi,
Sóng nổi vây xanh (4) động gió cây.
Hoài-Tố (5) tháp cao ngồi bút gác,
Vũ-hoàng (6) đền cổ lá xuân đầy.
Năm ba tiếng địch lên thuyền muộn,
Nước thẳm trời xa khách tỉnh say.

(*Còn nữa*)

*Lương-ngọc* Vũ Bích dịch

---

# TIỂU-THUYẾT, KỊCH-BẢN

## ÔI! THIẾU-NIÊN...

(*Hoạt-kê tiểu-thuyết*)

*Thiếu-niên có một cái bệnh, là bệnh tình. Bệnh này từ xưa đến nay bao nhiêu tay danh-y trong thiên-hạ chữa cũng không khỏi được. Nó thiên-hình vạn-trạng, nó phẳng-phất mơ-màng, nó như con rắn trăn đầu trong truyện truyền-kỳ Hi-lạp, đánh rập đầu này, nó ngoi đầu khác. Khó chữa nhất là cái trứng «tình si»; đã tình mà lại si, thời thuốc tiên cũng phải chịu. Nay có* Georges Courteline *tiên-sinh là một tay « ngoại-khoa » trước-danh ở nước Pháp, có tài riêng về thuật trâm-trích, nghĩ được bài thuốc như sau này, xét ra cũng linh-hiệu, tôi xin dịch đây, để cống-hiến các hàng thanh-niên trong nước.*

*Gọi tiên-sinh là một tay « ngoại-khoa » là lấy nghĩa riêng rằng tiên-sinh vốn không phải là y-gia-chuyên-môn. Tiên-sinh chỉ sở-trường về nghề tiểu-thuyết, nhưng mỗi bản tiểu-thuyết của tiên-sinh, dù trường-thiên, dù đoản-thiên, chính là một bài thuốc để chữa những tật điên-đồ khờ-dại của người đời. Thuốc của tiên-sinh có tiếng là cay-đắng vô-cùng, nhưng mà cũng công-hiệu vô-cùng. Phần nhiều các đơn của tiên-sinh là kê theo một phương « hoạt-kê » gia giảm cả. Xin các ngài thử nghiệm bài sau này xem phương thuốc trị có hay không.*

Dịch-giả chí

. . .

I

Bạn tôi là Bác Cồ-đỏ, chúng tôi thường gọi đùa là « Anh Cồ béo », vì bác ta to-lớn phục-phịch, nói to như người tức giận :

— À ! phải, tuổi thiếu-niên dại thật ! Dại thật !... Thiếu-niên mà đã dại thật là dại vô-ngần ! Thật, các anh ạ, ngày nay có lúc hồi-tưởng đến thủa trước mà tôi đỏ mặt lên, tức mình giận mình làm sao mà khờ-dại đến nước ấy, làm sao mà si-ngốc đến bậc ấy, làm sao mà ngờ-nghệch một cách tệ-lậu đến thế ! Chà, chà ! bây giờ mà lại phải thế nữa....

---

(1) Giang-quốc = Nơi sông.
(2) Vầng ô = Mặt trời.
(3) Màn thúy = Màn biếc.
(4) Vây xanh = Vây cá lẫn nước xanh.
(5) Hoài-Tố = Tên ông sư.
(6) Vũ-hoàng = Tên ông thần.

Bác ta không nói hết, nhếch miệng cười, cũng hiểu ý. Lấy tay đập cái nõ điếu vào thành đĩa rầm, tàn thuốc lá rơi ra rông-rồng, khói xanh-sám bốc lên ngùn-ngụt, như đá lửa trong núi lửa phun lên ; rồi nói tiếp :

— Này, hồi-tưởng đến thủa nhỏ, tôi còn nhớ nhất là một chuyện này . . . Chuyện đem lên bia cũng đáng ! Bấy giờ tôi học gần hết ban văn-chương ở trường trung-học Công-đô-xê, hồi ấy còn gọi tên là trường Bô-na-bạt. Tôi có một người bạn học ngồi gần ghế tên là Lê-cự-yết, người ngoan lắm, học đụt nhưng tính khá. Cha anh ta là một tay bợm già láu-cá làm chủ nhà « Tân-kỷ-hí-viện » ở phố Thánh-Đề-ni. Đó là một cái nhà hát nhỏ, chỉ thuần diễn hài-kịch, lại có ca-nhạc. Chắc các bác không biết đâu, các bác còn trẻ tuổi. Tôi nói đây là nói chuyện ba mươi năm về trước, hồi các bác còn chưa đẻ, lão Lê-cự-yết đã bị tù vì vỡ nợ rồi.

Lão Lê-cự-yết, thật là thằng keo già. Sỏ-lá đến nước !

Điên-đảo không ai bằng, lường-gạt thật có một, nói dối như vẹm, giảo-quyệt như ma, cách sinh-nhai của lão thật là lạ quá, thuần thị những mưu gian chước dối cả. Đến cái gian - dối thời lão thật là vô-sở bất-vi, từ cách dùng dao cạo cạo sồ cái dề soáy từng trăm từng chục, cho đến cách thò tay vào bị lão ăn mày dề nhặt lấy mấy su ! Ô-uế, bỉ-tiện đến lão là cùng, là cực, tưởng thóa-mạ đến thế nào cũng chưa đáng. Nhưng lão sở-trường nhất, không ai sánh bằng, là ở cái nghề lợi-dụng đàn bà con gái.

Thôi, nghề này thì lão tuyệt-trần.

Lão đi nhặt đi kiếm chỗ này chỗ khác, họp được một đội con gái trông cũng sạch mặt, lão trả công cho mỗi ngày mười-một su, mà phạt cũng khốn-nạn, những tiền phạt trừ được đến hai ba trăm quan một tháng ; đi ra ngoài mà về chậm phạt năm quan ; phải đóng vai mà thiếu mặt, phạt mười quan ; mỉm cười với bác quản-ca, hay liếc mắt nhìn người khách nào trong rạp, phạt hai-mươi quan. Thật là một nghề buôn thịt bán người. Lại còn đến nước thế này nữa : trong những người làm việc với lão, người nào tìm cách phạt được bọn con hát, mỗi cái phạt lão cho năm phần (5%) hoa-hồng ! Các bác tưởng tôi nói đùa đấy ? Thật thế, không sai : chính anh quản-ca đã thú thật rằng chỉ một khoản hoa-hồng đó mỗi năm anh thu được ngàn rưỡi quan. Coi thế thời biết phần lão thu tiền phạt được bao nhiêu. Tiền ấy lão cứ nghiễm-nhiên bỏ túi. Có ai thương-hại bọn kia, cất lời trách lão : « Này, cụ Lê, cụ làm thế nghiệt quá ! . . . », thời lão trả lời rằng : « Việc gì đến bọn đó đấy. Đã có nhân-ngãi chúng nó nộp phạt ! »

Ấy ông lão già nói thế đấy, mà nói một cách điềm-nhiên, mặt nửa như thật-thà, nửa như sỏ-lá, không biết nên hôn cho hai má hay nhổ vào đầy mặt ! Thật là dê-mạt đến cùng ! Tuy vậy, mà người cũng biết điều. Lão biết tôi là bạn của con, lão cũng có bụng yêu ; một hôm lão bảo tôi rằng :

— Này, anh đồ, có muốn vào xem phòng con hát của mỗ, cứ việc mà vào.

Phòng con hát ! . . .

Bấy giờ tôi đã mười-bảy tuổi, nhưng trông người chỉ bằng mười-bốn ; tôi có con em gái kém tôi mười-tám tháng mà có lẽ tôi lại thật-thà hơn nó.

Lão cho phép, tôi nhận lời ngay : ngay chiều hôm ấy tôi vào xem phòng con hát của lão.

II

Hai bên sân khấu có hai ngõ hẻm đi vào, rồi vào trong chen-chúc những lối giọc buồng ngang, tối-tăm khúc-khuỷu, bước lên hai bậc cao thời vào

đến phòng con hát, là một gian buồng trong có treo một cái gương rạn, chiếu khắp cả buồng, trông bần-thỉu lạ. Đó là chỗ cứ tối đến từ chín giờ đến nửa đêm, các chị con hát hội-họp cả ở đấy, người thì mặc yếm sa mỏng, người thì để cánh tay trần, quần áo phất-phơ, như là bươm-bướm. Kẻ vào người ra, kẻ nói người chạy, kẻ tập nhảy, người nhảy gương ; ở ngoài lại có tiếng một lão thày dạy múa người Ý-đại-lợi cứ hét luôn : « Trời đất ơi ! », trong này văng-vẳng đáp lại : « Sao không gọi mẹ lên nữa ? » Trông chân các chị cứ như choi-choi cả : đôi thì mập, đôi thì mảnh, có đôi mảnh-rẻ ẻo-lả như cuống hoa huệ ; kẻ nhảy người chạy, cứ rối cả lên, mình phải khép-nép đứng tránh luôn, để cho khỏi vướng chân họ.

Người ta mà phải cái tính cả thẹn thật như mang cái tật trong mình, bức-tức một mình mà không thuốc nào chữa được, khác nào như người trễ môi hay trĩ mũi.

Ấy tôi cũng phải cái tính cả thẹn như vậy.

Tôi đứng trong buồng con hát đó, khổ không biết chừng nào !

Vì các cô ấy tựa-hồ như cho mình là một cái vật lạ. Thấy một anh chàng lễ-phép, khép-nép, chải-chuốt, sạch-sẽ, không biết tên là gì, không nói-năng gì cả, cứ cả buổi tối hết đứng góc tường này lại sang sô cửa nọ, dực mặt ra để nhìn bọn họ, họ cũng lấy làm lạ thật và không hiểu ra làm sao. Nhưng nhất là có hai đứa, tôi lấy làm tức quá, vì nó ra giáng chế-nhạo mình, làm ra bỏ cắn môi để nhịn cười không được. Nó nhạo mình mà nó lại không lộ ra, mình mới tức chứ, tức quá cho đến nỗi nguyền cho chúng nó chết ngay lập-tức!! Thật thế! Giá ai bán cái chết của chúng nó mà phải mua bằng linh-hồn của tôi, tôi cũng xin mua ngay, không ngần-ngại !

Tội-nghiệp !

Mà tức-giận đến thế chỉ là bởi mình không dám sấn-sổ nắm lấy cổ tay chúng nó mà thôi !

Chắc các bác bảo :

—Đã tồi như thế thời ở nhà, đến làm gì.

Vẫn biết thế, nhưng mình lại phải lòng chúng nó thời nghĩ sao ?

Mà thật, tôi phải lòng thật.

Các bác phải biết đến ai như tôi cũng phải mắc, vì nó đẹp quá !

Tên nó là Cô Mã-Liên, nó đóng vai « Mụ La-sát » trong bản kịch đương diễn bấy giờ. Người không thấp, không cao, không gầy, không béo, không phải đẹp ra lối mĩ-miều yểu-điệu, mà đẹp ra lối cứng-cáp mạnh-mẽ, cổ tay tròn, bắp chân thẳng, nét mặt thẳng-thắn nghiêm - trang ; thật là đẹp như cái tượng bà thần Giu-nông ngày xưa. Trí tân mà gặp được gái ấy, còn gì tốt bằng. Cho nên tôi mê đặc.

Nhưng các bác cũng hiểu rằng mê thì mê mà nào có dám rỉ-răng với ả...

Không những không dám rỉ-răng mà lại cố giữ kín trong lòng, như một cái của báu, như một sự bí-mật. Tưởng mình như con sâu đất say-mê một vì sao trên trời, ngày đêm chỉ tơ-tưởng được trông thấy thời vui-sướng vô-cùng, không trông thấy thời sầu-khổ vô-hạn, chưa được nhìn mặt thời nóng ruột sốt lòng, đã được nhìn rồi thời mát-mẻ khoan-khoái.

Ái-tình là gì ? Ái-tình chẳng qua là lòng mình tưởng-tượng. Mỗi người tưởng-tượng ra một cách, tùy lòng mình cho nó là việc trọng hay cho nó là sự khinh. Các bác ở đời này cho ái-tình là một sự bất-túc khinh-trọng, có lẽ là phải đấy ; tôi thời tôi phải cái tật đa - tình quá, thành ra si-ngốc. Tôi là một thằng « si » đến nỗi giá phải lòng cô con gái nào có thể mua ngay cái

đờn cắp đến ngồi dưới cửa sổ nhà ái-nương mà gẩy được đó ! Mà bằng ngần này rồi ! Mà bốn-mươi - bảy tuổi đầu rồi ! . . . Mà mặt mũi như thế này đây ! . . .

Coi đó thời biết rằng tôi mê cô Mã-liên đến thế nào. Nhiều khi làm thơ để tặng cô, gửi đến nhà hát, ký tên là Mỗ.

Nhưng ngoại - giả không có chuyện gì cả, chỉ mỗi lần cô đi qua trong phòng con - hát, mắt choáng lên, chân lùi lại, như đứng trước «Kiệu Thánh», đến lúc đã đi qua rồi, mắt mình còn vẫn nhìn theo cái đuôi áo thướt-tha, như một cái đuôi vô-hình nữa nối sau. Tưởng cứ thế được mãi. Nhưng đàn-bà đến chuyện tình là họ tính lắm, người mê gái giá chôn mình xuống đất,xây gạch lên trên, gái nó cũng biết ! Một tối cô Mã-Liên, bỗng - dưng đứng dừng lại trước mặt tôi, con mắt lim-dim, hỏi to lên rằng :

— Thằng bé này nó làm gì mà nó cứ nhìn mình tròng-trọc thế này ?

Bấy giờ vụt chốc tôi thấy như máu tôi sôi lên sùng-sục, đất dưới chân như chuyển-động cả. Tôi ngơ - ngác, nói không thành câu :

— Tôi ? . . . tôi ấy à ?

Chị ta nói :

— Phải, anh, chứ ai ! Ừ, mà thằng bé này kỳ-ngộ thật ! Dễ nó có ý gì mình không biết, chắc.

Người đứng chung quanh cười ồ cả lên. Sợ quá thành ra đánh bạo, tôi liền nói :

— Ừ mà có ý thật đấy ! Tôi phải lòng chị thời chị bảo sao ?

— Phải lòng ! . . .

— Thật chứ bỡn à ? Chị mĩ-miều thế, phải lòng cũng đáng. Mà tôi tưởng chẳng phải một mình tôi đâu, chị ạ !

— À, cái đó đã hẳn rồi !

Nói thế rồi, chị há miệng ra, hai hàm răng trắng như hai chuỗi hạt châu đựng ở trong hộp, há miệng ra mà cười, Trời ơi, là cười !... Mơ-mộng đến tưởng chỉ có một mình mình là phải lòng chị, chị lấy cái đó làm kỳ-khôi, làm nực cười,làm một câu chuyện thú nhất trần-đời, nên mới cười, cười sặc cười sụa, cười vỡ cười lở, như bao nhiêu cái khí tục-tần thô-bỉ di-truyền đã từ đời ông đời cha đến giờ vẫn ngấm-ngầm ở trong mạch máu, chạy khắp thân-thể như những con thằn-lằn xanh, bấy giờ bỗng sôi-nổi cả lên mà phát-tiết ra cái giọng cười trượng-phu đó ! Cười mãi như thế, có khác gì như chửi mình không, chửi mình là thằng dại, danh con mà đã tập giọng ghen-tuông. Không thể nhịn được, tôi đã toan văng cho một câu : « Cô im cười đi, cô. Cô cười thế tôi không chịu được. Giá có đàn chó đực nó theo đuôi cô, cô cũng nên im đi, mới là người tu-sĩ. » Nhưng tôi chưa kịp nói, chợt có người nhà hát hé cửa gọi :

— Mụ La-sát đâu ra trò, mau lên !

Mã-liên ở trong thưa :

— Tôi đây.

Nói chưa dứt lời, đã vụt chạy. Tôi không thấy chị đứng đấy nữa, tôi có một cái cảm-giác phiền-phức, không thể nói ra được,tựa-hồ như nhẹ mình, mà lại ân-hận. Khi về nhà thấy trong lòng bối-rối quá.

Tối hôm sau, tôi vào phòng con hát, thấy chị đứng một mình, sắn tay áo, đương soa mặt ở trước gương. Chị ngoảnh lại nói :

— À, anh nhân-tình bé của tôi đây.

Tôi nói :

— Chào chị.

— Không dám, chào anh. Mạnh-giỏi không ?

— Cám ơn. Chị cũng mạnh chớ ?

Thế là hai người thành bạn, cùng nhau tủm-tỉm cười. Cái gương phản-chiếu hai khuôn mặt, tức là phản-chiếu hai nụ cười.

III

Tấm lòng thanh-tân của người con trai, không khác gì một bông hoa thơm, tấm thân mĩ-miều của người con gái cũng không khác gì một bông hoa thơm. Môi nọ áp môi kia, kết thành bó hoa phưng-phức.

Chị Mã với tôi, hai người gây nên một cuộc ái-tình, ái-tình của một cô con gái lớn với một cậu con trai bé, bên chị thời yêu-dương mà có ý xấc-nghịch, bên tôi thời yêu-dấu mà có ý nâng-niu, cái tình ái của tôi có ý thanh-cao hơn. Mẹ tôi khốn-nạn làm cả ngày đề ra được hai hào cho con đi học ăn quà, có hai hào ấy mà nghĩ cũng khéo thay ! ngày nào tôi đến thăm chị trong túi cũng đầy những kẹo đường bánh ngọt, chị trông thấy là vơ lấy vơ đề, nhai-ngốn ngồm-ngoàm. Tôi xét ra đàn bà con gái họ có một cái tính thú, là mình đãi họ cái gì, đồ vật to vật nhỏ, họ cũng một lòng vui-vẻ cả, thuê xe song-mã cho đi chơi hay là mua cho gói kẹo, cũng vui- vẻ như thế mà thôi.

Xét như thế thì chị Mã là người tốt lắm.

Tối nào cũng thế.

Tôi đến.

Chị hỏi :

— Kẹo tôi đâu ?

— Kẹo của chị ! Kẹo nào ? Tôi không hiểu chị nói gì. Tôi có kẹo đâu mà cho chị.

Bấy giờ chị làm ra dáng mĩ-miều, cười hi-hi như người biết rằng người ta nói bỡn, hiểu ý nói bỡn, và cố làm mặt nhu-mì, biết rằng không ai cầm lòng được. Mà quả, tôi không thể cầm lòng được lâu nữa ; kẹo tôi, tôi phải thò ra, nhưng cứ ít một, giá các bác bây giờ thời cho là sỉn quá. Móc trong túi ra dáng khó-khăn lắm, đưa cho từng cái một, như người dử mồi.

Này tôi còn nhớ như văng-vẳng bên tai cái tiếng kêu vui-vẻ của chị một hôm tôi cho chị một thỏi bánh đường dài ; lại một buổi chiều tôi cho chị một gói kẹo « sô-cô-la » buộc bằng cái giấy «pha-vơ » đỏ, chị cảm ơn tôi một tiếng rất là cảm-động, ngày nay tôi vẫn còn nhớ.

Lớn người mà tính trẻ-con lạ !

Hẳn vào hạng những con gái đến mười-một mười-hai tuổi, vào tuần « rước lễ », thời hình như đứng dừng lại không tiến nữa, tinh-thần tri-tuệ đến thế là cực-điểm, không còn hơn nữa.

Thường-thường thấy có một vài đứa con gái như thế.

Cái khó trí-khôn của chúng nó như đến khoảng mười-một mười-hai tuổi đã đầy rồi, rồi từ đấy cho đến già, cho đến chết, cũng chỉ có bấy nhiêu mà thôi, mà sống ở đời vẫn ngang-nhiên tự-đắc, nhưng thực ngu-xuẩn vô-tri, deo-dẳng một cái đời « tầm-thường » như câu chuyện anh thợ-cạo, nhận kỹ ra chỉ thấy lúc-nhúc lão-nhão những cái đồ, cái dại, cái dỏm, cái khờ, như sự yên-trí xuẩn, sực hấp-nê gàn, ngứa miệng muốn nói mà nói chẳng vào đâu, sẵn lòng thương-yêu mà thương bậy thương bạ, cái đáng thương không thương; với cái tính chết mê chết mệt, nhỏ dớt nhỏ rãi vì chút bánh ngọt, vì câu chuyện dỏm, vì cái trò lố. Mặt mũi đẹp thật, kể đẹp thời quả là đẹp, nhưng mà trong óc rỗng tếch ! Thật thế, có một vài đứa con gái như thế thật.

Song về phần cô Mã-hiên thời phải lấy sự công-bằng mà biết cho cô rằng : trong đội quân những gái lơ-láo, cô cũng có thể đóng được một đội,

một là bởi cái sức-vóc cô to-lớn, hai là bởi cái trí-tuệ cô bần-cùn.

Nói cho thực, tôi không hề coi cô là người nhân-ngãi bao giờ. Bởi sao ? Tôi cũng chẳng biết nữa, vì giá tôi có muốn thời cũng dễ-dàng, có chi mà khó. Song cái ái-tình thứ nhất của người ta, lúc tuổi còn thanh-tân, nó nhũn-nhà, nó trong-sạch biết bao nhiêu, bút nào mà tả cho được, thơ nào mà vịnh cho xứng ! Tôi yêu cô Mã-Liên khác nào như mấy anh già gân kia cứ ngày ngày đến trước bức tranh tố-nữ mà ngẩm-nghía thở-than, nhưng giá ai bảo rằng có thể đem cô tố-nữ ấy về nhà được thời tủm-tỉm cười, cho là nói bỡn, không dám tin. Có một ngày tôi đánh bạo gọi cô là « Mã-thắc, mình ơi ! » (Mã-thắc là tiểu-tự của cô), lúc bấy giờ tôi tưởng như cô là người của tôi rồi, ở trong tay tôi rồi, bấy giờ trong giây-phút, mắt mơ-màng, như cái dục-tình nó mờ ám cả.

Kỳ-thực thời tôi mộng-tưởng những sự dâu-dâu, lặn-lội trong những cảnh hư-huyền không thực nào : như tưởng-tượng hai người cùng nhau đối-diện đàm-tâm, ở nơi xa khuất, người ngoài không biết, lại cùng nhau thơ-thẩn trong rừng rậm, dưới bóng cây, nghe tiếng chim kêu vượn hót, v. v ; thôi thì bao nhiêu cái mơ-màng ở trong óc một anh trai tân lung-tung loạn-sạ cả, dại biết bao là dại, nhưng thú cũng thật là thú. Song trong bấy nhiêu sự mơ-màng, chỉ có một sự thiết-tha hơn cả : là làm thế nào mời được chị đi ăn cơm một bữa ! Mời vào chỗ nào ? Lấy tiền đâu mà mời ? Thật chưa nghĩ tới, mà nghĩ cũng khó thay ! . . . . Nhưng mà trẻ-dành lại muốn làm bộ trưởng-giả, muốn bắt-chước những thói bốc - đời của bác giàu sụ kia, mời những bà mĩ-miều đi ăn tiệc, đi coi hát, làm ra mặt hào-hoa phóng-khoáng, tự-đắc, làm liều.

Thành ra nói chuyện gì rút cũng đến câu mời ăn :

— Này chị Mã-thắc ! Chị đi ăn cơm với tôi nhé ? Chị đi ăn cơm với tôi thời tôi vui lắm.

Lần nào chị cũng nói : « Thôi, tôi xin kiếu, tôi xin kiếu ! » mà tôi thì cứ nằn-nì : « Không, chị cứ đi, chị cứ đi ! », thật là thằng đồ khốn chỉ hăm-hở muốn lòe người, có nghĩ đâu đến câu rằng : « Mỗi ngày chỉ có hai hào của mẹ cho, nếu mà nó nhận đi ăn cơm thật thời làm thế nào ? ? »

Một hôm chị nhận lời thật :

— Ừ, thế được. Ngày mai, ở nhà Kim-lâu-khách-sạn, đúng 12 giờ trưa.

Tôi nói :

— Tôi sẽ đợi đấy.

Bấy giờ máu tôi như dọng cả trong mạch máu, vậy mà còn cái can-đảm lạ-lùng dám cầm lấy đầu ngón tay chị hôn một cái để cám ơn, nói rằng : « Chị tử-tế quá ! » ; trong lúc ấy thời đầu như búa bổ, ngực như trống thùng, lo-lo sợ-sợ, không biết lấy tiền đâu mà biện được bữa cơm ấy bây giờ, bèn chợt nghĩ ra đến vay lão Lê-cự-yết năm-mươi quan để bảo hàng cơm dọn bữa tiệc.

Tôi bước vào thời thấy lão đương loáy-hoáy, sóa sóa viết viết, ở dưới ánh sáng trắng một cây đèn để ngay cạnh khuỷu tay : chắc là lão đương giả-mạo sổ-sách gì đây. Lão thấy tôi đường-đột chạy vào, lão sửng-sốt lên, đứng phắt giậy, mặt sám-xanh, tay run cầm-cập. Nói :

— Trời, rõ bậy chửa ! . . . Trời, rõ bậy chửa ! . . .

Tôi chắc lão tưởng là « sen-đầm » vào bắt lão. Trông rõ rồi, lão tỉnh lại ngay ; nét mặt lại dịu-dàng vui-vẻ, tủm-tỉm cười mà nói :

— À ! cậu đấy à ! Chào cậu ! Cậu muốn cậy gì lão ?

Tôi bèn kể sự-tình cho lão nghe. Tôi nói rằng :

— Tôi phải mời một vị phu-nhân ăn cơm khách ngày mai. Phí mất chừng năm-mươi quan mà tôi không có một đồng xu nhỏ. Tôi biết rằng lúc nào cụ cũng sẵn tiền, chắc cụ sẵn lòng cho tôi vay. Cụ cho con vay, con xin trả cụ phân-minh, con thề con xin trả cụ mỗi tuần lễ năm quan . . .

Lão nghe đến đấy sắc mặt đã thấy biến, rồi làm ngay ra bộ não-nùng, vừa nói vừa như người mếu-máo :

— Năm-mươi quan ! . . . Trời ơi, tôi kiếm đâu cho được năm-mươi quan bây giờ ? . . . Cậu bảo tôi cho cậu vay năm-mươi quan ? Tôi ấy ư ? . . . Hai ngày hôm nay tôi chạy khắp thành Paris không tìm đâu được năm-mươi quan, cậu ạ !

Cái bộ mếu-máo ấy tức là một cái xảo-thuật giao-tế của lão đó. Lão vừa nói mà vừa chảy ngay nước mắt ra được, rõ thật thằng bợm già ! Lão khóc thành nước mắt thật, không phải nói bỡn, rơi xuống từng giọt thành-thót như hạt châu sa, tôi trông thấy mà cũng thấy não-nuột trong lòng.

Sau tôi phải nói :

— Thôi xin cụ đừng phiền lòng. Con cũng biết cụ có bụng tốt muốn giúp con, chỉ vì cụ không sẵn tiền thôi.

Lão thở dài :

— Trời ơi !

Rồi lão mới giở cái khóe sỏ-lá của lão ra mà bày mưu hộ tôi, bấy giờ tôi chẳng hiểu là gì cả, đến sau nghĩ ra mới rõ là lão khuyên như thế này : Cứ cùng với phu-nhân vào hàng biểu dọn tiệc, ăn uống đâu đấy rồi, đến khi nhà hàng chìa đơn lấy tiền, làm ra mặt hốt-hoảng sửng-sốt, như người mới đánh mất ví tiền, thọc các túi không tìm thấy đâu,... bấy giờ phu-nhân tất phải động lòng, mở túi bạc mà nói : « Mình cần độ cái giấy một trăm, nhé . . . Đây cứ cầm lấy mà tiêu, rồi trả tôi sau cũng được... »; kế đó thật diệu! Tốt bảo các bác cái bụng lão già ấy chứa những đất bùn, chớ không phải chơi ! — Tuy vậy, bước ở nhà lão ra, lòng tôi lại ấy-náy hơn là lúc bước chân vào, vì hai tay cũng vẫn vô-xu !

IV

Người ta nói ngồi một mình hay nghĩ bậy.

Tôi tưởng ngủ không được lại bậy hơn nữa.

Hai giờ rưỡi sáng mới đặt mình xuống giường, tự lúc ấy cho đến lúc đạp chăn ngồi phắt giậy, chà chà! giấc ngủ mới nghiêu-khê chứ !

Gọi là giấc ngủ, tưởng cũng quá, vì nào có thành giấc đâu ; kể đến mười-lăm hai-mươi giấc cỏn-con, làm cho người như dừ, như dần, như bị đòn bị đánh, mà trong trí thời nghĩ vẩn, nghĩ vơ, nghĩ vờ, nghĩ vật, nghĩ hão, nghĩ huyền, nghĩ quanh, nghĩ quất, nghĩ ra cách nào cũng hay cũng tốt cả, mà xét ra cách nào cũng không làm được, nên lòng vẫn không yên.

Có lúc thời nghĩ gửi cái giây-thép cho cô mà nói rằng: « Ngăn-trở không thể lại được, xin đừng đợi nữa. » Nhưng mà viết bấy nhiêu chữ rồi đọc thì thấy những nét chữ xanh dậm ở trên mảnh giấy giây-thép xanh nhạt, cứ phai đi mãi đi, cho đến cùng một sắc với giấy, không đọc ra chữ gì nữa. Bấy giờ nửa mê nửa tỉnh, lầm-bầm nói rằng: « Mình mộng-mị rồi, phải ngủ đi mới được. » Nói xong tưởng ngủ vất ngay đi được, ai ngờ chưa nhắp mắt được một phút đã thức giậy rồi, nằm ngửa trên gối, mắt trừng-trừng nhìn vào chỗ bóng sáng cửa sổ. Lại lúc thời tưởng-tượng mình với cô Mã đã ăn cơm xong rồi, ở trong khách-sạn bước ra, hai người khoác tay nhau cùng đi. Thế còn cái đơn nhà hàng đã trả chưa! ?.. Ay mà

bé cái quên!... Có lẽ đã trả rồi mới ung-dung đi ra như thế, nhưng ai trả ? tay thần nào trả giùm cho mình ? Hay là mình đã điều-đình với nhà hàng xong rồi chắc ; hay là mình mê ngủ, cũng có lẽ ! Bấy giờ càng nghĩ càng biết là mình mê ngủ. Rồi vụt cái : thấy trước mắt có một miếng sáng vuông tờ-mờ (là cái ánh cửa chớp) ; lại thấy dưới gối êm-êm ấm-ấm... Thế là mình lại tỉnh rồi ! Thở dài một cái :

— Trời ơi !

Nhẩy trên giường xuống, người toát mồ-hôi.

— Mấy giờ rồi ? — Ba giờ kém một khắc !... Thế ra mình ngủ có mấy phút đồng hồ sao ?

Nhưng mà trong các mộng-mị đêm hôm ấy, có một cái mộng nó ám-ảnh tôi mãi không thôi, như một con ác-vật gì nó cầm cái cưa mà cưa mình ra từng mảnh. Các bác chắc đã biết cái mộng ấy : là cái mộng tiền bạc trên trời mưa xuống như chút. Trước còn ít : một đồng, hai đồng, năm đồng, hai-mươi-đồng, sau đến trăm đồng, nghìn đồng ! Mình trông thấy thế không lấy làm lạ, mà lấy làm mừng, chỉ lạ rằng người đi qua lại ngoài đường không ai trông thấy, duy có một mình, chạy ra nhặt lấy nhặt đề, nhặt đầy bàn tay, đề vào trong túi thời thấy túi đã đầy bạc từ bao giờ rồi, không biết bạc ấy ở đâu mà lại, hay cũng thiên-thần đem xuống ! Bấy giờ nhét vào túi quần túi áo, dần-dần cũng đầy hết cả, vui sướng quá, rùng cả mình, bụng bảo dạ rằng : « Thôi, thế này thì thừa đủ ». Nhưng mà đương lúc ấy thấy dần dần cái mộng phai-nhạt đi, rồi tối sập xuống, không trông rõ nữa. Trong lòng lại thấy áy-náy, sợ hãi, như sợ mình mơ-mộng mà ngỡ là thực... Sự sinh-hoạt như bị ngắt đi một lúc, bây giờ lại hồi lại, chỉ còn lại một chút mơ-màng như đám sương mờ chưa tan hết mà thôi ; càng tỉnh ra mới biết rằng : — Thôi mình mơ ngủ rồi !

Mơ ngủ mà nào có ngủ đâu !

Trời ơi ! đêm thế mới gọi là đêm !.

Một đêm ít đến mười lần như thế, đương mộng-mị chợt tỉnh giậy, đương tỉnh thức lại mơ-màng.

Vẫn biết rằng sáng ngày ra chỉ đánh cho cô Mã cái giây-thép mấy chữ : « Xin đừng đợi, tôi bị ngăn-trở, không lại được », thế là xong chuyện. Nhưng mà khốn-nạn, giống người lại là giống tự-tôn tự-đại ! Người ta đã có tính tự-đại tự-tôn, cũng không thể nhất-đán khước bỏ đi được. Đề cho Cô Mã ngờ mình là thế nọ hay thế kia ư ? Đề cho cô ấy biết rõ sự-tình mà đem lòng khinh mình ư ?

Không có đời nào chịu thế rồi !

Nghĩ đến thế cũng đã xôn-xao trong lòng lên rồi ; nào sợ mình mất danh-giá, nào sợ người ta cười, nào sợ người khinh là con trẻ, nào sợ người mỉa là không tiền, thật là đường kia nỗi nọ ngổn-ngang trong lòng ! Với lại trừ cái khoản tiền, khoản đó tựa-hồ như không cần phải đề-cập đến nữa, chỉ nghĩ đến rằng mình sẽ được ngồi đối diện với Cô Mã, thế là cũng đủ quẫn-quại trong lòng, băn-khoăn tấc dạ, đến thành ra đau bụng được ! Thật ! không có cái ương-ngạnh nào tệ bằng cái ương-ngạnh thẳng khờ, vì ương-ngạnh mà không biết rằng ương-ngạnh, vô-tài vô-lực, ngu-xuẩn u-mê mà vẫn cứ khăng-khăng không chịu, thậm-chí đến suốt đêm trằn-trọc mà hễ mỗi lần phảng-phất nghĩ đến câu : « Thế nào, tiền ? Biết kiếm tiền ở đâu bây giờ ? », thời lại hình như nghe thấy tự mình văng-vẳng đáp lại : « Tiền ? Có tiền ! không phải lo ! »

Mà quả có tiền thật, có tiền ngay ở gần đây, chỉ bước hai bước, sang bên buồng kia, là có tiền ngay, khó gì !

Ôi ! cái rương con bằng gỗ trắng kia, không có khóa vặn, không có then cài, ấy chính là chỗ mẹ tôi ngày

ngày kiếm dư-dật được đồng nào ki-cóp để vào đó !

Sự cám-dỗ nó mạnh quá tôi không thể chống lại được.

Tôi đứng giậy, tôi đẩy cửa, sẻ-sẽ cho cửa không kêu, rồi tôi dón-dén bước vào, tay run như thằng ăn trộm, đến gần cái rương, mở nắp ra, thò vào lấy ra một cái giấy bạc một trăm quan. Nhưng mà khốn-nạn cho tôi, tôi làm sự gian-ác ấy tôi đau-đớn quá, vừa làm vừa ngậm hơi nín tiếng, lại sợ mẹ tôi thức giậy biết, hầu như ngất người đi, thành ra tự bấy giờ đâm trứng đau tim, đã ba-mươi năm nay chữa không khỏi, rồi cũng có ngày ngất đi lần nữa mà chết lăn ngay ra đây như cái bọt sà-phòng tan, cũng không biết đâu !

V

Hôm sau tôi đến chỗ hẹn trước hai-mươi phút, thấy chị chưa tới đấy; tôi đã hơi lấy làm lạ. Tôi vào có hai tên bồi ra đón.

Một tên đến gần tôi để chực sai.

— Thưa ngài sơi com ?

— Lát nữa, tôi còn đợi người khách.

Tên bồi cúi đầu lùi ra.

Kể là anh bồi, những mà ra giáng trưởng-giả lắm ; thái-độ nghiêm-trang, không khác gì một ông sứ-thần. Hắn dơ tay chỉ cho tôi một cái bàn hai người, ở gần cửa chớp, nói :

— Ông với Bà ngồi đây thời tốt lắm.

. . . Với Bà !

Thằng cha tinh phạm ; mình nghe nó nói mà phục là con người tinh đời, lại nghe nói thế mà sướng nở mũi lên. Bèn trả lời :

— Được.

Tôi ngồi vào cái bàn hắn chỉ cho ấy, và trong năm phút đồng-hồ tôi thấy có cái cảm-giác êm-đềm thanh-thú lạ : là cái cảm-giác con người ăn sung ở sướng trên đời.

Chao ôi ! Còn cảnh nào đẹp bằng cảnh thành Paris buổi sớm, có mặt trời ! — Nhìn ngay trước mắt là trông thấy cái cảnh vui-vẻ sầm-uất ấy ; biết bao nhiêu là hạng người ngồn-ngang trên đường cái, kẻ đi người lại, ô trắng dù xanh, thấp-thoáng qua cửa kính, loang-loáng bên sườn những xe-cộ sơn đen : đó là cái cảnh sán-lạn ngoài đường phố ; nhìn đến trong nhà hàng, trên bàn ăn, lại ra một cái cảnh sán-lạn tinh-tế hơn nữa, nào là những đĩa-bát men trắng chỉ vàng lấp-la lấp-lánh ; nào là những bình cốc thủy-tinh pha-lê, phản-chiếu ánh-áng ; cho đến những cái mạng-cầu bằng kim-tuyến bọc quanh những cái bình muối xắc xanh ngắt như mầu nước bể. Nhìn vào chỗ góc trần thời thấy bóng cái cốc rượu « áp-sanh » tôi vừa bảo lấy để nhấp trước khi ăn cơm cho ra cách lịch-sự, mỗi lần xe ngựa chạy ngoài đường, cái cốc lại rung động, bóng trên trần cũng nhấp-nhánh như con bướm to đập cánh bay một chỗ. Trong năm phút đồng-hồ ấy tôi thật đã được tận-hưởng cái lạc-thú nhân-sinh.

Lại thứ nhất là được cái vui này nữa : tôi có hỏi cái biểu kê đồ ăn để giả-danh là lựa món ăn, nhưng kỳ-thực để cho biết giá, thời thấy cái giá biểu đấy với cái giá mình tưởng tượng có khác nhau. Mình chưa ăn hàng bao giờ, thật-thà tưởng mỗi khoanh dồi họ tính đến đồng bạc ! May sao, nhìn qua một lượt, thật thấy tỉnh người. Một bữa cơm lịch-sự bất-quá đến hai đồng, ba đồng là cực-điểm.

Chỉ phiền là sao mãi không thấy có khách mình đến. Mười - hai giờ trưa đã đánh rồi, mà khách vẫn chưa thấy tăm-hơi ; rồi đến mười-hai giờ một khắc, cũng không thấy người đến.

Trong bụng đã thấy xôn-sao kinh-ngạc.

— Quái ! nó làm gì mà không thấy đến ? không biết nó làm cái gì ở nhà ?

Năm sáu lần thấy xe đỗ ngoài thềm : nhìn thấy những ống chân bịt tất của đàn-bà nhảy trên xe xuống, nhưng trông lên thời là mặt mũi những ai ai cả. Ôi ! Không cái gì khổ bằng cái khổ chờ đợi, lại thêm những nông-nỗi hấc-lờ mới bực mình chờ ! Lòng hi-vọng biết bao nhiêu lượt bị khích-thích lên, lại biết bao nhiêu lượt bị thu giẹp xuống ! Như trông thấy đôi giầy vàng quen hạ xuống bậc xe, rồi đến mảnh quần vẽ hình miếng chàm to cũng là mảnh quần quen . . . tưởng là sắp thấy mặt người quen, ai ngờ lại là mặt những khách đâu đâu ! Lại nhìn mặt chú bồi bàn, như có ý cười thầm mình, mà hễ thấy mặt mình thời trông lảng đi, sợ mình hiểu ý họ muốn chế-nhạo rằng :

— Thôi ! Thôi !... Lại sai họn mắc lừa rồi !...

Đồng-hồ vừa đúng mười-hai giờ rưỡi, chú bồi lúc nãy lại đến gần tôi, lại hỏi câu lúc nãy một cách rất cẩn-trọng nghiêm-trang :

— Thưa ngài sơi cơm ?

Tôi trả lời ra cách nói sẵng :

— Tôi đã bảo chốc nữa mà !

Nhưng lúc anh ta bước ra, tôi lại gọi lại hỏi :

— Này, bồi, từ nãy có ai hỏi tôi không ?

Anh ta trả lời : « Thưa không », một cách rất êm-đềm kín-đáo, ra dáng người đã quen cái nội-dung các trò đời, có thể lấy lời giễu-cợt mà nói với mình, nhưng không, vẫn hết sức cung-kính, thấy thế tôi cũng có bụng yêu. Nghĩ cũng thương tình anh chàng này, mình ở đâu đến ngồi chiếm mất một cái bàn mà chỉ dùng có một bảo rượu, ít-ỏi quá, tôi bèn bảo :

— Ừ, mà dọn ăn đi ! Muốn dọn gì cũng được, không cần. Bánh mì, « cốt-lết ».

Chắc anh ta cũng hiểu sự tức mình của tôi, vì vừa đầy cái đĩa sứ có hiệu nhà hàng vào trước mặt tôi, anh ta vừa nói nhỏ rằng :

— Dễ bà se mình không tới được.

Tôi làm ra bộ không cần, đưa hàm không trả lời ; nhưng kỳ-thực vẫn còn mong-mỏi, tưởng như giữa lúc mình không ngờ, chị ta ở đâu đến, tủm-tỉm cười mà chạy lại mình chăng. Nhưng mà đến lúc kim đồng-hồ đã đánh một giờ, bấy giờ mỗi miếng ăn như có vị cay đắng ; bấy giờ mới biết rằng chị thật không tới, và từ hôm qua đến nay chắc có xảy ra sự gì phi-thường.

Sự phi-thường cũng có lẽ ; nhưng mà sự gì ?

Bèn nghĩ quẩn nghĩ quanh : hay là mắc bệnh, hay là ốm đau, hay là tự-tử, hay là bị giết, hay là bị đứa nào bắt cóc mất ?? Trong óc nóng lên bừng bừng, tơ-tưởng những sự cuồng-dại, như óc đứa con trẻ đa-cảm mà lại có bụng tốt.

Cố cầm lòng lại, nhưng sau cực quá, không thể sao được. Gọi bồi trả tiền ăn, rồi nhảy lên xe đi.

Cô Mã-liên ở đường Mạnh-mã-thắc, tôi còn nhớ đâu số nhà 26, ở vào từng gác thứ ba. Tôi bấm chuông. Mụ-già ra mở cửa.

— Cô Mã-liên ở đây có phải không ?

— Phải.

— Cô có nhà không ?

— Cô tôi đi rồi.

— Đi rồi !...

— Thưa vâng.

— Đi bao giờ ?

— Sớm hôm nay.

— Thế à !

Tôi ngừng một chốc, rồi hỏi rằng :

— Này ! Thế buổi sáng hôm nay lúc cô đi ra, cô vẫn mạnh-khỏe chứ ?

— Thưa vâng. Vẫn mạnh-khỏe chứ. Sao vậy ?

— Hỏi để biết thế. Này, thế già có chắc từ hôm qua đến giờ cô không có sự gì cả chứ ? không có việc gì ngăn-trở ? không có việc gì ngộ - biến ? không có tin tang-tóc gì ở nhà ? không có gì cả chứ ?

— Tôi không thấy có chuyện gì cả.

— Được. Tôi cám ơn.

— Con xin chào ông.

Cửa đóng lại. Tôi đứng lặng một mình.

Quái ! Ốm không ! Chết không !.... Thế thời là chuyện gì ? Cớ sao lại không đến ?

Suốt ngày hôm ấy tôi như quấn-quại trong lòng, chiều đến vội-vàng chạy đến nhà Tân-ký-hý-viện.

Nhà hát ở vào góc đường Nhà-Máy nước, lúc vừa quanh con đường ấy thời tôi chợt mê người đi, hoảng-hốt như trông thấy rào sắt đóng và trên cái bảng yết-thị đề ngang mấy chữ to-tướng :

NGHỈ HÁT

Trán tôi toát mồ hôi, quả tim tôi đau như dần, dập chuyển-động cả, ngực như nghe thấy từng tiếng lốc-bốc; không thể đi được nữa, tôi phải đứng lại nghỉ một lát.

Tới nơi thời không thấy gì lạ cả. vẫn như thường hết. Trên cái khuôn cửa cuốn ở chỗ đường vào buồng Kiểm-vé vẫn thấy sáng quắc bốn chữ to «Tân-ký hý-viện », và ở dưới thời một tờ yết - thị tướng giấy đỏ mực đen, đọc thấy rõ-ràng tên cô Mã-liên-nê.

Đến nơi thở hồng-hộc như người chạy nhọc.

Trong nhà hát vừa mới bắt đầu diễn hồi thứ nhất. Qua cái trấn-song ngăn buồng cà-phê của nhà hát, còn nghe thấy tiếng rung chuông ánh - ỏi gọi khách.

Tôi vội-vàng bước vào. Đi qua cửa nách, vào sau sân khấu, đẩy các cửa ngăn, bước vào tới nơi, trông thấy hình - ảnh mĩ - nhân, vui-sướng vô-cùng.

Cô Mã-liên đương uốn - éo nhẩy trước cái gương, có ba anh chàng công-tử nào đứng xem, nói bẩn nói bỡn, và con mắt nhìn tròng-trọc.

Phải biết cho chị rằng chị đối với tôi vẫn tử-tế lắm. Mắt chị tuy cận-thị mà tinh phạm, nhấp-nháy mà nhìu mau lạ, khác nào con mắt anh chơi đồ-cổ trông thấy cái đồ quí biết ngay nó quí về cái gì; vậy tôi vừa bước chân vào, chị đã trông thấy ngay. Chị liền quay mặt lại tôi, mặt chị bao giờ cũng tựa-hồ như tủm-tỉm cười, thấy tôi thời lại tủm-tỉm hơn lên chút, và khẽ gật chào.

Song chị chào, tôi không đáp, chị lấy làm lạ. Hai con mắt chị lim-dim lại, trông chỉ như hai nét mực đen mà chung quanh sầm-sẫm, như con mắt có ý tìm-tòi.

Chị còn đứng xa, hỏi to lên rằng:

— Thế nào ? có chuyện gì đấy ?

Tôi chưa kịp trả lời, chị ngoảnh lại với ba chàng kia nói : « Cho tôi vô-phép, chạy ra một tí », rồi chị chạy lại tôi, mặt vẫn tủm-tỉm cười.

— Thế nào ? Cậu có gì hỏi tôi ?

Tôi phân-nàn trách chị, nhưng giọng vẫn âu-yếm, không có chua-cay:

— Sao trưa hôm nay mình không lại ?

Chị đáp lại một cách rất là tự-nhiên, không thể ngờ là lời nói bỡn:

— Lại ?... Lại đâu ?

Tôi nói :

— Lại đâu thì biết đấy.

— Tôi ấy à ?

— Mình thử nhớ lại xem !... Chiều hôm qua ấy mà ... Ở ngay chỗ này mà ...

Chị ra dáng không hiểu gì cả. Tôi phải nói rõ :

— Chiều hôm qua mình đã có bụng tốt nhận lời trưa hôm nay đi ăn cơm với tôi mà.

Nhắc đến đấy, chị vơ-vẩn nghĩ. Hai ba lần chị lắp đi lắp lại câu tôi vừa nói, như cố nghĩ xem có nhớ không :

— Đi ăn cơm?.. Đi ăn cơm với cậu?.

Vụt vỗ tay nọ vào tay kia, cười cười nói nói :

— À tôi nhớ rồi ! Phải ! Té ra tôi quên hẳn đấy.

Thế rồi nói thêm một câu :

— Cậu thứ cho tôi, nhé ? Tôi có mấy ông khách đợi.

Ấy đó !

Thế là mình mất một trăm quan — mà một trăm quan ấy lấy ở đâu, Trời ơi ! — mất hai-mươi-bốn giờ đồng-hồ những lo những sợ, nào khổ nào nhục, lại mất mấy tuần lễ chỉ chăm-chăm chỉ-chỉ không một giây phút nào là không nghĩ tới Hằng-Nga! Chắc là tôi cũng không nghĩ đâu rằng hẳn có ái-tình gì với tôi (con trẻ còn hăng-hái chỉ biết yêu người, chớ không hề mong người yêu), song dù không thương - yêu gì, tưởng cũng có ơn-nghĩa chút đỉnh, và mình đã chu-chỉ đem tấc lòng làm như cái ổ ấm-áp để cho con chim xanh kia nó nằm, tưởng nó nằm ấm không nỡ đâu đến quên mình ; ai ngờ ! . . . Ai ngờ nó có thiết chi ! Bấy giờ tôi mới tỉnh-ngộ, lấy làm đau-đớn tức-tối vô-cùng, như người mới bị tân-nhục đánh-đập vậy. Thấy trong người như rơi đồ loảng-soảng không biết mấy trăm nghìn những cái vật gì mỏng-mỏng mảnh - mảnh như đống pha-lê thủy-tinh chạm vào nhau vỡ tan nát vậy. Khác nào như người mê ngủ mới mở mắt ra, trông rõ cái vô-hạn bạc - tình, vô-hạn độc-ác, — bạc-tình mà tự-nhiên, độc-ác không cố ý — của một người đàn-bà vốn nó không hiểm-độc, miệng nó vẫn tươi-cười, mà nó làm được cho người ta khổ đến thế !

Đương lúc bấy giờ thấy người gọi hát đứng ở cửa phòng gọi thét vang cả cửa kính cửa chớp :

— Mụ La-sát đâu ra trò, mau lên !

Mã-liên bấy giờ mới đứng giậy đi ra cửa, không có ý vội-vàng gì, vừa đi vừa nói :

— Tôi ra đây !

Đi ngang qua tôi, hẳn đụng cái khuỷu tay trần vào người tôi, nói :

— Vô-phép cậu !

Vừa nói vừa tủm-tỉm cười, vẫn cái cười âu-yếm, cái cười êm-ái mọi buổi chiều.

Máu tôi bấy giờ bừng-bừng lên, nghĩ đến cái nhục mình trẻ tuổi nó khinh-nhờn, hình như cái nhục ấy nó kêu oan mà bảo mình : — Nhẩy vào mà tát cho nó một cái ! — lại nghĩ đến cái lòng chung-ái thành-thực của mình mà nó không thèm đoái - hoài đến, hình như cái lòng chung-ái ấy cũng xui mình : — Nắm lấy mà rập đầu nó xuống !

Tôi phân-vân chưa biết nên tát cho mấy cái hay rầm đầu xuống đánh, nhưng tôi bẩm-tính hôn-hòa, nghĩ lại chỉ có một cách hả giận : là khóc ! Bên lui-lủi dón-đén bước ra, lẻn vào trong một cái ngách tối, tay đặt vào tường, trán để lên tay, rồi khóc, khóc âm khóc thầm, khóc thảm khóc thiết, khóc đến giờ lâu, khóc nỗi tiền mất, hoa hoài, mà hạt chân-châu đem ném cho đồ chó-lợn . . .

HỒNG-NHÂN *dịch*

*Ông* GEORGES COURTELINE *làm bài đoản-thiên-tiểu-thuyết dịch-thuật trên này là một nhà văn-sĩ trước danh ở nước Pháp. Ông làm nhiều những đoản-thiên kịch-bản và đoản-thiên tiểu-thuyết, sở-trường về lối hoạt-kê. Sách ông đều có ý chào-phúng, vẽ người đời thói đời một cách rất thâm-trầm, rất độc-địa, ông đã là người nào thời đến khốc-liệt, như dánh dấu chàm vào mặt, không còn lẫn được nữa. Văn-chương tự-nhiên lưu-loát, đọc vui lắm. Trong lối văn hoạt-kê đời nay, ông là một tay cự-phách. Nhân đây xin giới-thiệu sách ông cho các nhà tây-học trong nước.*

# Đạo - đức như bà!

*(Đoản - thiên kịch-bản)*

---

Kịch có ba vai là ba bà cả :

Bà Khắc-đức, 23 tuổi

Bà Vi-giã, 25 tuổi

Bà Tát-đô, chừng trong khoảng 45 đến...?

Ngày tiếp khách ở nhà bà Tát-đô. Bà Tát-đô tiếp khách ngày thứ sáu, mà ngày thứ sáu này là ngày cuối mùa khách. Hai bà Khắc-đức và Vi-giã, vì lẽ giao-tế phải đến thăm Bà Tát-đô một lần, nhưng thăm không hứng chút nào, nên vẫn cứ lần-lữa, mãi đến bữa này không thể lần-lữa được nữa mới phải đến, song hai chị em dủ nhau cùng đi, đến cùng đến, về cùng về, cho nó nhẹ bớt cái « cổ-vê » đó !

Bà Tát-đô thủa trẻ chắc là người đẹp lắm, nhưng nay đã trở về già rồi. Bà tiếp khách trong cái phòng khách nhỏ, ngồi xoay lưng ra ngoài cửa sổ ; bên ngoài lại mành-sáo rủ xuống, thành ra trong phòng có một cái ánh sáng riêng, tiếng tây gọi là « ánh sáng cổ-tích » (*lumière des ruines*), nghĩa là cái ánh-sáng chiếu vào những nơi đền-đài cổ đã đổ-nát....

Bà Tát-đô. — Gần đây các bà có chuyện gì vui không ? Các bà quen biết rộng, chắc giao-thiệp nhiều.

Bà Vi-giã. — Thưa chúng tôi cũng không hay đi đâu. Ấy tuy đương là mùa giao-thiệp đấy, mà chúng tôi thường ở nhà luôn.

Bà Tát-đô. — Ở nhà thế chắc buồn lắm nhỉ ?

Bà Khắc-đức. — Vâng, cũng buồn. May tuần-lễ tới đây nhà chị Huệ-lan lại có mở tiệc to.

Bà Tát-đô. — Có, tôi cũng nghe thấy nhiều người nói. Coi chừng làm rực-rỡ lịch-sự lắm thời phải. Mà xem ra nhà ấy họ tiêu tiền dữ thật. Kẻ làm-ăn khó nhọc, ăn-tiêu phung-phá cũng phải ; nhà ấy mà lại keo-cúi nữa thời ai chịu được.

Bà Vi-giã. — Bà xét lắm. Tôi trông chồng chị Huệ-lan là người danh-giá lắm và làm được nhiều việc. Nhưng vì làm việc gì được việc nấy, kiếm tiền được nhiều, không khỏi có kẻ ghen, nói điều này tiếng nọ.

Bà Tát-đô. — Phải, nhưng mà ông bố ngày trước không được tiếng tốt lắm. Như một việc buôn thiếc, nghe đâu ông cũng không được phân-minh lắm. Chính ông làm cho ông quan-năm An-lăng phải tự-tử.

Bà Khắc-đức. — Phương-ngôn có câu : « Bịt miệng cong miệng trĩnh, ai bịt được miệng người », thưa bà.

Bà Vi-giã. — Thế-gian có ít xít nhiều, thưa bà.

Bà Tát-đô. — Vẫn biết thế, nhưng mà « thế-gian chẳng ít thời nhiều, không nhưng ai bỗng đặt điều làm

chi », hai bà ạ. Các bà thử nghĩ : Không có khéo lừa - đảo sỏ - xiên, không khi nào làm giàu được mau và dữ như thế. Cứ làm ăn lương-thiện, không bao giờ làm giàu được bạo như thế. Như ông nó nhà tôi, không phải là người ngu-xuẩn gì, lại chăm-chỉ cần-cù, làm từ sáng chí tối, thế mà cũng chẳng có ức có triệu như họ.

BÀ KHẮC-ĐỨC. — Tôi tưởng Bà nhờ Trời được thế là sung-sướng lắm, còn phải phàn-nàn gì nữa.

BÀ TÁT-ĐÔ. — Không phải là phàn-nàn, nhưng nhà tôi không gọi là nhà giàu được.

BÀ VI-GIÃ. — Thôi thì đời cha làm ăn thế nào không biết, không có lẽ con chịu lỗi cho cha. Vả lại vợ-chồng Huệ-lan ăn-ở cũng rộng-rãi lắm, nay giúp người này, mai đỡ người khác ; cũng là biết tiêu tiền một cách lịch-sự lắm.

BÀ TÁT-ĐÔ. — Hai bà cũng biết, tôi nói thế là. . . .

BÀ VI-GIÃ.— Vâng; nhưng mà Chị Huệ-lan là bạn thủa nhỏ của tôi; tôi thương yêu như chị em nhà. Tôi khong muốn đương mặt nghe những lời chỉ-trích...

BÀ TÁT-ĐÔ. — Chỗ chị em, bà muốn bênh-vực cũng là phải. Thế tiệc hôm ấy làm những gì ?

BÀ VI-GIÃ. — Tiệc hôm ấy có một cuộc nhảy-đầm to, với lại gián-khúc thời có diễn mấy bài nhạc-kịch, như bài « Hằng-Nga tầm », mới diễn ở nhà « Tân - kỳ - hí - viện » mấy bữa nay, thiên-hạ cồ-võ lắm.

BÀ TÁT-ĐÔ. — Chết nỗi ! Họ diễn cái bài ấy ở nhà ư ?

BÀ KHẮC-ĐỨC. — Vâng . . . Bây giờ các nhà lịch-sự lấy những bài diễn-kịch như thế làm nền lắm ; lối ấy bây giờ thịnh-hành lắm, thưa Bà ạ.

BÀ TÁT-ĐÔ. — Vẫn biết thế ; thời bấy giờ thật lắm cách ăn chơi kỳ thật ! Tôi cũng hiểu rằng mời khách về nhà, muốn bày trò tiêu-khiển, thời đại-khái như cho mời những con hát có tiếng ở nhà Đại-Pháp-hí-viện đến mà diễn kịch, thế chẳng nên ư ?

*(Hai bà Vi-giã và Khắc-đức nghe nói cười sằng-sặc).*

Hai bà cười, tôi nói thật, không phải nói bỡn đâu . . . Con hát mà như những hạng Cô Hồng, Cô Tuyết là những tay danh-ca diệu-kỹ, tiếp vào nhà cũng xứng-đáng ; lại như. . . .

BÀ KHẮC-ĐỨC. — Tôi xin bà, bà nói những cách ấy không hợp-thời một chút nào.

BÀ TÁT-ĐÔ — Lại như cô Cúc, cũng có thể tiếp được, vì cũng là một tay danh-ca, song những bài ca cô hát có ý dâm-đãng lẳng-lơ, tôi không ưa lắm. Ấy đó, tiếp những hạng như thế, còn khả-dung được, chớ ai lại đi rước về nhà những đồ dĩ-xác, những phường giăng-há, để chúng nó cũng sánh vai với mình, thật không xứng chút nào !

BÀ KHẮC-ĐỨC. — Bà nói quá.

BÀ TÁT-ĐÔ. — Phải, phải, tôi là người cổ rồi, tôi hủ-lậu, không được duy-tân như các bà đời nay. — Thế rồi còn những gì nữa ?

BÀ VI-GIÃ. — Lại diễn tích « Bà Thần Rừng », bày trò thật.

BÀ TÁT-ĐÔ. — Thế hai bà có đóng trò không ?

BÀ TÁT-ĐÔ. — Có chứ. . . chúng tôi đóng vai tiên-nữ trong kịch Bà Thần-Rừng đương tắm bị ông Thần-Săn bắt gặp.

BÀ TÁT-ĐÔ. — Ồ ! ra cái nhà này họ chỉ bày những trò tầm là trò tầm ; rõ tởm !

BÀ KHẮC-ĐỨC. — Bà xét lắm, sạch lắm, chớ không tởm ạ.

Bà Tát-đô. — Thế ai đóng vai Bà Thần-Rừng ?

Bà Vi-giã. — Chính Chị Huệ.

Bà Tát-đô. — Phải người đẹp lắm đóng mới xứng.

Bà Vi-giã. — Chị Huệ tôi người cũng đẹp lắm. Hình-thể tầm-thước, chân tay thẳng-thắn, cái ngực mới đẹp thay ! Khi đóng trò đứng sánh vai với thân Mục-đồng coi không khác một pho tượng thần-nữ.

Bà Tát-đô. — Thế ai đóng vai Mục-đồng ?

Bà Khắc-đức. — Ông Tư-ni.

Bà Tát-đô — Ồ ! thế thôi không những là một « trò thật », mà là một trò « thực-hành » rồi !

Bà Vi-giã. — Bà nói thế không phải.

Bà Tát-đô. — Không phải ? Thôi đi ! Nếu chưa thực-hành, rồi cũng sẽ thực-hành, mà có thực-hành thế mới đáng kiếp anh chồng. Để cho vợ sánh vai phô-trương với đàn ông như thế, thời thế chớ đến nữa cũng nên . . . Nhưng mà thôi, cũng có lẽ họ lấy thế làm thích. . . Cái đó là việc vợ chồng họ với nhau, thế nào là chẳng được.

Bà Khắc-đức. — Bà có một con mắt bi-quan để xem-xét sự đời.

Bà Tát-đô. — Không phải thế, nhưng mà sự-thế như thế. Người đàn-bà mà dây vào những đám ăn-chơi đó là đàn-bà hỏng. Cái nhà ấy vẫn có tiếng thế xưa nay: Bao nhiêu những đàn-bà lẳng-lơ ở thành Paris — hạng này lại còn tệ hơn những hạng công-nhiên ăn-chơi, — là họp-tập cả ở đấy, và dập-dìu nhau cũng ở đấy. . . Thật là cái trường chim-chuột, cái quán hẹn-hò.

Bà Vi-giã. — Bà nói quá, đàn-ông đàn-bà lịch-sự chẳng qua là ve-vãn nhau một cách thanh-nhã mà thôi.

Bà Tát-đô. — Phải, thanh-nhã lắm ! Chuyện-trò ở cái nhà ấy đã có tiếng là thô-tục, đểu-giả, đàn-ông nói chuyện với đàn-bà không khác gì thằng nhỏ con nụ cả.

Bà Khắc-đức. — Ai bảo bà thế ?

Bà Tát-đô. — Bà Lê-lai là người đã thông-tỏ nhà ấy lắm.

Bà Vi-giã. — À ! nghĩ ai chứ cái mụ Lê-lai ấy tôi biết rồi. Mụ già khọm, lại xấu như cú-rũ, mụ thấy đàn-bà trẻ mụ ghen, có ai thèm ve-vãn đến mụ, mụ cũng chẳng quen biết ai ; thế cho nên mụ thấy người ta mụ tức-tối lên.

Bà Khắc-đức. — Mụ chỉ ước thầm giá được ai nói thô-tục với mụ cũng sướng bằng tiên ; nhưng mà có ai thèm nhìn đến đâu.

Bà Tát-đô. — Bà ta là một người chính-đính lắm chớ, chỉ nên ước-ao được nhiều người như thế, vì cứ như đàn-bà bây giờ, rồi không biết xã-hội ta đến thế nào. Từ xưa đến nay không bao giờ tôi được nghe thấy nhiều những chuyện tai-tiếng như bây giờ. Hầu-hết các bà sang-trọng ấy không bà nào là không có bạn đàn-ông, nào là nhân-ngãi, nhân-tình, nào là tri-âm, tri-kỷ!. Vả lại, các ông chồng bây giờ cũng là muốn cho vợ hư kia: nào dạy cho vợ không thiếu gì những khéo ăn-chơi, còn những khéo nào không dạy thời các bà tự-học lấy cũng biết. Lại các bà muốn đọc sách gì thì đọc, mà những sách dâm-dãng trong khoảng mười năm nay xuất-bản biết bao nhiêu ! Lại diễn-kịch gì cũng đi xem, nhất là những bài cực dâm-bôn.

Bà Vi-giã. — Thường lại những bài đó mới hay; còn những bài đạo-đức thời chán như cơm nếp; cái đó không phải là lỗi người đi xem.

Bà Khắc-đức. — Bà tả cái hình-ảnh đàn bà đời nay đó, chính là bà ám-chỉ chị em chúng tôi, chúng tôi không chịu.

Bà Vi-giã. — Bà Tát-đô, bà thật là đeo kính đen để quan-sát sự đời;

người tiền-bối hay chê trách kẻ hậu-sinh. tưởng cũng là một thói không hay.

*Các bà đứng dậy, chào nhau, bắt tay. Hai bà khách bước rảo đi ra. Hai phút sau hai bà cùng ngồi trong xe Bà Vi-giã.*

Bà Khắc-đức. — Con mẹ Tát-đô này rõ khó chịu quá.

Bà Vi-giã. — Con khỉ già !

Bà Khắc-đức. — Khỉ già thật!

Bà Vi-giã. — Đồ mặt dạn ! Nó nói xấu còn thiếu chi ai, mà nó không biết thẹn.

Bà Khắc-đức. — Tôi có đ ra mắt cho chị lúc nó nói rằng ông bố chồng Huệ-lan là người điên-đảo . . . mà chồng nó thời thật-thà !

Bà Vi-giã. — Nhà ấy mà lại là nhà thật-thà !

Bà Khắc-đức. — Không những không thật-thà, mà lại lường-gạt người ta nữa. Lão Tát-đô đã phải hai tháng tù vì vỡ nợ giả.

Bà Vi-giã. — Lại lúc nó nói trò thật với trò thực-hành . . . tôi nhịn cười không được . . . Chính nó ngày trước đã mười-lăm năm trời đi phô dùi cho thiên-hạ xem, vì nó là một con hát cũ.

Bà Khắc-đức. — Nào đã được là con hát đâu, con đĩ xác !

Bà Vi-giã. — Đồ đĩ già thật ! Không, một con mụ như thế mà nó bắc bậc làm cao, nó lại muốn dạy đạo-đức cho mình. tôi mới tức chứ ! Nếu mình cũng mặt dạn như nó, muốn đối-đáp cho nó một mẻ, tưởng cũng không khó gì. Để lần sau, hễ nó còn làm bộ như thế nữa, tôi sẽ sửa cho. Trước nó theo ông chú nhà tôi, tôi biết cả cái lịch-sử nó hồi bấy giờ, thú lắm chị ạ. Con đĩ già ! Thế mà nó dám chê dàn bà đời nay hư . . . còn về đời nó thời là bồ-tát cả ! Chị thử nghe năm 1860. . . .

H. - N dịch-thuật
trong kịch-bộ của ông M. Donnay

*Ông* Maurice Donnay *là một tay soạn kịch có tiếng ở nước Pháp, sở-trường về lối hí-kịch. Những bài kịch của ông vui lắm, hay tả về những hạng người phong-lưu, phú-qui, lịch-sự, ăn-chơi ở thành Paris. Nét bút nhẹ-nhàng, tinh-lợi, tựa hồ như chơi-đùa bỡn-cợt, mà có cái ngụ-ý chào-phúng rất thâm. Các nhà phê-bình cho văn-chương ấy là biểu-hiệu cái tính khinh-khiêu đĩnh-ngộ của người Đại-Pháp. Ông có chân hội Hàn-lâm. Các nhà tập soạn kịch ta nên đọc sách ông cho tiêm-nhiễm lấy cái lối kịch lối-tân đời nay.*

---

# MỘT BỘ TIỂU-THUYẾT CỔ CỦA NƯỚC NAM TA

## LĨNH-NAM DẬT-SỬ (1)

## 嶺南逸史

### III

### HỒI THỨ IV

*Mộng Lục-giả, Dao-vương ứng triệu [sinh con,*
*Lập đồn-điền công-chúa vâng lời qui [mệnh.*

Phùng-Ngọc biệt Thu-cốc rồi đi sang Tùng-hóa, về địa-phận gần Quảng-đông. Nay nói về phần đất Quảng-đông, chỉ có độ một phần bình-điền, còn hai phần núi, đến ba phần sông

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 48-49.

với bể. Bình-địa thời nhiều hoa-dân ở, ở mặt nước thời có nhiều giống người thuộc về loài Đẩn, ở trên núi thời có những giống như là : Dao - nhân, Làng-nhân, Dư-nhân, Linh-nhân, Hắc-nhân, Lê-nhân, Mã-nhân, trong các giống ấy chỉ có giống Dao-nhân là nhiều người nhất mà lại dữ-tợn hay giết người. Đời nhà Đường về năm đầu niên-hiệu Trinh-quán, người Dao qui-phục về Tàu, vua Tàu lại phân về nước Việt quản-trị, đặt ra quan Dao, quan Đồng, quan Lang để cai-quản, chỉ gọi là đánh ít thuế tạp-dịch để giảng-buộc đó mà thôi, cho nên cũng được yên-ổn. Đến năm Nguyên - phong (1251) đời nhà Trần, các ti-quan ăn tiền hối-lộ của người Dao, dung-túng kẻ phạm-phép, làm lắm điều ngoan-ngạnh, tàn-hại kẻ bình-dân, cướp-bóc kẻ buôn-bán, mà những người đầu - mục chỉ là làm những - nhiễu thêm; nên những kẻ điêu-gian trong bọn Dao-nhân mới thừa cơ-hội ấy nổi lên làm loạn, giết hết cả Dao-quan, chiếm-cứ các trang-trại, cướp-phá các châu-huyện, tàn-hại bách - tính, Quảng - châu cả loạn. Lúc bấy giờ mạnh thế nhất chỉ có giống người Dao ở La - bàng, chia ra có ba giống : một là giống ở núi cao, hai là giống ở đồng bằng, ba là giống Hoa-đỗ, đều là người khỏe-mạnh dữ-tợn, hiệu là giặc Ngũ - hoa, chiếm - cứ núi Thiên - mã để làm loạn. Thứ hai đến núi Gia - quế ở giữa trong đám ngàn rừng muôn núi xung-quanh bao-bọc, phía bắc cách tỉnh-thành hơn 200 dặm, ở vào khoảng giữa ba ngọn sông thuộc về Phiên - ngung, Nam - hải, gần tiếp - giáp Tùng-hóa với Thanh - viễn. Trước kia Đặng A - Man chiếm giữ ở đó, sau A-Man chết, thời đến con nuôi là Lý-Cương, Lý-Cương múa thanh đại-đao rất tài, muôn người khôn địch, tự hiệu là Đô-bối-đại-vương, có đến hơn mười vạn quân, vẫn hùng-cứ ở núi ấy, quan - quân đã mấy lần vào đánh không được. Một hôm Lý-Cương say rượu ngủ ở trong sơn-trại, mơ-mơ màng-màng chợt thấy một người áo gấm, mũ hoa, cực-kỳ mĩ-lệ, đi đến trước mặt chắp tay vái mà rằng :

— Tôi là Lục-Giả làm quan Đại-phu ở đời Hán, muốn đến nhờ thác dưới cờ, xin đại-vương thu-dưỡng cho.

Nói rồi liền bước vào nhà trong. Lý-Cương chợt tỉnh dậy, đương nghi-ngờ, thì có tin báo rằng Phu-nhân ở cữ. Lý-Cương cả mừng mà rằng :

— À thế ra mộng ứng ra thế !

Lý-Cương bụng nghĩ là con trai, vội-vàng mặc áo vào nhà trong hỏi, thời là sinh con gái. Lý-Cương nguyên chửa có tử-tức, nay sinh được người con gái cũng lấy làm mừng-rỡ. Qua sáu bảy năm, người con gái ấy lớn dần lên, càng ngày lại càng xinh, rõ thật là trắng như ngà, đẹp như ngọc, hoa cười ngọc thuyết đoan-trang, mây thua nước tóc tuyết nhường mầu da. Tính người con gái ấy lại khác tính cha : Lý-Cương thời dữ-tợn bạo-ngược, mà tính người con gái thời trung-hậu ôn-nhu, trong trại không kỳ người lớn người bé, hễ trông thấy cô bé ấy ai cũng lấy làm ưa. Lý-Cương yêu-giấu quá chừng, đặt tên tự là Tiểu-hoàn. Tiểu-hoàn tính ưa đọc sách, Lý-Cương bèn sai mấy tên đầu-mục đi đến hạt Đông-hoản bắt mấy người nữ-sư có tiếng đem về để dạy cô ta. Khi Tiểu-hoàn lên tám chín tuổi, văn-thơ đàn-địch, nghề gì cũng tinh-thông cả.

Một hôm, Lý-Cương đem quân đi ăn cướp vắng, Tiểu-hoàn bước ra trang Diễn-võ, thấy ở trên giá có để cái rổ kim-tiên hình đốt trúc của cha vẫn dùng xưa nay ; Tiểu-hoàn cầm lấy xem thấy khắc một dòng chữ nhỏ là « Nặng

60 cân » Tiểu-hoàn bụng nghĩ rằng : Cái roi này nặng đến 60 cân, để ta thử tập múa xem ; bèn bắt-chước lối cha múa hằng ngày, giơ lên giơ xuống, múa đi vùn-vụt ; đương lúc múa, chợt Lý-Cương ở đâu về, trông thấy, cả kinh mà rằng :

— Mày còn bé con sao nhấc nổi roi này của tao mà múa !

Tiểu-hoàn thấy cha về, cầm cái roi sẽ đặt xuống, rồi quay lại vái cha hai vái, đứng ra một bên, mặt chẳng đỏ một chút nào, mà cũng chẳng hề nhọc thở tí nào cả. Lý-Cương lè lưỡi nói :

— Mày là con gái mà lại có sức khỏe thế này, về sau tập ra tất thành một tay nữ-tướng có danh-tiếng. Ta đã có thứ đồng tốt chế ra một thanh mai-hoa-trường-thương nặng ước chừng hơn 30 cân, dài độ một trượng hai thước, chế-tạo rất là tinh-trí, ta để cho mày lấy mà luyện-tập.

Tiểu-hoàn lĩnh mệnh cha, thường ở đàng sau trại suốt ngày diễn-tập. Lý-Cương thường thường ra chỉ bảo ; Không đầy mấy ngày học được thuần-thục, hai cha con bèn ra trước trại đua thi, đánh nhau đến nửa ngày, thành ra Lý-Cương đối-địch cũng không nổi! Lý-Cương mừng không biết chừng nào.

Một hôm Tiểu-hoàn ở trại sau tập bắn, chợt nghĩ rằng : Ta đã có võ-nghệ thế này, thế nào cũng phải theo cha đi đánh trận ; song ta là con gái, ở trong đội lính con trai đi lại hỗn-tạp thời không tiện ; nên bắt chước nàng Lục-Nương là con gái Hạ-vương Đậu Kiến-Đức đời nhà Đường, luyện-tập lấy một bộ nữ-binh theo hầu, thời mới là tiện. Nghĩ vậy bèn vào thưa với cha. Lý-Cương bảo rằng :

— Con nói rất phải.

Liền sai kén các con gái trong các đồng Dao-dân, tuyển lấy độ ba trăm nữ-binh tráng-kiện giao cho Tiểu-hoàn luyện-tập. Tiểu-hoàn nhân đàng hiên nhà sau dồi làm sảnh *diễn-võ*, tự-hiệu là Lý Công-chúa, chia ra đoàn-ngũ để dạy nữ-binh, suốt ngày luyện-tập.

Một hôm, Lý-Cương đem 300 Dao-binh đi cướp phá huyện Tam-thủy, cho Tiểu-hoàn đem quân đến bến Nha-nhi ứng-tiếp. Tiểu-hoàn đợi đến nửa ngày không thấy cha trở về, trong bụng nghi-hoặc, liền đem nữ-binh lẻn đi thám-thính, chợt thấy bảo Lý-Cương bị vây ở bờ đê Lệ-tử. Tiểu-hoàn vội-vàng phó-cứu, thời thấy phụ-thân bị quan Tuần-phủ thống-lĩnh đại-binh hai mươi vạn đi đánh trại Đại-đăng ở Quảng-tây trở về, chợt gặp quân Lý-Cương, bèn thúc quân vây kín lại. Lý-Cương ít quân không địch nổi, đã phải mấy dấu bị-thương xúyt nữa nguy. Tiểu-hoàn nghe tin cả kinh, kíp ruổi ngựa lại cứu. Quan Tuần-phủ nghe có quân cứu-binh đến, liền sai một tên kiêu-tướng là Quách-Dũng đi đánh chặn đường. Quách-Dũng trông thấy một người con gái trán bịt gấm hoa, tóc cài đuôi trĩ, mình mặc áo hồng-cẩm chiến-bào, chân đạp ngựa ngân-tung bạch-mã, chạy lại như bay. Quách-Dũng khinh là con gái yếu-ớt thét to lên rằng :

— Con tặc-tì kia đi đâu !

Thét rồi liền giơ đao toan chém. Tiểu-hoàn cầm cây thương đỡ gạt ra, giao-chiến độ vài hiệp, Tiểu-hoàn nóng muốn cứu cha, hăng máu lên cầm cây thương xông vào đâm ngay vào giữa bụng Quách-Dũng. Quách-Dũng đỡ không kịp liệng mình đi ngã lăn xuống ngựa mà chết. Tiểu-hoàn cầm cây thương vẫy quân kéo lại, ba trăm quân nữ-binh dồ xô lại như bướm liệng ong bay, xông vào trong đội quan-quân, vung đao thương ra chém bừa đi. Tiểu-hoàn đánh thẳng vào đám trung-quân, đấu-chiến với chư-tướng, chợt trông thấy một người mặc áo hồng-bào, đội mũ kim-khôi, cưỡi ngựa

đứng ở dưới tướng-cờ trỏ bảo. Tiểu-hoàn biết là viên chủ-soái, bèn bỏ không địch với chư-tướng, tế ngựa lại, vung thương ra đâm chủ-soái. Tuần-phủ Súc-Hung cả kinh vội-vàng tháo lui thời đã bị một nhát thương trúng vào đùi. Các hàng tả-hữu chư-tướng là Sầm-Trung, Trần-Cao đều liều chết kháng-cự lại, đánh nhau độ mươi hợp thời Sầm-Trung bị Tiểu-hoàn đâm một nhát thương ngã lăn xuống ngựa. Trần-Cao thời bỏ cả mũ mà chạy trốn, Lý-Cương thấy cuối trận quan-quân đã rối-loạn, biết rằng đã có cứu-binh đến nơi, bèn thúc quân hăng lên tự trong đánh ra, quan-quân vỡ tan ra mà chạy. Cha con Lý-Cương hợp binh lại đuổi theo đến hơn mười dặm mới trở về. Trận này cha con Lý Tiểu-hoàn chỉ có tám trăm quân ; mà đánh phá Súc-Hung hai mươi vạn quân, chém chết được năm quan trỉ-huy-sứ, hai viên kiêu-tướng, quân-sĩ giẫy-séo lẫn nhau mà chết không biết bao nhiêu mà kể, làm cho quan-quân mất vía kinh hồn, nội vùng Quảng-châu xa gần nghe thấy tiếng Lý Công-chúa, không còn ai dám thở nữa. Vậy có câu rằng :

*Sinh trai chớ mừng vội,*
*Sinh gái chớ lo chi.*
*Đỗ-Oanh cứu cha đó.*
*Bằng trăm chú nam-nhi !*

Nói về Lý-Cương đắc-thắng rồi thu quân về trại, chỗ bị-thương phát ra đau lắm, chữa thuốc không thấy hiệu, thành ra hôn-mê, bệnh rất nguy-cấp. Mẹ con Lý Tiểu-hoàn ngày đêm trông nom than khóc, Lý-Cương chợt tỉnh, mở mắt ra trông thấy mẹ con Tiểu hoàn và người cậu là Phù-Hùng ngồi ở bên cạnh, Lý-Cương bèn bảo vợ là Phù-thị rằng :

— Nay ta không còn cùng xum-họp với ái-khanh được nữa, nhờ ái-khanh trông nom con cho ta.

Tiểu-hoàn ôm lấy ngực cha mà khóc. Lý-Cương cầm lấy tay Tiểu-hoàn nhìn lâu một lúc thở dài mà than rằng :

— Ta năm-mươi tuổi mà chỉ sinh được có một mình con, chửa kén cho con được một người rể hiền, ta chết cũng không tài nào nhắm mắt được !

Nói rồi nước mắt chảy ra dàn-dụa. Phù-Hùng nói :

— Đại-vương cứ yên nghỉ, nếu mà đến mệnh nào, sau này việc con cháu, Phù-Hùng này xin đảm-đang.

Lý-Cương nghe nói, liền bảo Tiểu-hoàn rằng :

— Con ơi ! Con ra lạy cữu-phụ đi, ta cũng đi đây.

Nói rồi liền nhắm mắt mà chết. Tiểu-hoàn kêu khóc lăn-lộn, ngất đi hai ba lần. Phù phu-nhân thấy con gái thương khóc quá, vội-vàng ôm lấy dỗ bảo rằng :

— Con ơi ! con nỡ bỏ mẹ hay sao ? Mẹ chỉ trông cậy có một mình con, con sao lại thế, để cho mẹ chua-xót trăm đường nghìn nỗi, con ơi !

Tiểu-hoàn nghe lời mẹ, phải cố gượng dậy. Phù-Hùng cũng thương khóc, họp các đầu-mục lại để trị việc tang. Khi liệm táng xong rồi, còn đón chư-tăng thầy cúng bày ra lắm trò cúng cấp. Được mấy hôm Phù-Hùng cùng các đầu-mục cùng tôn Tiểu-hoàn làm trại-chủ, Tiểu-hoàn từ mà rằng :

— Tôi là con gái, sao làm nổi được chủ trại, cữu-phụ nên chọn trong các đầu-mục người nào trí-dũng kiêm-toàn làm được thời làm. Vả lại ơn-đức cha tôi ví như trời bể, phải để tang cho hết ba năm, sao dám đổi áo cát-phục để nhận lễ mừng.

Phù Hùng cả cười mà rằng :

— Sao cháu lại nói lễ-văn khiêm-tốn chi cho lắm, dễ thường cậu là người

thô-bỉ không biết những lẽ ấy hay sao. Nếu bảo rằng con gái không làm được chủ trại, thời xưa kia bà Trưng Trắc, Trưng Nhị, bà Thạch-long phu-nhân, Ninh-quốc phu-nhân, chẳng phải con gái là gì ? Thế mà làm được sự-nghiệp long trời lở đất ! Huống-chi châu cũng là tay anh-hùng, trận đánh ở bờ đê Lệ-tử, toàn-tỉnh mất vía, nếu ngoại châu ra còn tìm đâu lấy người thứ hai nữa ? Vả lại phụ-thân châu đã có ân-uy thiếp-phục người ta, lập châu lên thời không ai nói gì, nếu lập người khác thời họ không phục, thành ra tranh nhau đánh nhau, quan-quân họ dò biết, tất là họ họp binh đến báo thù, như thế thời không những mẹ con nhà châu không yên thân, sợ đến phụ-thân nhà châu cũng không khỏi cái vạ đào mồ phơi thây vậy.

Tiểu-hoàn nghe Phù-Hùng nói đến sự đào mồ phơi thây, sợ giật mình sởn ốc lên, nói :

— Cữu-phụ đã dạy như thế, cháu xin tùng-mệnh. Nhưng cháu muốn xem cái đất danh-thắng ở về mé tây núi Gia-quế, trước lập một cái miếu Đô-bối-đại-vương để thờ phụ-thân cháu, tế-cáo xong rồi, sẽ xin nhận làm chủ trại, chẳng biết cữu-phụ nghĩ sao ?

Phù-Hùng nói :

— Việc ấy rất là chánh-đáng, để cậu đốc-suất bảo làm ngay.

Nói rồi liền từ ra, cùng với mọi người đầu-mục đi đến phía tây núi xem xét địa-thế, rồi khởi-công làm, không bao lâu dựng nên một nhà miếu, cột vẽ son đỏ, cửa thếp sơn vàng, tường rợn cánh mây, thềm lồng bóng nguyệt, cực-kỳ tráng-lệ, gian giữa tô một pho tượng Đô-bối đại-vương, tả hữu hai bên tô tượng văn-thần võ-tướng, cầm siêu-đao kim-ấn đứng hầu, cực-kỳ là uy-nghiêm, ngoài hiện khắc một câu đối rằng :

*Oai-phong treo nhật nguyệt,*
*Thụy-khí khắp kiền khôn.*

Trên cửa miếu đề năm chữ đại tự là : « *Đô-bối đại-vương miếu* », có đôi câu đối kèm sơn son thiếp vàng rằng :

*Song phong hình hồ cứ,*
*Bách Việt thế long bàn.*

Tu-tạo chỉnh-tề đâu vào đấy, chọn ngày mời Tiểu-hoàn trai-giới ra làm lễ, bát-âm dẫn trước, đi đến miếu làm lễ xong, rồi trở về trại, lên chủ-tọa để cho các đầu-mục vào bái-yết. Tiểu-hoàn nói :

— Thiếp vốn là tư-chất hèn yếu, ở chốn khuê-môn, nay chư-tướng suy-tôn lên làm chủ trại, thời từ nay về sau cứ gọi thiếp là Công-chúa là phải. bất-tất phải tôn xưng là đại-vương Các người cũng nên bắt chước tiếng người Hán mà gọi, chớ đừng gọi những tên ma - mường thô - bỉ làm chi. Vả thiếp xem trong trại dẫu có đến hai-mươi vạn quân, song đều là quân ô-hợp cả, chưa luyện-tập bao giờ, nếu gặp phải quân đại-địch thời đồ lướt thua ngay. Nay thiếp muốn phân làm chín tiểu - quân, chia ra các trại luyện-tập, như thế thời tiến lên mới đánh được, mà lui về mới giữ được. Đàng trước núi nên lập ra ba cửa quan - ải, trên ải chứa gỗ đá cho nhiều, để phòng khi ném tung ra đánh. Khi đấng Đô-bối đại - vương ta hãy còn, hễ đánh trận được bao nhiêu thời chia cho quân-sĩ hết cả, không có tích - trữ gì, thế có phải là cái đạo thâm-căn cố-đế đâu Nay thiếp muốn lập ra các đầu-mục chia giữ từng việc: tư-thư, tư-khố, tư-thưởng phạt, để cho có qui-mô, chẳng hay chư-tướng nghĩ thế nào ?

Phù Hùng nói :

— Công-chúa kiến-thức cao xa lắm, mạt-tướng chúng tôi xin tuân-hành.

Công-chúa bèn gọi lấy bút phán ra như sau này:

Gia-quế sơn Tả tiểu - tổng Phù-Ly.
» Hữu » Triệu-Tín.
» Tiền » Phù-Hùng.
» Hậu » Mã-Tán.
» Triều - thiên - quan tiểu-tổng Bàn Ma-La.
» Tư-hán-quan tiểu-tổng Phùng Lực-Mộc
» Vọng-hải-quan tiểu-tổng Đường Hổ.

Những các Tiểu - tổng trên này đều cách trung - doanh mười dặm lập ra một trại.

Ngọc-nhị-sơn Tiểu-tổng Đặng Bưu (con nhà anh Đặng A-Man).

Trung-đỗng-sơn Tiểu-tổng Mã-Cách.

Các tướng trên này đều thống-lĩnh 15.000 quân mã, tì-tướng 10 viên, đều phải diễn - tập phòng khi điều-bát đi chinh - chiến. Phân - phái xong, các tướng đều đi lập trại, dựng thành quan-ải, diễn-tập quân-mã suốt ngày, không đầy vài ba tháng, Lý công-chúa đi xét các trại, thời thấy khôi-giáp chỉnh-tề, thương-đao tinh-nhuệ, tập-luyện phải phép, lên lui hợp nghi, Công-chúa rất lấy làm mừng, lại đến đỗng Ngọc-nhị xem xét một hồi rồi trở về trại, bụng nghĩ rằng : « Ta xem trái núi này ở thỏm vào trong giữa muôn núi, bàn-cứ năm khu, đồi núi bao bọc, đồng áng phẳng-phiu, thế gió thuận mà nước trào thông, nếu sức các Tiểu-tổng đem quân-sĩ đi khai-khẩn cày cấy, thời địa-lợi cũng đủ cung-cấp, cũng là cái phép dồn-điền khi xưa, can gì lại cứ hằng ngày đi ăn cướp, tàn hại sinh-dân, thế chẳng ô-danh lắm ru ? » Ngày hôm sau họp-tập các tiểu-tổng, khuyên bảo làm đồn-điền, và bảo lấy những phép khẩn đất đào ngòi, cấy lúa gieo giống, các tướng đều rũng-rực vui mừng, đều đi khích-lệ quân-sĩ, mở - mang đồn-điền, đất bỏ hoang đã lâu, nay mới khai-khẩn tốt bội dị-thường, thấm-thoắt vài năm, thu được thóc lúa kê đậu, chất đống lên như núi, trâu dê đầy nội, gà lợn từng đàn ; quân-sĩ các trại đúc được thứ rượu ngon, hễ gặp ngày tết, thời mổ trâu mổ lợn, mời nhau uống rượu, rất là vui-vẻ, chẳng hơn là đi ăn cướp đốt nhà lấy của ư ?

Một ngày kia, Phù-Hùng mời các tổng trại đến trại mình uống rượu thưởng nguyệt. Tiệc rượu nửa chừng, Phù-Hùng nhân bảo các tổng trại rằng:

— Lũ chúng ta nhờ Công-chúa dạy bảo cho, mới có sự vui-vẻ ngày nay, cái ơn to lớn của Công-chúa không thể quên đi được. Năm nay Công-chúa đã 16 tuổi, tôi định ngày mai làm lễ gài trâm dâng mũ cho Công-chúa, các ông nên cùng bảo nhau đến dinh làm lễ bái-tạ là phải.

Các tổng trại cả mừng, nói:

— Chúng tôi xin sắm sửa đồ hạ-nghi để dâng mừng Công-chúa.

Đêm hôm ấy các tổng-trại đều uống rượu say rồi lui về. Ngày hôm sau sắm-sửa lễ-nghi; chiêng trống rầm trời, dàn sáo rậy đất, rước Công-chúa đến tế-cáo Đô-bối đại-vương xong rồi, trở về dinh, Phù phu-nhân và Phù-Hùng dâng mũ kim-quan và áo gấm đại-hồng, xiêm gấm lục, đai ngọc bàn-long, công-chúa mặc xong, lên chủ-tọa để cho chư-tướng bái-hạ, rồi mở tiệc ban cho chư tướng yên-ẩm ; dâng được và tuần rượu, Công-chúa bèn phán rằng :

— Ta nghe : « Thuận thiên giả xương, nghịch thiên giả vương ». Nay Đại-Tống Hoàng-đế nhất-thống bốn bể, đông, tây, nam, bắc, đâu cũng qui-

phục cả, chỉ có Dao-dân ta vẫn không theo chính-sóc, đó là nghịch mệnh trời, ta muốn theo như bà Tiền phu-nhân khi trước thần-phục về nhà Tùy nhà Trần, dâng biểu theo về phụ-thuộc, chư-tướng nghĩ thế nào ?

Mã-Cách đứng giậy thưa rằng :

— Không nên, hiện triều Tống bây giờ vua thời kiêu-căng, tôi thời xiểm-nịnh, hối-lộ công-hành, các quan hữu-tư đều tham-lam tàn-khắc. Nay nếu về phụ-thuộc, thời quyền không tự mình, thuận ra thời không lấy đâu cho đầy được túi tham, nếu trái ra thời cái vạ hãm-hại cũng khó mà tránh được.

Công-chúa nói :

— Không phải thế, ta dẫu qui-phụ, chẳng qua là phụng-biểu xưng-thần mà thôi ; không phải tự buộc mình mà vào triều-cống, họ đâu tham-khắc, sao hay hại được ta.

Phù Hùng-nói :

— Công-chúa nói dẫu là phải, song lời Mã tướng-quân nói cũng không là trái. Nay chỉ nên sai sứ dâng biểu xem thử làm sao, nếu họ xử với ta có ân có lễ, thời ta sẽ theo về thâu-nộp cho ít nhiều thuế-má ; nếu họ sinh-sự lôi-thôi, thời binh-lực ta vẫn sẵn đủ, có làm gì được ta.

Chư-tướng đều khen là phải. Lý công-chúa bèn tự soạn lấy tờ biểu, nói cái ý muốn xin về thần-phục và xin nộp thuế cống ; lại viết một tờ khải nữa bẩm lên quan Đốc-phủ, sai quan Hữu Tiểu-tổng Triệu - Tín đến cửa quân dâng nộp. Quan Đốc-phủ Ngô Quế-Phương cả mừng, hậu đãi Triệu-Tín, cho mời quan Tuần-phủ Súc-Hung và các quan cùng đến hội-nghị ; các quan đều nói rằng :

— Mấy năm nay các dân Mèo dân Mán chỗ nào cũng xuần-động nổi giặc cả. Nay một mình Lý Công-chúa hay không quên Triều-đình, về qui-phụ trước nhất, thời nên dâng biểu lên tâu xin tinh-thưởng cho, để khích-khuyến về sau.

Khi ấy chỉ có một mình Súc-Hung vẫn tức Lý Công-chúa chém chết mất kiêu-tướng của hắn, làm tỏa mất uy-phong của hắn, ý muốn báo-thù ; nay nghe lời các quan bàn bèn nói to lên rằng :

— Việc ấy không nên, cha con Lý Tiêu-hoàn phá châu cướp huyện, làm tàn-hại sinh-linh đã hơn mười năm nay ; nay không đem binh đánh giết đi, mà lại nghe lời nó trá-hàng, lại tâu biểu xin tinh-thưởng cho nó, thế là thưởng kẻ làm phản, thời sao răn được kẻ khác. Tôi dẫu bất-tài, xin đem mười vạn quân đánh giết nó đi, để tiết-phẫn cho nhân-dân năm huyện.

Quế-Phương nói :

— Năm trước ông đem hai mươi vạn quân, còn bị thua khốn ở đê Lệ-pha, huống chi nay ông xin đem mười vạn mà đánh giết được nó, thôi thà nhận cho nó qui-phụ là hơn, đừng quấy-rối làm chi nữa.

Các quan đều đồng-thanh nói :

— Lời đại-nhân nói phải !

Súc-Hung bị Quế-Phương mắng gạt trước mặt các quan thời thẹn đỏ mặt lên, không dámnói gì nữa. Quế-Phương bèn làm bài biểu và bài biểu của Lý công-chúa, đều sai quan đem dâng tâu vua. Thần-Tôn cả mừng, phong Tiêu-hoàn làm Nhất-phẩm-kim-hoa công-chúa, ban cho mũ phượng-quan và một cái mãng-bào, một đai ngọc-đái, hai trăm lạng bạc, lại phong cho Lý-Cương nhưng theo biệu cũ là Đô-Bối đại

vương, mẹ Tiêu-hoàn là P ù-thị làm nhất-phẩm-phu-nhân. Quế-Phương sai quan cầm tờ chiếu cùng với Triệu-Tín đi đến núi Gia-quế để tuyên-phong. Triệu-Tín sai người về báo trước, công-chúa ra nghênh-tiếp sứ-giả về trại làm lễ tuyên-phong, xong rồi cùng tung-hô vạn-tuế để tạ ơn. Khoản-đãi sứ-giả rất hậu. Ngày hôm sau sắp đủ một trăm học lương lại sai Triệu-Tín cùng với sứ-giả đem thâu nộp vào tỉ Bố-chính và dâng biểu tạ-ân, nhân-dân năm huyện nghe tin ấy đều lấy làm mừng-rỡ. Chỉ có một mình Súc-Hung giận Lý Công-chúa dám vào đùi bị thương, lại giận Ngô Đốc-phủ bẻ-bác làm bẽ mặt mình, ngày đêm nghĩ-ngợi, bụng bảo dạ rằng: « Tất thế nào cũng kiếm cách để làm tích-biến con Lý tặc-tì này thời mới làm hại được Ngô Quế-Phương ». Ngày đêm nghĩ mãi, chợt nghĩ ra một kế rằng: « Tất phải thế này . . . thời mới khích nó làm phản, con tặc-tì đã làm phản, bấy giờ mới nói vu cho Quế-Phương là giao thông với quân Mán-Mèo, mà tâu giêm cho nó, ý muốn mưu làm phản-nghịch, hãm cho hắn vào tội phản-nghịch, như thế không thể nào cãi được nữa ; đợi đến khi bắt được con tặc-tì rồi định tội cho hắn một thể, chúng nó có bay lên trời ! » Định mưu thế rồi, liền gọi quan Thiên-tổng là Dương-Kiệt đến dặn rằng :

— Quân Mán-Mèo ở núi Gia-quế đã về hàng-phục rồi, thời phải sai quan đi tuần xét cho nó khỏi sinh lòng phản-trắc; nay thăng cho ngươi làm chức Tuần-Dao quan-sát-sứ, đem 300 quân đi tuần xét các sơn-trại, hễ thấy quân đầu - mục Mán-Mèo thời phải làm cho nguy-nghiêm, và hạch-sách tiền khao - thưởng, chớ đừng khoan-dung chút nào, để cho nó khinh-thị phép-tắc Triều-đình. Nếu ngươi làm hợp ý ta, khi trở về sẽ được thăng-thưởng.

Dương - Kiệt nghe nói cả mừng, cúi đầu lạy tạ rồi trở ra, điểm lấy 300 quân cường-tráng, đều lưng đeo-gươm, tay cầm côn đi trước ; còn mình thì cưỡi một con ngựa lớn làm bộ hách-dịch quan-dạng, kéo đến núi Gia-quế, trước viết một tờ hiểu-dụ truyền dõi đầu-mục núi Gia - quế ra ứng-tiếp, dụ rằng :

— *Tuần-Dao Quan-sát-sứ Dương, hiểu dụ rằng : Bản-chức phụng-mệnh quan Đô - sát - viện phó-đô - ngự-sử Tuần-phủ Súc đại-nhân, đi tuần-xét các sơn-trại, phàm các đầu-mục phải đem đủ tiền lương ra ứng-tiếp, nếu trậm-trễ thì bị phạt nặng không tha. Nay hiểu-dụ.*

*Ngày . . . tháng . . . năm Hi-minh thứ bảy.*

Khi tờ dụ ấy truyền đến cửa-ải Triều - thiên, Bàn Ma-La xem thấy đùng đùng cả giận nói rằng :

— Quan-sát là bộ dạng chức quan gì, mà dám ra oai dậm-dọa, tao đây không cung - ứng mày thời mày làm gì tao!

Nói rồi liền rút gươm ra toan chém kẻ sứ-giả, tì - tướng Lợi-Dụng can rằng :

— Xin tướng-quân hãy khoan giận, quan-tư ấy dẫu đáng ghét, song phải bẩm mệnh cho Công-chúa biết mới phải, nếu vội giết sứ-giả, sợ Công-chúa quở trách thì làm sao ?

Ma La mới dừng gươm lại hầm-hầm mà rằng :

— Ừ, hãy tha cho nó, ngươi nên đem tờ dụ này đệ lên Công-chúa xem.

Lợi-Dụng bèn cầm tờ dụ lên ngựa chạy đi phi - báo công-chúa. Công-chúa cầm tờ dụ xem xong, ngẫm nghĩ một hồi lâu, rồi truyền họp chư-tướng lại hội - nghị, chư-tướng nghe lệnh đều tới nơi, công-chúa đưa tờ hiểu - dụ cho chư-tướng xem, ai cũng đều tức giận. Mã Cách nói:

— Đồ súc-sinh ! Lúc mới nghị-hàng ta đã biết rằng nó tất sinh-sự.

Triệu-Tín nói:

— Ta mới về qui-phục mà họ đã đậm-dọa như thế, không biết về sau họ bạc-đãi ta đến thế nào ?

Bàn Ma-La vung cánh tay lên mà rằng :

— Công-chúa là bậc anh-hùng, mà lại có chư-tướng hiệp-lực, nếu lấy Quảng-đông như trở bàn tay ! Cần gì phải qui gối lượm tay, để cho lũ quan tham-tàn nó làm tức khí !

Lý công-chúa cứ ngồi im không nói gì, đưa mắt trông Phù-Hùng. Phù-Hùng biết ý, mà rằng :

— Chư-tướng tức khí đều là ý-kiến tiểu-trượng-phu cả ; ý-kiến tôi thời cho hắn dẫu ngược-đãi, ta cứ thuận-thụ, là vì sao vậy ? Là vì lời cổ có nói rằng : « *Tuy hữu tri-tuệ bất như thừa thế, tuy hữu tư-cơ bất như đãi-thời* ». Nay triều-đình dẫu vô-đạo, song thiên-hạ vẫn còn toàn-thịnh cả, nay muốn lấy một xó đất Gia-quế này và vạn quân mà tranh-hành với toàn-quân trong thiên-hạ, sợ rồi binh-liên họa-kết, mà ta trong không có lương trừ-súc, ngoài không có quân cứu-viện, dẫu tài giỏi đến đâu cũng không giữ được về sau này. Vả lại, tờ hiểu-dụ là nói phụng-mệnh của Súc-Hung mà đến đây, bởi vì hắn tức về trận thua ở đê Lệ-tử, ý muốn báo-thù, song ta đã đầu-hàng chịu phong, hắn không có thừa được hố-khích gì mà bày truyện ra được, nên hắn mới chọc tức lũ ta, để cho ta tức không chịu được, biết đâu lại chẳng mắc phải mẹo hắn, thế cho nên tôi bảo rằng họ dẫu ngược-đãi, ta hãy nên thuận-thụ, là vì thế.

Triệu-Tín nghe nói mới tỉnh-ngộ, mà rằng :

— Phù tướng-quân liệu lượng không sai chút nào, hôm trước tôi phụng-mệnh công-chúa đem tờ biểu đến quân-môn, thời hôm sau quan Ngô Đốc-phủ có họp các quan hội-nghị, khi ấy tôi nghe Súc-Hung cố ngăn-trở không muốn cho hàng, muốn xin đem quân đi đánh, phải Ngô Đốc-phủ bẻ-bác cho bẽ mặt, nên bây giờ mới bày ra truyện này để cấu-khích lũ ta, để hắn dễ kiếm truyện vu-chức đó thôi.

Đường-Hồ nói :

— Nếu như thế thời ta cứ phải ở cho tử-tế, mang vàng bạc để khao-thưởng quân hắn, xem hắn xử ra làm sao. Hai là ta phải phòng-bị cho nghiêm nhặt, để phòng nó thừa-hư đánh úp ta chăng.

Phù-Hùng nói :

— Đường tướng-quân nói phải lắm.

Lý Công-chúa bèn sai sắm-sửa lương-thảo vàng lụa, sai Phù-Hùng ra ngoài cửa ải 10 dặm để nghênh-tiếp. Khi ra đến ngoài cửa ải thấy một đám quân cầm côn hò hét kéo đến, trông thấy Phù-Hùng, thét to lên rằng :

— Quan-sát-sứ tới nơi, xuống ngựa cho mau !

Phù-Hùng vội-vàng xuống ngựa đứng ở bên cạnh đường, trông xa xa thấy ở dưới bóng tán xanh có một ông quan mặc áo lam-bào, đội mũ sa-mạo, nghênh-ngang ngồi trên mình ngựa, Phù Hùng biết đó hẳn là Quan-sát-sứ, bước lên cúi mình mà rằng :

— Chúng tôi là Phù-Hùng ở núi Gia-quế này, phụng-mệnh công-chúa tôi đến đây để nghênh-tiếp đại-lão-cha.

Dương Kiệt dừng ngựa lại nói :

— Lý Tiểu-hoàn sao không thân ra nghênh-tiếp, dám khinh-thường ta hay sao ?

Phù-Hùng cúi mình mà rằng :

— Công-chúa tôi đâu dám thế, chỉ vì là thân gái ở chốn khuê-môn ra làm lễ không tiện, nên sai Phù-Hùng ra đây để nghênh-tiếp đại-lão-cha.

Dương-Kiệt thét lên rằng :

— Phá nhà lấy của, thời không kêu

là con gái, nay có quan Triều-đình tới, lại bịa đặt ra kêu là đàn-bà con gái. À ! mày cậy là con giảo-thỏ có ba hang lẩn - lút hay sao ? Gặp ta đây không sích cổ mày ra được hay sao ?

Phù-Hùng liền dạ dạ lẩn đi theo sau. Quân kéo đến ải Triều-thiên, thời thấy cửa ải đóng chặt, tình-kỳ rợp đất, quamâu ngang trời, không thấy tiếng một người nào cả, quân-sĩ gọi đến nửa ngày không thấy ai thưa, khi Phù-Hùng tới nơi, thét to lên rằng :

— Mở cửa !

Khi ấy liền thấy trên ải nổ ba tiếng súng đại-bác, chiêng trống rầm trời, cửa ải mở toang ra, hơn 1000 quân Mán kéo ra, đầu đội khăn tía, tay cầm giao gươm, ở giữa một viên hắc-tướng đầu đội mũ đen, mình mặc giáp đen, mặt đen như trôn nồi, mắt lồi như vủ chiêng, tay cầm lưỡi búa đi ra như bay, thét một tiếng lên như sấm mà rằng :

— Triều-thiên quan tiểu-tổng Bàn Ma-La, ra nghênh-tiếp Quan-sát-sứ đây !

Các quan-quân nghe tiếng đều thất-kinh ngồi thụp cả xuống, Đương-Kiệt mặt sám như chàm đổ, xuýt nữa ngã ngựa. Phù-Hùng chạy lên trước thét mắng, thời Ma-La liên-thanh dạ dạ bảo rằng : « Có dám làm gì đâu . . . . » Nói rồi liền quay đầu ngựa vòng ra con đường nhỏ bên tả cửa ải mà đi. Nguyên là Bàn Ma-La biết trước là Quan-sát-sứ sắp đến đấy, tất là hắn hồ-giả hổ-oai mà dậm dọa, cho nên giấu cả Phù-Hùng mà ra oai như thế, để tỏ cái oai-phong quân trại của mình cho hắn xem. Dương Kiệt thấy quân Mán đã kéo lui, khi ấy mới định-thần hỏi rằng :

— Phù tướng-quân, mới rồi là người nào đó ?

Phù-Hùng thưa :

— Đó là tướng giữ ải này, xin đại-lão-cha khoan-thứ cho hắn là người thô-lỗ .

Dương-Kiệt nói :

— Bản-chức phụng thượng-mệnh đến đây, có sợ ai nạt-doạ đâu .

Dương Kiệt miệng dẫu nói thế, song trong bụng đã thất-đảm không dám hách-dịch thét-lác như trước nữa .

Khi Dương-Kiệt kéo đến ải Vọng-hải, Phù - Hùng đem vàng bạc ra khao quân và bày tiệc để khoản-đãi Dương-Kiệt, lại sắm một món tiền lễ riêng để dâng. Chỉ có độc Bàn Ma-La không chịu cung-phụng, còn thời các tổng-trại đều đem hậu-lễ đến cung-ứng cả. Dương Kiệt đóng lại hai ba hôm mới sắp sửa trở về, lại sách-tổng lương-thảo mấy nghìn hộc, rồi mới kéo quân xuống ải, Phù Hùng tiễn ra khỏi cửa ải mới trở về. Lý Công-chúa gọi quan tư-khố đến kê tính, thời tốn đến hơn nghìn vàng. Công-chúa không coi thấm vào đâu, sau chư-tướng đều không phục, bẩm Công-chúa rằng :

— Chúng tôi sinh-trưởng ở núi này đã hai ba mươi năm nay, không thấy có quan-tư nào dám lại đây mà dậm-doạ. Nay quan này dám làm bộ dậm - doạ tống lấy biết bao nhiêu vàng bạc, chúng tôi xin liều chết, chớ không chịu tức thế được, nay bẩm qua công-chúa, xin đem binh đi đuổi đánh quân súc-sinh kia mà truy lấy lại tang-vật, giết hết nó đi thời mới thỏa lòng !

Công-chúa nghe nói cả kinh mà rằng :

— Sách có chữ rằng : « Có nhẫn-nại thời việc mới xong, có khoan-dung thời lượng mới lớn ». Nay chư-tướng không nên được lòng giận mà muốn sinh-chí một thời, để cho kẻ gian-thần được tạ-khẩu, nếu đại-binh nó kéo đến làm đổ nát cả sào - huyệt thời sao ? Chư-tướng muốn làm như thế, thời Tiểu-hoàn này xin cắt tóc đi tu cho rồi, chớ không muốn trông thấy chư-tướng theo con đường phúc-triệt mà bại - hoại.

Công-chúa nói rồi liền đổ đôi hàng nước mắt, chư-tướng cũng khóc.

Phù Hùng nói :

— Chúng ta nên thể cái ý trung-trinh của Công-chúa, không nên làm càn, để đau lòng Công-chúa.

Chư-tướng đều khóc mà lui ra.

Nói về Dương-Kiệt lấy được vàng bạc trở về đến tỉnh-thành vào ra mắt Súc-Hung, đem những đồ lấy được dâng lên. Súc-Hung nói :

— Đó là công của nhà ngươi, bản-chức hãy ban kỷ-lục cho nhà ngươi một lần, còn những đồ lấy được thời chia làm 2 phần : nhà ngươi lấy một phần, còn một phần thời quân - phân cho các tướng-sĩ. Từ đây về sau cứ 3 tháng một lần đi tuần-xét, mỗi lần thêm binh 300 người, thêm đến 1200 người, bấy giờ bản-chức sẽ có kế-sách.

Dương-Kiệt lĩnh mệnh lui ra, rồi cứ theo lệnh mà làm.

Nói về trại Gia-quế phải bốn năm lần cung-ứng về quân lính tuần-sát phí-tổn nhiều lắm, dần dần kiệt-quệ mãi đi, Lý Công-chúa lo sợ, gọi Phù-Hùng vào thương-nghị mà rằng :

— Quan-quân cứ mỗi một lần đến tuần-sát thời ta phải cung-ứng, sau này mỗi một lần hao hụt mãi đi, ta không thể cung-ứng được nữa thời công-lao trước chẳng hoài đi mất ru ? Chẳng hay cữu-phụ có kế-sách gì, làm cho nẩy tiền-bạc ra, thời mới không đến nỗi thúc-thủ ?

Phù-Hùng nói :

— Sao lại không có kế-sách, song phải nghe theo lời tôi mới được, chỉ sợ nói ra thời Công-chúa lại không chịu làm mà thôi.

Công-chúa nói :

— Chỉ trừ có mưu phản-bạn, còn thời xin vâng theo mệnh cữu-phụ cả.

Phù-Hùng nói :

— Kế-sách này của tôi, có thể lấy được tiền-bạc mà lại không mang tiếng là phản-nghịch, thực là trí-công trí-đáng lắm !

Công-chúa nói :

— Chẳng hay cữu-phụ có kế-sách chi, xin cữu-phụ nói ngay cho biết.

Phù-Hùng mới giơ hai ngón tay lên làm bộ suy-tính, chớ chửa nói ra vội.

Thực là :

*Trách kẻ tài tham vơ sạch của,*
*Mong người lượng bể giúp bày mưu.*

Chửa biết Phù-Hùng bày mưu kế ra làm sao, sau này sẽ hiểu.

(*Còn nữa*)

DÔNG-CHÂU dịch

---

## Hài văn

### Chuyện con tinh nói dối

Trên nguyệt-cầu có con tinh nói dối, họ Cuống, tên là Văn-Cuội, tên tự là Tử-man, hiệu là Quyệt-trai, lại biệt-hiệu là Điên-đảo-tiên-sinh, ở về làng Thiên-qui-bách-quái, vì hắn tựa người, nhưng không phải người, cho nên thiên-hạ gọi hắn là con tinh.

Thuở hắn còn nhỏ, tính-nết đã khác người, trò gì cũng không thích, chỉ thích xem những trò che mắt người, như trò móc lợn câu thiên-lôi, đắt trâu chui qua ống, v. v. Lớn lên cái cách buôn đời của người một ngày một thạo; có lúc liến-thoắng như con ma, rõ thật trăm voi không được bát nước sáo; cũng có khi rù-rì như đức phật, ai ngờ bìm-bịp thế mà bắt gà con; tuy chửa thành tinh, nhưng cũng đã quái.

Sau ngươi lại phát-sinh được một cái quan-niệm gớm-ghê rằng trò đời chẳng khác gì người dương-gian làm việc âm-phủ, cái đường danh-lợi còn ngoắt-ngoéo vô-cùng, mà cái đức tinh-ma cũng tiến-bộ vô-hạn; ta có thiên-tư, ta có lịch-duyệt, nhưng ta chửa có học-vấn, ta còn muốn đánh du với tinh,

lên bổng rõ nghìn trượng; viết văn-tự bán trời, kỷ đủ cả mười tay; ta phải đi học nữa mới được.

Nghe ở xứ Vô-xỉ, có thiết-lập ra một cái Khi-trá-học đường, thầy giáo dạy đó chính là ông Vô-Tín-lão-sư, người bèn cúc-cung vào thụ-nghiệp. Thầy giáo bắt đầu xem tướng, khen ngay người rằng:

— Cái lưỡi anh mỏng quẹt như thế, có thể truyền đạo được.

Liền ban cho người một bộ sách, nhan sách đề là: « *Khi-thế-kỷ-thư* », người được bộ sách phụng làm chí-bảo, ngày đêm học như cuốc kêu, kỹ lấy thuộc lòng, không dám sót một chữ.

Thầy giáo xét người đã có nhiệt-thành, bèn diễn-thuyết bảo rằng:

— Anh Cuống Văn-Cuội ơi! Này, thầy bảo: Anh muốn đắc-đạo, trước nhất cái lương-tâm của anh phải bỏ hết đi; đạo có khó gì, bỏ hết lương-tâm đi là được; đạo thầy chỉ có bốn chữ: « *chớ có nói thật* » đấy thôi, anh phải nhận-chân về tôn-chỉ ấy cho đích-sác mới được.

Hắn ta dạ. Thầy giáo lại bày cách thí-nghiệm học trò, một hôm hỏi hắn ta rằng:

— Ở đời tránh sao cho khỏi tiếng thị-phi, nếu thiên-hạ người ta mỉa-mai xỉ-vả những thằng nói dối, anh tính sao?

Hắn ta thưa:

— Con xin giả cách: điếc.

Thầy giáo khen:

— Được, anh đã thành-đức rồi đấy.

Lại hỏi:

— Phàm sự giấu đầu rồi chắc cũng lại hở đuôi, thiên-hạ không tin anh nữa, anh tính sao?

Hắn ta thưa:

— Con xin thái-cực sinh lưỡng-nghi, lưỡng-nghi sinh tứ-tượng, tứ-tượng biến-hóa vô-cùng, chẳng tin rồi cũng phải tin.

Thầy giáo khen:

— Được, được, anh thành tài rồi đấy.

Người từ khi tốt-nghiệp ở trường ấy về, cuội-non nổi tiếng lên cuội-già, thiên-hạ ai ai cũng chịu là trang nói dối. Song mới thành trạng, chửa được thành tinh, sau người lại chơi được mấy người bạn nữa, là chú Lị, chú Vị, chú Võng, chú Lưỡng, bốn chú kỳ-quặc trần đời, đem những phương-pháp nói dối mới-mẻ lạ-lùng, dẫu bác Công-tôn Hoằng đời Hán chưa từng giảng đến, anh Mai-đặc-niết nước Áo chưa từng nghĩ ra, phát-minh cho nhau mãi. Từ đó mới thật thiên-biến vạn-hoá, xuất-quỉ nhập-thần, mười Ba-Giai theo không kịp, vạn Tú-Suất ruồi còn xa, thiên-hạ không biết gọi người bằng gì nữa, mới gọi người là con tinh.

Xưa kia thế-giới còn hắc-ám, thiên-hạ hoan-nghênh người, sĩ, nông, công, thương, trong cõi tứ-dân, người đều có qua chơi cả. Lại nên kỷ-niệm về sự ma-thuật đại-hành cho người nhất nữa, là những khi người ám-ảnh vào chốn đền trời, nào mờ mờ, nào tỏ tỏ, nào có có, nào không không, sự thiên-tào còn hồ-điệp liên-chi, biết ai cầm bút, biết ai cầm nghiên, cóc vái trời cũng đành sự hão; tội chúng-sinh còn bằng-hà sa-số, chắc đâu là ma, chắc đâu là phật, sự thu oản thế là tội yên. Không những một người khổ, lại trăm người, nghìn người, muôn người khổ; không những một nhà sầu, lại một châu, một quận một phương sầu. Tình ôi là tình! sao mà vô-hình, dối ôi là dối, sao mà vô-tội!

Bây giờ văn-minh, thần nói-thật đã xuất-hiện rồi, khí-dụng tinh-lương, cân tạ thăng-bằng, thưng đấu dày-dặn, tiểu-nhân-nho bây giờ không có nữa; mà lái-buôn bây giờ cũng thật-thà; thôn cùng hoặc có kẻ kheo-khư, ngục sâu hoặc có người oan-uổng, cửa công hoặc có kẻ đem vàng, phòng riêng hoặc có người tẩy mực, đèn trời cũng đã soi xét đến cả rồi. Người biết chừng ở địa-cầu này khó có nơi mà lẩn-quất nữa, mới bay lên nguyệt-cầu.

Con tinh kia ơi! con tinh kia ơi! tu-hành đã khắc-khổ lắm, hưởng-phúc đã trọn-vẹn lắm, kiến-cơ lại sớm-sủa lắm.

TÙNG - VĂN.

# CẦM-HỌC TẦM-NGUYÊN

## 琴學尋源

*(Khảo về nghề đờn ở nước ta)* (1)

Bài thứ VI

---

GIAO - NAM 南宮序

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 亜 | 六 | 六 | 亜 | 六 | 六 | 反 | 六 | 反 | 六 | 反 | 六 | 上 | | | |
| 尺 | 六 | 六 | 六 | 尺 | 六 | 上 | 六 | 六 | 尺 | 六 | 上 | 尺 | 六 | 合 | |
| 上 | 尺 | 六 | 六 | 尺 | 六 | 上 | 尺 | 上 | 上 | 合 | 合 | 合 | 亜 | 合 | |
| 合 | 反 | 合 | 反 | 合 | 反 | 合 | 上 | 尺 | 合 | 合 | 合 | 合 | 尺 | 尺 | 合 |
| 上 | 尺 | 合 | 合 | 上 | 尺 | 上 | 尺 | 四 | 上 | 尺 | 合 | 合 | 上 | 尺 | |
| 尺 | 尺 | 上 | 尺 | 合 | 上 | 上 | 尺 | 尺 | 上 | 上 | 上 | 尺 | | | |
| 合 | 上 | 尺 | 六 | 六 | 六 | 尺 | 六 | 上 | 尺 | 上 | 上 | 合 | 合 | 合 | |
| 亜 | 合 | 合 | 上 | 尺 | 反 | 合 | 四 | 合 | 合 | 合 | 四 | 合 | 合 | 合 | |
| 上 | 四 | 上 | 上 | 上 | 上 | 四 | 上 | 上 | 上 | 尺 | 上 | 上 | 尺 | 合 | 上 | 尺 | 六 | 六 |
| 尺 | 六 | 上 | 尺 | 六 | 仕 | 仕 | 衣 | 衣 | 仕 | 仕 | 衣 | 六 | 仕 | 衣 | |

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 47

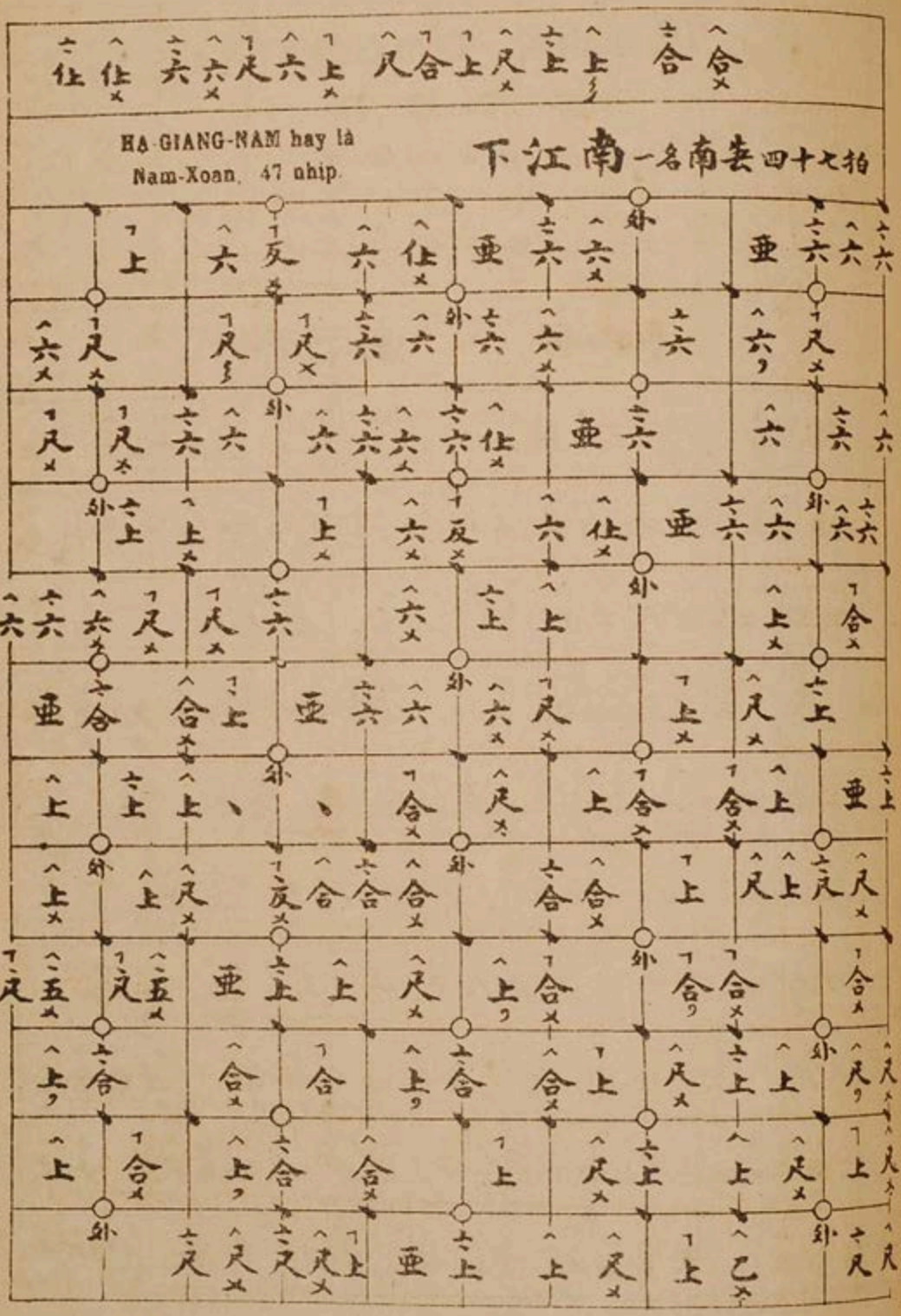
HA-GIANG-NAM hay là
Nam-Xoan, 47 nhịp.
拍七十四去南名一南江下

VỌNG-GIANG-NAM hay là
Nam-Bình, 45 nhịp.

望江南 一名南平 四十五拍

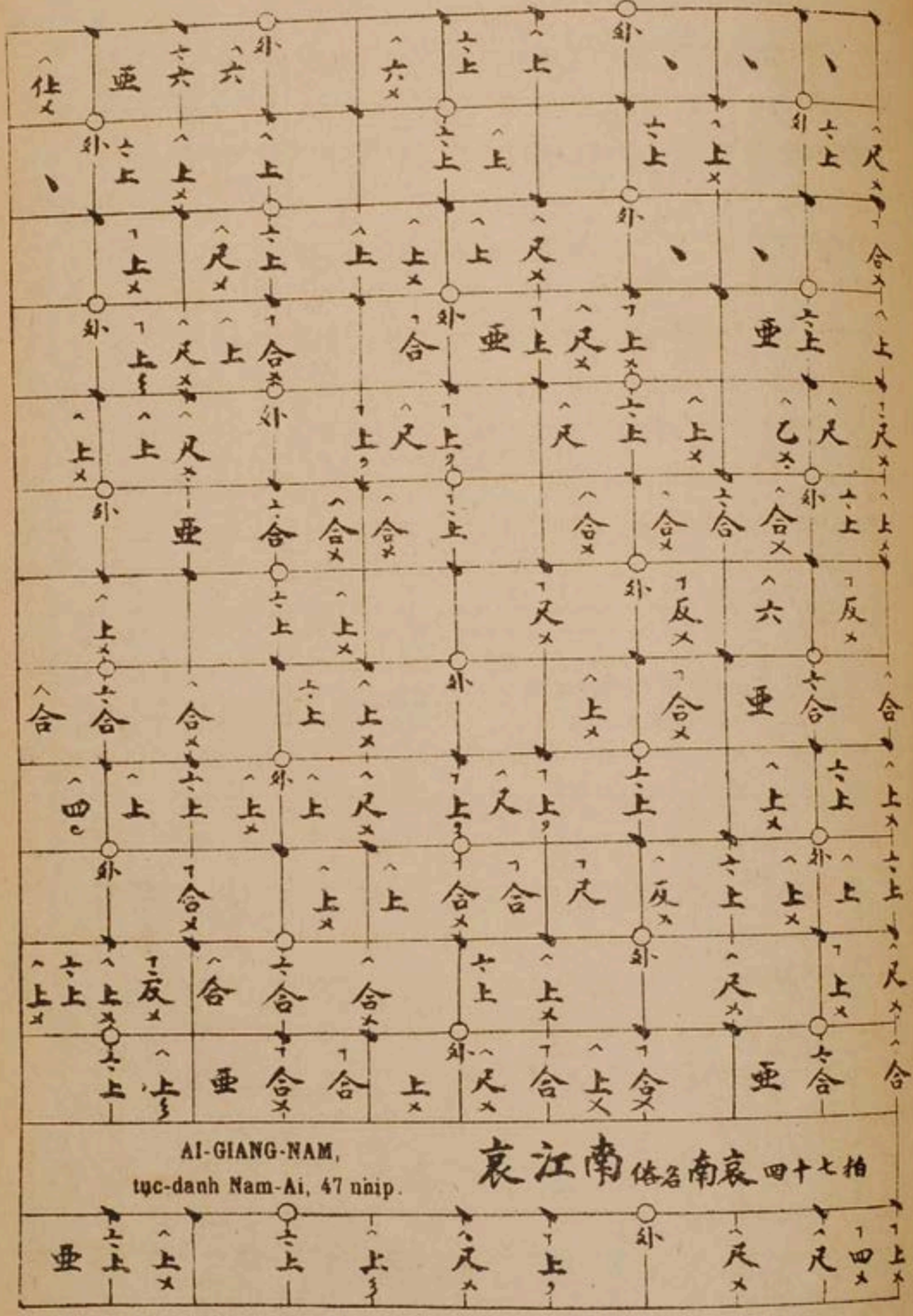

AI-GIANG-NAM,
tục-danh Nam-Ai, 47 nhịp.

哀江南 俗名南哀 四十七拍

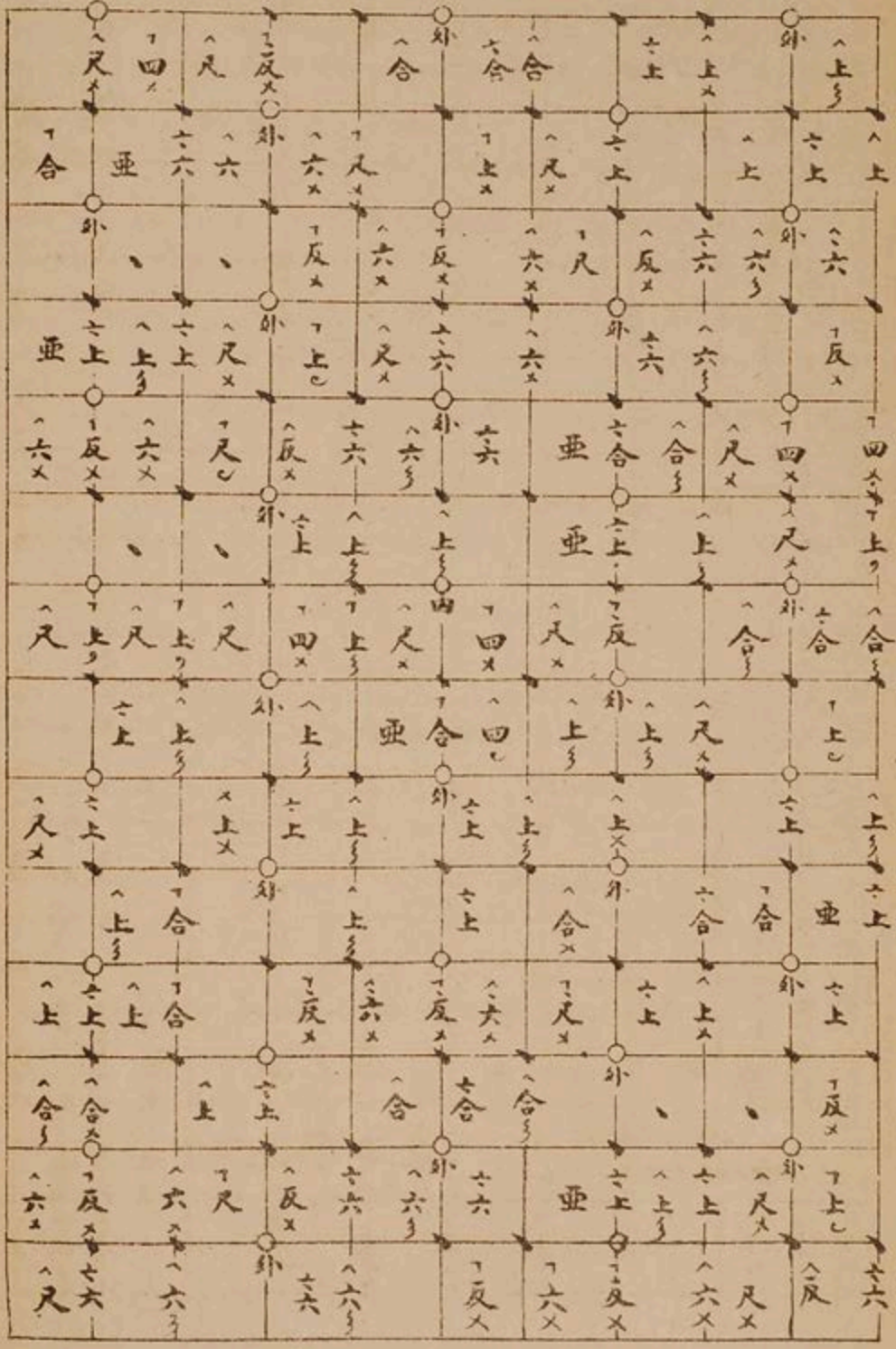

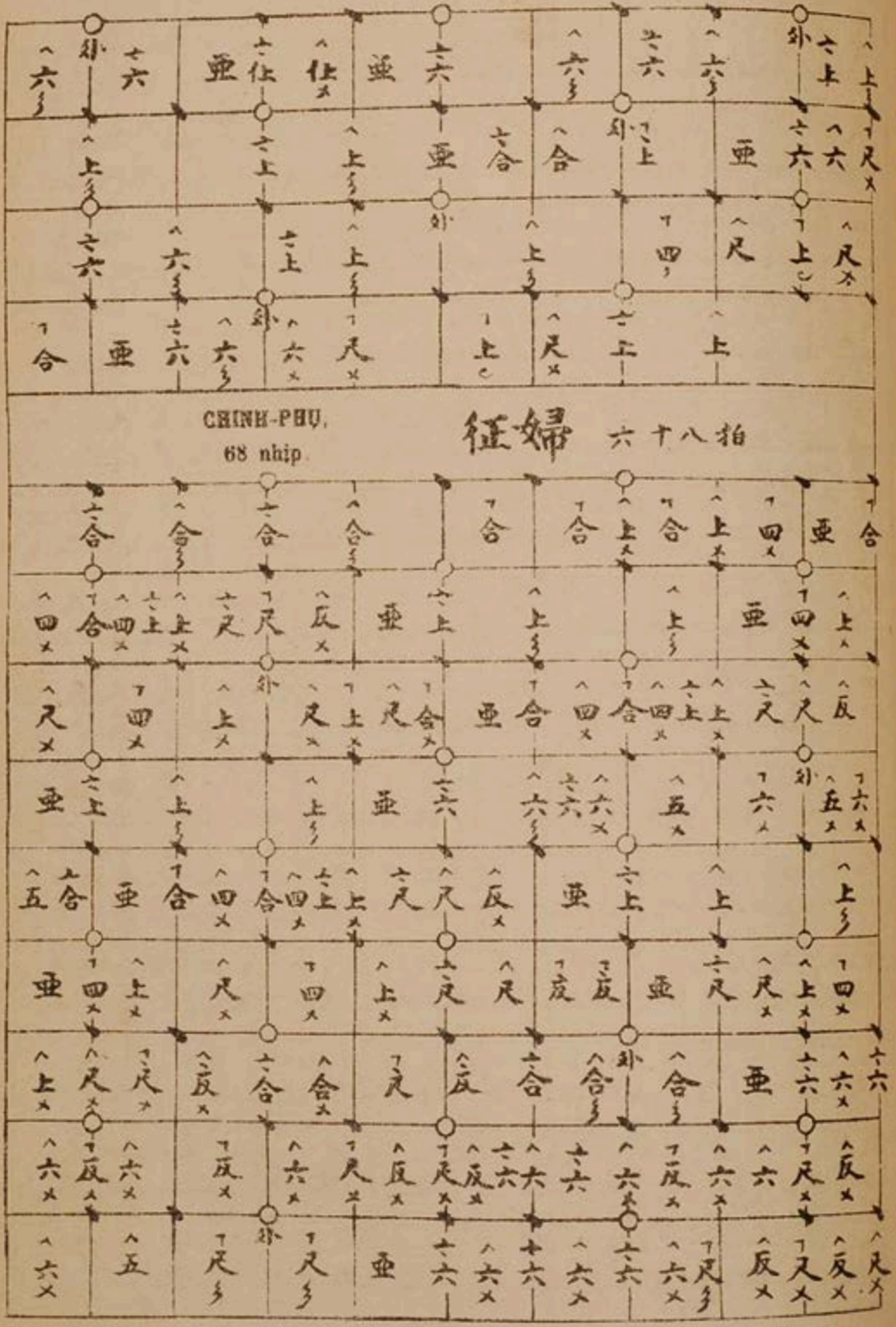

CHINH-PHU.
68 nhịp

征婦 六十八拍

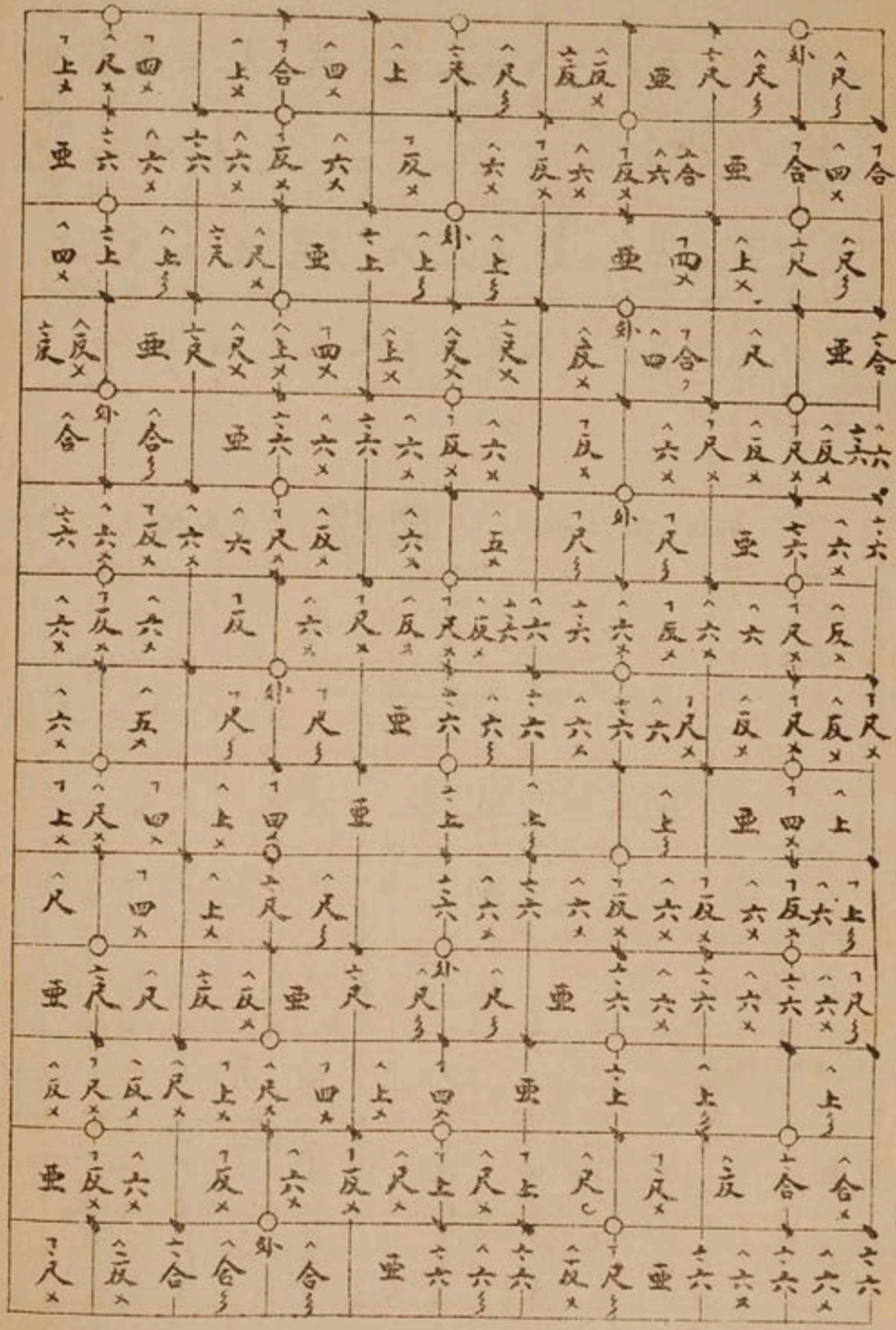

## 關雎 二十五拍

QUANG-THƠ 25 nhịp.

CÁT-ĐÀM,
24 nhịp.

葛覃 二十四拍

QUYỂN-NHĨ,
22 nhịp.

卷耳 二十二拍

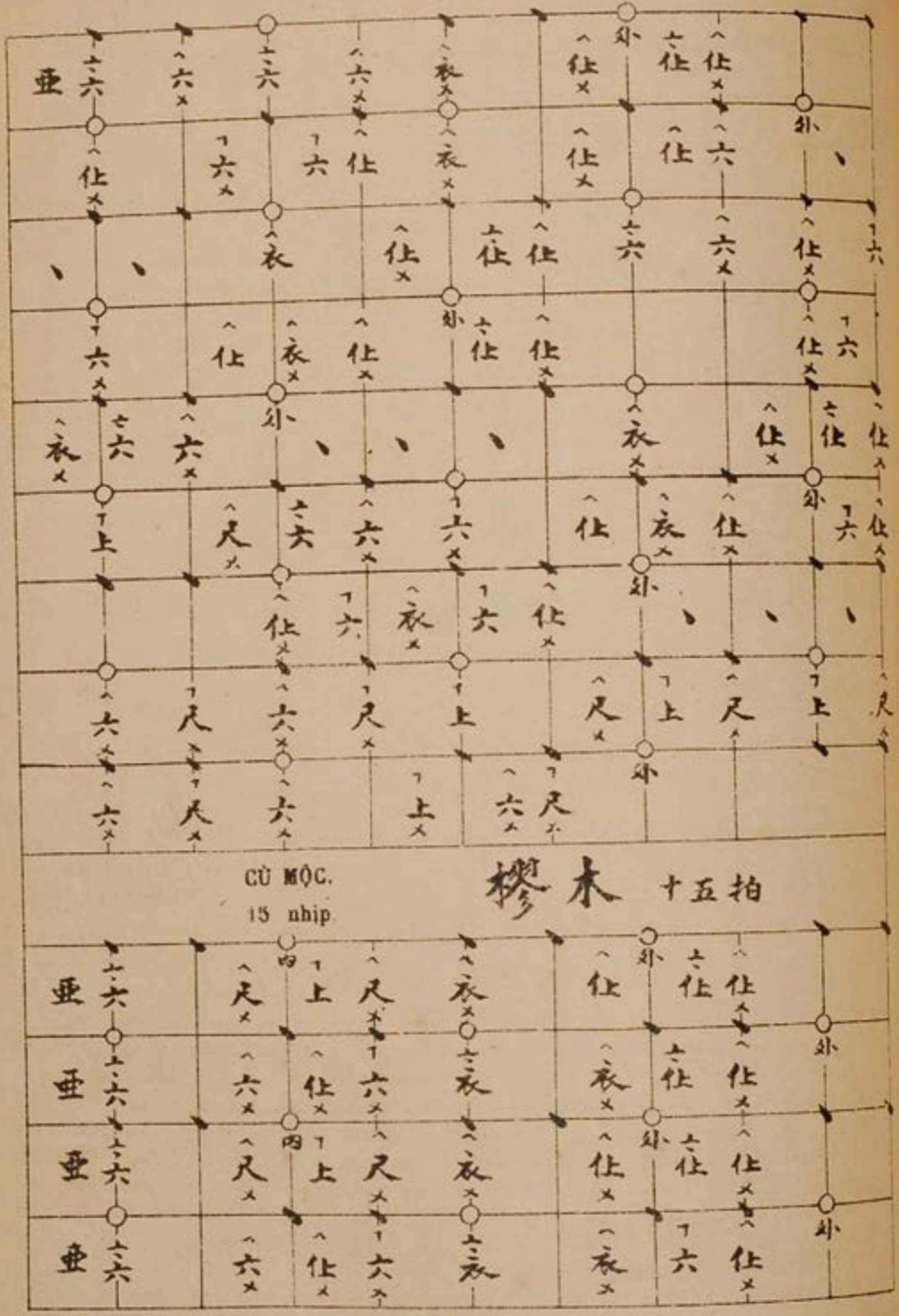

CỪ MỘC. 樛木 十五拍

15 nhịp

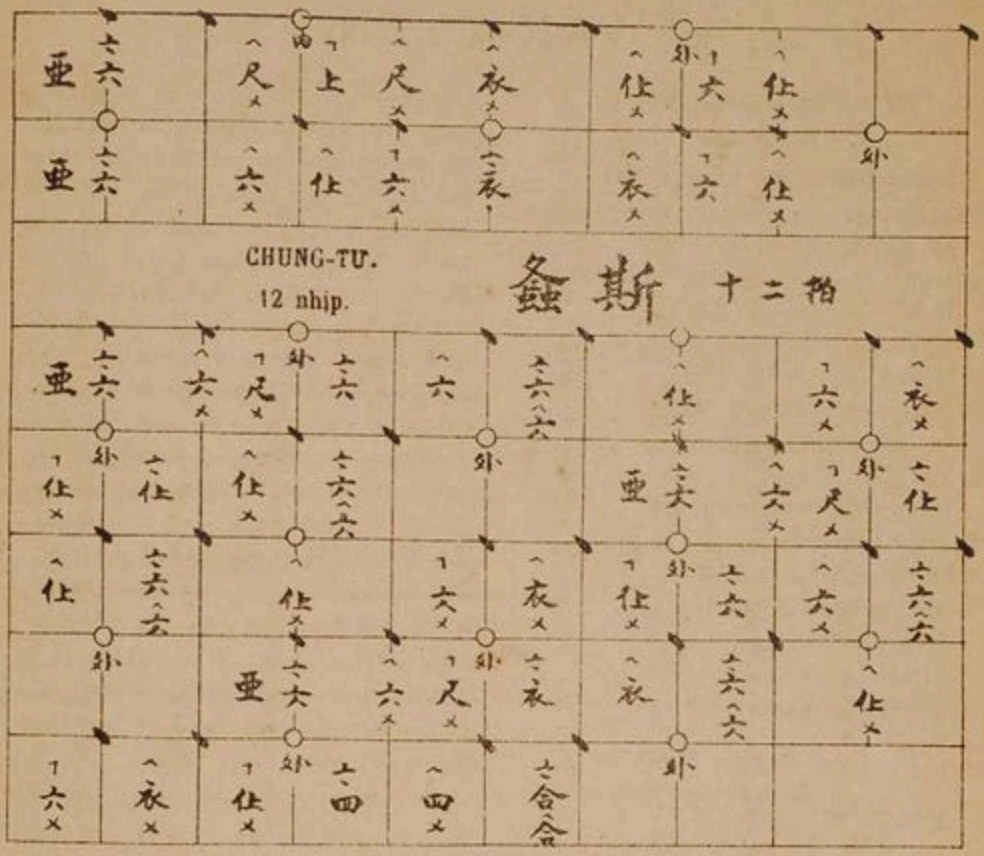


(Hết)

HOÀNG YẾN
*Tri-huyện Bình-Khê*
(BÌNH-ĐỊNH)

---

## Trà - dư ngẫu - đàm
## 茶餘偶談

Trên lầu cao, một mình một bóng, thơ-thẩn ngồi suông. Ngoài đường vắng, gió táp mưa sa, âm-thầm cảnh tối. Chén trà thơm không người thù tạc, uống một mình cưỡng lấy làm vui. Chỉ bằng ta lo lia thương ghét, nhớ xưa nghĩ nay, thời tấm lòng ta thẳng như tên bắn điện đi, nào là cốt-nhục, nào là hữu-sự, xa-cách nhau hơn và muôn ngàn dặm, mà phút-chốc tưởng những thấy nhau. Lại nhớ đến việc mươi hai năm về trước, thời hình như rành-rành cả trước mắt ta. Ngày qua tháng qua, hết việc này xoay sang việc khác. Chẳng biết và mươi năm về sau, thân này cảnh ấy liệu ra làm sao ?

Than ôi ! nhân-sự không thường, gặp cảnh phù-sinh dành thế. . .

Ngó đầu ngoài cửa sổ, trông ra khắp vùng trời, tối như bưng, đen như mực, chẳng biết trong khi mưa gió nặng-nề, có ai cũng lại quá như mình đây chăng?

BIỂN-XA

# VĂN-UYỂN

## Quan Đại-tướng Joffre

*Tập Kiều*

Đường-đường một đấng anh-hào,
Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người
Đội trời đạp đất ở đời,
Hơn đời trí-dũng, nghiêng trời uy-linh.
Trong tay muôn vạn tinh-binh,
Bốn phương phẳng-lặng, hai kinh vững-vàng.
Thừa cơ trúc trẻ ngói tan,
Thanh gươm yên ngựa, lên đàng thẳng giong.
Kéo cờ chiêu-phủ tiên-phong,
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời.
Trong vòng tên đạn bời-bời,
Bấy giờ vượt biển, ra khơi quản gì!
Đau lòng tử-biệt sinh-li,
Dễ đem gan ốc đền nghĩ trời mây.
Trời còn để có hôm nay,
Phúc nào độ được giá này cho ngang.
Trời tây bảng-lảng bóng vàng!

NGUYỄN NGỌC-QUÁN
Yên-thành Sơ học hiệu-trưởng

## Bài văn vợ tế chồng

*(của ông Tú-Xương)*

Hỡi thương ơi! Con thơ vợ dại, sống càng thương mà chết lại càng thương: cửa vắng nhà thanh, nghĩ cũng khổ mà nói ra cũng khổ. Cầu Trời cầu Phật, nào thiếu cầu đâu; tại thuốc tại thầy hay là tại số?

Nhớ chàng xưa: Cháu giống con dòng, người kim chất cổ. Tự mười-tám chăng màn bảo trẻ, *chí hồ giả dã*, chữ đủ làm thầy; tới bốn-ba lều chiếu quen trường, tí ngọ mùi thân, thi sao chưa đỗ. Trừ ông cử, ông tú, ông đồ chi ngoại, phường ngựa xe điếu tráp ít chơi; lấy câu văn, câu thơ, câu phú làm vui thú cờ bạc rượu chè chẳng mộ. Cũng tưởng làm nên quan-lớn, toan sự biển cờ cướp lấy, ông Từ-ô cũng chốn anh em; nào ngờ giả dề văn hay, làm cho thợ-tạo chết tươi, ông Tiền-hải cùng trong môn-hộ. Tưởng sự cửa nhà, thêm tình quyến-cố. Như chú Tám đã có em phụng-dưỡng, thôi cũng yên lòng; nọ thím Năm đang lập cửa thừa-diêu, nhưng chưa xong số. Mẹ thiếp cũng già già lẫn lẫn, phố lá làng, con là rể, ai kẻ trông nom? Con chàng còn dại dại ngây ngây, thằng mười bốn đứa lên ba, ai vỉ dạy dỗ? Gần đã đến mồng năm Đoan-ngọ, đào đào mận mận, cũng có của ngon vật lạ, chàng đã đi thiếp cũng chán-chường! Xa là tháng tám trung-thu ngựa ngựa voi voi, cha chẳng ở con nào vui cỗ.

Hỡi thương ơi! Bối rối lòng quê, vội vàng tục phố. Lờ mờ đèn đỏ một huê, xơ xác quyền vàng mấy bộ. Nghĩ đến họ đến hàng, đến làng đến nước, thời trước cửa Diêm-vương ngơ ngẩn, chắc chàng chưa ăn cháo tái-sinh; nghĩ có trai, có gái, có rể, có dâu thời trên lều Thị-Kính thề nguyền, quyết thiếp chỉ ôm cầm một độ. Xin giữ dủ ba năm mọi tiết, tuần tứ-cửu, ngày bách-nhật, khi giỗ đầu, lúc giỗ hết, dưới suối vàng ai hỡi xét soi; gọi là một chén tam-ngu, lá vàng giấy, nén hương thơm, lưng cơm bạc, bát canh suông, trên dương-thế lấy gì báo-bổ!

NGUYỄN HỮU-VIỆN (Quảng-yên)
*sao - lục*

# DƯ-LUẬN

I

## Thư gửi cho bạn

(Thư gửi cho một người bạn thân cùng học trường Cao-đẳng Sư-phạm mới đỗ ra, còn nghỉ ở nhà). (1)

Thưa hiền-huynh.

Đệ bình-sinh thích riêng hai cảnh, là bằng-hữu và gia-đình. Ngoài hai cảnh ấy, đệ ở đời chỉ vì bản-phận, cho nên lúc ở trường thì nhớ gia-quyến, lúc ở nhà thì nhớ bạn đồng-song. Những khi đệ ngồi một mình trong thư-viện ở chỗ quê-hương tịch-mịch này, nghĩ đến chuyện ở trường, trong lòng thêm bát-ngát. Nhất là khi đệ nhớ đến những lời khuyên cần bảo của hiền-huynh lúc đệ mới bước chân vào cửa trường Sư-phạm thì mối cảm-tình của đệ đối với hiền-huynh càng lai-láng khôn cầm.

Hiền-huynh ơi! Hẳn lúc đệ cầm bút viết thư này, hiền-huynh đương hưởng bao nhiêu cảnh êm-ái ở chốn gia-đình, nào đoàn-tụ, nào vinh-qui, cảnh « con nên khoa-bảng » lúc phụ mẫu song-toàn, tưởng ở đời vào bậc nhất. Mà nhất thật! Công đăng-hỏa mười một năm trời biết bao nhiêu là ân dầy nghĩa trọng, chỉ tồn tâm hao, nay kết-quả vào lúc thung cỗi, huyên già, bóng thiều-quang sắp gác non Tây, còn dạng vẻ mà soi vào nơi hiền-danh của con cháu, qui thay, đáng mừng thay! Nhưng hiền-huynh ơi! anh em ta mừng bao nhiêu thì lo bấy nhiêu, vui bao nhiêu lại sợ bấy nhiêu. Đệ nói thế chắc hiền-huynh không lấy gì làm lạ, vì hiền-huynh cũng đã hiểu thế rồi; vả xưa nay bao nhiêu những điều gì đệ nghĩ, nói ra là hợp với ý hiền-huynh.

Đệ nói: Ta mừng mà ta lo, ta vui mà ta sợ thật vậy. Hiền-huynh nay nhờ tổ-ấm và tài riêng của hiền-huynh đã được trọn công đèn sách, đó chỉ mới là trọn bản-phận đối với nhà trường, mà mới thỏa lòng song-thân cho đi học, nhưng đối với xã-hội, chúng ta chưa có chút gì. Biết bao nhiêu việc sắp phải gánh vác mai đây. Ôi! con đường đời chênh-vênh gai-góc, đi sao cho khỏi lỡ-làm, khỏi lỡ-lầm hết bổn-phận mới chỉ là việc thường mà thôi, sau khi trăm năm một giấc hoàng-lương có còn gì mới gọi là thật có. Nghĩ khó lắm thay! Đệ lo đệ sợ, vì đệ vẫn thấy công danh phú-quí thường là điều hay mà phần nhiều lại là cái dở. Điều hay là khi người ta có thẳng-chí mới nức lòng, có nức lòng mới hăng-hái, có hăng-hái mới làm được việc to. Điều dở là vì những cái nức lòng và hăng hái ấy mà gây nên cho ta một tính tự-đắc tự-cao, làm cho ta lắm khi ngất-ngưởng, tưởng là trung-tâm thế-giới, mà quên rằng bên mình còn có người giỏi hơn. Thành ra công-việc trước khi đại-thắng thì hay, mà sau khi đại-thắng thì dở. Ấy là cái bệnh của thiếu-niên, cái bệnh của những tuổng trẻ tuổi hữu-dũng vô-mưu vậy. Đệ dám tỏ bày với hiền-huynh, vì hiền-huynh là bạn thân của đệ, cho nên những câu đệ viết mà phải thời hiền-huynh cũng ngẫm-nghĩ gật đầu, nếu là sai thì hiền-huynh sẽ mỉn cười, bảo ngọn bút đệ còn non-nớt; và hiền-huynh lại là người biết yêu lẽ phải, chuộng lời ngay, lòng khẳng-khái của hiền-huynh đã nhiều phen tỏ bày cho đệ biết. Hiền-huynh thường bảo với đệ rằng: « Đi học mà thi đỗ là một việc bản-phận phải có, khoa cử chẳng qua là một cái thang để đưa mình lên một địa-vị

(1) Đầu bài ở trường Cao-đẳng Sư-phạm.

có thể giúp đồng-bào một cách ích-lợi mà thôi ». Vậy hiền-huynh đã cho là việc bản-phận thời chỉ lo vào đó mà không lấy đó làm mối khoe-khoang, lấy đó lợi-dụng ra mà làm những việc ngoại bổn-phận. Hiền-huynh thường vẫn lấy câu :

*Phong-lưu là cạm trên đời,*
*Hồng-nhan là bả những người tài hoa,*

làm hay, hiền-huynh lại cắt nghĩa cho đệ nghe rằng : « Đã gọi là cái cạm, miếng bả, là trong có ngụ ý dử mồi, mà dử mồi thường hay dử bọn thiếu-niên, trong thiếu-niên chỉ những người có tài mà không có chí và những người tự-phụ tự-cao, ngông-nghênh trên chỏm núi « đại-thắng » của mình là hay bị cạm bị bả nhất. » Đệ vẫn hiểu hiền-huynh lắm, nhưng đệ sợ rằng tấm lòng khảng-khái đạo - đức của hiền-huynh ở học-đường, biết đâu một ngày kia không thay đổi được, vì một người học-sinh, dù tài cao học rộng, đạo đức nhân-từ, hễ chưa biết đời, chưa quen xã-hội thì khi ra khỏi nhà trường đệ chưa dám cam-đoan rằng giữ được tấm lòng đó mãi. Vì khi ta lấy học-thức ra mà tưởng-tượng với khi đem tưởng-tượng ra mà thi-hành thường vẫn khác nhau, có khi đến một trời với một đất. Đệ vẫn cho học-thức là cần, ý-tưởng là quí, nhưng ta chớ vội tưởng thế đã túc-dụng lắm rồi, vì ra đời còn phải thí-nghiệm. Học-thức, ý-tưởng là những điều giúp cho mình chóng hiểu việc đời hơn những người ngu-đốt, chớ không phải là cái thành-hiệu cuối cùng của cách xử-thế. Vả có học-thức tư-tưởng mà biết dùng mới bổ-ích cho đời, vì một con dao sắc dùng việc hay thì thật hay, mà dùng việc dở thì cũng thật dở. Hiền-huynh bây giờ là đương lúc thẳng xuất-thân ở một trường đại-học mới có này, tất được lắm cách hoan nghênh mà hình như quốc-dân có ý mong đợi, cho nên bao nhiêu những cái « xinh » cái « đẹp » có chiều lẳng-vẳng bên mình hiền-huynh. Bao nhiêu những cuộc « tiêu-khiển » như cung đàn, mảnh hát, tiệc rượu, canh bài, hình như đã bày sẵn đó mà chờ hiền-huynh vậy.

Thế thì đương khi hăng-hái lại được lúc cảnh cũng chiều người, biết đâu trong giấc mơ màng mà cái men « đắc-thắng » lẫn với ngọn lửa « dục-tình » không đốt cháy được tấm lòng đạo-đức. Vì người ta trừ ra những bậc thái-thượng không nhiễm đời vào bậc chí-ngu không hiểu đời, còn nữa thì bị vòng đời lăn lộn cả. Người khôn-khéo lịch thiệp thì bị lăn xong lại đứng thẳng dậy ngay, người bỡ-ngỡ lại non gan thì bị lăn-lộn hết vòng nọ đến vòng kia, cho đến khi hương tan khói tỏa. Có lúc biết chỗ hiểm mà vẫn đưa chân vào, vì mình đã biết trước là ra đời hay bị lăn-lộn mà không biết tập luyện « thể-thao » trước, lại không biết chọn chỗ đứng cho vững chân để khi lăn-lộn đỡ bị xô đẩy tất-nhiên ngã đau. Chắc hiền-huynh đã hiểu thế rồi, không đợi đệ phải nói dài mới rõ. Hiền-huynh có xem một bài sách nói lại cho đệ nghe rằng : « Một người học-trò vào bậc đại-học và đúng với nghĩa hai chữ học-sinh (*étudiant*) không những chỉ học sách nhà trường, nghĩa là những sách của tư-tưởng người đặt ra mà đã cho là hoàn-toàn được, phải biết đọc cả quyển sách to của Vũ-trụ bao giờ cũng mở rộng ra trước mắt ta. Ở trường là học sách, ra khỏi cửa trường là học đời. Những việc có thể quan-sát được, chớ nên bỏ phí. » Hiền-huynh đã bảo đệ như vậy, chắc hiền-huynh đã là người học-sinh biết quan-sát. Vậy thời hiền-huynh đã có học-thức, có tư-tưởng, có thí-nghiệm, lại được cái bản-lĩnh đạo-đức, hiền-huynh đã tập-luyện được như vậy,

chắc nay mai sẽ là một ông giáo-sư chính-đính. Vì muốn nói cho người nghe, phải nói cho mình nghe trước. Muốn cho người phục, trước phải phục mình. Vậy những câu đệ viết cho hiền-huynh trên này chỉ để phục mình cả, tức như một đạo tu-thân. Nhưng đối với học-trò của hiền-huynh nghĩa là đối với cả một lớp đồng ấu sau này, tưởng là một việc rất khó, nó càng khó cho ta ở vào thời-đại bán-khai này. Những bậc sinh trước ta trăm năm về trước không thấy cảnh mới mà lo; những bậc sinh sau ta trăm năm trở về sau không thấy cảnh xưa mà nhớ. Chính đời chúng ta bây giờ được mục-kích những cuộc đảo-điên nhiều nhất.

Nay mai hiền-huynh cầm cân nẩy mực cho lũ đồng-ấu, ngẫm xem tưởng là việc nhỏ, nghĩ ra mới biết là to, công cuộc của hiền-huynh dở hay hay, có ảnh-hưởng cho nước. Hiền-huynh là một ông giáo-sư rèn-tập ở một trường đại-học sư-phạm (đệ bất-luận là dở hay hay, xứng hay không xứng), hiền-huynh chẳng phải là người coi vườn gieo hạt giống ở «Vạn-cẩm huê-trang» của Hồng-bàng tổ-quốc hay sao? Những cây cối hoa quả sau này xấu hay tốt cũng tại tay người vun sới lúc mới nẩy mầm. Ôi! « Uốn cây từ thủa còn non », « cây già khó uốn » người trồng cây phải cẩn-thận lắm thay! Nay lại gặp lúc nửa mưa, nửa nắng, thời-tiết bất-kỳ, giữ sao cho khỏi tiêu-khô hay ủng-nước.

Ấy con đường đời của hiền-huynh đã là thế, trách-nhiệm của hiền-huynh lại nặng lắm thay, chắc hiền-huynh cũng có khi ngồi nghĩ mà sợ. Nhưng hiền-huynh là người lắm nghị lực thì không quản chi cái nỗi khó-khăn mà lăm-lăm những muốn đem mình thử mình ở trong trường thí-nghiệm.

Vậy đệ xin chúc hiền huynh mạnh-khỏe để làm cho trọn nghĩa-vụ mai đây. Còn về phần đệ vẫn làm bạn với mấy pho sách mà yêu riêng khoa luân-lý, quốc-sử, với quốc-văn. Nhưng đệ càng học càng thấy mình hãy còn kém, thật là « học nhi hậu tri bất túc », lời thánh-nhân dạy không sai, ít lâu nữa có được theo chân nối gót hiền-huynh lại biết câu « giáo nhi hậu tri khốn ».

Mấy lời chân-thật, hiền-huynh nhận cho.

Tiểu-đệ

Song-An Hoàng Ngọc-Phách

*Tái-bút.* — Hôm nọ hiền-huynh hỏi đệ về vấn đề luân-lý trong bạn thiếu-niên ngày nay, đệ lấy làm khó lắm, nhưng thư sau đệ xin trả lời.

II

## Khảo-cứu về thuốc Nam

Nhân phong-trào mới đây, tiếng chuông cảnh-tỉnh, giấc mộng đêm dài, tỉnh dần dần ra, nào là học-giới, thương-giới, nông-giới, kỹ-nghệ-giới, cũng đã trấn-hưng. Chỉ còn y-giới nước Nam ta vẫn mơ mơ màng màng, không tỉnh ra được, hay là cho là không quan-thiết mà không lo, hay là chắc có người lo mà ta không phải lo, hay là phải lo mà không thể lo được?

Ôi! người ta ở đời, cốt là để giúp việc cho xã-hội, dù mà thương-giới nữa, học-giới nữa, cho đến canh-nông kỹ-nghệ-giới nữa, các công-việc khó hay dễ, cũng phải có người mới gây-dựng được, trấn-hưng được, song ngặt vì một nỗi, người ta ở đời, lúc nắng lúc mưa, khi mừng khi giận, dầu hòn đá kia ai đã chắc là không lúc đổ mồ-hôi, nếu không có thuốc để mà điều-trị, sao cho khỏe mạnh luôn luôn, mà làm công kia việc nọ, thế thì y-giới với nhân-quần, thực là một việc quan-thiết lắm lắm; quan-thiết như thế, mà ta không lo, thời đợi ai lo?

Xét lịch-sử thời-đại tối-cổ nước Nam ta, họ Hồng-bàng có hai mươi vua, mà hưởng-niên đến 2622 năm. lấy hơn bù kém, tính đồ đồng ra mỗi ông 130 tuổi có lẻ, vua như thế. thì dân bấy giờ, cũng chắc là đều được hưởng cái phúc thọ-khang. Ôi! trong bấy nhiêu năm trời, há không có lúc ngọc ẩm vàng xe, mà sao tràng-thọ như thế, bảo rằng thuốc thang hay, điều-trị giỏi, mà hay thực, giỏi thực, vì rằng lúc đó Nam Bắc chưa thông nhau, đến đời Hùng-vương ngang với vua Đế-Nghiêu nhà Đường, mới sai sứ đem thần-qui sang thông-hiếu, lúc về, nhà Đường cho quyển Qui-lịch; đời Hùng-vương ngang với vua Thành-vương nhà Chu lại sai sứ đem bạch-trĩ sang thông-hiếu, lúc nhà Chu cho khúc Sắt-tháo

Hiện bấy giờ hai nước đã thông nhau, mà nước Tàu truyền thấm sang nước Nam, mới được một quyển lịch, một ca dân, đã sách Tàu đâu mà học, đã thuốc-bắc đâu mà lấy; thế mà những bậc thông-minh lúc bấy giờ, lấy tri thức mình, tài sức mình, kê-cứu dược-tính, đặt ra phương-thư, trị bệnh rất là thần-diệu! — Thần-diệu! Thần-diệu! Bây giờ còn có chứng-nghiệm không? Có, xem như người Mường người Mán kia, có dùng thuốc bắc đâu, chỉ dùng thuốc nam thôi, thế mà lắm bài hay, lắm phương hay; còn như những nơi nhà quê, thỉnh-thoảng cũng có người dùng thuốc Nam, mà chữa được lắm bệnh kỳ-quái ấy là cái chứng-nghiệm Nam-dược thần-hiệu của nước ta ngày xưa còn lại. Đến khi đã có sách Tàu, đã có thuốc bắc họ đem bán cho ta càng ngày càng nhiều; mà thuốc Nam ta sách truyền thời ít, vị thuốc không tường, đương lúc cần dùng, thuốc sẵn trước mắt, không phải đi tìm, thời ai là chẳng thích, ai là chẳng dùng, ấy là cái nguyên-nhân dùng thuốc bắc bởi vậy; lúc thuốc bắc đã thịnh-hành, mà còn biết dùng thuốc Nam, chỉ có ông Lãn-Ông, ông Tuệ-Tĩnh hai ông mà thôi. Khi hai ông đã tạ-thế rồi, thời không ai dùng nữa, cho nên thuốc Nam càng ngày ít ỏi, mà mất dần đi. Bây giờ hễ ai làm sao, chỉ chuyên dùng thuốc bắc mà thôi. Nào ai có nghĩ ra rằng thuốc bắc không bằng thuốc Nam, lắm người mắc bệnh, nào sâm, nào thục, tiền trăm bạc chục, tiền mất mà tật vẫn mang, rút cục lại người mách nắm lá rễ cây thời khỏi. Vả lại gọi là thuốc bắc, trong một đơn chỉ một hai vị là thuốc bắc, còn phần nhiều là thuốc Nam, thế mà không ai chịu kê-cứu thi-nghiệm nghề thuốc ta, cho mỗi ngày mỗi tinh ra, trước là giữ lấy lợi-quyền cho khỏi lọt ra ngoài, sau là cứu giúp những người trong một giống nòi.

Từ khi Nhà-nước Đại-Pháp sang Bảo-hộ, đặt ra y-học đã đào-luyện được nhiều người chuyên-môn, bổ đi các tỉnh: song cái đó, chỉ tiện cho những dân ở các tỉnh-lị, mà dân ở các tỉnh-lị đó lại là phần rất ít, còn ở các nhà quê, lại là phần nhiều hơn, mà vẫn chưa quen dùng. Tôi xem thấy báo *Nam-Phong* số 30 ông Nguyễn Khắc-Hanh đã nói tường, không cần chi phải nói gì nữa; tôi chỉ nói rằng người nước Nam dùng thuốc Nam, là việc thích-hợp cho ta, mà ta phải lo đấy. Lo ra làm sao? Cứ tri-thức một người, tài-sức một người, không thể lo được thực. Hợp tri-thức lại, góp tài-sức lại, thời dẫu khó đến đâu, cũng có thể làm được. Bây giờ muốn trấn-hưng Nam-dược, phải xin phép Chính-phủ Annam, Chính-phủ Bảo-hộ, cho phép đặt hội, mà tán-thành cho, hợp cổ-phần lại, đặt ra hội-viên; mà Hội-viên phải chi-lương, để cho khỏi lo việc nhà, mà chuyên-tâm thí-nghiệm phương thuốc, khảo-cứu vị thuốc để cho nghề mình mỗi ngày mỗi tinh ra; những người ngoài hội ai tinh môn thuốc nào, ai tường vị thuốc

nào, muốn giúp việc cho hội thời hội dùng, muốn bán phương thuốc cho hội thời hội mua. Còn như vị nào trong sách bản-thảo-nam có tên, mà không ai biết cây thế nào, là thế nào, thời xin làm lệ huyền-thưởng, mỗi kỳ đăng báo 20 vị, bất cứ người thành-thị hay lâm-toàn, ai biết mà tìm được đem đến cho hội, hội thí nghiệm đích thực, thời thưởng mỗi vị là bao nhiêu; giá thử kỳ này được 20 vị ấy rồi, kỳ sau lại huyền-thưởng 20 vị khác, cứ làm như thế độ một năm, thời bao nhiêu vị thuốc Nam có lẽ tìm được hết. Khi đã tìm được hết rồi, làm một khu vườn để trồng cây thuốc, mỗi cây làm một cái biển biên tên mà treo vào cây để thí-nghiệm cách trồng, thí-nghiệm tính-dược, thí-nghiệm tính-tường rồi, làm ra sách bản-thảo, làm ra sách phương-thư, còn những cây thuốc, lại phát giống cho các nhà quê, bảo cách-thức cho người ta trồng; khi đủ ngày đủ tháng hoặc hái lá, hoặc lấy cả rễ cả cây, đóng tạ đóng yến, lại bán cho các cửa hàng buôn thuốc, làm như thế, thời Nam-dược trấn-hưng lên được; mà nghề canh-nông thương-mãi, cũng lời thêm ra.

Vậy thời trấn-hưng Nam-dược, chẳng là một cái hạnh phúc cho người ta ru! Nói đến việc trấn-hưng Nam-dược này, tôi vẫn sẵn có lòng nhiệt-thành lắm, mà cũng không tiếc công tìm-tòi, hoặc sách của ông Lãn-ông, hoặc sách của ông Tuệ-Tĩnh, hoặc sách gia-truyền của các nhà, hoặc sách chuyên-môn của mọi người, hoặc sách của Tiên Thánh giáng bút cho, đâu có phương thuốc Nam nào hay, vị thuốc Nam nào hiệu, thời cũng hỏi hay là mua, kể ra khảo-cứu cũng đã lâu ngày, thí-nghiệm cũng chữa khỏi nhiều người.

Song nghĩ mình là một người hàn-nho ở nơi thôn-ổ, trí-thức hẹp hòi, kiến-văn ít-ỏi, dẫu biết được năm ba vị, chữa được một vài người, cũng là tri-thức kiến-văn của một người mà thôi, chưa đã biết được là mấy, cho nên không dám nói chuyện cùng ai; đến khi xem thấy báo *Nam-Phong* thấy ông Nguyễn Khắc-Hanh nói về việc trấn-hưng Nam-dược (đã nói ở trên) tôi lấy làm hợp lòng thích ý lắm, như người xui bụng tôi náo-nức ham-muốn lên.

Khi tôi thuật lời của ông Nguyễn Khắc-Hanh nói về trấn-hưng Nam-dược, chẳng những lòng tôi nhiệt-thành, mà những người nghe tôi nói cũng đều là náo-nức hớn-hở cả. Ước gì các ngài sẵn mối bài-tâm, xin phép Nhà-nước, đặt ra hội Nam-dược này, để mà thọ-thế thọ-dân, thời tôi chắc rằng kết-quả sau này ai cũng nhờ cái hạnh-phúc ấy cả.

PHÙNG-MAI
( Hoàn-long, Yên-thái )
*lai-cảo*

---

III

## Ít lời ngỏ với ông Thận-Đức Nguyễn Hữu-Quát

Trong báo *Nam-Phong* số 50, ông Thận-Đức có lai-cảo một bài đề là: « Trả lời bài Cầm-học tầm-nguyên », nay tôi xin tỏ ít lời cùng ông rõ.

Ông đã có lòng đọc bài « Cầm-học » của tôi, nên mới có mấy lời bàn-luận như vậy, tôi xin cám ơn ông. Xem lời ông nói đó, tuy chưa nghe ngón đờn của ông ra thế nào, mà chắc là ông cũng một tay trong rừng âm-nhạc. Tuy điệu của ông hòa đó, tợ-hồ không ăn nhịp với điệu của tôi, song tôi cũng xin lấy ông là tri-âm. Ông đã là tri-âm, vậy xin đờn ít khúc hòa cùng bạn tri-âm.

Ông nói rằng : « Ông ước-ao muốn cho tôi làm ra nhạc-khí mới mà đờn, kẻo mà những đờn tôi khảo-cứu toàn là đờn của Tàu, ông sợ mai-sau người mình sai-lầm mà đi học đờn Tàu chăng ! »

Đáng khen đáng phục thay cái ý-tưởng cao-thượng ấy của ông ! Vì ông cũng một bụng nhiệt-thành về Tổ-quốc, nên mới phát-hiện lời nói như vậy. Đáng qui thay cái lòng ông lo cho người mình, sợ có sai-lầm chăng !

Trước hết tôi xin tỏ cho ông rõ rằng : *Nhạc* với *lễ* là hai cái quan-hệ nhứt với luân-thường phong-hóa. Từ xưa đến nay, đời nọ qua đời kia, đời này truyền đời khác, đều lấy lễ-nhạc mà gìn-giữ luân-thường, có luân-thường mới có trật-tự, có trật-tự mới thành quốc-gia. Từ ngôi Thiên-tử đến kẻ thứ-nhơn, đều phải biết lễ-nhạc. Cho nên trong kinh *Lễ* có nói rằng: « Suốt cả ba đời Vương dạy các vị thế-tử, đều phải dạy lấy lễ-nhạc, là muốn cho biết đạo cha-con vua-tôi vậy.» (凡三王教世子。必以禮樂。欲其知父子君臣之道也。). Còn con nhà thường, thời lại nói rằng : « Con lên 13 tuổi, dạy cho học nhạc, học thơ, tập bắn cung, tập cỡi ngựa; lên 20 tuổi đội mũ rồi mới học lễ, sửa tánh-nết thảo-thuận. » (子十三年學樂誦詩。學射御。二十而冠。始學禮惇行孝悌). Tại sao mà phải học nhạc ? Nhạc là hình-thức của trật-tự, có trật-tự mới hoà-thuận, có hoà-thuận mới gìn-giữ cang-thường, cũng như trống theo chuông, quyền theo kèn, đờn theo phách vậy. Vua khiến tôi vâng, cha biểu con nghe, cũng như *chuông* dứt tiếng *trống* dóng lên, hết tiếng *kèn*, liền tiếng *quyền*. Anh em kính-nhường, vợ chồng hoà-thuận, bầu-bạn nể-vì, cũng như ống *huân* hoà với ống *trì*, đờn *cầm* hoà với đờn *sắt*, đờn *nguyệt* hoà với đờn *tranh*, đờn *tam* hoà với đờn *tỳ* vậy. Nên học nhạc là cho biết hình-thức của trật-tự, mà nói trái lại, thời trật-tự là tinh-thần của lễ-nhạc. Nhạc cũng như lễ vậy, cho nên hai cái thường tương-quan với nhau. *Lễ* nói rằng : « đừng hay chê nhảm » (不苟訾), « đừng hay cười nhỉ » (不苟笑), ấy cũng như đờn nguyên-bản thế nào, đờn lấy thế ấy, không nên dặm quàng dặm xiên ; đến chỗ đờn phải dờn, đến chỗ nghỉ phải nghỉ, chỗ nhịp phải nhịp, « khả dĩ hành tắc hành, khả dĩ chỉ tắc chỉ, » chớ không đờn bậy được; vì là đờn phải có tiết-tấu, có trật-tự mới phải. Bằng đờn mà không theo cốt-cách, tiết-tấu với trật-tự, thời cũng như « cẩu-tỷ, cẩu-tiếu » (苟訾苟笑) vậy. Ấy đó là cái nguyên-nhơn nó khiến cho tôi phải giữ lấy điệu đờn cốt-cách chính của các bậc danh-cầm của nước nhà (ông Hoàng Nam-Sách, ông Phò 24) để lại, lại là cái nguyên-nhơn nó khiến cho bạn tri-âm của tôi xui tôi làm thành quyển « Cầm-học » ấy, cho nên tôi mới làm ra vậy, và đem đăng lên báo *Nam-Phong*. Xin ông Thận-Đức và độc-giả như-tôn xét mà lượng-tình cho.

Còn những đờn tôi khảo-cứu đó, là đờn tuy là nguyên gốc của Tàu, mà có nhiều cây mình dùng đã lâu ; trước hết tôi cũng một ý như ông Thận-Đức, chỉ muốn nói riêng về những cây đờn của mình : những là đờn « cầm nam » và đờn « bầu », và mấy cây đờn của người mình dùng của Tàu : những là đờn « tranh, nguyệt, tỳ, tam, nhị », trong mấy cây đó mà thôi ; song nghĩ lại rằng đờn gốc của mình chỉ có hai cây, mà một cây thất-truyền (đờn cầm nam), còn một cây thời hình-thức không nhã (đờn bầu), còn mấy cây kia, thời là đờn gốc của Tàu cả, nên tôi phải khảo với đến các cây kia cho luôn, ấy là muốn cho bà con mình biết của ta ra của mình đó mà thôi, chớ người mình những

tay đã biết đến điệu đờn, thời ai là kẻ không phân-biệt được điệu mình hay là điệu Tàu, mà sợ sai-lầm! Vả chăng bản đờn và đờn đó là của mình đờn, mình dùng từ xưa đến nay, chớ không phải là tôi đặt mới, mà tôi cũng chẳng dám tự-xưng là tài-trí gì mà đặt mới, mà dẫu cho có tài-trí nữa cũng còn chưa dám đặt mới. Coi như bậc Chí-thánh mà còn nói rằng: « Thuật nhi bất tác », huống chi tôi đâu dám làm gì ra mới. Hễ người muốn làm mới, trước hết phải biết cũ là thế nào, mới là thế nào, mà phải cho có tài-trí xuất-quần mới dám xướng-nghị ra rằng làm mới; bằng không có tài-trí gì, mà nói rằng làm mới, thời tôi sợ cũng có khi như người vẽ hình thú, muốn vẽ cọp, mà hóa ra con chi chi! Ay cho nên tôi không hề khi nào chưa hiểu rõ cũ mà đã dám nói rằng làm mới bao giờ, xin ông lượng-tình cho. Huống nữa nước mình xưa nay, nào là luân-lý, nào là văn-chương, cho đến đồ thường dùng trong nhà, đồ ăn mặc trong mình, với những lời phô tiếng nói, lối ở cách ăn, cũng còn dùng theo của Tàu phần nhiều, mà suy-nguyên lại thời mình cũng nhờ văn-minh của Tàu mà mình được chiếm một địa-vị vẻ-vang, xưng là một nước « văn-hiến » trên hoàn-cầu; vậy thời dùng đồ Tàu, có hại gì đâu, mà ông e-sợ cho lắm vậy! Phàm dùng đồ gì, bất-kỳ là của nước nào, hễ dùng được thời mình nên lợi-dụng, dùng cứ dùng, mình cứ mình, có hại gì đâu?

Ông có chỉ cho rằng có hai cây đờn tôi mạnh-danh có sai: cây « Đả-cầm » và cây đờn « Nhựt ». Cây « Đả-cầm » ông nói là « Dương-cầm », thời trong mục « Thông-khảo » tôi cũng theo tên nó là « Dương-cầm », tại trên hình vẽ cây đờn ấy, tôi có đề là: « *Đả-cầm hay là Dương-cầm* »; vậy thời đó ông coi không được kỹ, chớ không phải tôi sai. Huống nữa là cây đờn *Tỳ-bà*, *Tỳ* là trên khảy xuống, *bà* là dưới nảy lên, lấy cách nảy xuống nảy lên, mà đặt tên đờn, thời cây Dương-cầm lấy cây mà đánh, lại không kêu được là « Đả-cầm » hay sao? Cây đờn này nguyên tự hải-ngoại đem đến Tàu, cho nên kêu là « Dương-cầm », nhưng không rõ là từ đâu đem đến, mà trong « Thanh-triều lễ-khí đồ-thức » cũng chưa thấy đem vào. Song các tên đó là tên của người Tàu đờn mà nói lại với mình đó thôi. Còn cây đờn « Nhựt » là đờn nguyên gốc tự Kim-Liêu, từ đời Nguyên đã có rồi, cần nó vẫn, phiếm nó nhiều, mà tiếng nó cao, so với đờn « Nguyệt », tiếng nó *hùng* hơn, không dịu như đờn « Nguyệt », nên người Nguyên kêu là « Nhựt » để phân-biệt với « Nguyệt » đó mà thôi.

Ông lại nói rằng các cây đờn Tàu mà mình dùng đó, hay có tệ đứt dây, đồ ngựa, long phiếm, sai cung. — Phải, nhưng các tệ ấy là tại người, chớ không phải tại đờn đâu. « Công dục thiện kỳ sự, tất tiên lợi kỳ khí », mình muốn đờn cho hay, phải sắm đờn cho tốt, chỉ cho bền, ngựa cho vững, cung cho cứng, phiếm cho chắc, thời mới tránh khỏi các tệ ấy và đờn hay được. Coi như đờn bên Âu-châu, một cây giá là bao-nhiêu, mà đờn mình giá là bao-nhiêu, rứa mà lại còn nhiều người chơi đờn lại ưng cho rẻ tiền hơn nữa, thời sao mà tránh cho khỏi các tệ ấy được, của rẻ là của ôi.

Thường thường lắm tay đờn, đờn thời tuy đờn vậy đó thôi, nào biết đờn nên phải ra thế nào đâu! Cây đờn là vật mình dùng, đáng cưng đáng giữ, mà còn chưa biết sửa-soạn cho tử-tế, huống chi là biết đâu *đờn là hình-thức của trật-tự trong tam-cang ngũ-thường*!

Ôi ! cái ý của tác-giả nguyên - do là thế nào, xin đọc-giả chư-tôn xét má lượng cho.

Ông Thận-đức chắc cũng người biết đờn, vậy xin ông hòa theo ngón đờn có tiết-tấu mà giữ lấy điệu cốt-cách nước nhà mình.

Đôi lời kính phúc, xin ông rõ mà lượng cho.

HOÀNG YẾN
*Phó-bảng, Tri-huyện Bình-khê*
(Bình - định)

# THỜI-ĐÀM

**Hội-nghị Hoa-thịnh đốn (Washington).** — Trong khoảng hơn một tháng nay, không ngày nào là các báo tây không đăng những điện-tín về Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn. Hội-nghị nay đã định đến ngày 15-16 Novembre này họp ở kinh-đô Hoa-thịnh-đốn (*Washington*) nước MĨ ; bởi thế nên gọi là Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn. Lại vì mục-đích Hội-nghị là thứ nhất để bàn-bạc giải-quyết những việc quyền-lợi của mấy nước lớn trong bể Thái-bình-dương, nên các báo còn gọi tên nữa là « Hội-nghị Thái-bình-dương ». Nay xin dịch một bài báo của ông Thượng-nghị-viên Pháp GASTON DOUMERGUE, nguyên đã làm Tổng-lý Nội-các năm xưa, bàn về chương-trình Hội-nghị như sau này :

« Quan Giám-quốc nước MĨ HARDING đề-xướng ra hội-nghị này nói rằng để bàn về việc giảm-súc quân-bị (*le désarmement*). Nay đã công-nhiên gửi giấy mời các Chính-phủ Anh, Pháp, Ý, Nhật và Trung-hoa tham dự vào Hội-nghị và định đến ngày 11 Novembre (mới có tin đích là ngày 15 Novembre) thời khai hội.

« Đã có một lúc thấy nói rằng để hoãn đến mùa xuân sang năm. Vì rằng trước đó ý nước Nhật-bản còn ngần-ngại chưa nhận lời ngay. Chắc Chính-phủ Nhật-bản tự nghĩ rằng ngoài cái mục-đích công-nhiên của Hội-nghị như thế, không biết rằng có cái mục-đích u-ẩn nào nữa không, chủ ý làm cho nước Nhật mất những lợi-quyền mà hòa-ước năm trước đã nhường cho. Người Nhật-bản cũng biết thừa ra rằng ở bên MĨ có một phần to trong dư-luận lấy làm không bằng lòng vì người Nhật chiếm-cứ đảo *Yap* và gây nên địa-vị to ở tỉnh Sơn-đông nước Tàu. Chính-phủ Nhật trước khi nhận lời còn muốn hỏi cặn kẽ về việc đảo *Yap* và việc Sơn-đông ấy thế nào. Chắc là đã hỏi được rõ-ràng rồi nên quan Giám-quốc HARDING mới công-nhiên gửi giấy mời Nhật-bản đồng-thời với các liệt-cường kia.

« Cứ theo điều thứ 8 trong hiệp-ước Hội Vạn-quốc thời việc giảm-súc quân-bị là một vấn-đề Hội Vạn-quốc phải xét đến. Nay quan Giám-quốc MĨ đề-xướng ra Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn này cũng để bàn về một khoản ấy tức là làm trước Hội Vạn-quốc. Kỳ hội-đồng Hội Vạn-quốc năm ngoái cũng có đề-cập tới vấn-đề ấy thật ; hội-đồng không từng công-nhiên gạt đi, nhưng đã tìm cách hoãn lại. Mà những ông đại-biểu của nước Pháp ở Hội-đồng chính là vào phe xin hoãn lại. Vậy mà ngày nay quan Giám-quốc Hoa-kỳ mới ngỏ lời mời, Chánh-phủ Pháp đã nhận lời ngay, không có ngần-ngại chút nào. Quan Tổng-lý BRIAND đã báo-cáo cho Thượng-Hạ Nghị-viện biết, ngày cuối cùng khóa nghị-viện mới rồi, hai viện đều vỗ tay biểu đồng-tình cả.

« Có người ngờ rằng công việc Hội-nghị sau này về khoản giảm-súc quân-bị không biết về sau có ngăn-trở gì cho công việc Hội Vạn-quốc không, vì Hội Vạn-quốc thế nào sớm trưa rồi cũng phải xét về vấn-đề ấy. Nhưng mà xem chừng như không có quan-ngại gì.

« Song trước khi Hội Vạn-quốc xét đến vấn-đề giảm - súc quân-bị thời Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn chắc đã giải-quyết vấn-đề ấy xong rồi, vậy e rằng những liệt-cường

có tham-dự vào Hội-nghị đến khi dự Hội Vạn-quốc không được hoàn-toàn tự-do mà bàn xét, vì đã mắc vào lời quyết-nghị trước rồi.

« Nhưng mà tuy vậy mặc lòng, vấn-đề giảm-súc quân-bị đem ra bàn ở Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn chắc là bàn ra một phương-diện riêng, không giống với phương-diện sẽ xét ở Hội-đồng Vạn-quốc.

« Chủ-ý của Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn là ở sự giải-quyết một cái vấn-đề chính-trị riêng, nghĩa là một cái vấn-đề chỉ quan-hệ đến mấy cường-quốc mà thôi. Quan Giám-quốc HARDING, chính phủ Hoa-kỳ, quốc-hội Hoa-kỳ, cùng với cả quốc-dân Hoa-kỳ bao giờ cũng là đều hiếu sự hòa-bình cả, và đều thành-tâm muốn giảm-súc quân-bị ; nhưng mà tới nay thấy cái vấn-đề Thái-bình-dương là vấn-đề quan-thiết cho nước Mĩ hơn nhất đã đến bậc phi quyết-chiến không giải-quyết được, thời trên quan-quyền, dưới quốc-dân nước Mĩ lại cùng hiểu rõ rằng muốn tránh sự chiến-họa tất phải điều-đình nhau, và muốn điều-đình cho có công-hiệu lâu dài tất phải làm thế nào cho đồng lòng nhau giảm-súc quân-bị, thứ nhất là hải-quân.

« Vậy thời cái tôn-chỉ của Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn này là muốn đem một cái vấn-đề rất quan-trọng, rất phiền-phức, có mật-thiết quan-hệ đến ba cường-quốc là nước Anh, nước Mĩ và nước Nhật, để dùng phép ngoại-giao mà điều-đình giải-quyết, cho khỏi phải đến quyết-chiến. Ông thủ-tướng nước Anh LLOYD GEORGE diễn-thuyết ở Hạ Nghị-viện Anh mới rồi có câu nói rằng: « Sự chiến-tranh được cái công-hiệu khiến cho các dân-tộc biết trọng cái sự thực trước mắt ». Câu ấy là nói về việc chiến-tranh nước Hi-lạp với nước Thổ-nhĩ-kỳ, nhưng mà cũng có ý nói để biện cái lẽ làm sao mà nước Anh hiện bây giờ vẫn cứ tăng-gia hải-quân mãi.

« Như thế thời cái mục-đích thiết-yếu, cần-cấp của Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn là để điều-đình giải-quyết vấn-đề Thái-bình-dương và Á-đông, và kết-quả trực-tiếp là giảm-súc hải-quân của mấy nước. Chắc là nhân đó rồi cũng bàn về sự giảm-súc các quân-bị khác nữa, vì quan Giám-quốc HARDING trong giấy chiêu-tập có nói rằng Hội-nghị sẽ xét đến cả các vấn-đề ấy, nhưng mà chắc rằng những vấn-đề ấy chẳng qua là đứng vào bậc nhì mà thôi.

« Vậy thời chương-trình của hội-nghị sau này không giống với chương-trình của Hội Vạn-quốc khi nào xét đến vấn-đề quân-bị, chương-trình này rộng hơn và có một cái tính-cách hơi đặc-biệt vậy. »

Cứ như lời báo dịch ở trên thời Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn sắp mở nay mai này mục-đích là cốt nhất để giải-quyết cái vấn-đề Á-đông vậy. Vấn-đề này thế nào ? Vấn-đề này là ở sự tranh quyền-lợi, tranh thế-lực ở Thái-bình-dương trong ba nước có hải-quân mạnh nhất bây giờ, là nước Anh, nước Mĩ và nước Nhật. Ba nước ấy muốn tranh nhau bá-quyền trên mặt bể, và quyền-lợi ở nước Tàu. Rút lại nước Tàu là cái cớ cạnh-tranh thứ nhất. Vì nước Tàu yếu không thể tự-phòng được, nên các nước cùng muốn thừa-cơ mà hoạch-lợi. Nhưng mà Nhật-bản lại tham quá, muốn lấy phần lợi to hơn, nước Mĩ thấy thế không chịu ; nước Anh tuy có đồng-minh với Nhật nhưng chắc trong bụng cũng không bằng lòng. Bởi thế mà sinh ra cạnh-tranh. Nhưng cạnh-tranh mà đến quyết-chiến thời hại không biết đến bao nhiêu, và hại cho cả đôi bên ; muốn điều-đình cho khỏi chiến-tranh, nên mới mở ra Hội-nghị này. Chẳng hay Hội-nghị có đạt được mục-đích ấy không ? Người ta nói rằng trong cuộc hội-nghị sau này nước Pháp sẽ đứng vào cái địa-vị trung-lập điều-đình vậy.

**Bài diễn-thuyết của quan Thống đốc Quesnel ở Hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ.** — Cuối năm là mùa hội-đồng. Trong khoảng một tháng nay các hội-đồng hội-nghị ở các xứ Đông-Pháp đều lần-lượt nhau họp, trước thời Hội Tư-vấn Trung-kỳ, rồi đến Hội Tư-vấn Bắc-kỳ và Hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ. Sau cùng đến Hội-đồng Chính-phủ Đông-Pháp, trung-tuần tháng Novembre này sẽ họp ở Sài-gòn.

Kỳ Hội-đồng Tư-vấn Bắc-kỳ năm nay thấy có hoạt-động và khởi-sắc hơn mọi năm, có đó đủ biết rằng cái trình-độ của người Bắc

ý về đường chính-trị đã khá hơn trước. Năm nay Phủ Thống-sứ hỏi ý các ông nghị Bắc-kỳ về hai điều: một là bàn dịch-hạng thuế các điền-thổ, hai là bàn chỉnh-đốn cách bầu tổng-lý. Hội-nghị chia ra làm hai ban để bàn về hai việc đó; hai ban làm việc trong mấy ngày, xong làm tờ trình xin Chính-phủ cứ để nguyên như lệ cũ, vừa về khoản thuế điền-thổ, vừa về khoản bầu tổng-lý.

Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Cao-miên là đất bảo-hộ, có Tư-vấn Hội-nghị (*Chambres consultatives*); Nam-kỳ là thuộc-địa thời có Hội-đồng Quản-hạt (*Conseil colonial*), hội-đồng này khác hội Tư-vấn, vì Hội Tư-vấn chỉ có quyền tỏ ý-kiến cho Chính-phủ, mà Hội Quản-hạt thời có quyền quyết-nghị các việc, như quyết-nghị sổ dự-toán chi-thu. Nhưng Hội-đồng Quản-hạt chỉ có bốn nghị-viên An-nam đối với hơn mười nghị-viên Tây. — Kỳ Hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ năm nay, ngày khai-hội quan quyền Thống-đốc Nam-kỳ QUESNEL có đọc một bài diễn-thuyết tóm-tắt tình-hình Nam-kỳ về đường chính-trị, đường lý-tài, xin lược-dịch đại-khái như sau này.

Trước hết quan Thống-đốc nói rằng ngài là quyền chức thống-đốc, nên về đường chính-trị ngài cũng cứ theo như phương-châm của quan Thống-đốc chánh-chức LE GALLEN để lại và quan Toàn-quyền Đông-Pháp LONG chỉ cho. Xét đến tình-hình chính-trị thời ngài nói rằng trong khoảng mấy năm nay, tình-thế trong thiên-hạ thay đổi thật nhiều, rối-loạn cũng lắm, duy Đông-Pháp vẫn bình-tĩnh như thường. Đã bảy tám năm nay, không từng xảy ra một sự gì làm ngăn-trở đường mở-mang trong bản-xứ. Song, việc biến-cách trong thiên-hạ cũng có ảnh-hưởng ít nhiều đến nhân-tâm trong bản-xứ. Người dân có cái lòng muốn cho nước được tiến-hộ mau, yêu-cầu với Chánh-phủ giúp cho việc giáo-dục về đường tri-thức, xã-hội, chính-trị, và xin cho được tham-dự vào những quyền-chức công trong nước, tùy cái trình-độ mỗi ngày một cao, dân-trí mỗi ngày một tiến. Quan QUESNEL nói rằng lòng hi-vọng ấy, sự yêu-cầu ấy không phải là không phải lẽ, không phải là không chánh-đáng.

Đoạn, ngài nói đến các báo của người An-nam làm bằng chữ Pháp (hiện nay Nam-kỳ có hai tờ là tờ *Tribune indigène* và tờ *Echo annamite*). Những báo ấy mới lập được mấy năm nay, chủ-trương là những người thanh-niên tân-học có ý nhiệt-thành hăng-hái quá, cho nên trong sự yêu-cầu quyền-lợi phẩm-hình việc nước, không biết dùng những lời ôn-hòa mà hay nói những giọng quá-đáng. Song vẫn tỏ lòng trung-thành với Chánh-phủ, vả lại cái thái-độ nóng-nảy ấy là thái-độ riêng của một số ít người, không phải là thái-độ của toàn-thể dân bản-xứ vẫn đã rõ cái công-phu khai-hóa của Chính-phủ sự kết quả đã làm nên. Tuy vậy các báo ấy cũng là vì lòng thành-thực mà xin một điều cải-cách ngài cũng biết rằng sự cải-cách là nên, nhưng ngài khuyên nên tuần-tự mà cải-cách không nên nóng nảy mà vượt trình-độ. Ấy Chính-phủ hiểu cái nghĩa-vụ khai-hóa cho dân như thế.

Nói đến các khoản cải-cách, quan QUESNEL nói rằng những chế-độ hiện như bây giờ cũng có nhiều điều cần phải cải-cách, nhưng mà nên sửa đổi lần-lần, không thể nhất-đán đổi cả đi được. Trong những việc nên cải cách thời có việc tổ-chức lại Hội-đồng Quản-hạt, mở rộng quyền bầu-cử cho dân và tăng thêm số nghị-viên An-nam ở Hội-đồng cho thỏa dân-vọng và cho lời bàn của Hội-đồng có giá-trị hơn. Ngài lại nói về sự sửa-sang việc học trung-đẳng và cao-đẳng để luyện lấy một hạng thượng-lưu An-nam thật có tư-cách. Rồi nói đến sự mở-mang việc y-tế, và thứ nhất là sự chỉnh-đốn việc cảnh-sát, dân hiện đương mong-mỏi lắm, vì trộm cướp mấy năm nay tăng lên nhiều. Chính-phủ sẽ mua súng phát cho kỳ-dịch các làng để giúp cho việc cảnh-sát trong dân-thôn. Hiện nay đã bắt đầu phát ở một vài nơi, thấy có kết-quả tốt, v. v.

Về đường kinh-tế thời việc buôn-bán trong năm 1919 là năm tốt nhất, năm nay cũng vẫn được như thế, không sút mấy tí; tuy về cuối năm 1920 có một hồi khủng-hoảng, nhưng qua đi ngay. Như số xuất-cảng gạo trong sáu tháng đầu năm nay hơn sáu tháng đầu năm ngoái là 300.000 tấn; chắc số tổng-cộng cuối năm sẽ được bằng cái số những năm rất thịnh-vượng.

Các khoản công-nghệ thương-nghiệp khác như nghề trồng cao-su, cũng có nhân sự khủng-hoảng trong thương-trường thế-giới

bị đình-đốn ít nhiều, nhưng mà xem ra đã có cơ khởi-phục.

Về đường tài-chính thời sổ chi-thu Nam-kỳ cũng như sổ chi-thu Đông-Pháp và sổ chi-thu các xứ, đương qua một hồi khó-khăn, vì các khoản thu vào không được cân với các khoản chi ra. Trong các khoản chi nặng nhất là khoản tăng lương cho quan-lại Tây Nam. Ngay năm 1921 này, muốn cho chi thu cân nhau, bao nhiêu những khoản chi-tiêu không thiết-cận ngay cho bản-xứ đã phải đình-hoãn lại cả. Thế mà cũng phải tăng các thuế lên đến 3 triệu đồng bạc nữa, mới đủ chi tiêu. Một nửa số tăng ấy là lấy ở thuế môn-bài và thuế thân những người Á-đông ngụ-cư ở Nam-kỳ. Song vì có nhiều người kêu-ca về việc đó, Chính-phủ định san-bổ lại, đã làm dự-án trình để hội-đồng xét. Còn việc địch-hạng các điền-thổ thời có tăng hơn trước được 23 phần trăm (23.%), nghĩa là cả thảy 450.000 đồng. Sự tăng ấy cũng có nhiều người kêu-ca lắm, nhưng xét cho kỹ thời kỳ-thực chỉ tăng có 13%. thôi, vì các hội-đồng xét việc địch-hạng điền-thổ này, không những chỉ chuyên một việc địch-hạng mà thôi, lại cố tìm những ruộng di-lậu đem ra bắt đóng thuế, những một khoản ruộng lậu ấy đã đánh thêm được 120.000 đồng, thành ra số thuế tăng cả thảy chỉ có 330.000 đồng. Quan Thống-đốc nói rằng trong sự tăng-gia ấy chắc cũng có điều lầm-lẫn, nhưng Chính-phủ sẵn lòng xem xét ; ai kêu nài gì về việc ấy vẫn lấy sự công-bằng mà xét cho dân khỏi phàn-nàn. Ngài lại kể hết những các khoản khác đã giúp cho sung cái tổng-số tăng 3 triệu đồng như trên kia. Song kết-toán lại thời người dân cũng phải chịu thuế thêm lên đến 40%.

Ngài cũng biết rằng tăng thế là nhiều thật, nhưng không thể không tăng được. Cứ giữ như thế thời sổ dự-toán năm 1922 mới đủ kinh-phí các việc thường trong xứ Nam-kỳ. Sổ dự-toán ấy tổng-cộng là 12.721.325 đồng, hơn năm ngoái 1.000.000 đồng, vì giá bạc (tính 6 quan, không phải 8 quan như năm ngoái) và cũng vì tăng lương quan lại nữa. Cái chế-độ về thuế-má không thể thay-đổi nhiều nữa, mà tiền lương của quan-lại đã chiếm mất 4 phần 6 trong các khoản chi-tiêu. Song năm 1922 này rồi cũng sẽ khởi-hành mấy cái công-trình lớn, như khơi sông, đắp đường, xây nhà.

Việc khơi sông đã nghiên-cứu bốn năm nay, thật là khó-khăn lắm. Sổ chi-thu chung Đông-Pháp sẽ giúp vào các việc ấy một tổng-số là 1 200.000 đồng, cho đến ngày xong việc. Sổ chi-thu chung lại giúp cho Nam-kỳ mấy khoản như sau này nữa; về việc tuần-phòng cảnh-sát: 230. 000 đồng; về việc tổ-chức cửa Sài-gòn làm cửa bể buôn-bán : 200. 000 đồng ; về việc cảnh-sát trong hải-cảng : 130. 000 đồng ; về việc mở-mang nhà học-viện Pasteur : 58. 000 đồng ; về việc dựng nhà Kho-bạc mới: 200.000 đồng ; về việc học và việc y-tế : 200. 000 đồng. Quan Thống-đốc lại bảo trước cho hội-đồng biết rằng sang năm quan Toàn-quyền sẽ chuẩn-trích ở sổ chi-thu chung trợ-cấp cho Nam-kỳ một số 2.500. 000 đồng nữa để làm cho trọn các công-trình và các việc kiến-thiết lớn.

Quan Thống-đốc QUESNEL kết-luận bài diễn-thuyết nói rằng : « Vì ta hãng tạm không xét đến những nông-nỗi khó-khăn về trước và về nay, mà chỉ xét cái đại-thế về đường kinh-tế bản-xứ, xét rằng tài-chính tuy cũng có quẫn-bách, nhưng mà mỗi năm kết-toán vẫn thấy số thâu-nhập dư-dật được ít nhiều và kho dự-bị tuy không được rồi-rào, nhưng cũng đủ để phòng sự bất-kỳ, như thế thời cũng có thể trông mong rằng tương-lai này sẽ dần dần hưng-khởi và cũng có cơ trở nên thịnh-vượng vậy. »

**Mấy vị khách sang qua chơi Đông-Pháp.** — Trong tháng Octobre, Đông-Pháp ta được tiếp mấy vị khách sang. Trước nhất là quan giáo-sư TUFFIER có chân hội Y-học bác-sĩ (*Académie de médecine*) Đại-Pháp là một tay ngoại-khoa (*chirurgien*) có tiếng trong thế-giới, nhân đi khánh-thành nhà Y-viện ROCKEFELLER ở Bắc-kinh bên Tàu về rẽ qua đây, đã du-lịch các nơi ở Bắc-kỳ.

Kế đến quan Đại-sứ CLAUDEL, trước khi sang trọng-nhậm tòa Sứ Pháp ở kinh-đô Nhật, cũng rẽ qua Đông-Pháp du-lịch các nơi, đã qua xem Đế-Thiên Đế-Thích, các lăng-tẩm ở Huế, và vịnh Hà-long ở Bắc-kỳ. Quan Đại-sứ CLAUDEL là một nhà ngoại-giao có tiếng, lại vừa là một tay văn-sĩ có tài. Ngài có làm

nhiều thơ-văn tiểu-thuyết, biệt-lập ra một lối văn mới, các nhà phê-bình cho là lời-lẽ li-kỳ và tư-tưởng sâu-sắc lắm. Ngài sang thay mặt Đại-Pháp ở Nhật-bản thật là xứng-đáng, không những có thể giữ-gìn quyền-lợi cho Đại-Pháp, mà lại có thể truyền-bá văn-học Đại-Pháp ở nước Nhật nữa. Trước ngài đã từng làm lãnh-sự ở Tàu, nên tính tình tâm-lý người Á-đông ngài đã thuộc lắm trong sách ngài thường tả đến. Nhân đây bản-chí in bức ảnh ngài như sau này cho quốc-dân biết cái chân-dung một bậc ngoại-giao kiêm văn-học của qui-quốc

*Ảnh quan Đại-sứ Pháp ở Nhật-bản* CLAUDEL

Quan Sứ Pháp mới ở Bắc-kinh (Tàu) FLEURIAU trước khi phó-nhiệm cũng qua chơi Đông-Pháp đây để thương-thuyết với quan Toàn-quyền về việc Tàu. Hiện nay mới tới Hà-nội.

Lại đến cuối năm nay đầu sang năm thời quan Thống-chế JOFFRE là bậc đại-tướng đã có công to trong cuộc chiến-tranh vừa rồi, cũng sang du-lịch đây. Chánh-phủ Đông-Pháp đương sửa-soạn để nghênh-tiếp ngài một cách long-trọng.

## TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

**Tòa trị-sự Hội yết-kiến quan Thống-sứ Bắc-kỳ.** — Ngày thứ ba 25 Octobre, hồi ba giờ chiều, tòa trị-sự có mấy ông như sau: Hoàng Trọng-Phu, Trần Văn-Thông, Nguyễn Văn-Vĩnh Phạm Quỳnh, Lê Văn-Phúc, Phạm Duy-Tốn, vào yết-kiến quan Thống-sứ Bắc-kỳ MONGUILLOT ở phủ Thống-sứ. Từ ngày ngài sang trọng-nhậm Bắc-kỳ, Hội ta chưa có dịp đến tỏ bày công việc Hội cho ngài hay. Vậy bữa này đến nhân thể để chào ngài, trình ngài về việc Hội và mời ngài nhận chức danh-dự Hội-trưởng. Quan Thống-sứ tiếp ân-cần tử-tế lắm, và vui lòng nhận chức ấy, lại khen cái mục-đích Hội, nói rằng sẽ

thết sức giúp. Nhân trình ngài về ý Hội muốn thừa dịp khánh-thành nhà hội-quán sắp làm xong định nghênh-tiếp quan Thống-tướng JOFFRE sắp tới đây. ngài nói rằng phủ Thống-sứ hiện đương đặt hội-đồng để định chương-trình việc nghênh-tiếp quan Thống-tướng, Hội nên cử một hội-viên để sung vào hội-đồng ấy. Tòa trị-sự nói xin cử quan Thượng Trần Văn-Thông để dự vào hội-đồng. — Quan Thống-sứ tiếp chuyện trong nửa giờ đồng hồ, có ý ân-cần về việc Hội lắm. Các ông trị-sự có thay mặt Hội cám ơn quan Thống-sứ.

**Hội viên mới** — Các ông kê tên sau đây có giấy xin vào Hội đã đăng lên báo từ số 49-50, đến nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Novembre 1921.

A. *Vào chân chủ-trì* — Ông Cấn Văn-Oai (trong số 49 in lầm là Cầm văn-Mai). — Đào-Đình-Thụ — Nguyễn Văn-Mẫn — Nguyễn Hữu-Tùng — Bàng Nguyên-Phung — Lê Văn-Đính — Nguyễn-Kỳ — Nguyễn Đình-Năng — Nguyễn Văn-Chiêu — Lê Văn-Huân — Tạ Đình-Linh — Nguyễn Công-Chuyên — Nguyễn Hữu-Hàm — Trần Văn-Di — Vũ Huy-Trực — Nguyễn Tạo-Vĩ — Vũ Văn-Trí — Nguyễn Ngọc-Giác — Nguyễn Ngọc-Quỳnh — Đặng-Đình-Huy — Nguyễn Kim-Lâm — Nguyễn Văn-Tại — Nguyễn Khắc-Cần — Chu Trí-Chấn — Sư cụ Ngô Tâm Hình.

B. *Vào thường hội-viên*. — Ông Ngô Đình Thái.

**Giấy xin vào Hội** — Trong tháng Octobre có những đơn xin vào Hội như sau này hạn hai tháng có ai dị-nghị xin viết giấy về cho Hội biết.

*Xin vào chân chủ-trì.*

1. — Ông Nguyễn Trọng-Khôi, trước tá huyện Tiên-lữ, Hưng-yên.

2. — Phạm Duy-Đống, hội-viên hào-mục quán xã Bạch-sam, phủ Mĩhào, Hưng-yên.

3. — Vũ Gia-Tường, Hàn-lâm-viện thị giảng, thông-phán tòa Sứ Hưng-yên.

4. — Nguyễn Khắc-Khoan, hội-viên công tỉnh quán xã Liêu-xá, huyện Yên-mĩ, Hưng-yên.

5. — Trần Văn-Phùng, nhị-trưởng, quán xã Sài-trang, huyện Yên-mĩ, Hưng-yên.

6. — Hoàng Cao-Cống, tham-tá sở Lục-lộ Hưngyên.

7. — Nguyễn Kim-Kinh, có bằng *Brevet Elémentaire*, quán xã Cao-cương, huyện Tiên-lữ, Hưng-yên.

*(Bảy ông trên này đều do quan Tuần Hưng-yên Nguyễn Năng-Quốc giới-thiệu.)*

8. — Đỗ Như-Phụ, làm ruộng, ở xã Thượng-đáp, tổng Vạn-tải, phủ Nam-sách, Hải-dương do ông Hội-viên Nguyễn Trọng-Thuật giới-thiệu.)

Ông Nguyễn Trọng-Thuật ở thôn Vạn-niên xã Mạn-nhuế tổng Trác-châu, phủ Nam-sách-Hải-dương, *trước là thường-hội-viên nay xin đổi sang chân chủ-trì.*

# Bút-mặc dư-ngân

# 筆墨餘痕

## Luận bà Trưng bà Triệu.

Danh-dự anh-hùng ở đâu ? ở sử sách ; sự-nghiệp anh-hùng ở đâu ? ở non sông ; sắc-tướng anh-hùng ở đâu ? ở loài giống ; xa hoặc một vài nghìn năm, gần hoặc đôi ba trăm năm, đương thủa trời nghiêng đất lệch, mới có một hai người anh-hùng ra, mà bút đỏ chép để bia xanh, lòng son ra người má phấn, nữ anh-hùng lại càng là hiếm có.

Nước ta như bà Trưng-Trắc, chẳng phải là một người anh-hùng dư? Mở cờ châu Phong, ai chẳng biết là báo-thù nghĩa-cử, mà ai biết đâu thù chồng là thù riêng mà thù nước là thù chung; báo thù là nghĩa nhỏ, mà báo nước mới là nghĩa lớn. Đương lúc Hán sang đô-hộ, nước mình là nước vô-chủ, nếu không phải lấy ái-quốc làm chủ-nghĩa, sao hay thu được hào-kiệt, đuổi được Tô-Định, cướp được sáu mươi-lăm thành; đến sau này, đánh với Phục-Ba ở hồ Lãng-Bạc, dẫn mình là nòi Lạc-tướng thật, có tài chi lấy quân ô-hợp mà giữ được sơn-hà? Lại như bà Triệu-Ẩu có tướng lạ, náu mình trong núi không lấy chồng, chí đi khác thường ; giận vì Ngô nó tàn-hại đồng-bào, cho nên phải ra tay dẹp loạn, áo kim-yết đầu voi đủng-đỉnh, mắt có coi Lục-Dận vào đâu ; chẳng may một trận sa cơ, không làm vua-Việt-hải, cũng làm thần Lệ-hải.

Hai bà ấy anh-hùng như thế, vì góp vào chuyện nữ-kiệt thế-giới có thua gì? Hoặc có kẻ bảo rằng : « Người khuê-các mà liều mình chiến-trận là nhục thân; đem cân-quắc mà hồ kẻ tu-mi là nhục nước, sao được là anh-hùng ? » Ai ôi! mở sử mà xem, nước ta từ Triệu-thị thuộc về Hán, đến bà Trưng đã bao nhiêu năm ; từ bà Trưng sau thuộc về Ngô, đến bà Triệu lại bao nhiêu năm ; trong ba bốn mươi năm, nếu không có một đôi người dương voi cựa vẫy, vùng vẫy trong nước Nam, Lạc-Long còn gì là con cháu, là nòi giống ? Khuê-các mà lấy cương-trường làm tử-sở, thân như thế là thân vinh

Vả lại, từ khi có hai ngọn cờ độc-lập ấy ra đầu, rồi mới có ông Lý Nam-Đế, ông Triệu Việt-Vương, ông Mai Hắc-Đế, ông Khúc Thừa-Dụ thấy tên trong lịch-sử ; thế thì hồ mày râu cho nhân thế, tức là mở mặt mắt cho giang sơn....

KHÁI-SINH *sao lục*